VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

sex và triều đại
tạ chí đại trường
bút pháp
hồ sĩ khuê
trần doãn nho, từ chỗ chênh vênh
triều hoa đại
nhật ký huế (di cảo)
trịnh công sơn

tin văn
thế quân

văn
song thao ● hoài mỹ ● tràm cà mau
y chi ● bernard malamud
lê hữu ● hoàng chính

thơ
triều hoa đại ● sử mặc ● xuyên trà ● sương mai
dinh trường chinh ● vạn giả ● nguyễn việt thường

192
THÁNG 4 2002

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về Văn Học
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: nhanvan.com/vanhoc.htm
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 192 ● tháng 4, 2002

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	3	sex và triều đại
TRIỀU HOA ĐẠI	23	*phố xưa*
HỒ SĨ KHUÊ	24	bút pháp
SỬ MẠC	38	*ngăn ngẩn*
TẠ QUỐC TUẤN	39	trịnh thanh văn, nhà văn hương thổ được trao giải quốc tế
XUYÊN TRÀ	47	*lời cuối cho người*
ĐINH TRƯỜNG CHINH	48	*tịnh hương*
TRỊNH CÔNG SƠN	49	nhật ký huế (di cảo)
TRIỀU HOA ĐẠI	51	trần doãn nho, từ chỗ chênh vênh
SONG THAO	63	cuộc rượu ngày đi
VẠN GIÀ	72	*một ngày tháng tư*
HOÀI MỸ	73	thiếu phụ điên
NGUYỄN VIỆT THƯỜNG	89	*từ dòng thơ bảy chữ*
TRÀM CÀ MAU	90	vợ hiền
SƯƠNG MAI	101	*hai đoản khúc: tìm, mộng*
Y CHI	102	về
BERNARD MALAMUD VÕ ĐÌNH dịch	107	người mẫu
LÊ HỮU	113	đôi ngày lãng quên
HOÀNG CHÍNH	132	tình khúc (truyện đăng nhiều kỳ)
THẾ QUÂN	145	tin văn
VĂN HỌC	159	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2002
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2002

Thư Tòa soạn
Văn Học

Trước hết, chúng tôi xin nhắc lại thay đổi địa chỉ trang nhà của Văn Học. Từ đầu năm 2002, website của Văn Học đã chuyển từ server saigonline.com sang địa chỉ mới:

www.nhanvan.com/vanhoc.htm

Cũng trong thời gian gần đây, vài bạn đọc và văn hữu cho biết thư email gửi về địa chỉ vanhoc@saigonline.com bị trả về. Chúng tôi đã liên lạc với saigonline.com, được biết đó là thời gian server này gặp những trục trạc về kỹ thuật. Nay những trục trặc ấy đã được sửa chữa, và việc thu nhận cũng như phát đi email của thân chủ trở lại bình thường.

Xin quí bạn liên lạc với Tòa soạn bằng địa chỉ email như cũ. Trong trường hợp gặp trục trặc, có thể gửi về địa chỉ email

nmg@vinet.com

của anh chủ bút Nguyễn Mộng Giác.

Tháng Năm sắp tới, Văn Học bước vào năm thứ mười tám.

Gần 200 số báo trong thời gian mười bảy năm, từ đây nhìn lại, lòng những bạn văn từng góp công xây dựng và duy trì tờ Văn Học không khỏi nao nao cảm động; nhớ tới những bước thăng trầm của tờ báo, nhớ tới từng đợt những người cầm bút tới với Văn Học rồi ra đi, song song với từng thế hệ độc giả tiếp nối ủng hộ Văn Học trong gần hai thập niên đầy biến động. Rõ ràng Văn Học đã "chuyển mình" theo vận nước, vận người, và trong từng giai đoạn, đã phản ảnh được phầnnào tâm tình của người viết lẫn người đọc. Chúng tôi xem đó là thành quả khiêm tốn của mười bảy năm qua, không dám nghĩ tới những điều lớn lao.

Nếu nhân dịp kỷ niệm "bước vào năm 18" Tòa soạn nhận được nhiều bài vở đóng góp, chúng tôi sẽ thực hiện một số báo kỷ niệm công phu về chủ đề này.

Văn Học

SỬ VIỆT ĐỌC MỘT QUYỂN (III)

Sex và Triều đại

Tạ Chí Đại Trường

Sớm mai lên núi hái chè,
Gặp thằng phải gió nó đè em ra.
Em van nó cũng chẳng tha...
(Ca dao)
Mông một tháng giêng (1501), vua về Tây Kinh, cấm các quan không được sai quân cờ chở vợ con, *đĩ* đi theo, bừa bãi tình dục...
(*Toàn thư*, XIV, 23b)

Sex, hiểu như là giới tính liên hệ với dục tính không thường thấy trong sách sử. Vẫn có thể thấy đàn ông làm vua, đàn bà làm hoàng hậu, thứ phi - với vài bà ngang ngược nhảy lên ghế rồng trị nước khiến đàn ông tức tối gán cho các bà đủ thứ tên xấu xa. Giới tính ghi ở đây là điều không thể tránh né, nhưng được sử quan hiểu ràng không cần bàn đến vì lẽ dương nhiên của sự phân biệt phái tính. Rồi lại vẫn có đấy, các quan thị ẩn khuất cúc cung phục vụ nội cung hay ra mặt lấn át triều đường, cả đến tung hoành giữa chốn ba quân, nhưng cũng phải nói đến vì đây là một tổ chức xã hội, tuy là riêng cho một tầng cấp ở đỉnh cao. Vẫn có đấy các đoạn văn phẩm bình những ông vua mê đắm tửu sắc, dâm loạn... Tuy nhiên các lời cao ngạo này của sử thần lại chỉ nhắm mục đích biện minh cho một lí thuyết sử học thiên về đạo lí chính trị được dạy dỗ từ các bậc thầy Khổng nho, càng xa cõi gốc càng nghiêng về một tinh thần nghiêm túc thanh giáo, xa rời đến mực khinh ghét một sinh hoạt cơ bản nhất của con người vốn là đầu mối của sự tồn tại, phát triển, điều mà những người đại diện Thánh giáo này vẫn thực hiện thường xuyên, và dân chúng dưới quyền họ lại đưa lên thành tôn giáo, hay ít ra là một tín ngưỡng sâu đậm trong tâm

hồn với những bằng cớ vật chất không thể chối cãi.

Sex và các cấp bậc nho thần

Muốn tìm tính chất giới tính trần trụi, hay có liên hệ với dục tính trong sử Việt phải đi ngược dòng thời gian của tài liệu còn giữ lại qua bao sửa đổi của người sau. Điều này thì không phải chỉ là chuyện của Việt Nam - Đại Việt. Bởi vì không có Việt Nho mà chỉ có nho-Việt học của người Trung Quốc, của Khổng Nho. (Cho dù muốn theo ông Kim Định như cả trong, ngoài nước hiện nay người ta cũng đang bắt chước để che giấu một niềm tự ti vạn kiếp, thì "Việt nho" của thời Viêm Đế gì đó cũng không phải là của tập hợp người chỉ còn một tên giữ lại được trong lịch sử cổ đại là Lạc Việt, có ông vua gốc "Man Lão" họ Đinh làm việc "đại nhất thống" - chữ của Phạm Công Trứ 1665, có các vua gốc Trung Quốc họ Lí, Trần, Hồ, gốc Mường họ Lê, Nguyễn - không kể ông Quang Trung Nguyễn Huệ hình như cũng có máu Thượng Tây nguyên trong người.) Nho Giáo qua các lí thuyết gia triều Tống mang tính cách thanh giáo gay gắt, khai triển từ cơ sở nghi lễ thích dụng cho quân quyền, được tuyên dương trong các triều Minh Thanh. Nó có một thời gian dài đủ để tác động sâu xa trên các nho thần Việt Nam và đi vào sử sách.

Tuy nhiên Trung Quốc không phải chỉ có Nho Giáo nên cổ sử của họ thời Tam Hoàng Ngũ Đế còn có chuyện rồng giao phối rải tinh khí trước sân chầu, văn khắc đời Hán còn có hình bà Nữ Oa và ông Phục Hi quấn đuôi vào nhau, Đạo gia như Cát Hồng, một thời làm huyện lệnh Câu Lậu ở Giao Chỉ, chỉ rõ phương cách thi hành tính dục để thành tiên thánh... Nho Giáo lại cũng không phải là Tống Nho cho nên ông Khổng Tử ngay cả khi bàn về đạo trị nước cũng không phải chỉ nói chuyện tôn ti, cương thường mông lung. Mà rất cụ thể. Bị vạ vì nàng Nam Tử, ông cũng biết than "Ta chưa thấy ai hiếu chính như hiếu sắc", nhưng trong đạo Tề gia ở trước giai đoạn Trị quốc, Bình thiên hạ, ông có dạn cách xử trí cho người đàn ông đa thê của thời đại ông: "Người thiếp dù có già, nếu chưa tới 50 tuổi thì cũng nên gần gũi 5 đêm một lần." (*Lễ kí*, dẫn theo Reay Tannahill, *Sex in History*, New York 1982, trang 184. Bản dịch của Nguyễn Tôn Nhan: *Kinh Lễ*, Nxb. Văn học 1998 không có câu này, có lẽ vì dịch giả đã lược bỏ nguyên bản rất nhiều.) Đó không phải là chuyện riêng tư trong phòng kín, bởi vì nếu không giữ yên gia đạo, nếu có xảy ra xào xáo thì hàng xóm biết chuyện, mất mặt, làm sao thi hành việc công, làm sao lấy được lòng tin cậy của vua chúa?

Nho gia Việt không biết được chuyện đó. Họ được huấn luyện theo

một thiên hướng khác nên không thể tin rằng có ý thức tính dục trong câu nói của bậc Vạn thế Sư biểu. Chỉ trong tinh thần phe phía họ mới sáng suốt lên khi công kích đạo Phật: "Khuyến thiện trừng dâm, con ai đẻ tháng Tư mồng Tắm?" Còn thì họ vẫn nghe đến câu "Thư trung hữu nữ nhan như ngọc" nhưng cứ coi như một lời khuyến khích học vấn thanh cao mà không thấy hàm ý sử dụng hình ảnh sex của người xưa, lúc chưa bị những lời giáo huấn về "lễ" che lấp. Cũng như khi họ kính cẩn quỳ lạy Hoàng Đế, lết tới ôm gối theo kiểu "bảo tất" học được của vua Thanh, cũng có thể tưởng tượng những gì thầm kín trong cung thất nhưng cứ xưng tụng bậc Con (của ông, bà) Trời (đẻ ra) theo kiểu "nói dậy mà không phải dậy." Chỉ có ông vua mới chỉ ra sự thật không ai dám nói đó, và có lọt ra ngoài, có lưu truyền lại hậu thế thì không phải qua tai, qua miệng của người trong nước, người ở trong nước. Giá như dừng có ông Tây Chaigneau giúp việc cho Nguyễn Ánh, giá ông con lai tên Đức không đi tản qua Pháp viết hồi kí thì hậu thế không biết Gia Long đã dạy cho cậu bé bài học sinh lí đầu đời như thế nào. Và để người Việt ngày nay hãnh diện đã có ông vua, trước cả người nước Mĩ, biết sự giáo dục sinh lí cho trẻ con quan trọng là dường nào: Nó có cơ làm đảo lộn cả một ý thức hệ!

Như đã biết, quyển *Toàn thư* là do tập họp sử quan nhiều đời viết nên. Phần của sử quan thời Lê Trung hưng khô khốc, buộc Lê Quý Đôn phải chê bai. Thời Lê sơ có ông vua ngày nay được coi là "nhà chính trị tài năng, nhà văn hoá lỗi lạc, nhà thơ lớn" (tiểu mục trong quyển sách kỉ niệm 500 mất của Lê Thánh Tông, xuất bản năm 1998), trừ một lời đâm-ngang của ông Trần Quốc Vượng, nhưng ngày xưa ông sử quan Vũ Quỳnh chỉ có thể nói mơ hồ về căn bệnh "xã hội" của ông hoàng đế, một phần chắc vì e sợ lời nói không thanh tao, phần khác vì vấp phải khả năng kiến thức y tế của thời đại. Trước ông một thế hệ, sử quan Ngô Sĩ Liên, dưới quyền của ông vua luôn luôn đề cao thánh giáo, đã dọn lại sách sử cũ, quyết định "lễ nhạc... chẳng có điều gì sai mà không sửa đổi" (Biểu dâng sách), cho nên đã xoá bỏ nhiều ghi chép của người trước tuy không thể nào tước sạch, chỉ vì người trong quá khứ đã không sống như thời ông, đi theo một lí tưởng chẳng bao giờ đạt được của tầng lớp ông. Sự cách biệt đó thấy rất rõ khi so sánh *Toàn thư* với *Đại Việt sử lược*, quyển sách tuy cũng của nho thần nhưng là người của thời đại về trước, lúc họ vẫn chỉ là gia thần giữa một đất nước có sinh hoạt không gì mâu thuẫn hơn nền chính giáo họ theo đuổi, nên chỉ đành bấm bụng than van (Lê Quát).

Chẳng ở đâu trong *Toàn thư* thấy được đoạn văn này:

"(Năm Ất tị, 1185) Kiến Ninh Vương là Long Ích đốc suất quan lính hơn 12 000 người đi đánh bọn Sơn Lão ở sách Linh để báo thù trận La Ao.

Quân kéo đến đóng ở thôn Đỗ Gia, Long Ích bắt giữ hết cả (người ở đó). Bọn Đinh Võ kêu than một cách thảm thiết. Người đi theo là Nguyễn Đa Cẩm thấy bọn Đinh Võ bị bắt làm tù, khoái chí bèn la mắng nhục mạ và đái vào miệng bọn Đinh Võ. Giống rợ Lão có tính hung hãn bèn cắn âm hành của Đa Cẩm. Đa Cẩm dùng tay đánh, Đinh Võ sẹo mất cả mồm. Đa Cẩm cũng ngã xuống đất gần chết. Do đó Long Ích mới sai các quan chức làm con cá gỗ khớp mồm bọn Đinh Võ, xong, dùng gậy đánh chết rồi đem phơi khô thịt của bọn ấy". (Chép gần nguyên văn trong bản *Đại Việt sử lược* do Nguyễn Gia Tường dịch, TP. Hồ Chí Minh 1993, tr. 226.)

Hình như đây là đoạn văn độc nhất trong sử cũ có nhắc đến bộ phận sex mà Ngô Sĩ Liên đã lược bỏ có lẽ vì "thô vụng" như ông đã cho biết khi biên tập sách xưa. Đoạn văn phát biểu bằng chữ Hán nên ta không biết người xưa gọi *những cái đó* là gì - có lẽ cũng gần gần như người nay với chút âm ngữ tất phải thay đổi theo thời gian. Tuy nhiên với một chút còn sót lại đó, ta cũng có dịp để nghĩ rằng nếu *Đại Việt sử kí* của Lê Văn Hưu hay các Thực lục của Đinh, Lê còn nguyên vẹn chắc sẽ cung cấp cho ta những cung cách xử trí tuy thô lỗ nhưng rất sát thật với đời sống hàng ngày của người xưa như thế.

Giống đực và giống cái trên triều đình

Trên tột đỉnh quyền bính của nước Việt chỉ có một người đàn bà được sử ta cho là đã xưng "vương": Trưng Trắc. "Vua nước/dân Việt" đó (*Việt điện u linh tập*, 1329) lại chỉ được vua Trần phong là "Phu nhân" chỉ vì các ông không công nhận có vua đàn bà. Trước Trần có một cô bé làm kẻ lót đường cho dòng họ nhưng cũng bị né tránh chữ "vương". Chúng ta người đời nay vẫn không thể tranh luận được gì nhiều hơn. Chúng tôi từng nhắc đến các dấu vết rất nhiều trong thời có sử về vai trò nổi bật của người phụ nữ Việt nắm giữ giềng mối truyền thống. Tuy nhiên lại cũng biết rằng việc cầm quyền thật sự là của người đàn ông thuộc dòng nữ chứ không phải là đàn bà. Có lẽ, theo với thời gian, tổ chức xã hội phức tạp hơn, nhất là trải qua ngàn năm thuộc trị, người chủ tể mang vương hiệu của hệ thống quân quyền Bắc phương không thể là đàn bà tuy sự ghìm giữ của thói tục địa phương vẫn còn giữ lại cho họ một địa vị cao trong xã hội mà với thời gian cũng phải thu hẹp dần.

Từ uy lực truyền thống chuyển qua sức mạnh của giới tính

Chính vì nhận ra sự níu kéo của truyền thống nói trên mà chúng ta không lấy làm lạ như các sử quan nho thần về việc các ông vua Đinh, Lê và vài ông vua Lí đã lập nhiều hoàng hậu. *"Hoàng hậu" chỉ là một cách*

gọi thuận tiện cho sử quan khi phải nói về vợ các ông vua. Đúng, đó chỉ là vợ các ông Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn, Lí Công Uẩn..., giản dị có thế mà thôi. Tuy nhiên vẫn có điều nổi thêm về các bà vợ này với vai trò khuất lấp nhưng không che giấu hết sự thật lịch sử bên dưới các danh hiệu vương giả vay mượn của họ.

Ta chú ý đến một số hoàng hậu có chữ "quốc" kèm theo: Kiểu Quốc, Cồ Quốc của Đinh Tiên Hoàng, Trịnh Quốc của Lê Đại Hành, Tá Quốc của Lí Thái Tổ. Hẳn không phải các bà đó vốn có tên cùng âm, mang ý nghĩa xa lạ khác nhau nhưng do sự diễn dịch của sử quan, đã tạo ra sự đồng âm bắt buộc. Sau ngàn năm Bắc thuộc, người thủ lãnh đã xưng vương thì các bà vợ phải được gọi với tên trang trọng của tầng lớp thượng lưu Trung Quốc. Trừ bà Ca Ông còn có dáng Di Lão gốc như của Đinh, tên các bà khác đều nghe rất kêu: Đan Gia, Trinh Minh, Đại Thắng/Thánh Minh (Dương Hậu), Phụng Cần Chí Lí, Thuận Thánh Minh Đạo. Vậy thì chữ Quốc trên chỉ có nghĩa là "nước", các bà trên là đại diện của một "nước". Các ông vua có tôn hiệu chữ Hán dài dằng dặc, các bà vợ có tên sang cả, hẳn là do các quan học chữ Hán/nho (hay chính người Hán như trường hợp Hồng Hiến của Lê Hoàn) đặt ra. Họ đã từng ghi chép sử kiện của triều đại dựa theo các biến động tương tự ở phương Bắc: Cuộc tranh chấp giữa Ngô Xương Văn và Đinh Bộ Lĩnh với trung gian Đinh Liễn có dáng như chuyện giữa Hạng Vũ và Lưu Bang, chuyện Lê Hoàn cướp ngôi Đinh chỉ là kết quả dương nhiên của thời đại, từ người nắm quân binh, vậy mà được diễn tả như cuộc binh biến Trần Kiều của Triệu Khuông Dẫn lấy ngôi nhà Hậu Chu. Ý thức bắt chước cho được ngang tầm với người cai trị cũ khiến cho cái cổng ngoài của kinh đô Hoa Lư mang tên một biên ải của Trung Quốc, cửa Đồng Quan, nơi đó thay vì có quan quân bị lưu dày canh chừng sa mạc, lại có người đầy tớ (hoành) tước Phúc hầu tên Đỗ Thích, ngủ giữa trời nằm thấy sao rơi vào miệng, nhân dịp trở về nhà chính, liền làm việc thí nghịch tưởng là để hoàn thành thiên mệnh đã trao. Những cuộc phân tranh sau khi thành phần đế quốc Đường ở phương Nam sụp đổ cũng tạo nên những lãnh chúa địa phương mà hình tượng Thập nhị sứ quân không phải chỉ có 12 người, đã cho ta thấy tính chất manh mún của nó. Ngô Quyền xưng vương trên phần đất đô hộ cũ, phải coi đó là nước, nước Đô Hộ. Nhà Đinh có tên nước được ghi lại là Đại Cồ Việt nhưng còn lưu dấu tên của triều trước khi phong cho ông lãnh chúa Lê Lương ở một vùng Ái Châu mà quyền hành ông hoàng đế không với tới, là "Ái Châu, Cửu Chân *Đô quốc* dịch sứ", nghĩa giản dị là "ông quan phụng mệnh coi đất Ái Châu, Cửu Chân của nước Đô (hộ)". Thật ra đây là ông vua nhỏ, cũng như vô số vua nhỏ khác chiếm quyền trên thân xác

tan rã của cựu phủ Đô hộ. Tính chất liên minh khu vực của thời kì hậu thuộc địa thấy rõ với trường hợp Dương Đình/Diên Nghệ và Kiều Công Tiện, Ngô Quyền, với Trần Lãm và Đinh Bộ Lĩnh, và các liên hệ hôn nhân mà Đinh Tiên Hoàng dùng với Ngô Nhật Khánh, với em Trần Lãm. Ta biết được nhà Lí áp dụng liên hệ hôn nhân để lấy vây cánh là nhờ tài liệu ghi lại đôi dào hơn nhưng điều đó không phải đã không từng xảy ra về trước. Các bà được coi là hoàng hậu ngang nhau có nguyên nhân hẳn là từ những thế gia ngang ngửa quyền hành trong vùng, những tập hợp địa vực hoặc cũng tự xưng là "quốc", hoặc được nâng cấp là "nước" để ngang tầm với phía thông gia. Và sử quan thời đại cũng lại có một mẫu hình phương Bắc để chính danh cho sử sự: lịch sử Xuân Thu Chiến Quốc với các "nước" tranh giành nhau trên quyền bính tột đỉnh mà không mất sự gián đoạn giao tiếp bên dưới, ở đây là của thời cựu thuộc địa.

Quan niệm về sự đối kháng tập đoàn trong tính cách chiến tranh khu vực ít nhiều gì cũng cho thấy rơi rớt hình thức xung đột bộ lạc, trong đó tù binh nữ được coi như là chiến lợi phẩm, thể hiện nơi việc Lê Hoàn sử dụng các người vợ lớn nhỏ, các người hầu cận, ca kĩ của chúa Chàm sau trận chiến 982. Và cũng chính trong tâm thức thời đại đó mà các bà vợ "Di" có quyền "tay hòm chìa khoá" một khu vực như đưới đời Lí tiếp theo ngay sau đó, còn những đứa trẻ sinh ra, vốn thường bị ruồng bỏ vào thời gian sau, lúc này lại được công nhận chính thức, đương nhiên hưởng quyền lợi như các anh em khác mẹ khác để rồi theo khả năng riêng, cướp được chính quyền, nối nghiệp cha dù với sinh hoạt khác lạ đã khiến cho sử quan đẩy vào địa vị tội nhân của lịch sử: Đó là trường hợp Lê Ngoạ Triều ta đã bàn tới.

Sự sử dụng nữ tù binh của phe chiến thắng đương nhiên là có tính chất ép buộc nhưng cũng có thể thấy là điều bình thường. Trường hợp gặp phản kháng như Mị Ê là đặc biệt. Lí Thái Tông là "the right man in the wrong place". Ông hấp tấp không lường được tâm cảm của kẻ thấy cảnh nước mất nhà tan còn sờ sờ trước mắt, và còn có sông nước thuận tiện bên cạnh tù binh, chứ nếu ông từ từ đưa về Thăng Long, an trí ở cung Ngân Hán xây xong thì Mị Ê hẳn cũng như Bà chúa Lẫm, Bà chúa Dệt Lĩnh nào đó được chia phần ruộng của ông hoàng đế điền chủ, sẽ thu lúa ruộng, trông coi quan nô tì trồng dâu nuôi tằm, an hưởng phúc mới, không cần phải tạo ra một cái chết bất đắc kì tử làm hoảng sợ ông vua của một thời lẫn lộn thần người, phải xây miếu đền để cầu xin tha thứ. Các nho thần về sau cũng chỉ là làm việc phụ hoạ, tán tụng người chết theo quan điểm của mình học được, vừa tỏ lộ được sự thông thái vừa để vớt vát uy tín của đấng quân vương vốn chưa từng sống như mình tưởng.

Sinh hoạt riêng tư ở cung đình tuy không bày tỏ nhưng ta thấy được sự biểu lộ tính dục trong các tên cung điện. Bỏ qua các tên sang cả thì ta thấy "cung" chỉ là "phòng", "điện" chỉ là "nhà" để hiểu những diễn biến bên trong mà không ngạc nhiên. Lê có các điện Phong Lưu, Tử Hoa, Bồng Lai, Cực Lạc, và chỗ nằm ngủ được gọi là Trường Xuân. Các danh xưng cùng ý nghĩ đó khiến ta ngờ rằng người đặt tên lầu Đại Vân mà Lê Hoàn khoe với Tống Cảo, hẳn có chủ ý liên hệ với chuyện "mây mưa". Lí Thái Tổ cho mở cửa Phi Long thông với cung Nghênh Xuân, có nghĩa là con rồng cao cấp sẽ đi qua cửa ấy để hưởng thú vui chăn gối, cũng như tất phải nằm chung với cung nữ nên một chỗ ở của những người này có tên là Long Thuỵ (nên sửa chữ "thuỵ" của bản chính thành: Con-Rồng-*mỏi-mệt-thiếp-đi*), cùng tên với điện Long Thuỵ được giảng rành rẽ: "làm chỗ cho vua ngủ nghỉ", cái cung được xây cùng với cung Thuý Hoa cho cùng mục đích mà khi nơi này xong thì có việc khánh thành trang trọng, đại xá, ban thưởng, trong khi sử quan không hề nói đến cuộc khánh thành nào khác. Lí Nhân Tông thì có cung Hợp Hoan (1089) mà sử quan không cần phải giải thích công dụng của nó, còn chúng ta thì có thể hiểu ngay.

Vì Lí có chút đổi khác. Là dân lưu vong, Lí không có cơ sở bản thổ ở Hoa Lư nên phải dựa vào binh lực và hệ thống tôn giáo có sẵn mà phá vỡ truyền thống. Vẫn còn các bà vợ mang chức "hoàng hậu" nhưng chen vào là một phân biệt cấp bực, cho bà vợ mang tên Lập Giáo đứng trên hết với quy chế xe kiệu và y phục khác hẳn những người kia. Sự dời đô về gần gũi trú quán quê nhà, với thủ phủ Đại La cũ có thói tục sinh hoạt thuộc địa hẳn là quen thuộc hơn so với thời ở hang động Hoa Lư , đã đem lại tự tín cho triều mới hơn, nên lại có sự đổi thay. Lí Công Uẩn có ba bà hoàng hậu mới mà ý nghĩa loại bỏ những người cũ nằm trong ghi chép "lại lập ba hoàng hậu" và tên mới đầu bảng của hoàng hậu Tá Quốc. Nước bây giờ chỉ có một, và vị thế tôn giáo phù trợ phải theo bà Lập Giáo tụt xuống sau cùng. *Từ đây, ảnh hưởng vào triều chính của người phụ nữ Đại Việt không dựa vào truyền thống cũ nữa mà đi theo quy trình chung nhất của nhân loại các thời trung cổ, là sử dụng âm mưu của giống cái chen chúc trong một cung đình phức tạp, nhiều thứ bực nhưng cũng dễ đảo lộn.*

Điều đó thấy ngay trong đời thứ hai của nhà Lí. Lí Thái Tông vẫn lập 7 hoàng hậu nhưng có một hệ thống cung đình (1041) hợp với tình hình mới trong đó có thêm nhiều vợ nhỏ khác chủng loại (như người họ Đào ở Chân Đăng tây bắc 1033), và hẳn ông không chừa các nữ tù binh Chàm tập họp vào cung Ngân Hán 1046 - cái tên có ý nghĩa của một sự xa cách đường đất mà nay lại được tiếp cận chung chạ. Cho nên vị trí "hoàng hậu" thấy là bình thường trong quá khứ nay có thêm dấu vết của sự thiên lệch

ưu ái. *Toàn thư* không nói gì hơn, chuyện năm 1035 "lập người thiếp yêu (không rõ tên) làm Thiên Cảm Hoàng hậu, phong Hoàng tử Nhật Trung làm Phụng Càn Vương". Tuy nhiên chúng ta lại thấy rằng tôn hiệu của bà được dùng làm một phần niên hiệu của vua sau trận thắng Chiêm Thành (Thiên Cảm Thánh Vũ) và cổ tiền gia ngày nay còn giữ được các đồng tiền có chữ "thiên cảm", "(phụng) càn vương". Phụng Càn Vương chỉ đứng sau Thái tử Nhật Tôn (Thánh Tông sau này) và từng cầm quân đánh giặc (1043), giữ kinh thành khi cả vua và thái tử cùng xuất chinh (1037). Rồi ông mất tăm dạng, gây thắc mắc hữu lí cho người sau, vì nếu ông chết bình thường thì ắt cũng phải được ghi chép cẩn thận như những người ít có tầm quan trọng hơn ông nhiều. Chỉ biết Công chúa Ngọc Kiều (1042-1113), con ông, còn được sử ghi lại là làm con nuôi Thánh Tông, được Thần Tông phong là Ni sư.

Hệ thống cung đình có thứ bực của Lí đã thành hình, tuy còn chông chênh nên khiến phát sinh nhiều mâu thuẫn trong việc thế tập, thể hiện bằng những cuộc âm mưu hoặc phản kháng vũ lực. Thân Lợi làm loạn trong hai năm 1140-41, được sử quan cho là "tự xưng" con của người thiếp không được Nhân Tông thừa nhận nhưng có thể là đúng như đã cáo với nhà Tống, và nếu ta xét theo khả năng tập họp binh lực được nhiều người theo của ông. Trái lại, Thiên Lộc con người thiếp yêu của Thần Tông lại suýt được lên ngôi nếu không có cùng một lúc cả ba bà phu nhân tranh đấu theo kiểu vừa hối lộ, vừa làm áp lực tình cảm với ông vua chỉ còn chút hơi tàn, để đổi đi chiếu.

Cái đà của áp lực phái tính đó trong cung cấm khiến cho uy lực dòng nữ ngày xưa đang lây lất trong triều Lí, lại có dịp tồn tại trong sự kèn cựa chiếm đoạt quyền hành. Việc cậu bé 3 tuổi Thiên Tộ (Anh Tông) lên ngôi làm nổi bật vai trò những người bên ngoại họ Đỗ trên chính trường. Mẹ Thần Tông họ Đỗ (+1145), bà nội của ông vua bé con, đã đem em là Đỗ Anh Vũ vào nắm quyền. Thoáng về trước ta đã thấy có những người họ Đỗ trong đó có Đỗ Thiện mà người ta đoán là tác giả *Sử kí*, người được lệnh đi báo cho cha mẹ ruột việc Thần Tông lên ngôi, chứng tỏ dấu vết liên hệ bà con. Đỗ Anh Vũ có tiếng xấu với sử quan nho thần nhưng công tích với triều đại cũng không bị phủ nhận cùng với bia đá còn lại ngày nay đã giúp cho sử gia K. W. Taylor thêm một bài nghiên cứu. ("Voices Within and Without: Tales from Stone and Paper about Đỗ Anh Vũ (1114-1159)" trong *Essays into Vietnamese Past*, Cornell University 1995, 59-80.) Về sau lại có một bà Đỗ (Chiêu Linh) Thái hậu khác (Đỗ Thuỵ Châu +1190) phù trợ cho một Đỗ An Di/Thuận (+1188) là em trai, lên nắm quyền. Đến cuối đời càng thấy xuất hiện nhiều người họ Đỗ nổi chìm theo với sự suy

tàn của triều đại. Điều ta chú ý ở đây là việc Đỗ Anh Vũ tư thông với Lê Thái hậu (Cảm Thánh, vợ Thần Tông) khiến xảy ra một âm mưu triệt hạ bất thành dẫn đến một suy luận có thể xa hơn về xã hội, hình luật thời ấy. Tính chất tư thông, cung cách chăm lo gỡ tội cho tình nhân của bà thái hậu khiến ta thấy có một chút gì bình thường thế nhân trong sinh hoạt đương thời. Như mọi tình nhân mê mệt khác, bà thái hậu buông rèm trị nước thay ông vua nhỏ, đem vàng bạc đút lót phe đảo chính, vận động phân rẽ phe này (trường hợp đối với Đàm Dĩ Mông), uyển chuyển làm theo luật nước để lật ngược thế cờ thua thành thắng, tạo nên một kì tích trong chính trường cũng như tình trường. Cũng bình thường đối với thời đại, như trường hợp một ông quan khác, Thiếu sư Mạc Hiển Tích tư thông với Thái hậu Đỗ Thuỵ Châu mà các quan đều né tránh. Chuyện ghi chép trong *Đại Việt sử lược* vào năm 1189, có gây cho ta thắc mắc về thời điểm (Mạc Hiển Tích trúng tuyển kì thi năm 1086, không thể hiện diện vào năm 1189, chưa kể còn làm việc quậy phá nội cung, và còn được sử ghi bị vua đày vào năm 1190 sau khi Thái hậu mất) nhưng có thể đã xảy ra vào một lúc nào đó. Chỉ có Thái tử Long Xưởng đi quá giới hạn mới gây tai hoạ cho mình.

Toàn thư chép rằng "(Thái tử) Long Xưởng thông dâm với cung phi, vua không nỡ bắt tội chết" nên phế làm thứ nhân và bắt giam. Chuyện này thì cũng từng xảy ra ở nước làm gương mẫu cho Đại Việt: Trung Quốc. Tuy nhiên, *ĐVSL* (trang 215) có chi tiết lạ hơn:

"Long Xưởng có tính hiếu sắc. Ở trong cung có cung phi nào được vua yêu quý, Long Xưởng cũng đều tư thông cả. Nhà vua rất ghét sự vô lễ ấy. Bà Nguyên phi là Từ thị được vua yêu, Hoàng hậu ghen bèn sai Long Xưởng lén lút đến tư tình để gây sự ngờ vực cho nhà vua, muốn rằng Từ thị từ đó bị vua đối xử nhạt nhẽo đi. Từ thị cứ tình thực tâu vua. Vua giận bèn phế Long Xưởng."

Như vậy có nghĩa là trong cung vua, người ta khá dễ dàng tư tình, từ quan triều với mẹ vua, đến thái tử với các "dì" của mình, ông vua có biết cũng làm ngơ trừ phi động đến "cục cưng". Cho nên ta không lấy làm lạ về chuyện đời Trần. Và ở đây là bắt đầu từ trong dân chúng, dù đã xảy ra ở nhà hào phú.

Từ bảo tràng của Đinh Khuông Liễn đến cây cột đá chùa Giạm

Sử quan nho thần trong khi hạ bút để tuyên dương thánh giáo đã gạt hẳn những sự kiện xảy ra trái với ý thức hệ của mình. Người sau biết được những mảnh vụn rải rác là nhờ sự vô tình của các ông hay chỉ vì lớp sơn

chuyển hoá mà các ông phủ lên đã không che lấp được hết quá khứ.

Khảo cổ học Việt Nam ngày nay đã đào được các cột đá khắc kinh của Đinh Khuông Liễn dựng năm 973 và của các năm sau đó. Kinh khắc được ông Hà Văn Tấn khảo sát kĩ càng (Hà Văn Tấn, "Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư", và "Cột kinh Phật thời Đinh thứ hai ở Hoa Lư" trong *Theo dấu các văn hoá cổ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 1998, tr. 786-832). Ông cho biết kinh (bài chú) khắc trên hai loạt cột tuy có khác nhau một ít nhưng chỉ là một bản với mục đích cầu thọ của Mật Tông. Ông cũng chỉ rõ tính chất khác nhau của Mật Tông và Thiền Tông, ngành Phật vẫn thường được coi là chủ đạo ở Việt Nam nhưng qua bằng chứng ở các cột kinh này thì lại tỏ ra có liên hệ mật thiết với nhau. Tuy nhiên sự thông thái của ông vẫn bị những người "nghiêm túc" che chắn nên ta có thể chen vào một vài suy nghĩ thường tục hơn.

Cột kinh có hàng chữ " Tĩnh Hải Quân Tiết độ sứ ... Nam Việt Vương" thêm bằng cớ xác nhận cho ghi dấu năm giáp tí kèm theo, là cột khắc năm 973, năm Liễn được vua Tống phong tước trên. Nam Việt Vương là tước trong nước (986), chức tước trong ngoài có đủ cho Liễn khắc kinh cầu thọ mong hưởng phú quý lâu dài. Nhưng loạt kinh tràng thứ hai thì rõ ràng là dấu hiệu ăn năn cầu thọ vì đã giết người, lại giết một đệ tử của Phật, Đại đức Đỉnh Noa Tăng Noa / Hạng Lang, nên hẳn phải được khắc trong hoặc sau năm 979. Kinh và chú của Mật Tông, vốn qua tay thiền sư Trung Quốc, chỉ là *chữ* (mà lại là *ẩn ngữ*), không thể cho ta biết sinh hoạt đi theo các bài ấy như thế nào. Đặc điểm của phần lớn các hệ phái tư tưởng Ấn Độ, trong đó có Phật Giáo, là nằm ở sự mưu tìm Giải thoát bằng suy tưởng, trong khi Mật Giáo lại nhắm vào hành động (Reay Tannahill, *sđd*, tr. 222-223), như ông Hà Văn Tấn thấy họ "chú trọng đến các nghi lễ tôn giáo thần bí." Nhưng không hẳn vì họ "tiếp cận với Đạo Giáo (Trung Hoa)" - ít ra là đối với những người theo Mật Tông ở Đại Việt mà dấu vết để lại khiến ta phải hoài nghi.

Điều đó có bằng cớ trong truyện Man Nương của *Lĩnh Nam chích quái*, quyển sách có thời điểm xuất hiện cuối Trần, tương đương với *ĐVSL*, nghĩa là không bị ràng buộc về tính cách thanh giáo như khi ta phải so sánh với tác phẩm của Ngô Sĩ Liên. Một chứng minh khác là Vũ Quỳnh khi phỏng theo truyện cũ để viết *Tân đính Lĩnh nam chích quái* (Bùi Văn Nguyên dịch thuật, chú thích, dẫn nhập, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 1993, tr. 149) đã dàn xếp cảnh chùa chiền theo tính cách nam nữ riêng biệt, hợp với phong khí Nho học của Hậu Lê, điều không xảy ra trước lúc "sửa mới". Song ở cả hai bản đều có phần về nhà sư Ấn Độ biết thuật kì lạ "làm phép đứng/nhảy một chân" và khi bước ngang qua bụng Man Nương

đang ngủ thì khiến cô gái thụ thai. Địa điểm diễn tiến của truyện vẫn được coi là ở vùng chùa Dâu ngày nay, nơi phát xuất của một dòng Thiền Tông có tên là Nam Phương. Tên đó, nhà sư Ấn Độ đó, tính chất thụ thai thần bí trong truyện tích cho ta thấy tính chất Mật Giáo của Ấn Độ ở đây đã đậm nét hơn những gì lưu lại trong sách vở từ Mật Tông Trung Hoa. Không phải chỉ có dựng đạo tràng làm phép hô phong hoán võ, phục hổ giáng long, bay trên không, đi dưới nước, hay khắc kinh tràng ghi bài chú Đà la ni cầu thọ đã từng dùng cho ông vua Thiện Trú xưa... Nghi lễ của Mật Giáo Ấn diễn tiến trong cảnh uống rượu, nhai thịt, ăn cá, điều mà Mật Tông Phật của Miến Điện thi hành khiến cho phái Tiểu thừa ở đấy lấy làm căn cứ để công kích tính chất tà đạo của đối thủ tuy không biết rằng những người này coi lạc thú như là thứ cần bồi đắp chứ không phải để xua đuổi, tránh xa. Sư dời Lí ở "giới trường, tịnh xá công khai uống rượu, ăn thịt, ở thiền phòng thì 'gian dâm' với nhau" không đợi đến Đàm Dĩ Mông tố cáo (1198). Nghi lễ Mật Giáo Ấn có hành động giao hợp như chứng tích đạt được sự hoà hợp của tiểu ngã và Đại Ngã (vũ trụ). Vì thế câu thần chú linh nghiệm nhất, thường được sử dụng nhất: *Án ma ni bát di hồng / Om mani padme hum*, có nghĩa theo tín đồ Việt là "Thanh tịnh: thân, khẩu, ý," nhưng nguyên gốc lại mang hình thức tính dục là "châu báu nằm trong hoa sen" - một cách nói thanh tao hơn của câu: "cái lingam nằm trong cái yoni". (Reay Tannahill, *sdd*, tr. 223-225).

Chúng ta không biết hệ phái (Thiền Tông) Nam Phương chịu ảnh hưởng Mật Giáo Ấn như đã nói trên trong chừng mực nào, nhưng chùa Dâu còn giữ lại đến nay hòn đá cầu mưa của Lí Trần Hồ gọi là Thạch Quang Phật, "có dáng một sinh thực khí nam" như xác nhận của người quan sát, và chùa còn có tên chùa Dận (Rận), nghĩa là từng giữ một cái yoni nào đó. Hòn đá như "cái nắm tay" đó chẳng thể nào là"cái nghiên đá" của sử gia nho thần, đã nấp dưới danh hiệu Phật Pháp Vân trong *Toàn thư*, nhưng chúng ta biết được đích danh nhờ sự tranh chấp ngôi vị hoàng đế giữa Hồ Nguyên Trừng và Hồ Hán Thương qua câu đố thử thách của Hồ Quý Li vào đầu 1400. Cái yoni từng nằm trên trống đồng. Và trong dân gian còn có tục thờ nõ nường, rước sinh thực khí nam nữ, biểu diễn hành động giao hợp, qua mặt thời kì thanh tẩy xã hội chủ nghĩa, để còn tái hiện lễ hội Trò Trám (lấp đầy?) trong năm 2001, mở màn lễ Mật làm việc tính giao thật sự cho trai gái làng Dục Mĩ, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, dưới sự chứng kiến của phóng viên ngoại quốc quay phim làm tài liệu. (Tin của nguyệt san *Khởi hành*, California, số 55, tháng 5-2001, trang 3). Xa tuốt về phía nam, trong đầu thập niên 1970, một người ở Phan Thiết còn nhớ trước 1945, hàng năm người Chàm thường tụ về một

khu vực đồng trống bên ngoài thành phố để tế thần, với nghi lễ như trò Trám trên. Bánh dầy có dáng một cái yoni mà câu vè: *Trúc Phê có tiệc bánh dầy, Bên Á hả miệng bên này chày đâm*, như một hình tượng về hành động *fellatio* đã có trong ngôn ngữ thường tục. Và tập họp "bán trôn nuôi miệng" có vẻ chứng tỏ người ta đã biết về kê-gian / *anal intercourse*. Những người chép bài chú Đà la ni cho Đinh Liễn hẳn là có chứng kiến những lễ hội tương tự trong thế kỉ X của họ.

Lí Thánh Tông đem bộ linga yoni của Chàm về trong trận 1069 (từ Thuỷ Vân, bắc Quảng Trị?), tuy hành động mang ý nghĩa thu phục thần linh kẻ chiến bại nhưng lại không cho ta thấy là dị ứng với tục thờ Bà Chúa Xứ, bởi vì họ Lí đã đặt Bà làm chủ đàn Viên Khâu (1154), nơi vốn theo ý nghĩa gốc của nó là chỗ thờ ông Thiên, cha của vua, như *Việt điện u linh tập* còn ghi. Sự tiếp nhận không gây thắc mắc chứng tỏ trong các phong tặng của đời Trần tiếp theo: 1285 Địa Kì Nguyên Quân / Bà Chúa Xứ, 1313 Ứng Thiên Hoá Dục / Theo Đạo Trời Sinh Sôi Nảy Nở, và 1288 Nguyên Trung / Vốn Thẳng Cứng Xuyên Suốt (nếu ta loại bỏ ý nghĩa chuyển hoá che lấp của chữ Hán sử dụng mà trở về với nghĩa đen của hình tượng cụ thể, như ta đã nhìn thấy ý nghĩa đá trong các tước phong Quả nghị, Cương chính cho thần Cao Lỗ.) Các chùa gốc thờ thần Po Yan Dari Chàm, vào thời kì "bắc tiến" về sau, dưới lốt tổng hợp của Bà Chúa Xứ, đã xuất hiện ở Miền Bắc hoặc dưới tên thô lỗ mà chính xác: Bà Banh / Bà Đanh, Bà Chúa Ngựa, hoặc dưới tên chuyển hoá ẩn tàng, nôm hoặc nho: chùa Bà Ả, Nhà Nàng, Thiên Phúc (Nguyễn Quang Hồng chủ biên, *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, Hà Nội 1993, tr. 248 / bia 1620, tr. 332 / bia 1622, tr. 474 / bia 1562). Tất cả chứng tỏ một sinh hoạt cúng lễ rất nghiêm chỉnh về *cái giống* trong suốt lịch sử Việt.

Lại thấy hai trường hợp chữa bệnh hiếm muộn trong đời ông vua Thánh Tông và ông sau. Chúng tôi đã dựa vào truyền thuyết cho tới ngày nay và một sơ hở của sử quan mà cho rằng (*Thần, người và đất Việt*) thời đó, các ông pháp sư đã nghĩ rằng có thể sử dụng thân xác mình làm phương tiện chữa bệnh. Không hẳn là một sự lợi dụng nhưng là một tin tưởng kiểu của Mật Giáo đem vào hành động. Ở cấp cao trên triều đình thì có một ông sư thực thụ (Từ Đạo Hạnh) và một ông gián tiếp làm việc truyền dạt (Đại Điên, sư chùa Thánh Chúa dạy cho Nguyễn Bông.) Địa điểm chùa, tên Cánh đồng Bông của nạn nhân còn lại ngày nay chứng tỏ một phần sự thật. Cả hai thầy pháp đều làm cùng một việc chữa bệnh là "lẻn vào nhà tắm" (như Từ Vinh, cha Từ Đạo Hạnh, lẻn vào chỗ ở của cung nhân), hẳn vì thế mà sử quan ghi là "việc bị phát giác". Thánh Tông giận sai chém Nguyễn Bông, nhưng Sùng Hiền Hầu lơ chuyện vợ mách.

Điều đó được kể ở *Thiền uyển tập anh* đời Trần, chứng tỏ người đương thời từng in trí theo một lí thuyết để không cho là chuyện ghi lại có ý nghĩa "lợi dụng bậy bạ".

Cho nên, Lí Nhân Tông, chủ nhân cái mukhalinga Việt Hán, nằm trong sinh hoạt của thời đại, hẳn là không có phản ứng phủ nhận khi biết rằng bản thân cao quý con-Trời được xưng tụng giữa chốn triều đình của mình lại đồng thời cũng nằm trong con *cu* đá kia. Ông hoàng đế - điền chủ còn chăm chút ruộng nương, gần như không bỏ sót một mùa cấy gặt, một khu vực cung cấp lợi tức của mình, biết xây cầu qua sông để nối liền trang trại bao la, tính chuyện tần tiện tiêu pha cả khi sắp nhắm mắt, buông xuôi hai tay, cách sống như thế của con người tuy được thời thế cho nằm ở tột đỉnh xã hội, nhất định là không phủ nhận mà còn chia xẻ với những tin tưởng của người dân dưới quyền mình. Cho nên ông đã cho xây tháp chứa linga, cầu kì đến gần 6 năm (1088-1094), năm 1105 lại xây thêm ba tháp ở nơi ấy nữa, tính chất trân trọng đối với thần vật này thật không thể chối cãi. Sử quan Lê Văn Hưu (1274) có thấy mà không gọi "cây cột đá chùa Giạm" như người ngày nay, cây trụ đá chạm rồng xây dựng gần trăm năm trước, mà ông lấy hình ảnh cái nạo sửa chữ cao quý của thánh Khổng để che lấp thực tế "thô tục" của cái linga ông còn biết ý nghĩa đích xác. Cũng như các ông vua Trần của ông.

Trần nữ - con gái nhà họ Trần

Sinh hoạt tính dục của người họ Trần thường bị các sử quan đời sau chê trách. Với ông vua (Thái Tông) thì chê trách nhẹ nhàng: "Chốn buồng the cũng có điều hổ thẹn", căn cứ trên đạo lí: "Bỏ luân thường, mở mối dâm loạn". Nhưng với ông quan (Trần Thủ Độ) thì lời chửi mắng "thói chó lợn" được tung ra như để hả ấm ức không thể thốt ra hết với vua. Tuy nhiên các chứng nhân đương thời thì lại không có thái độ hùng hổ ấy. Lê Văn Hưu chỉ chê gián tiếp về các cách tung hô xưng tụng, Lê Tắc không nói một lời về sinh hoạt gia tộc phía chủ. Hai người kia là thủ hạ của dòng họ cầm quyền không nói làm gì, nhưng Hồ Nguyên Trừng đối kháng, ít ra cũng thuộc dòng họ "cướp ngôi", thế mà trong hồi kí *Nam Ông mộng lục*, ông này cũng không nhắc đến điều gọi là sự dâm loạn của họ Trần như người sau.

Phan Phu Tiên (1455) đổ thừa cho người thứ nhất (TháiTông) là "mở mối dâm toạn... đâu têu cho Dụ Tông" sau này. Nhưng sử quan chỉ nói cho sướng miệng chứ Trần Cảnh lấy chị dâu là do sự sắp đặt ép buộc của Trần Thủ Độ và bà mẹ vợ Linh Từ, nguyên Trần nữ - con gái họ Trần.

Ông đã trốn đi nhưng thấy "vua ở đâu thì cung điện (xây) ở đó", nên phải trở về. Sinh hoạt phóng khoáng, buông lung là của cả người họ Trần, của người đương thời chứ không phải do Thái Tông khởi xướng.

Hãy cho rằng Trần Quốc Tuấn cướp Công chúa Thiên Thành, con Thái Tông, em con chú của mình, là muốn phá gia đình kẻ đã làm tan rã nhà mình, trước khi được nghe lời trối phải báo thù của cha. Tuy nhiên khi Thái Tông gả con cho người cùng thân tộc gần (có thể là em ruột) thì rõ ràng đó là điều bình thường của thời đại, sử quan không xoi mói ra để thấy là loạn luân. Lại thêm, xét cung cách tự nhiên của Quốc Tuấn lẻn vào nơi cô gái đã hứa hôn đang ở gia đình người vị hôn phu, thì ta thấy có sự thuận thảo giữa đôi bên, có sự đồng ý của cô gái, đồng thời cũng thấy có sự ngang bướng của con trai họ Trần như kiểu ông hoàng tử Trần Duy lẻn ra ngoài cung đánh nhau, ăn cướp (1254) - hẳn không phải vì thiếu tiền mà chỉ vì nhu cầu tung hoành, để chứng tỏ sự dũng cảm của mình. Liên hệ thân tộc trong hôn nhân họ Trần đo đó càng chồng chéo, khó có thể xác định cách xưng hô với nhau theo cách ta thường dùng ngày nay. Cho nên ta không quan tâm về việc Trần Hoảng (Thánh Tông sau này) lấy em gái Trần Quốc Tuấn, mà chỉ chú ý rằng cậu thái tử mới được làm vua, lấy vợ (tháng 8 âm lịch) vài tháng (tháng 11) là đã có con ngay! Đó là chứng tích sinh hoạt tính dục mạnh của con gái họ Trần mà người còn lưu lại nhiều bằng cớ hơn vì có thời sống đời dân dã là: Trần thị / Trần Nhị nương - Huệ Hậu / Thiên Cực Công chúa / Linh Từ Thái hậu, một loạt tên với địa vị càng lúc càng cao cùng công tích với dòng họ càng sâu dày khiến cho sử quan khó tính phải quay lại xưng tụng.

Nói nhiều về bà chúa này là *ĐVSL* mà một tên, suy ra có sự xuyên suốt các tài liệu, là Thiên Cực Công chúa (+1259). *Toàn thư* tuy chép sơ lược về thời nhiều nhương chuyển tiếp Lí Trần nhưng cũng cho ta thấy tên bà vào lúc thành lập xong triều đại mới. Họ cho biết sau khi Lí Huệ Tông tự tử thì bà bị "giáng làm Thiên Cực Công chúa, gả cho Trần Thủ Độ..." (1226) Tuy tên tước này xuất hiện muộn sau tài liệu của *ĐVSL* nhưng lại là khởi đầu để cho sử gia đùng theo kiểu hồi cố, vì lúc họ Trần chưa làm vua thì không thể có danh hiệu "công chúa" được. Tác giả *ĐVSL* chắc sử dụng nó theo thói quen đời Trần là thời gian sử quan sinh sống, như Trần Thủ Độ đã dùng chữ "công chúa" khi nói với người khác về vợ mình. *ĐVSL* còn gọi là "Cô Hai họ Trần". Trần Lí còn một người con gái nữa được gọi là "Cô Ba họ Trần" gả cho Nguyễn Đường (1215) để ràng buộc người này khỏi thông đồng với Nguyễn Nộn, đến khi người này bị tử trận (chết ngay sau đó) lại gả cho Đoàn Văn Lôi (1218), một người con của Đoàn Thượng thủ lãnh của hệ thống họ Đoàn ở Hồng Châu. Vì các thứ bực này mà ta

khó chấp nhận Trần Tự Khánh (+1223) là "anh" của Trần thị theo *Toàn thư*, vì đã có người anh cả là Trần Thừa (cha Trần Cảnh / Thái Tông). Tuy nhiên nếu xếp Trần Tự Khánh sau cả Cô Ba, thì tuổi ông ta có thể là quá nhỏ so với những hoạt động chính trị và quân sự vốn có tác động rất lớn trong việc gây uy thế họ Trần, dẫn đến việc chiếm ngôi mà Trần Thủ Độ chỉ là người kế tục. Chúng ta chờ đợi sự giải quyết rành rẽ, và bây giờ trở lại với Cô Hai.

Lại phải thấy *ĐVSL* không bao giờ liên kết Cô Hai và Công chúa Thiên Cực: Cô Hai họ Trần đi với Hoàng tử Sảm (Huệ Tông sau này), còn Công chúa Thiên Cực chỉ xuất hiện trong những chuyện thông dâm hấp dẫn với người khác mà thôi. Nhưng không thể vì sự tách biệt này và vì Thiên Cực được dẫn trong đời Lí mà có thể cho rằng Thiên Cực là một công chúa của Lí. Nhà Trần khá kiêu ngạo nên không thể lấy tên hiệu một công chúa Lí phong cho bà vợ ông Trần Thủ Độ đầy quyền uy và là mẹ vợ của Thái Tông, người không chịu gọi Bà là Công chúa mà phong cho chức Quốc mẫu, có "xe kiệu, mũ áo, quân hầu đều ngang với hoàng hậu." Điều trở ngại khác là trong chuyện thông dâm với Tô Trung Từ/Tự (6âl.1211) thì sách có nói rõ chồng cô là Quan nội hầu Vương Thượng. Ta phải gỡ rối điều này, cũng là dịp nối kết Cô Hai với Công chúa Thiên Cực ố tất nhiên là cũng không được hoàn hảo, như nhiều vấn đề khác. Có một Quan nội hầu Vương Thượng ở tận Lạng Châu "xa xôi hiểm trở..." như lời Đàm Dĩ Mông can Huệ Tông khi ông vua muốn dẫn gia đình lên dấy tránh Trần Tự Khánh, tuy rằng cuối cùng ông vẫn có mặt nơi ấy (đầu 1214). Lạng Châu trong tranh chấp cũng thường đổi chủ. Tháng Giêng âl. 1212, Đinh Khôi đánh Lạng Châu, cướp các tài vật trong *nhà Công chúa Thiên Cực* rồi kéo đi. Điều này có vẻ như chứng tỏ có một Thiên Cực khác biệt với Cô Hai họ Trần, nhưng cũng có thể giải thích là một cách ghi sự việc hồi cố của sử gia vì sự hiện diện của Huệ Tông và Trần thị ở Lạng Châu về sau. Bởi vì chuyện Tô Trung Từ thông dâm với Thiên Cực lại xảy ra ở Gia Lâm, nơi này rõ ràng là cách xa Lạng Châu, khó thể liên kết với Quan nội hầu Vương Thượng, mà lại gần với Thăng Long của Cô Hai đang làm nguyên phi nơi ấy hơn, và cô cũng từng ở trong nhà Tô Trung Từ trước kia. Chuyện Phạm Du thông dâm với Thiên Cực đã xảy ra khoảng thời gian Cô Hai lấy Vương tử Sảm (tháng 7âl. 1209), và điều này là đáng chú ý: Phạm Du bận bịu với Thiên Cực, lỡ hẹn quân tình, bơ vơ bỏ thuyền lên bộ liền bị hai tướng *bắt đưa cho Vương tử Sảm giết đi*. Không phải ngẫu nhiên mà kẻ ngoại tình bị bắt lại được dẫn giải về cho ông chồng bị mọc sừng. Lê Tắc (*An Nam chí lược*, Huế 1961, 222) cho biết trước "hồi gần đây", lúc chưa có chuyện chuộc tiền thế mạng thì

người chồng được tự chuyên giết chết gian phu. Tên Vương Thượng cũng có thể hiểu theo nghĩa khác. Đó là chữ theo lối ngày nay, viết thường, chỉ sự tôn xưng : "Vương thượng" chỉ Vương tử Sảm, lúc bấy giờ đã được họ Trần bỏ Vương tử Thẩm, tôn là Thắng Vương. Sự nối kết "Vương thượng" với Quan nội hầu Vương Thượng ở Lạng Châu là lầm lạc của sử gia, hay của người sau chép lại sách. Như thế ta gần như đã nối kết được Công chúa Thiên Cực và Cô Hai họ Trần trong thời chưa vinh hiển, còn đây quá khứ buông lung, phóng túng như những người con gái, con trai khác của thời đại.

Đã nói, *ĐVSL* không chừa những chi tiết sỗ sàng, thường tục như chuyện Nguyễn Tự (1212) , một tướng ngang ngửa tung hoành thời đại, đánh trận bị trúng tên, về nghỉ, hơn 10 ngày "vì lầm lỡ ăn nằm với đàn bà nên khí độc phát lên mà chết"! Ông cậu Tô Trung Từ không chừa cả cô cháu nên ban đêm lẻn vào nhà, bị giết rồi cũng được cháu Trần Tự Khánh chôn cất tử tế. Cô Hai họ Trần "có nhan sắc" (sử quan nhắc lại nhận định của Vương tử Sảm), lấy chồng tuy thuộc dòng hoàng phái, có cơ nối ngôi Trời, nhưng lúc bấy giờ chỉ là người long đong, nên cô không quên nhìn sang kẻ khác. Đoạn văn của *ĐVSL* kể lại không thô tục nhưng đầy hấp dẫn, mở rộng lối cho dòng tưởng tượng: "Nhà vua (Cao Tông) sai Phạm Du đến lộ Hồng để huấn luyện quân sĩ sắp đánh người ở Thuận Lưu. Biết đã đến lúc dân Hồng đi đón mà Phạm Du còn cùng với Công chúa Thiên Cực tư thông, không ngờ qua khỏi giờ phút ấy thì đã sai hẹn với người Hồng rồi. Phạm Du bèn lên thuyền theo đường sông mà đi đến bến Cổ Châu mới dừng lại, rồi theo đường bộ đến xã A Cảo thuộc vùng Ma Lãng thì bị người ở Bắc Giang là Nguyễn Nậu và Nguyễn Nải bắt đưa cho Vương tử Sảm giết đi." Một chuyến phiêu lưu tình ái đầy hấp dẫn mà thiếu người khai thác thành trường thiên tiểu thuyết hoặc phim ảnh bây giờ!

Khúc dạo đầu của Cô Hai họ Trần khiến ta không lấy làm lạ với sinh hoạt tính dục của người họ Trần về sau. An Sinh Vương Trần Liễu nhân nước lụt chèo thuyền vào cung họ Lí hiếp dâm cung phi tiền triều (1238), tuy vẫn bị phạt cho phải phép nhưng cung Lệ Thiên ấy lại được đổi tên là Thường Xuân, tỏ rõ một ám ảnh thích thú của toàn dòng họ mới vừa sang cả, được dịp thành hình. Đã nói chuyện Trần Quốc Tuấn. Đã nói chuyện Thái tử Trần Hoảng (Thánh Tông). Hãy kể thêm chuyện Trần Khánh Dư và Công chúa Thiên Thuỵ, vợ Hưng Vũ Vương Trần (Quốc?) Nghiện. Nhân Tông tuy trị tội sai đánh chết nhưng dặn không để cho chết, và "gian phu" tiếp tục làm tướng, ngang tàng. Chuyện buông lung của nhà họ Trần không đủ giấy để kể hết. Đến như anh họ Đỗ (Khắc Chung) được mon men làm họ Trần mà cũng "kết" với gái họ Trần, vợ vua Chàm, tuy có bị

dân chính thống chửi mắng phải tránh né, nhưng rốt cục chỉ khi chết đi mới bị trả thù trên cái xác!

Điều đáng chú ý là *sự chủ động của những người con gái họ Trần trên việc tìm người phối hợp giữa sự o ép của tình thế*. Cái *ego* đàn ông của họ Trần không phải không mạnh. Trần Duệ Tông đánh Chiêm, tự thân xông tới, bị đại tướng can ngăn, liền chê: "Ngươi thật là đàn bà" rồi sai lấy áo đàn bà mặc cho! Nhưng bà Thiên Cực một thời tung hoành trên tình trường, đã chuyển sức xung động của mình vào việc quân cơ. "Khi... kinh thành thất thủ, Linh Từ ở Hoàng Giang, giữ gìn hoàng thái tử, cung phi, công chúa và vợ con các tướng soái thoát khỏi giặc cướp, lại khám xét thuyền các nhà chứa giấu quân khí đều đưa đùng vào việc quân." (Ngô Sĩ Liên). Đến cuối đời, vai trò đàn ông hết nổi bật, còn thêm tàn tạ nữa, thì hành tung của các bà lại hiển hiện rõ rệt như vào thời đòng họ còn là dân dã. Hoàng hậu của Phế Đế (+1388), năm 1393 đi chơi hồ Tây với Trần Nguyên Uyên (+1395), bị Nghệ Tông đem gả cho em Uyên là Trần Nguyên Hãng (+1399) để làm nhục, rốt lại trong biến loạn Minh (1406) thấy cùng với Trần Nguyên Chỉ chạy ra Đồ Sơn. Ông Từ đô Trần Nguyên Đán thấy thế nước nghiêng ngửa, hạ giá kết thân với họ Hồ nổi lên cũng khiến cho cô Thái bắt chước cha, có thai với anh đồ dạy học sợ tội bỏ trốn, không biết có phải từ đó đã sinh ra đại công thần Nguyễn Trãi sau này của triều Lê hay không.

Nhưng nổi bật nhất là Công chúa Thiên Ninh (tên Bạch Tha, Ngọc Tha), con Minh Tông (+1357), lấy chồng năm 1342, trong biến loạn 1370 thấy có hai con đủ lớn để âm mưu giết Dương Nhật Lễ, không thành. Con chết, mẹ chết, Thiên Ninh đóng vai trò tích cực trong việc lật đổ Dương Nhật Lễ, xúi ông anh Trần Phủ lừng khừng, nhút nhát: "Anh phải đi đi (tránh nạn)! Em sẽ đem bọn gia nô dẹp nó cho!" Với công phục nghiệp cho họ Trần, bà được đổi tên là Quốc Hinh / Hương-thơm-của-nước, với tước phong Lạng Quốc Thái trưởng công chúa. Tuy nhiên lại cũng giống bà tổ Thiên Cực, bà không thấy thắc mắc về khía cạnh sinh hoạt tính dục của mình. Có cậu em Hoàng đế, vì danh y Trâu Canh cứu khỏi chết đuối lúc 3 tuổi, "châm" chữa sao đó mà bị liệt dương, Thiên Ninh liền chịu lấy thân mình chữa bệnh. Chuyện kể là năm 1351, lúc cậu vua 15 tuổi đã lấy vợ từ hai năm trước, còn bà chị thì đã được gả chồng chín năm trước đó nữa. Sử quan cẩn thận ghi lại bài thuốc, chắc là để dành cho người sau, vì thấy rằng "quả nhiên công hiệu": "Giết đứa bé con trai, lấy mật hoà với dương khởi thạch (?) mà uống rồi thông dâm với chị hay em ruột của mình thì sẽ hiệu nghiệm". Không biết các ông vua sau có dùng hay không nhưng công lao Trâu Canh đã khiến ông khỏi chết khi mắc tội thông dâm

với cung nữ, còn được mời chữa bệnh khi Minh Tông hấp hối 1357. Hẳn Trâu Canh không phải chỉ chữa bệnh bằng bài thuốc mà còn bằng ngôn từ dẫn dụ, động tác làm gương vì sử ghi rằng ông ta "ra vào cung cấm hay dùng những câu kì lạ, những kế quỷ quyệt để huyễn hoặc Dụ Hoàng". Sử quan nhà Lê còn thấy con cháu Trâu Canh nối nghiệp nhà trong đời mình, trong lúc dân gian ngày nay thì thích thú riêng với bài thuốc của Trâu Canh mà chắc là không thể thực hiện được, nên chuyển qua chuyện truyền kì về anh nông dân ngờ nghệch tìm được loại dây thảo ở bờ mương, vạt suối nào đó, quàng vào thì cường dương còn tháo ra thì hết hiệu nghiệm!

Cao độ sinh hoạt tính dục buông thả của nhà họ Trần tập trung vào chuyện Trần Dụ Tông, nên không lấy làm lạ là đã nảy sinh truyện Hà Ô Lôi của *Lĩnh Nam chích quái*, ghi lại dưới đời ông vua này, còn có cả thời điểm rành rẽ "Thiệu Phong thứ sáu" (1346).

Truyện nói về một chàng trai sinh từ sự phối hợp giữa người trần và một vị thần, một chuyện thần lén lút cướp vợ viên quan đi sứ vắng nhà, sinh ra một cậu bé đen xấu nhưng nhờ Lã Động Tân làm phép nên có được giọng hát mê mệt lòng người. Dụ Tông mê Quận chúa A Kim mà không được thoả mãn mới bảo Ô Lôi đi dụ để bêu xấu, và Ô Lôi thành công. Các nhân vật, trừ Dụ Tông, đều có đáng lịch sử nhưng không rõ ràng. Đặng Sĩ Dinh, viên quan đi sứ có vợ bị thần hiếp, người làng Ma La, gộp lại giống như tên của ông thám hoa Đặng Ma La đỗ vào đời Thái Tông (1241). Huy Từ Hoàng hậu giống như được nhớ từ tên hiệu một bà phi của Anh Tông: Huy Từ. Và Minh Uy Vương, người giết Ô Lôi, như là đảo ngược của con Lí Thái Tông: Uy Minh Vương Lí Hoảng mà vai trò trấn nhậm Nghệ An hướng về nam khiến ông còn được thờ xa hơn, ví dụ như ở Bình Định. A Kim chỉ là tên tượng trưng của dòng cành vàng lá ngọc, cũng như Ô Lôi là trỏ hình dạng đen đúa của nhân vật chính.

Tuy nhiên nếu loại bỏ những thêm thắt, ta thấy truyện có một cốt lõi thật, đáng lưu ý, nhất là với tình hình khả năng nho sĩ đương thời, rõ ràng họ chưa đủ sức viết được một "tiểu thuyết" của sáng tạo mà chỉ là tô vẽ từ "những chuyện góp nhặt... lượm lặt ở tiếng vang chuyện đồn" theo con đường chắc là thành công hơn Hồ Tông Thốc chỉ vì gần với nguồn thông tin hơn mà thôi. Dụ Tông mê người tôn thất là chuyện-thường của họ Trần. Dịch giả Lê Hữu Mục đã dựa vào thời gian xảy ra truyện tích, và lầm lạc với đời sống của anh Dụ Tông, Cung Túc Vương Trần Nguyên Đục, lấy người con hát sinh ra Dương Nhật Lễ sau được nối ngôi, mà đoán định niên đại ra đời của *Lĩnh Nam chích quái* (Sài Gòn, Khai trí xb. 1961, tr. 15.) Ông cho đó là chuyện của Dụ Tông chứ không phải của người anh nên xếp đặt sự thật sít sao từ chuyện đời thường qua sách vở để tìm ra luận

chứng cho mình. Về phần chúng ta chẳng tìm cách kết tội người xưa, nhưng sự kiện Nguyên Dục cướp vợ từ tay người chồng họ Dương cũng được Lê Tắc nói về một ông vua khác cướp vợ hứa hôn của người (tương đối thất bại). Tên vua không được nói rõ, tên người phụ nữ chỉ nhớ được từ quê quán (Vạn Xuân phi), nhưng Lê Tắc hàng Nguyên từ 1285 thì hẳn là chuyện đã xảy trước đời Trần Dụ Tông gần một thế kỉ (*An Nam chí lược*, tr. 238). Nhưng ở truyện Hà Ô Lôi, ta lại thấy nhiều tình tiết, tâm cảm thời đại hơn các dòng sử khô khan, đồng thời truyện cũng hé mở cho những suy đoán bất ngờ hơn.

Trước hết là ở hình dạng nhân vật, được tả là "da thịt đen như mực", đen "nhưng da láng như mỡ", được cả tiên Đồng Tân khen "đẹp lắm" trước khi tiếp sức thêm giọng hát tuyệt vời ngoài tính chất thông minh mẫn tiệp khác. "Đen" ở đây rõ ràng là da đen theo giống chứ không phải vì giang nắng! Đời Trần đã có rất nhiều giao tiếp với hải đảo dân có màu da sậm hơn người Việt, vậy thì việc có một người con lai như thế không phải là điều lạ. Thời Lê Trung hưng có người lấy lái buôn ngoại quốc sinh con đen mà chắc vì sĩ diện con Rồng cháu Tiên người ta đã cho bà ta mãi đến sau hai năm xa chồng mới sinh con! Ô Lôi lúc lớn lên được vào hầu trong cung Dụ Tông. Phía trời Tây, triều đình người Ả Rập đã có rất nhiều nô lệ da đen "làm loạn" ở hậu cung như còn truyền lại trong *Ngàn lẻ một đêm*, huyền thoại về khả năng tình dục của người đa đen có ở khắp nơi, cho nên cung đình họ Trần thêm một Ô Lôi cũng không là mới. Vậy phải chú ý đến sự "sủng ái" của vua đối với "tân khách" Ô Lôi. "Vua thường bảo ở triều rằng nếu ai có thấy Ô Lôi gian phạm con gái nhà ai, bắt nó đến đây thì vua thưởng tiền một ngàn quan, nếu giết nó thì phải bồi thường một vạn quan. Đi chơi đâu vua cũng thường cho nó đi theo." Tùy sử quan khen bài thuốc của Trâu Canh, nhưng chắc là không "công hiệu" lắm vì rốt cục Dụ Tông không có con, lúc chết đi phải để Dương Nhật Lễ lên thay. Vậy thì Ô Lôi trong triều, với những điều ghi lại "nhẹ nhàng" kia, chứng tỏ là một "boy friend" của Dụ Tông, điều đã thấy rất nhiều ở thời Cổ Hi Lạp, cũng như trong chữ Hán "đoạn tụ" (cắt ống tay áo), từ tích Hán Ai Đế (6-1 tCn.) phải cắt ống tay áo của mình mới trỗi dậy được mà không làm kinh động người yêu-trai (Đổng Hiền) đang ngủ mê mệt nằm đè lên (*Hán thư*, Đổng Hiền truyện). Nhu cầu sex ở người bị liệt dương cũng thấy ở Đàng Trong, thời chúa cuối đời Nguyễn. Lê Quý Đôn ghi lại (*Phủ biên tạp lục*, bản dịch Hà Nội 1964, tr. 65): "(Nguyễn Phúc Thuần) tuổi trẻ thích chơi bời múa hát, có bệnh không gần đàn bà được, sai người con hát yêu dâm loạn với cung nữ để làm vui". Ngờ rằng sự rối loạn dục tính của Phúc Thuần đã có mầm mống từ cha của ông: Võ Vương Nguyễn

Phúc Khoát đã cho gọi con trai là con gái, con gái là con trai, nhưng dấu hiệu phía nữ không thấy, chỉ rõ rệt là phía nam như, cũng Lê Quý Đôn cho biết Nguyễn Phúc Hiệu (con trai trưởng) được gọi là Đức mụ, còn Phúc Dương (cháu) được gọi là Chị Dương. Phúc Khoát có 15 con trai, không kể con gái, như vậy không thể là "bất lực", nhưng sự việc đổi-giống như thế tỏ ra ông có khuynh hướng đồng tính trong người. "Người con hát yêu" của Phúc Thuần, ở trường hợp Trần Dụ Tông là Hà Ô Lôi. Ô Lôi không phải chỉ là trường hợp đồng tính mà là lưỡng tính.

Có lẽ hiếm có trường hợp văn chương sex trong sách xưa như ở đây. "Giọng phúng vịnh (của Ô Lôi) như đùa gió cợt trăng, như mây bay nước chảy làm cho ai cũng thích nghe, đến đàn bà con gái càng thích nghe hơn." Quận chúa A Kim "nghe tiếng hát Ô Lôi... véo von như tiết điệu Quân thiên... ý tứ thê lương" liền cho vào chầu hầu. "Thanh âm thấu cả trong ngoài, Quận chúa vì thế cảm động mới thành bệnh uất kết, đần dà đến ba bốn tháng bệnh càng nặng thêm... Một hôm Ô Lôi đêm vào hầu bệnh... Quận chúa không ngăn được tình dục mới bảo Ô Lôi rằng: 'Từ ngày mày vào đây, vì giọng hát của mày mà ta thành bệnh'. Rồi cùng Ô Lôi giao thông, bệnh đần đần bớt."

Họ Trần chấm dứt vai trò lịch sử của mình, với cái đuôi ngắn ngủi của họ Hồ cũng là đóng kết luôn cả một giai đoạn sử nước Việt từ thời độc lập. Một giai đoạn mới sẽ bắt đầu với sự khích động của một thời thuộc trị nữa.

Khi Thánh giáo lên ngôi.

Tạ Chí Đại Trường

KỲ SAU: GIỐNG GIỮA TRÊN TRIỀU ĐÌNH

Phố xưa

TRIỀU HOA ĐẠI

Gửi các anh chị: pqt,tbt,lct
Riêng với: Cương,Thái.

đêm về nằm mộng thấy ta
ngồi. nơi hiu quạnh
ngó ra biển gần
thôi thôi ngày cũng ưu phiền
thì trăm năm những: người quên, kẻ chờ

đêm về mộng mị dem chia
con sông phía trước, chảy về ngã sau
để mai lúc bước qua cầu
mơn mơn gió thổi. hỏi đâu là nhà

hôm rồi rất đỗi tình cờ
cây năm xưa. Bỗng, bất ngờ trổ bông
về bên mái ngói chùa cong
tâm chẳng ý Phật. tình không ý người

thương chim. thương một đời thôi
ngày đêm. Nhật, nguyệt soi hoài thế gian
tóc bay như heo may vàng
chờ người đã muộn trăng vằng vặc soi

anh đi. phố cũ ngủ vùi
mà hồn như thể, bay hoài lối xưa
chết rồi theo với gió đưa
chết rồi màu nắng ai vừa mới hong

phố xưa, lửa thắp chập chùng
vàng bay áo lụa. trong lòng nhau thôi
lại gần nghe tiếng biển vui
gói lại màu nắng. Một thời ai hong!

Bút pháp*

Hồ Sĩ Khuê

Trẻ thơ, xem Thầy tôi viết trướng liễn, tôi vui mắt mà biết yêu chữ. Chữ nghĩa có chi đó thần kỳ, khiến tôi lớn lên đam mê sách vở thành ra vụng dở việc đời, vợ con đùa cợt không sai. Xin gợi lại chuyện bút pháp ngày xưa. Chắc không khỏi có chỗ lờ mờ.

Chữ là để viết ghi chú sự việc, làm sách làm văn. Bút pháp cũng chỉ là viết chữ. Nhưng là một lối viết chữ công phu, theo phương pháp và lề thói riêng, biểu hiện một phong cách sinh hoạt, không dùng làm văn, viết sách được. Họa hoằn, bút pháp có thể dùng viết một bài văn ngắn. Văn dài không viết nổi, vì phải dụng công nhiều.

Nói đến bút pháp là nói đến các bức hoành (viết ngang), bức trướng (viết dọc), và liễn (hai câu đối). Gọi chung là *trướng liễn thương ai chịu lạnh lùng...*(thơ Phan thanh Giản đọc chại: *trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng).* Có khi cũng gọi là liễn đối. Trướng liễn viết lúc vui, viết lúc buồn, có khi viết cho mình, có khi viết cho người, công trình mỗi lúc mỗi khác. Thời học Hán, tường nhà nào cũng có treo trướng, treo hoành, treo liễn, như ngày nay treo tranh vẽ hay treo ảnh. Không phải nhà nho, cũng có người sính treo, mượn điều trang trí nhà cửa mua chút văn học làm vui.

Bút pháp là cung cách nhà nho dùng xử thế. Vui cũng dùng đến, buồn cũng dùng đến. Những biến cố bất thường, nhất là chuyện đau buồn, trướng hoành trang trọng, thường được dùng hơn cả. Gặp vận hội may mắn, có thể dùng trướng hoành, nhưng ít chữ thành cô đọng, không nói hết điều vui thích. Câu đối hợp cảnh hơn, nên thường dành riêng cho các dịp này, thù tạc vãng lai, trà dư tửu hậu, hoặc để phúng thích, trào lộng, cợt đùa giữa bạn bè. Liễn nhiều, trướng hoành hiếm, vì thế.

Chữ Hán dùng bút lông, viết mà như vẽ. Viết đến mức tinh vi, chữ viết thành tranh, là bút pháp. Nhà nho dùng bút pháp ký thác tâm sự vào

chữ, như họa sĩ gởi chút linh hồn vào tranh. Viết chữ đẹp đã là nghệ thuật, chữ nước nào cũng thế. Ở lớp nhất trong giờ viết tập, thầy Niên dạy tôi nghệ thuật viết đẹp, nắn nót một số chữ cái la tinh, hoặc tròn, hoặc dài, hay *gothique*. Nghệ thuật bút pháp thì khác, không chỉ đơn thuần viết chữ cho đẹp, mà còn là cách thế người viết tung hoành nét bút mà hành văn, lấy chữ nghĩa thăng hoa tâm sự của mình. Viết đẹp đã đành, nhưng chữ đẹp còn là thứ yếu. Nội dung gởi gấm bên trong chữ nghĩa mới đáng kể. Nội dung chữ nghĩa tầm thường, là loại bút pháp mua chợ Tết. Nội dung kiệt xúc, chữ nghĩa thành bất hủ. Bài "Lan đình tự" của Vương Hy Chi (307-365) muôn đời truyền tụng, mãi đến nay còn bày bán ở Ba lê, là do sự kết tinh này giữa bút pháp và văn chương. (Xin xem Simon Leys - *L'humeur, l'Honneur, l'Horreur*. Ed. R. Laffont 1991 - Và xem *MiFu and the Classical Tradition of Chinese Calligraphy*. L. Laderose - Princeton University Press 1979).

Người quân tử, lúc đau buồn, đau tử biệt, đau sinh lý, đau đời dâu biển, phải làm chủ hoàn cảnh. Không thố lộ, tự nhiên nhi nhiên, nỗi mình mình biết, không để cho vương vấn lòng người. Những lúc ấy, nhà nho thường tự vấn, suy nghĩ về sự việc xảy đến cho mình, tự mình nói chuyện với chính mình. Đau cái đau của mình, nhà nho vượt lên trên hoàn cảnh, mượn bút mực ký thác tâm sự vào chữ nghĩa, dùng lương tri mà giữ lòng thanh thản. Và đấy chính là lúc cần phóng bút viết một bức hoành, hay một bức trướng, chọn chữ nghĩa cô đọng, súc tích, không cẩu thả, để giấu kín tâm tình. Năm chữ có khi đã là thừa, thường chỉ vài ba cũng đủ. Muốn hiểu, phải am tường điển tích, biết đến nơi các ẩn dụ bên trong. Tôi mất mẹ, Thầy tôi dùng bút pháp để chịu tang. Tục huyền, Thầy tôi lại bút pháp khúc quanh của đời mình. Lúc vận hội hanh thông, vui con mọn mới sinh, con gái vu qui, con trai thi đỗ, nhà nho dùng câu đối mừng điều hạnh ngộ. Nhưng phúc không được hưởng tận, dù chỉ là bằng chữ nghĩa. Nói đến chuyện may mắn một đời, người quân tử vui cái vui của mình, nhưng giữ mực khiêm cung, nhấn lên phúc phận trời cho, chứ không mang tài cán ra khoe mẻ hơn người. Và vui thích dù đến cực kỳ, vẫn giữ độ chừng mực, liễn đối không dài dòng quá vài ba mươi chữ. Nhưng khi phúng thích, có thể không cần giữ gìn quá đáng. Trà dư tửu hậu, bản chất trào lộng cho phép nhà nho phóng túng, nhất là nếu viết cho người.

Vui buồn có trọng đại, mới viết trướng viết hoành, nên chữ nghĩa rất cân nhắc. Hoàn cảnh đổi, trướng hoành phải thay cho đúng nhịp đời. Bức trước nhường chỗ trên tường cho bức đến sau, đánh dấu một khúc quanh mới trong gia đạo. Nếu là chuyện sầu thảm, phải dẫn điều an ủi theo lẽ cùng thông, quan niệm ở đời sướng hay khổ, đã đến cực độ tất quay chiều

mà thay đổi, không nên trách Trời già độc địa...' *Đã mang lấy nghiệp vào thân, cũng dừng trách lẫn trời gần, trời xa*' (Kiều), nhà nho chịu ảnh hưởng nhà Phật, xem chuyện đau khổ con người trải qua, là việc thưởng phạt thừa trừ theo luật quả báo. Cũng đau xót như người, nhưng nhà nho dùng bút pháp mà hy vọng, ai không tường, ngỡ là cam phận. Hoành trướng đã treo, bao giờ cũng treo gian nhà giữa, như một ký hiệu mệnh trời, giúp con người vượt qua hoàn cảnh, tự mình hoà hợp với chính mình, để cuộc sống từ đấy trở về nhịp cũ, an lành. Con cháu sinh sau, nhìn vào trướng, đọc lại chuyện thăng trầm của ông cha, có thể tìm đạo lý ẩn dụ mà học việc đời.

Sướng, khiêm cung giữ mình. Khổ, không tuyệt vọng. Còn về chuyện sống chết, thì phụ mẫu, phu phụ, hay một người thân nào khuất bóng khi đủ tuổi trời, người quân tử tri thiên mệnh, biết đấy là lẽ vạn vật sinh hóa tự nhiên, nên có đau xót vẫn không bi phẫn quá độ. Đấy là các bài học căn bản mà bút pháp nghiêm đường đã gieo vào thần trí còn non của tôi. Người quân tử sống theo đạo nhân. Trướng đối là phong cách thể hiện đạo làm người bằng chữ nghĩa, điều mà nhà nho lo giữ hằng ngày.

Tôi đến giờ vẫn không quên chuyện kết thân giữa Thầy tôi và một người hủi. Ông bạn già này của Thầy tôi mang bệnh nan y, nếu biết được, nhà nước bắt phải vào trại người cùi. Ông lẩn tránh mọi người, và bạn bè lẩn tránh ông. Chờ đêm đã sâu, ông thường đến nhà trò chuyện với Thầy tôi, người duy nhất quanh vùng còn chịu tiếp ông như trước, giữ cho ông một chút tình người ông đang mất dần. Rồi tự nhiên thành thói quen. Nhà dành sẵn cho ông một ghế dài, song song ghế Thầy tôi, ông đến nằm vào đấy. Lúc bàn chuyện đời hay chuyện sách vở, lúc yên lặng không ai nói một lời. Luôn luôn giữ ý, ông không nhận chi khác, ngay cả một chén trà. Sau vài giờ hàn huyên, câu chuyện đã vãng, ông bạn cùi đứng lên cáo từ, đi lẫn vào đêm tối. Trong nhà lo ngại truyền nhiễm, Thầy tôi biết mà không hề nói chi. Năm năm sau, ông bạn cùi mất, Thầy tôi cho đốt chiếc ghế ông bạn xấu số thường nằm, và cũng không nói chi. Thầy tôi nghĩ là không có chi đáng nói: bạn bè đều lẩn tránh, ông già cùi đang cần đến tình người, Thầy tôi không từ chối, đãi ông như trước kia đã giao thân, kín đáo giữ gìn một tí, đủ rồi.

Công phu hàm dưỡng

Nhà nho giữ đạo làm người. Vui hay buồn cũng cảm xúc như mọi người, nhưng khác người thường, ở chỗ, khi một biến cố xảy đến cho mình, biết hàm dưỡng giữ mình.

Phóng dật, vui đùa ? Có thể đến chỗ Nguyễn công Trứ v*ai mang một gánh giữa đồng, thuyền quyên ứ hự . . .*, hay Cao bá Quát *một thầy, một cô, một chó cái. . .*, nhưng đấy là mặt phúng thích vẽ ngoài, mà nội tâm bao giờ cũng cẩn trọng.

Hạnh ngộ ? Tránh tự phụ kiêu căng.

Đau khổ ? Sống đời dâu biển như mọi người, nhưng đàn dà tách mình ra ngoài hệ lụy nhất thời.

Trong cảnh một biến cố lớn nào bất ngờ xảy đến cho mình, nhà nho thường dùng chữ nghĩa chôn chặt tâm sự vào bút pháp. Trước hết là lọc lại hiểu biết và kinh nghiệm bản thân, đối chiếu sự việc xảy ra với sách vở đã xem, vận dụng vốn liếng ý thức và đạo lý, rồi nghiệm nghĩ, giữ sao cho thái độ mỗi lúc hợp với đạo người, tâm lý không bi phẫn, dù biến cố có thế nào. Qua nhiều đêm hàm dưỡng như thế, khi lòng đã lắng đọng thanh thản, thái độ đã lấy lại quân bình, chữ nghĩa tự nhiên nhi nhiên mà đến. Có khi phải kiêng khem nhiều chuyện, nhất là chuyện phòng khuê, giữ không bận bịu này khác, để tâm trí an tĩnh mà suy tư.

Công phu hàm dưỡng này biểu hiện một nghệ thuật sống mà bút pháp diễn dịch thành chữ nghĩa, người quân tử giữ lòng mình không để lụy đến ai. Chữ viết nên, phải đẹp đã đành, nhưng ý tứ và tư tưởng bên trong phải thực hàm súc.

Thầy tôi hạ nho, thận trọng không phô trương bút pháp trướng hoành, danh dự này dành cho các bậc đại khoa. Lúc cần, chỉ dùng liễn. Nhưng mỗi khi viết câu đối như một lần hành lễ. Phải sẵn sàng đủ cả. Đất đã quét sạch bụi, giấy hay vải căng thực ngay thẳng trải lên trên. Mầu đỏ, mầu trắng, tùy chuyện vui hay buồn. Mực Tàu mài nhuyễn đúng độ. Viết lông nhiều cỡ lớn nhỏ. Một lò trầm khói nhẹ thoang thoảng mùi hương. Thầy tôi khăn đóng, áo dài, thái độ nghiêm túc hay thong dong, tùy lúc đáng vui hay đáng buồn.

Trên mặt giấy, mỗi chữ sẽ viết, Thầy tôi đặt sẵn một đồng tiền đánh dấu trung tâm. Gỡ đồng nào ra là viết lên chữ nấy. Ngồi lên chân, dạng gối hai bên bìa giấy, người tì lên cánh tay trái đặt sát đất, tay phải thong thả mân mê các ngón cho nhuần trước khi cầm lấy bút. Ngâm đầu bút vào mực, lăn qua lăn lại vài bận cho lông bút quyện mực dính chặt vào nhau, đặt đầu bút lên mép nghiêng ấn nhẹ cho nhả mực, rồi lại ngâm bút vào mực, ấn bút lên mép nghiêng lần khác. Cứ thế mà làm không hấp tấp, lúc thấy bút mực đã thuần thục mới dừng tay. Trên câu liễn còn tinh khôi chưa viết, đưa mắt cho tôi gỡ từng đồng tiền khỏi mặt giấy, Thầy tôi nhìn vào chỗ trống, hoa bút múa một điệu múa thần kỳ. Và trước mắt tôi, trẻ thơ thích thú, nghệ thuật hiện lên: một chữ đẹp, viết theo bút pháp chính

truyền.

Tay Thầy tôi múa nhẹ nhàng, nhưng chắc nịch. Chữ trước, chữ sau, theo một số cử động liên tục giống nhau. Nhịp viết không vội vàng nhưng không do dự. Chữ viết ra đều đặn, nhất quán. Nét chữ láng, đường mực trơn, không chấp vá. Hệt như tôi phải đọc thuộc lòng trôi chảy, không vấp váp, các bài ngụ ngôn La Fontaine với thầy Niên lớp nhất. So sánh như thế có phần gượng ép, nhưng quả các ngón tay Thầy tôi thuộc nằm lòng nghệ thuật bút pháp nhà nho. Và không phải ai cũng thuộc được nằm lòng như thế.

Các cử động Thầy tôi, vừa chi li vừa nhẹ nhàng, gieo vào mắt trẻ thơ nhiều khoái cảm. Người không am tường có thể nghĩ nhà nho hình thức lôi thôi, viết thì cứ viết đẹp là đủ, cần chi phải dụng công đến thế. Nhưng nhà nho không quen làm dáng. Nghệ thuật khác, nghi thức khác. Mà bút pháp là nghệ thuật, nghệ thuật sống, không phải là nghi thức. Nghi thức không thay đổi, quen làm ai làm cũng giống ai, và ai làm cũng được. Nhưng dã dùng bút pháp, nhà nho không phải viết, mà sống một đoạn đời nào đó của mình.

Lề thói bút pháp phải giữ hai điều :

- Viết một chữ, bút chỉ lấy mực một bận.
- Chữ viết xong mới nhấc bút, để viết sang chữ kế.

Đã hạ bút, bút không tiếp thêm mực, không cất lên khỏi mặt giấy, khi chữ viết chưa xong. Chữ, nét nhiều nét ít không đều, nét gầy nét đậm khác nhau, không phải chữ nào cũng cần một độ mực bằng nhau. Bút lấy đủ mực để không hụt mực giữa chừng. Viết, có nét trước nét sau, không lẫn lộn được. Đưa bút nhịp nhàng theo trật tự các nét chữ, không sai, không vấp. Quả đúng là hình thức, nhưng nếp theo hình thức, bút pháp lại là công phu nội tâm, nhằm hàm dưỡng hai đức lớn trong đạo làm người: kiệm ước và trung thực.

Chữ đẹp, cần bút hút đủ mực đừng. Đừng hút mực thừa, chữ sẽ nhòe thành hỏng.

Đời đẹp dủ sống (tri túc) là vừa. Giàu sang, thừa của tất hỏng.

Đã hạ bút, dừng nhấc bút nửa chừng, bỏ dở chữ đang viết, rồi viết tiếp.

Sống, không xao lãng cảnh đời đang sống, giữ cho mình trung thực với mình.

Bất dâm, bất di, bất khuất, bao giờ cũng như bao giờ. Lòng không đổi thay theo cảnh.

Lề thói như trên, không buộc ai phải theo.

Viết như viết thường ngày, có người viết cũng đẹp chán, không cần đến bút pháp gói ghém thêm chi vào chữ nghĩa.

Cũng hệt như thơ. Không ai buộc phải làm thơ.

Thợ thơ cũng chán câu trầm câu bổng, chẳng cứ phải tải hồn thơ.

Nhưng bút tháp vẫn nhiều nhà có danh, thơ vẫn có nhiều thi sĩ.

Và Trung quốc giàu những danh sư bút pháp, còn lưu tiếng đến nay. Vương Hi Chi và Lan đình phú nêu trên đây là một.

Tuổi còn thơ, tôi ngắm mặt ngoài chữ đẹp mà chưa nhuần bên trong tâm lý còn sâu. Nhưng cũng nhận ra Hán tự có chi đó thiêng liêng trong cách Thầy tôi dùng bút pháp. Tôi trân trọng chữ nghĩa thành thói quen, học theo người lớn hễ thấy chữ Hán rơi là nhặt lên. Nhặt chữ Hán, thực ra không phải là dị đoan hay tôn giáo. Chỉ là cung cách hàm dưỡng tiếp theo bút pháp, trọng hình tượng của chữ đó thôi.

Với bút pháp, Hán tự vượt lên trên chữ viết.

Trang trí lên tường, chữ Hán viết đại tự thành tranh, mang linh hồn vào mọi cảnh nhà, kể cả những nhà hàn vi nhất.

Một hiện tượng dân gian bất ngờ và phổ biến: các gia đình nghèo, kém thua người, bao giờ cũng dành tiền mua ở chợ Tết, mang về treo lên tường nhà đủ ba chữ Phúc Lộc Thọ, trên giấy đỏ lốm đốm vàng sao.

Nhà nước duy vật đẩy tôi ra nước ngoài tị nạn. Tôi mang theo hai bức trướng, mỗi bức hai đại tự, của một ông bạn viết tặng. Ông bạn là nhà sư, người đã từng làm Hoa kỳ rúng động một thời vào các năm 60 (ngôn từ báo chí Tây phương), biết tôi sùng Khổng, dùng chữ nghĩa tiễn tôi. Bàn tay nhà Phật thoăn thoắt múa theo điệu nhà nho, đưa tôi trở về đoạn đời trẻ thơ, thích thú dưới gối Thầy tôi 50 năm trước. Trên đường ly hương, bút pháp nhà sư nhắc tôi cách thế nhà nho sống an nhiên bình thản.

Nhưng đã lâu rồi, tôi không còn giữ thói quen nhặt chữ Hán rơi.

Một hiện tượng xã hội

Hàm dưỡng đạo lý là việc người quân tử chuyên tâm, theo nhiều cách thế, mà bút pháp là một. Bút pháp không phải việc làm thường xuyên, vì nhà nho ít có dịp viết trướng liễn cho mình. Nhưng lại thường viết cho người. Bút pháp loại này chủ trí thức hơn đạo lý, thuộc phạm vi giao tế và sinh hoạt hằng ngày, không phải công trình hàm dưỡng nội tâm mà là một hiện tượng xã hội rất phổ biến.

Không phải ai cũng viết được liễn đối. Nhưng nhiều người cần có liễn đối treo nhà, mỗi lúc gặp hoàn cảnh vui hay buồn, muốn ghi nhớ:

khóc vợ chết, con chết, mừng vợ mới sinh, con thi đỗ, con nên vợ chồng. Để lưu một kỷ niệm về sau, nên thuở chưa có máy ảnh, cần đến chữ nghĩa. Có nhà nho nào gần đấy mà xin chữ càng hay, nếu không, cậy một người viết mướn, viết cho vài hàng khóc vợ, mừng con.

Người viết mướn, chợ Tết năm nào cũng có mặt. Còn ngày thường, quanh quẩn thế nào cũng có người, để mời đến nhà viết giúp. Mỗi cảnh vui buồn, văn chương đã sẵn. Chọn một câu hợp tình hợp cảnh, ông ta phóng bút khóc hộ vợ cho người vừa chết vợ, hay mừng hộ con cho người mới sinh con. Bút pháp có thể họ không kém ai, nhưng đây là nghệ sống, người viết không chú ý đến thuật văn, miễn nhà chủ thù lao phải chăng, đình đám thế nào cũng được văn vẻ, nhưng chỉ bằng những sáo ngữ quen dùng.

Nếu một nhà nho nhận lời viết hộ, không có chuyện thù lao. Ai mang tiền mua được bút pháp nhà ông Yên đổ ? Mà ai có việc, lại không thèm chữ ông Yên đổ ? Còn Yên đổ, ai đến "xin chữ" ông cũng cho, bất luận sang hèn. *'Chữ Thánh hiền '*, có người đến cửa *'ăn mày'* , nhà nho không có quyền từ khước. Người viết mướn, sống nhờ chữ nghĩa, không phải lo đến văn, vì đã sẵn *xuân du phương thảo địa. . . . hạc giá vân du. . .* v. v. Còn nhà nho thì sống với chữ nghĩa, ngay cả khi viết hộ người. Gia chủ chỉ phải theo nghi thức mang ít nhiều vật phẩm đến lễ. Như cha mang quà tết thầy dạy con mình, là được. Giao tế thông thường đấy thôi, không sợ từ chối. Nếu là bạn bè cậy nhau, thì lại là dịp các cụ tùy cảnh ngộ mà phóng bút, phúng thích, đùa cợt lẫn nhau.

Nhà nho, đã mang chữ cho ai, phải là một sáng tác, không thể cho ai sáo ngữ, như người viết thuê. Ngoại trừ kẻ xin chữ quyền uy, cho hắn chữ không thú vị chi, nhưng từ chối hắn không tiện. Trong tình huống ấy, muốn không lộ liễu, nhà nho sử dụng sáo ngữ, người sành biết đấy là cách thoái thát. Nhưng có lúc sáo ngữ bất ngờ thành văn chương cẩm tú. Như câu chuyện còn truyền tụng sau đây.

Tiền quân Nguyễn văn Thành, từ Gia định mang quân nhà Nguyễn bắc tiến, đạp đổ nhà Tây sơn, chấm dứt nội chiến, thống nhất giang sơn, được Gia long phong làm Bắc thành Tổng trấn. Ông tướng dại thắng cho lập đàn truy điệu "bộ đội", tự mình soạn bài văn tế chiến sĩ trận vong chợt nhớ thuở tấm cửu treo trước gió. . . ngày nay còn làm đề tài văn học giáo khoa. Nhưng ông Thành khiêm tốn, nhường sĩ phu Bắc hà danh dự soạn cho mình đôi câu liễn dán vào hai cột cổng đền.

Danh dự này khiến làng nho Thăng long bối rối. Gần hai trăm năm sau, trí thức Sài gòn tất đã bối rối như trên, nếu Văn tiến Dũng cũng học đòi khiêm tốn như Tiền quân Thành, mà dành cho trí thức Sài gòn danh

dự tán dương bộ đội miền Bắc, sau khi mang quân cộng sản Nam tiến, đuổi tướng tá Cộng hòa chạy như có cờ, rồi thôn tính thành Phiên an.

Bị "bộ đội" miền Nam chiếm lĩnh, người Thăng long lưu luyến cựu trào có gan tày liếp cũng dám đâu từ chối. Lại không biết vượt biên, vượt biển như dân Bến nghé Đồng nai hai trăm năm sau!

Mà chìu lòng ông Tổng trấn, thì chữ nghĩa thế nào dây cho phải ? Chẳng lẽ tự mình sáng tác ai-điếu "kẻ thù". Tất phải dùng sáo ngữ tránh né. Nhưng dễ gì đào ra hai câu đối chẳng dặng dừng này, để kín đáo gởi gắm bên trong chữ nghĩa vay mượn lòng khinh miệt quân Nam cho bõ ghét. Khó lòng qua mắt, bỡn cợt ông Tiền quân! Làm đại tướng mà ông lại thâm nho, trận thắng lớn kia, bài văn tế nọ, còn hôi hổi nóng. Không biết xử trí thế nào, nên các cụ chần chờ. Một anh khóa trẻ thấy các bậc tiền bối lóng cóng, bèn đề nghị hai câu :

Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.

Câu đối khắc lên cột, ông Thành khoái mà các nhà đại khoa Bắc hà cũng khoái.

Nhưng khoái mỗi bên một cách.

Các cụ khoái, vì câu chuyện khó xử mà lại được êm xuôi. Làng khoa bảng Thăng long làm một việc tối kỵ giữa nhà nho, là rửa tay vay mượn chữ người, không muốn thốt tự chân tình, dùng sáo ngữ cung chiêm. Sự khinh nhờn này không lẽ che được mắt ông Tiền quân ? Thâm nho như ông sao không nhận ra nhỉ ? Vậy mà ông Thành vui vẻ thực tình suốt buổi lễ, đọc câu đối cười vang khoái trá, không cần giải thích theo thường lệ.

Vế trước, rút từ bài *Hoàng hạc lâu* của Thôi Hiệu.

Vế sau, rút từ bài *Lương châu từ* của Vương Xương Linh.

Hai bài thơ Đường này cổ kim truyền tụng. Nhưng tách khỏi toàn bài mỗi bài một câu làm hai vế đối, thì câu nào cũng chỉ còn trơ ý hiện, theo nghĩa đen, mất hẳn cái hay toàn bộ thi cảnh đôn trọn vào câu thơ.

Bùi khánh Đản dịch câu đối như sau.

Vế trên: "Bóng chiều đã ngả đâu làng cũ".

Thiếu cảnh lầu Hoàng hạc, thiếu cảm quan chim vàng bay mất, thiếu khung trời xưa mây trắng, thiếu cỏ thơm, thiếu sông tạnh, thiếu cây bày, câu thơ rời thi cảnh để làm một vế câu đối, nên chỉ còn nói được nỗi lữ khách nhớ nhà, bình thường và tầm thường theo ý hiện, ai cũng có lần cảm xúc như thế, đâu chờ Thôi Hiệu nói lên.

Vế dưới: "Xưa nay chinh chiến mấy ai về" .

Không có mỹ tửu, không có đạ quang, không dục ẩm, không túy ngọa, không sa trường, không có mã thượng, chỉ còn trơ lời than thở như

xin đừng ai cười kẻ háo chiến vong thân, không được trở về. Rõ là lời đè bỉm lính chết trận vô duyên.

Người không từng biết hai bài thơ bất hủ nói trên, chỉ hiểu ý hiện hai vế đối, chẳng thấy có chi đặc sắc. Nhưng đã là thơ Thôi Hiệu, thơ Vương Xương Linh, thì ai còn bắt bẻ được. Đạo văn để tránh cảnh khó xử đến như thế là tuyệt. Các cụ khoái trí vì lẽ ấy; ông Thành thâm nho, lại khoái vì lẽ khác. Sĩ phu Bắc hà đạo văn đấy Tiền quân biết rõ, nhưng không chê văn đạo, vì đạo tài tình quá ? Làng nho Thăng long không ngớt khen thầy khóa mẫn tiệp, tránh cho cả làng một tình huống khó xử. Không ngờ là đã hớ nặng. Lúc hội ý, nho sĩ Bắc thành chỉ còn biết kêu trời: văn đạo lại thành văn trác tuyệt! Tách ngoài hai bài thơ gốc, ý câu nào cũng tầm thường. Ghép hai câu lại, vế này làm khung cho vế kia, hai vế đối nhau bỗng thoát sáo vượt hẳn gốc thơ mượn, tạo một thi cảnh khác biến thành hai tiếng bi hoài của sĩ phu Thăng long khóc tử vong Gia định.

Còn chi lâm ly hơn, cho thương vong Giản phố ! Còn chi bẽ mặt cho nhân sĩ Thăng long bằng!

Giữa hai nhà nho xin nhau chữ, thì là việc giao tế trong làng, bút pháp cho người, xem như cho mình. Nếu là bạn cố tri, càng thêm cẩn trọng. Thế nào cũng cho mang đến nhà bạn hai hàng chữ mới, do mình sáng tác. Gia chủ chọn chỗ tối thượng lên tường.

Chữ nghĩa chúc tụng: thêm trọng thể cuộc vui.

Chữ nghĩa phúng điếu: tăng nét u hoài tang lễ.

Nếu là chữ của một đại nho, tiếng đồn gần xa, làm danh dự gia chủ.

Ngày nguyên đán, nhà nào cũng cần bút pháp để có vài ba chữ dán lên tường ăn Tết cho ra vẻ. Phải thay các bức Phúc Lộc Thọ Tết trước, Tết này úa chữ, úa màu. Đỏ đã nhạt, vàng đã phai, sợ năm mới mất hên. Các ngày cận Tết là những ngày mùa của người viết câu đối mướn. Mà cũng là những ngày duy nhất dân quê thấy cần chữ nghĩa.

Người viết thuê phần đông không ở trong làng nho, bán chữ không sợ làng chê. Nhà nho xem chữ nghĩa viết thuê hạ cấp không làm, nhưng không bình phẩm. Bút pháp thành nghề viết mướn, đã mang lại cho nước ta một nét đặc thù hiếm thấy: chợ Tết.

Từ thành thị đến thôn quê, Tết đến, chợ nào cũng nhộn nhịp hơn thường. Nhưng ngoài cảnh mua bán chen chúc giá đắt giá hời, không có chi thanh lịch hơn khi dân quê vây quanh xin chữ "ông Đồ". Người không biết chữ, đến mua chữ ông mỗi bận xuân về, tự nhiên thành ra văn vẻ. Ông đồ già, quen gọi ông như thế bất luận ông có dạy học hay không, áo xanh ngày lễ bạc màu, khăn lượt chít đầu sờn nếp, ngồi khom lưng trên tờ

giấy đỏ rảy phẩm vàng óng ánh, mọi người chăm chú nhìn mấy ngón tay gầy múa bút viết nên từng chữ mực đen nhánh. Mầu sắc và chữ nghĩa đánh vào tâm tưởng mọi người, dù có biết chữ hay không. Cảnh tượng đẹp mắt này, mươi lăm ngày trước Nguyên đán, lôi cuốn người đi chợ Tết như đi hội, để mua sắm mừng xuân, và có dịp làm quen với chữ nghĩa. Nhưng dần dà theo đà học mới, thành thị thôn quê đổi khác, cảnh ông đồ già viết thuê chợ Tết đi vào quên lãng, còn trơ lại chỉ mấy vần bi hoài dưới đây của Vũ đình Liên.

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua
Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượngmúa rồng bay

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu ?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu. . .

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay.
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài giời mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ ?

Chợ Tết là dịp người viết thuê kiếm được khá tiền, đỡ cảnh túng quẫn quanh năm. Chữ nghĩa và pháo nến, dân quê phải sắm đủ. Ăn một cái Tết tưng bừng trong cảnh xuân sang, con người muốn thay mùa theo vạn vật. Người nước ta ham học hành, thích sách vở, có lẽ cảnh mua chữ chợ Tết phần nào đã là nguyên nhân tâm lý chiều sâu.

Không gian đạo lý

Bút pháp mang tính đạo lý và xã hội. Không hẳn là thầy đồ, người viết thuê tất cũng đã có học hành, thuần thục giá trị tinh thần sân Trình cửa Khổng, có là viết thuê cũng không dùng chữ nghĩa ngoài vòng lễ giáo. Nếu lại là nhà nho cầm bút, dù có cho ai sáo ngữ, vẫn muốn răn đời. Mà răn đời là chuyện đạo lý.

Nhà nước bao giờ cũng dựa trên đạo lý trị dân. Nếu tỉnh nào có ai góa chồng đang tuổi thanh xuân, ở vậy nuôi con không đổi tiết, tỉnh thần phải trình tấu về triều. Nhà vua ân tứ bốn chữ: ' Tiết hạnh khả phong', tưởng thưởng người quả phụ đức hạnh, năm mươi năm còn dư lệ khóc chồng. Đấy là một bức hoành nền vàng chữ đỏ. Bút pháp triều đình không đẹp cũng là sang, phải thượng lên gian chính giữa nhà, và hạ những gì đã treo sẵn trước, dù một bức đại tự của một bậc đại nho. Của vua ban làm danh dự cho nhiều thế hệ hậu sinh.

Dưới mọi hình thức, bút pháp biểu hiện tinh thần nho học, ảnh hưởng trên nếp sống chung cả nước. Hơn hai nghìn năm qua, Khổng giáo vẫn còn phổ cập sâu rộng ở thôn quê, nơi ngày xưa nhà nho thường sống và mở trường dạy học. Đạo thánh thầy dạy trẻ con, dân quê tôn trọng thầy đồ, theo con em mà vâng phục những lời thầy giáo huấn. Phụ huynh chịu chung ảnh hưởng, đến cả người không biết chữ, cũng thấm nhuần lễ nghĩa. Những đêm trăng sáng họp ở đình làng đập thóc, trai gái được dịp hẹn hò qua lời ca giọng hát đối đáp nhau, có muốn trao đổi ân tình cũng giữ trong vòng lễ giáo, phải đạo làm người. Họa hoằn mới xảy chuyện trên bộc trong dâu lãng mạn.

Từ phương Tây đến du nhập vào Đại việt đã năm trăm năm, sách vở nhiều, giáo sĩ học thức cao, đạo Chúa vẫn chưa bén đất nông thôn đến như thế. Bài giảng trên núi không ra ngoài các giáo đường nguy nga, để thần học Do thái Ky tô có hy vọng thay chỗ cho lễ giáo nước ta. Đạo làm người mà Thầy tôi sống đã nhẹ nhàng ngấm dậm vào tâm hồn tôi, không phải qua một lời giảng nhật tụng nào.

Thế mà ở trường Thiên hựu, ngồi chung với bạn học người Pháp và người Nam Thiên Chúa, tôi đã phải học đạo Ky tô thật kỹ.

Để xưng tụng ông Ngô đình Diệm, tay chân ông thường xem ông là thần tượng, trước sau vẫn đề cao ở ông tinh thần dạo Khổng. Không biết đấy là điều đạo Ky tô tối kỵ.

Một hình thức giao tế xã hội

Cố nhiên bút pháp đã ứng dụng rộng rãi trong phạm vi giao tế xã hội. Nếu miếng trầu là đầu câu chuyện các bà, thì bút pháp là then chốt giao tình, giữa bạn hữu các ông với nhau. Làng nho thường nghèo túng, chỉ có chữ nghĩa để làm quà nhau. Bạn bè gặp điều tang tóc, nhà nho không chia buồn suông. Bạn bè ăn mừng hạnh ngộ, nhà nho không chia vui bằng quà cáp. Đây là những dịp mượn bút pháp mà phơi bày tình bạn: hoặc tiếc thương người quá vãng, hoặc tán dương tư cách bạn hiền. Vài hàng liễn đối bày tỏ tình cảm chân thành tự mình thảo, tự mình viết. Tối kỵ là sáo ngữ. Vắt óc mà thảo mà viết, chứ không phải chuyện làm lấy có. Để cho bạn biết lòng mình quí bạn. Không vật phẩm nào làm quà sang hơn chữ nghĩa. Một món quà như thế, nếu là chữ của một đại nho, tiếng truyền ra, bạn bè tranh nhau đến dự lễ để thưởng thức, khiến đình đám thành linh đình, hay tang tóc thêm bi thiết.

Nếu là giữa các bậc đại nho, không phải chỉ là vấn đề giao tế chia buồn chia vui với nhau, mà còn là chuyện văn chương rất thú vị trong làng. Đình đám xong, còn là dịp vượt quá vòng giao tế mà nói chuyện chữ nghĩa, thưởng thức trướng liễn treo đầy tường gia chủ. Ai chọn câu nào, xướng lên câu ấy cho cử tọa cùng nghe, rồi nêu lên giá trị chữ nghĩa được dùng, vạch các điển tích ẩn bên trong. Hậu sinh học chưa đến nơi, nhân đấy mà học. Chẳng khác một bài giảng văn cao học thời nay. Có chi vấp váp, có ngay thầy chỉ dẫn. Thường thường không bàn đến lối văn cử tử, vì không phải lúc luyện thi. Trong phạm vi giao tế, cử tọa có thể phóng túng tìm đến các nghĩa lý "Ngoại thư". Đây là dịp hạng sinh đồ thưởng thức cái học quảng bác của các bậc thầy, biết thêm về tư tưởng bách gia, những tư tưởng mà Tam trường không dung nạp. Tập diễn giải các hình ảnh mà vài ba chữ bút pháp trên liễn đối vẽ nên, tìm ý nghĩa ẩn trong mỗi câu mỗi chữ. Trò không kham, đã có thầy sẵn đó, chỉ dẫn tận tình. Vì cũng là dịp các cụ tranh nhau hơn kém. Tuy là phần khổ học, nhưng thầy khóa nào cũng ham học, không từ nan. Vì có nhiều thú vị, khi ý nghĩa các ẩn dụ được dịp phơi bày thấu đáo, mình không ngờ được, nếu cái học còn non.

Hán tự bản chất cô đọng. Năm ba chữ trình bày đủ ý. Mà ý nhiều, nên chữ nghĩa thường ẩn dụ. Ẩn dụ là nghệ thuật Hán văn. Phải tinh thông chữ nghĩa, thuộc lòng điển tích, có biết ngoại thư, rành trò chơi chữ, mới đủ trang bị để phơi bày những gì được ẩn dụ bên trong vài ba chữ cô đọng. Các môn đồ vui mà chịu khó để rộng thêm kiến thức. Nhưng là dịp các cụ vượt ra ngoài vòng cử tử, đưa văn chương ra khỏi đạo Tam trường, tìm đến các trường phái nghịch với nền học Khổng chính truyền.

Cao ly, Nhật và ta, thường gọi là đồng văn với người Tàu. Nên người không tinh, dễ tưởng ta và Tàu văn hóa giống nhau. Chế độ thi cử mấy trăm năm qua dùng Hán tự và lấy Khổng học làm chính thống, đã tạo một vẻ ngoài dễ khiến hiểu lầm như thế. Hồ Quí Ly và Nguyễn Huệ đã hai bận, cách nhau hơn ba trăm năm, mang cái học Nôm thay cho học Hán, nhưng không bền, thành ra đâu lại hoàn đấy.

Nhưng mặt thực đời sống xã hội hai dân tộc khác hẳn nhau. So sánh phụ nữ Trung hoa và phụ nữ Việt nam chẳng hạn, cả hai đều vắng mặt ngoài xã hội, nhưng địa vị họ khác hẳn nhau trong gia đình. Người đàn bà Tàu, đối với chồng con, không có cái quyền uy mềm mại của người đàn bà Việt.

Sinh hoạt xã hội nước ta đã có qui củ từ lâu, trước khi bị người Tàu đô hộ. Trung hoa cho ta mượn chữ, mượn trường, khai triển nền học chung giữa hai dân tộc. Nhân đấy ông cha ta mở mang văn học, phát triển văn hóa theo Tàu phần nào, nhưng học thuật vẫn giữ bản sắc văn hiến uyên nguyên vốn đã khác Trung quốc. Nhà nho nước ta bị trường ốc kiềm hãm theo cái học chính thống để thi cử, đã biết lợi dụng các ngày hội dân gian, các đình đám này khác, nằm ngoài các câu thúc cử tử, mà phô diễn bản sắc dân tộc, nêu rõ khác biệt giữa nước ta và nước Tàu. Cùng một học thuật, cùng một đạo lý, nhưng các mẫu số chung này du nhập vào nước ta, ứng dụng vào con người bản thổ, đã tạo nên một nền văn hiến khác. Người Việt, sống trong nề nếp gia đình có sẵn, sinh hoạt trong một xã hội có qui củ rồi, đã biết ứng dụng văn hóa Trung quốc mà tôi luyện cho mình một cá tính riêng, những giá trị tinh thần đặc biệt, để không thành người Hán.

Cái học chính thống bó buộc quá đáng tư duy, thành ra đình đám lẽ lược là những cơ hội nhà nho thoát ra ngoài vòng học thuật phải đạo, đào bới những giá trị đích thực, những chân lý đặc biệt. Các cơ hội như thế, phần nào mở một không gian xuất sáo cho tư tưởng con người, khiến cho việc giao tế trong xã hội mang nhiều thú vị.

Bút pháp châm biếm thóa mạ

Người nước ta có tính hài hước. Hình thức hài hước nhẹ nhàng thường nhật, là việc bông đùa giữa dân gian bằng lời ăn tiếng nói. Nói qua nói lại cười chơi một lúc rồi thôi, không ai để ý đến nữa.

Nặng hơn một bậc, là hài hước bằng các câu hát, câu vè, câu sấm, do hiện tượng truyền miệng, nên câu chuyện không dễ một lúc mà dứt được, còn nhắc đi nhắc lại, có khi mãi đến con cháu về sau vẫn chưa quên.

Trạng Quỳnh tiêu biểu cho hình thái này, trong dụng ý châm biếm hơn là đùa cợt.

Cả hai hình thức hài hước bằng miệng này đều nôm na, nên dễ hiểu ngay. Nhưng khi hài hước vượt bực trở thành thóa mạ, phải dùng đến chữ nghĩa, thì lại khác Đây là hình thức châm biếm nhắm vào hạng người quyền uy trong xã hội, có thể gặp phản ứng tai hại, nên phải bí hiểm tột độ. Phải nhờ đến chữ nghĩa, dùng ẩn dụ để có thể vừa cay, vừa kín, nên phải là chữ Hán. Ẩn dụ bằng Hán tự rất hợp, vì ít người hiểu thấu. Nhưng dùng hình thức ẩn dụ, phải là người hay chữ và chơi chữ thạo, rành thuật nói lái, như Trạng Quỳnh. Dùng chữ, thì thường lẫn lộn nghĩa Hán nghĩa Nôm. Và nghĩa mỗi chữ có thể lái qua lái lại tha hồ. Ai muốn hiểu thế nào tùy ý. Rành rành là những lời nịnh văn hoa, nhưng chủ ý thóa mạ, kẻ phàm phu không tài nào nhận ra ẩn dụ, nếu không có người chỉ dẫn. Phải thực mẫn tiệp mới khám phá ra điều thóa mạ được gói ghém bên trong những lời tán tụng quá đà.

Thời Quốc trưởng Bảo đại, vào các năm 50, một thủ tướng từ Sài gòn ra kinh lý Bắc phần, được đón tiếp trọng thể ở Thăng long, nơi làng nho còn đông. Bốn chữ đại tự, trên một cổng chào đồ sộ, đập vào mắt mọi người: *Đại Điểm Quan Thần* (người đứng đầu trăm quan).

Ông thủ tướng này tinh thông Hán học, lại là người mẫn tiệp. Chữ nghĩa đơn sơ, nhưng lời ca tụng ông quá ngọt, ông khoái trí thưởng ngoạn không kịp suy nghĩ gì khác.

Lễ chào mừng chấm dứt, nghĩ lại một tích tắt, ông hiểu ra, thì đã trễ.

Phải thực hay chữ mới chơi chữ đến chỗ thần kỳ như trong câu chuyện trên. Nhưng các bậc đại nho không hạ mình mang chữ nghĩa để ẩn dụ mà thóa mạ người. Nhà nho bình thường, nói chung như Thầy tôi, hay chữ đến đâu cũng không cho cách chơi chữ nhục mạ này là hay.

Tôi nhắc đến câu chuyện để tỉ dụ, nhưng không nhắc tên người và không diễn giảng thêm, là trọng tinh thần ấy của cha.

Hồ Sĩ Khuê

(trích từ *Hình Bóng Cũ*, nguyên tác viết bằng tiếng Pháp, tác giả tự chuyển sang tiếng Việt)

* Một vài học giả dùng hai chữ "thư pháp" để dịch chữ *calligraphy*, thay cho hai chữ "bút pháp" thường dùng để dịch chữ *style*.

Chú giải của Tòa soạn Văn Học

Ngăn ngắn

SỬ MẶC

ƯỚC
Muốn như lúc chỉ còn hai đứa
nhìn trời mây
và lắp bắp
tỏ tình

XA
Xa thẳm một trần mây
tóc rụng xuống
trán ngày
thiên thanh

PHẦN
Ờ mà thôi bề gì
mình cũng đã
sinh ra

MẮT CÁ
Trên mắt cá
cuộc đời thấp lủn chủn
bước đi rồi
dẫm tội
một trần ai
thôi
dã trót nợ người
dăm hít thở
cũng vi vu
chiều phố thị
bay dài .

SỬ MẶC
decembre 2001

Trịnh Thanh Văn: Nhà văn hương thổ được trao giải thưởng quốc tế.

Tạ-quốc-Tuấn

Năm 1999 trong số 115 người dự tranh giải Kiriyama Pacific Rim Book Prize, một giải thưởng được lập với mục đích khuyến khích các nhà văn không phải là người Âu-Mỹ, có một người được ban giám khảo, vốn ngay từ đầu có khuynh hướng thích những tác phẩm nào chú trọng đến khung cảnh và phong khí địa phương, đã chấm cho giải nhất vì là "người kể chuyện khéo léo, có tài của Đài-loan. Các tác phẩm của ông vừa đặc biệt về ý thức thời gian vừa phổ cập về đề tài." Người đó là nhà văn Đài-loan Trịnh Thanh-văn và tác phẩm được trao giải thưởng là tập truyện *Ngựa Ba Chân*, gồm 12 truyện ngắn, một tác phẩm tiêu biểu cho dòng Hương Thổ Văn Học Đài-loan(1).

Ở Đài-loan rất ít có nhà văn kiên nhẫn lặng lẽ sáng tác trong hơn 40 năm như Trịnh Thanh-văn. Tuy ông không tạo nên một chấn động lớn nào trên văn đàn Đài-loan, nhưng tên ông vẫn được nhiều người mến phục.

I. Tiểu Sử

Trịnh Thanh-văn sinh năm 1932 trong một gia đình nông dân ở làng Tân-trang thuộc huyện Đào-viên tại bắc bộ Đài-loan.

Tân-trang, mà ông gọi một cách đơn giản là "cựu thôn" trong rất nhiều tác phẩm, là một ngôi làng nhỏ ở phía nam có một con sông tên là Đạm-thủy, từ lưu vực Đài-bắc chảy ra eo biển Đài-loan ở đỉnh cực bắc hòn đảo, mà ông gọi là "đại thủy" (sông lớn) trong nhiều tác phẩm. Đối với Trịnh Thanh-văn, con sông này đã in sâu trong lòng và chi phối một phần cuộc đời của ông từ nhỏ cho đến khi lên trung học. Ông đã có lần viết: "Con sông lớn này chẳng những chứa nước mà còn chứa cả lịch sử và

thời gian nữa. Khi mất ta ngang với mặt nước ta sẽ thấy nó bao la vô cùng. Từ cái viễn cảnh đó ta sẽ thấy mỗi gợn sóng tiêu biểu cho sự hằng cửu."

Năm lên 1 tuổi, ông được một ông cậu, chủ một cửa hàng bán bàn ghế ở Tân-trang, đã nhận làm con nuôi vì không có con trai.

Sau khi học xong bậc tiểu học ở trường làng, ông lên Đài-bắc theo học hai bậc trung và đại học. Tuy nhiên, trong khi còn đi học, về mùa đông cũng như những kỳ nghỉ hè ông lại về quê, nơi ông ra chào đời, để làm ruộng.

Thành tích đáng kể nhất của Trịnh Thanh-văn là mãi tới năm 13 tuổi ông mới học nói Quan thoại và viết Hoa văn.

Ông sinh trưởng trong một gia đình bản thổ nên chỉ nói tiếng Đài-loan, phương ngôn phiến (còn gọi là "thứ phương ngôn") miền nam của Mân phương ngôn (còn gọi là Mân ngữ, Phúc-lão thoại), một trong bảy phương ngôn chính của Trung-quốc(2), thường được gọi là Mân-nam thoại. Mặt khác, ông lớn lên trong những năm cuối cùng của thời Nhật thuộc (1895-1945), vì vậy, theo chính sách của nhà cầm quyền đô hộ Nhật-bản lúc bấy giờ, trong 6 năm tiểu học, cũng như mọi học sinh khác ở Đài-loan, ông chỉ được học có Nhật ngữ và các môn học cũng chỉ được giảng dạy bằng Nhật ngữ.

Tuy nhiên, năm ông tốt nghiệp tiểu học cũng là năm Nhật-bản đầu hàng các nước đồng minh trong trận Thế Chiến thứ II (tháng 8 năm 1945) và trao trả Đài-loan cho Trung-quốc. Từ đó, Hoa ngữ, hay nói cho đúng hơn Quan thoại, là chuyển ngữ chính trên toàn đảo, mà cái vốn Hoa ngữ của ông thì hầu như không có, mặc dù ông cũng bập bõm biết được một vài chữ. Vì vậy khi đột ngột phải chuyển từ Nhật ngữ sang Hoa ngữ, ông cảm thấy mình như là một người ngoại quốc lạc lõng nơi quê hương ông.

May là vì hãy còn nhỏ tuổi nên ông đã chóng bắt được thứ ngôn ngữ mới mẻ đối với ông là Hoa ngữ. Ông mua một quyển từ điển rất đắt tiền để học và từ đó các bài luận văn viết bằng Hoa ngữ của ông được các giáo sư khen. Cũng vì vậy ông thấy hứng thú trong việc viết văn. Còn cái vốn Nhật ngữ ông học được trong 6 năm tại ghế nhà trường đã giúp ông rất nhiều cho việc thu thập và phát triển kiến thức văn học sau này của ông.

Sau khi tốt nghiệp trung học năm 1951, Trịnh Thanh-văn kiếm được việc làm ở một ngân hàng công là Hoa-nam Ngân Hàng và 3 năm sau ông thi đậu nhập học Quốc Lập Đài-loan Đại Học. Ông học ngành quản trị kinh doanh. Tốt nghiệp đại học với văn bằng đại học sĩ (tức cử nhân) ông quay trở lại làm việc ở ngân hàng xưa cho đến khi về hưu năm 1998.

Trong hơn 40 năm làm việc ở ngân hàng ông chẳng bao giờ xin đổi ban hay lên cấp, lên chức, và công việc của ông không bao giờ quá bận

rộn nên sau giờ làm việc ông có thể rảnh rang đọc sách và viết văn.

Trong khi còn học ở đại học ông thích đọc các tác phẩm văn học viết bằng Nhật ngữ và Anh ngữ. Ông thích các nhà văn Nga như Anton Chekhov, Leo Tolstoy, Boris Dostoyevsky, nhưng ở Đài-loan trong thập niên 1950 những tác phẩm của họ rất khó kiếm. Khi ông thấy bản dịch Anh ngữ quyển Anna Karenina của Leo Tolstoy ông liền mua về đọc từng chữ từng chữ một và phải dùng một vài cuốn từ điển để tra nghĩa. Ngoài ra, ông cũng học được đôi chút Pháp ngữ vì trong tác phẩm có một số từ Pháp ngữ được để nguyên không dịch. Phải mất một năm ông mới đọc xong truyện.

II. Đại Cương Về Các Tác Phẩm

Trịnh Thanh-văn bắt đầu viết văn khi còn ở đại học và tác phẩm của ông đầu tiên được đăng trong phần văn học của một tờ nhật báo lớn ở Đài-loan năm 1958. Từ đó ông viết được hơn 200 truyện ngắn, 2 truyện vừa, một số bài tản văn và vài truyện nhi đồng. Các truyện ngắn của ông sau được in lại thành bộ *Trịnh Thanh-văn Đoản Thiên Tiểu Thuyết Toàn Tập* và các bài tản văn được in thành tập *Đài-loan Văn Học Đích Cơ Điểm*.

Một số tác phẩm của ông đã được dịch ra ngoại ngữ và xuất bản ở các nước Anh, Mỹ, Nhật-bản và Nam-tư.

Các tác phẩm của Trịnh Thanh-văn phần lớn trình bày một cách sống động với khá nhiều chi tiết mọi khía cạnh của Đài-loan xưa cũng như nay. Ông tìm thấy nguồn cảm hứng và kho tàng tư liệu hầu như vô tận của ông nơi tình trạng hết sức tế nhị của quê nhà, Đài-loan, trong một thời đại có quá nhiều biến đổi từ chính trị đến xã hội, kinh tế, kỹ thuật, công nghiệp, nơi rất nhiều hạng người bất lực trước những hoàn cảnh khó khăn, trắc trở, không cách vượt qua.

Trong hơn 200 truyện ngắn ông vẫn giữ được phẩm chất cao. Mỗi truyện có một nhân vật chính qua đó, với những nét bút nhẹ nhàng pha lẫn dây đó một chút màu sắc là những chi tiết cụ thể nhưng rất chính xác và ngôn từ thật đơn giản, ông vẽ lên một bức họa với một thời gian, một không gian và một hoàn cảnh đặc biệt của Đài-loan xưa hoặc nay.

Các nhân vật trong các truyện của Trịnh Thanh-văn là những con người tỉnh lẻ hay thôn trấn bình thường, có dính dáng đến hay nằm ở trong một vụ xung đột nào đó, như xung đột giữa đàn ông và đàn bà, giữa cha mẹ và con cái, giữa thành thị và thôn quê, giữa hai lối sống cổ truyền và hiện đại, giữa văn hóa nông nghiệp và văn hóa thành thị.

Ông tạo nên những anh hùng, những phản anh hùng hay phi anh hùng giữa những hình ảnh của một thị trấn cổ mà không có một cảm giác, một ý thức hoài cổ nặng nề nào, mặc dù ông đã chứng kiến nơi ông sinh trưởng đã chuyển mình từ một thị trấn thành một ngoại ô đông đúc của thành phố Đài-bắc.

Trịnh Thanh-văn đã có lần nói: "Xã hội không thể nào không phát triển. *Đôi lúc tôi cũng cảm thấy như mất mát một cái gì, nhưng cái cảm giác ấy không quấy rầy tôi nhiều.*"

Các nhân vật trong các tác phẩm của Trịnh Thanh-văn không có những yêu thương giận ghét, tham vọng thất vọng, ăn năn hối hận, ngay cả những cuộc tình éo le, những đam mê, sầu hận, hung bạo. Tuy rằng nhiều nhân vật sống một cuộc đời đầy phong ba bão táp, lên bổng xuống trầm, đầy đay dứt, nhưng Trịnh Thanh-văn chỉ kể ra bằng một vài hàng tóm tắt thôi, chứ không kéo dài liên miên. Đó là một điều hiếm thấy trong các nhà văn hiện tại ở Đài-loan. Tuy nhiên, cũng vì thế mà có một vài nhà phê bình cho rằng Trịnh Thanh-văn là tiếng nói đơn độc trong giới tiểu thuyết Đài-loan.

Ông không phóng đại "tình trạng nạn nhân" của các nhân vật ông tạo dựng, như không ít tác giả Hương Thổ Văn Học khác đã làm. Giản Nghĩa-minh, tiến sĩ văn học Trung-quốc ở Quốc Lập Thanh-hoa Đại Học, đã đưa ra nhận xét rằng: "Đối với Trịnh Thanh-văn không có cái gì gọi là ngày xa xưa tốt đẹp cả. Ông không ngần ngại bộc lộ những vấn đề của quá khứ hay những khuyết điểm của những nhân vật già cả."

III. Tác Phẩm Được Trao Giải Thưởng: Truyện *Ngựa Ba Chân*

Tác phẩm được chọn trao giải thưởng Kiriyama là tập truyện ngắn *Ngựa Ba Chân*, một tác phẩm tiêu biểu cho tư tưởng và bút pháp của Trịnh Thanh-văn.

Truyện Ngựa Ba Chân, cũng là nhan đề của tập truyện, được đặt vào thời gian Đài-loan mới quang phục sau 50 năm bị Nhật-bản đô hộ. Đó là chuyện một ông già có hai điều bất hạnh nhất trong đời là có một lớp da lang ben trắng trên mặt chạy đến mũi, và đã làm việc cho cảnh sát thực dân Nhật-bản và nhiều lần phản bội đồng bào, mà động cơ chính là vì thời thơ ấu ông đã bị chế diễu vì lớp da lang ben trắng. Để chuộc lại lỗi đã làm việc cho cảnh sát thực dân Nhật-bản, một việc mà người Đài-loan gọi là "tam cước" (ba chân), là sống nửa đời còn lại của mình khắc những con ngựa ba chân có nét mặt u uất. Tuy nhiên, dường như ngay cả việc khắc ngựa này cũng không giúp được gì cho ông. Truyện còn nói lên những

giai đoạn đau thương trong cuộc sống con người dưới áp lực của các đổi thay chính trị.

Truyện Vị Thân Sĩ Cuối Cùng là câu chuyện một ông già vốn vẫn lấy làm kiêu hãnh sống một cuộc đời nho nhã, uy nghiêm, cao quí của mình, phải đi dự đám tang một người bạn già. Ông mặc bộ quần áo trắng phai bạc, lỗi thời trang.

"Bộ quần áo mà ông đặt may ở tiệm từ lâu nay đã hơi rộng. Có lẽ vì là ủi nhiều mà vải đã dãn ra chăng? Không, người ông đã teo lại. Ông vẫn nghe nói rằng khi về già con người thường sẽ teo lại, giống như vải bị co. Nhưng giờ đây, người ông đã co lại chứ không phải là vải. Hơn nữa, người ta càng già bao nhiêu thì người càng co nhanh bấy nhiêu, tựa hồ như là sớm muộn gì đó con người sẽ biến mất hoàn toàn."

Lúc ông già nghĩ đến cái chết của người bạn, ông ước mong được chết sớm hơn để cho đám tang ông có thể được cử hành ở công sảnh, như vậy mới xứng đáng với địa vị của ông. Chẳng may công sảnh của cựu trấn đã biến thành một rạp hát rồi.

Cuối cùng, khi vai chính trong truyện gần chết, ông ta giác ngộ và lòng bình thản, chứ không còn cảm thấy sự khinh miệt nữa.

"Ông lại nằm xuống giường và nhắm mắt. Sau khi vào buồng tắm, ông thấy dễ chịu hơn nhiều. Một lần nữa ông thấy mình mặc bộ đồ trắng, nằm sõng sượt trên giường. Ánh mặt trời chiếu qua cửa sổ. Thật là thanh thản biết chừng nào."

Truyện còn nói lên tình trạng suy tàn nhanh chóng của thị trấn nơi Trịnh Thanh-vân sinh sống biến thành ngoại ô đầy nghẹt người của thành phố Đài-bắc.

Truyện Thiên Lôi Sẽ Bắt Ngươi tả một cách dí dỏm, nhẹ nhàng, một bà già lúc nào cũng bị những kỷ niệm thời chiến tranh và đói rét ám ảnh nên đã nhiều lần lăn xả vào cướp lấy những miếng cơm thừa canh cặn khách ăn bỏ lại trong tiệm ăn của con trai bà.

Mặt khác, truyện Đêm Thu nói về một bà mẹ chồng lúc nào cũng hy sinh bản thân cho chồng con và cô con dâu đanh đá luôn luôn thách thức uy quyền của bà mẹ chồng. Đây là hai nhân vật độc giả không thể ngờ là đã có trong một xã hội cực kỳ bảo thủ như Đài-loan vốn chịu ảnh hưởng sâu đậm của Nho giáo.

Trái với truyện Đêm Thu là truyện Tổ Khúc Bên Sông. Đó là câu chuyện mối tình câm của một anh lái đò trẻ tuổi mà dù là trời mưa hay nắng lúc nào cũng đứng canh chừng cửa cổng một ngôi nhà cũ kỹ, như bị thôi miên nhìn người con gái giặt quần áo hàng ngày một tay ôm thúng quần áo bẩn một tay cầm guốc gỗ đi xuống bờ "đại thủy". Anh chàng cứ

nhìn cô nàng như vậy trong 5 năm trời nhưng chưa hề trao đổi một lời nào với cô nàng cả, mặc dù trong lòng anh chàng càng ngày sự say mê thèm muốn cô nàng càng lên cao như một tổ khúc 4 đoạn. Tất cả chỉ là một bản nhạc không lời. Trịnh Thanh-văn đã diễn tả cuộc tranh đấu nội tâm của anh chàng lái đò bằng việc mô tả những đợt sóng cuồn cuộn và nước chảy điên cuồng trên sông trong một trận bão.

Nếu như truyện Con Muỗi nói về cuộc sống bất hạnh của một người đàn ông ở rể tại nhà vợ thì truyện Mưa Xuân thuật lại sự đắc thắng của một con người mới đầu sống trong cô đơn nghèo túng. Đó là chuyện một người lớn lên trong một cô nhi viện đã nhận thức được rằng cuộc sống của con người không nhất thiết là phải giới hạn vào trong gia đình của mình, mà phải biết nới rộng ra bao trùm các gia đình khác. Vì thế ông đã quyết định nuôi một số cô nhi làm con nuôi. Lúc ông lặn lội qua mưa bão tới mộ vợ để báo tin mới nuôi một đứa con trai thì chung quanh ông cây cỏ bắt đầu đâm bông kết nụ do trận mưa mang lại một sức sống mới cho vạn vật. Trời đất tượng trưng cho sự hy vọng mà một cuộc tái sinh sẽ mang lại.

IV. **Bút Pháp**

Trong những tác phẩm của Trịnh Thanh-văn không có những hấp dẫn kích thích, giật gân, thường thấy trong nhiều tác giả đương thời.

Ngay trong bầu không khí gay cấn của truyện Mái Tóc, khi tả đến lúc chặt đầu một thiếu phụ vì tội đã ăn cắp một con gà, Trịnh Thanh-văn cũng đã biết tự kìm chế ngòi bút của mình. Câu chuyện đến hồi gay cấn nhất là chặt đầu thì tác giả lại kể là chỉ chặt những lọn tóc của nữ tội phạm thôi.

Một đặc điểm khác là trong các tác phẩm, Trịnh Thanh-văn rất chú trọng đến các chi tiết.

Ông đã có lần nói: "Một trong những quan tâm chính của tôi là trình bày các khía cạnh đặc biệt của một sự kiện. *Đôi khi không còn cách nào khác để kể một câu chuyện hay. Nếu mà các chi tiết có thể thuyết phục độc giả được thì ngay cả các nhân vật, các tình tiết giả tưởng cũng có vẻ là thật.*"

Thí dụ trong truyện Mưa Xuân, ông đã tả một cảnh cây cối như sau:

"Vài cây có hương thơm đã bắt đầu ra nụ. Lá cây và những đầu ngọn cỏ lau năm ngoái từ từ héo chết, những lá cây mới đang dần chiếm chỗ, làm tăng thêm vài nét xanh tươi trên những ngọn cỏ gai đỏ tía. Phải, đúng là những ngọn cỏ gai mới, có phải không? Nhưng cỏ lau là một loại cây

mọc cuối hạ đầu thu, thế nhưng tại sao nó lại gia nhập đám tụ hội mới mọc mùa xuân này?"

Ông hỏi: "Làm sao người ta biết được cỏ lau mọc thành cỏ gai vào mùa xuân?" và tự trả lời: "Người ta phải đi đến tận nơi xem chính mắt mới thấy."

Đôi khi những cảnh tả tỉ mỉ trong truyện bắt nguồn từ những kinh nghiệm thời thơ ấu ở làng của ông.

Thí dụ trong truyện Tân-lang Trấn, cảnh cấm mạ rút từ kinh nghiệm bản thân của ông. Giữa hai mùa lúa nông gia rất có ít thì giờ để dọn sạch những rạ lúa của mùa gặt trước còn sót lại nên người làm ruộng thường lấy chân dẫm lên rạ cho nó chìm xuống dưới bùn.

"Đây đó trên đống bùn mới cày đảo ngược còn sót lại những chùm rạ lúa nhô lên. Có những rạ nhô thẳng lên cao, có những rạ nghiêng nghiêng về phía này hay về phía kia, lại có những rạ chổng ngược dưới nước. Vì lúa mới cắt gần đây nên những rạ lúa hãy còn sắc nhọn... Đôi khi bùn dính đến nỗi cô cảm thấy như có những con đỉa quấy quanh chân... Mỗi lần cô bước đi, bùn lách qua giữa những ngón chân làm cho các ngón tõe ra."

Đặc điểm nổi bật nhất trong các tác phẩm của Trịnh Thanh-văn là ngôn ngữ đơn giản.

Quách Tố-diêu, một nữ giáo sư trung học dạy môn văn học Trung-quốc, cho biết lý do tại sao bà cho các học sinh đọc truyện của Trịnh Thanh-văn:

"Theo ý tôi, Trịnh Thanh-văn là nhà văn duy nhất ở Đài-loan đã thoát ly khỏi lối viết truyền thống của Trung-quốc. Lần đầu tiên đọc một truyện của ông tôi cảm thấy như mình đang đọc một bản dịch từ Nhật ngữ vì các từ dùng trong truyện rất đơn giản và câu văn lại ngắn."

Trịnh Thanh-văn, một người rất hâm mộ lối viết đơn giản của Anton Chekhov, Ernest Hemingway, James Joyce, Sherwood Anderson, tránh dùng các thành ngữ 4 chữ thường thấy trong tác phẩm của các nhà văn Trung-quốc khác. Hơn nữa, ông tương đối ít dùng tính từ và trạng từ.

Ông lại thường viết những lời đối thoại mà chẳng cần giới thiệu điệu bộ hay giọng của người nói. Có khi toàn một truyện chỉ gồm những lời đối đáp thường nhật. Ông đã nói: "Đối với tôi, ngôn ngữ không phải chỉ dùng để chuyên chở ý nghĩ mà tự nó còn nói lên một điều gì. Chẳng cần phải dùng đến thành ngữ hay thuật ngữ mà người ta vẫn có thể diễn tả được điều gì một cách rất dễ dàng."

V. **Kết Luận**

Qua những mảnh đời của các nhân vật trong truyện, Trịnh Thanh-văn đã nói lên những thay đổi trong nửa thế kỷ qua của đồng quê Đài-loan, điển hình là ở Tân-trang, nơi ông sinh trưởng. Trịnh Thanh-văn kể chuyện xã hội Đài-loan bị thay đổi qua các tầng lớp nhân vật, câu chuyện người đi từ nghèo đến giàu, từ một xã hội bị đủ mọi thứ cấm kỵ về chính trị cũng như đạo đức trở thành một xã hội bỏ ngỏ và dân chủ với đủ mọi bi kịch cũng như hài kịch.

Điều người đọc có thể thấy rõ ràng là chủ đề của các tác phẩm của Trịnh Thanh-văn là lòng lân mẫn. Trong các tác phẩm nhà văn đề cao tình thương xót.

Trịnh Thanh-văn trước hết là một con người trầm tĩnh và ổn định. Chính vì vậy, qua một cuộc sống bình thản, ít biến cố, ông đã tự tạo cho mình thành một con người bàng quan, đứng bên ngoài khách quan nhìn những người, những vật, những việc trôi qua trước mắt.

Đối với ông, viết không thay đổi gì cả mà là dịp để ông tìm hiểu chính mình. Đó là, theo lời ông, "phép màu nhiệm của ngôn ngữ".

Các tác phẩm của Trịnh Thanh-văn không cám dỗ độc giả với những cảnh lòe loẹt muôn màu nghìn sắc, những hoa ngôn mỹ ngữ, cũng không nhằm nêu lên một vấn đề trọng đại để lôi cuốn sự chú ý của độc giả. Ông đã từng nói: "Mỗi người phải tự tìm lấy một con đường để đi trong đời. Là một nhà văn, tôi muốn tìm một nơi nghỉ ngơi cho linh hồn trong một nước không có một tôn giáo chính thống nhất định. Trong tiến trình tìm kiếm này tôi chợt khám phá ra được một vài chân lý tuy bề ngoài có vẻ đơn sơ mộc mạc nhưng lại có ý nghĩa hết sức cao thâm."

Sau cùng, những cuộc tranh đấu của các "tiểu nhân vật", của các con người bé nhỏ trong các tác phẩm của Trịnh Thanh-văn không có những cái lãng mạn, những cái màu nhiệm như trong tác phẩm của nhiều nhà văn khác, mà chỉ là những chi tiết thực tế của cuộc sống hàng ngày thực sự, với những tiếng cười sung sướng, những tiếng khóc đau buồn do biết bao nhiêu là biến chuyển đã mang lại hạnh phúc cũng như bất hạnh cho một Đài-loan hiện tại.

Chú Thích

(1) Về dòng Hương Thổ Văn Học, xin xem hai bài của chúng tôi: (a) Hương Thổ Văn Học: Nền Văn Học Để Kháng Hướng Về Đồng Quê (Văn Học, số 182, th. 6/2001); (b) Hai Nhà Văn Tiêu Biểu Cho Tiểu Thuyết Hương Thổ (Văn Học, số 184, th. 8/2001).

Lời cuối cho người

XUYÊN TRÀ

Khi ta chết, xác thân này đã trả
Vướng bận gì cát bụi những ba sinh
Người ở lại, góp, chia, lời an ủi
Chờ mai sau bia mộ có tên mình

Khi ta chết, đất nơi nào cũng vậy
Thịt xương này đâu trở lại quê hương
Nơi sông núi mạch nguồn ta cắt rốn
Là trăm năm người hát khúc đoạn trường

Khi ta chết, không có lời di chúc
Chỉ lượng đời nhang khói tỏ lòng nhau
Người hoan hỉ thứ tha điều khó hiểu
Đóa nguyên xuân bờ giác mãi tươi màu

Khi ta chết, xin ghi lòng tạc dạ
Cảm ơn người, bao nghĩa nặng tình sâu
Em đừng khóc huyệt mồ ta sẽ lạnh
Linh hồn kia không ra khỏi địa cầu.

(2) Sáu phương ngôn kia là: (a) Bắc phương phương ngôn (còn gọi là Quan thoại phương ngôn, Bắc-kinh thoại và ngày nay ở Hoa lục gọi là Phổ thông thoại, còn ở Đài-loan gọi là Quốc ngữ), (b) Ngô phương ngôn (hay Ngô ngữ, Giang-Chiết thoại), (c) Tương phương ngôn (hay Tương ngữ, thường gọi là Triều-nam thoại), (d) Cám phương ngôn (còn đọc là Cống phương ngôn, thường gọi là Giang-tây thoại), (e) Khách gia phương ngôn (còn gọi là Ma-giới thoại, Thổ Quảng-đông thoại, Tân-dân thoại, và người Việt-nam gọi là tiếng Hẹ), và (f) Việt phương ngôn (hay Việt ngữ, Quảng-đông thoại, Quảng-phủ thoại; chớ lầm với Việt ngữ của người Việt-nam).

Tịnh Hương

khúc gửi theo TCS
cho ngày 1 tháng 4

Người vừa đi vắng
Mưa vừa nắng giữa chiều
Người còn đâu đây
sao cổng khép dìu hiu.

Người như ảo giác
Tôi còn mơ những giấc mơ
rồi tan
rồi tàn
rồi hư vô hết lòng thơ .

Người bay vào nắng
Nắng có buồn hơn mưa?
Người vẫy tay như lửa
rừng nghi ngút sương
trên núi đồi.

Tôi mãi chơi dùa bóng
dưới mưa tro
trong nắng say
Có ai về ngồi thắp
một nhánh hương
rụng cuối ngày...

ĐINH TRƯỜNG CHINH
18.3.2002

Nhật ký Huế

Trịnh Công Sơn

Lời Tòa soạn: *Một văn hữu vừa tặng Văn Học một di cảo của Trịnh Công Sơn, viết vào dịp Huế tổ chức Festival năm 2000. Di cảo này chưa hề được phổ biến ở đâu, và mang nhiều tâm sự của TCS năm cuối cuộc đời. Văn Học xin đăng tải di cảo quí giá này, thay cho nén hương tưởng niệm nhạc sĩ Trịnh Công Sơn nhân ngày giỗ đầu 1.4.2002 của ông.*

* Đã lâu lắm tôi không ra khỏi nhà để thực hiện những chuyến đi xa. Thế rồi nó trở thành một thói quen. Một thói quen không hiểu là tốt hay xấu. Nhưng dù sao đó cũng là thói quen của một người không có sức khoẻ tốt hoặc đã đạt đến một thứ tuổi lười. Đã từng có những cuộc mời mọc trong vài năm nay để ra nước ngoài nhưng tôi đều từ chối. Và khi kiếm được một cớ nào đó để từ chối mà không phụ lòng người mời, tôi bỗng thấy lòng thảnh thơi, nhẹ nhõm.

* Tháng 4 năm nay ở Huế có tổ chức Festival 2000. Tôi không được mời, nhưng điều đó không có gì quan trọng. Bởi vì rất nhiều người khác cần được mời hơn tôi cũng không được mời. Đã hiểu lý do làm sao mà có một sự thiếu sót như thế thì cần phải viện đến những cơ sự rất phức tạp, thậm chí lạ lùng khó hiểu.

* Thành phố Huế là thành phố của những đứa con thân yêu của Huế, chứ không phải chỉ để dành riêng cho một số người. Càng không phải chỉ để dành cho một thế lực nào đó. Quê hương là quê hương chung, chứ không phải quê hương của riêng ai. Vì thế cho nên muốn làm đẹp cho quê hương cũng phải được chia đều.

* Thế mà cuối cùng tôi cũng đến Huế trong những ngày nằm giữa bề dài của cuộc Festival. Tôi đã sẵn sàng tham dự một vài buổi trình diễn không lấy gì làm hứng thú. Những bữa ăn không mùi vị, thậm chí là nhạt nhẽo. Nhưng tôi không mất nụ cười và sự vui tươi hồn nhiên, vì tôi là

thằng con của Huế. Tôi an ủi đám bạn bè cùng đi là hãy vui đi, vì đây là xứ sở của tôi.

* Khi bạn có một xứ sở để trở về hoặc là để thỉnh thoảng trở về, thì bạn còn có hạnh phúc nhiều lắm. ở đó bạn có một dòng sông, một ngọn núi, và bạn tìm lại được những đứa bạn một thời tóc xanh nay đã lốm đốm bạc đầu. Bạn sẽ gặp một cô gái Huế bất chợt trên đường và hỏi rằng: Huế bây giờ có gì lạ không em? thì lập tức, hoặc tình cờ cô gái ấy sẽ đọc lại hai câu thơ của Bùi Giáng:

Dạ thưa phố Huế bây giờ
Ngự Bình vẫn đứng bên bờ sông Hương.

* Huế trăm năm trước và trăm năm sau không có gì thay đổi. Nó hình như muốn giữ trọn một lời thề sắt son, không bao giờ thay lòng đổi dạ. Đó là nét đáng yêu của một thành phố, nhất là một thành phố rất cổ kính. Tuy nhiên thời đại này người ta không cho phép một thành phố với những con người cứ mải mê ngủ hoài trên những vàng son của quá khứ hoặc ôm mãi những giấc mộng huyễn hoặc trên những tàng kính các.

* Huế lần này đã kéo tôi ra khỏi cái góc nhà nhỏ hẹp của tôi. Nếu không có Huế trong dịp Festival này, chưa chắc tôi đã rời được nơi ẩn trú của mình. Tuy vậy, xét cho cùng, không phải vì Festival lôi cuốn sự tò mò của tôi, mà chỉ đơn giản chính là Huế. Tôi về Huế chính vì Huế chứ không phải vì Festival Huế 2000. Nếu nói một cách chính danh, thì đây không phải là một Festival trong đúng nghĩa của nó. Tổ chức luộm thuộm, không có một không khí hội hè đúng như yêu cầu, và thực sự nhìn chung, người dân của Huế không tích cực lắm trong việc chia sẻ một niềm vui chung.

* Dù sao tôi cũng cảm ơn một cái cớ nhỏ để tôi đi giang hồ vặt trong vài ngày ở Đà nẵng, Hội an và Huế. Ngày xưa, thời còn trẻ lắm, những chuyến đi chơi nhỏ mọn này không thể nào đủ để làm nguội bớt máu giang hồ trong tôi. Bây giờ thì những chuyến đi ngắn cùng đông đảo bạn bè cũng tạm an ủi cho những giấc mộng phiêu lưu không còn thực hiện được nữa.

* Huế là người yêu của tôi, là giấc mộng của tôi. Nhưng bây giờ tôi còn Sài gòn và Hà nội. Tôi thấy đâu cũng là quê nhà. ở đâu tôi cũng có giấc mộng và tình yêu. Và vì vậy, đôi lúc tôi không còn cảm thấy mình thuộc về một xứ sở nào nữa. Nhưng ngẫm cho cùng, thì Huế vẫn là quê nhà của tôi, và ngày nào Huế chưa phụ bạc tôi, thì tôi vẫn là đứa con không bị từ chối của Huế.

Trần Doãn Nho, từ chỗ chênh vênh *

(Trò chuyện với nhà văn Trần Doãn Nho)

*** Triều Hoa Đại thực hiện**

Triều Hoa Đại (THĐ): Thưa anh Trần Doãn Nho, mặc dù với tên tuổi của anh thì chẳng còn mấy ai xa lạ gì, tuy vậy, trước khi chúng ta bắt đầu cho buổi nói chuyện hôm nay, tôi vẫn muốn xin phép anh được nhắc lại một phần tiểu sử để độc giả dễ theo dõi những gì chúng ta sẽ "thảo luận" ở dưới đây. Anh có đồng ý không cho tôi làm cái công việc ấy?

Trần Doãn Nho (TDN): Xin anh tùy nghi.

THĐ: Nhà văn Trần Doãn Nho sinh năm 1945 tại Huế, theo học ở Huế và Sài Gòn, những năm trước 75 ông đã từng một thời viết báo rồi chuyển qua làm cho đài phát thanh và rồi sau đó dạy học. Sau 75 ông cũng như bao nhiêu người khác đã vào tù ra khám để rồi " nghề" sau cùng để sinh sống qua ngày là nghề đi buôn. Năm 1993 cùng với gia đình định cư ở Hoa Kỳ tiểu bang Massachussetts. Về văn nghiệp những năm ở trong nước ông đã cộng tác với: Bách Khoa, Văn, Tân Văn, Vấn Đề, Khởi Hành, Đối Diện (trước 1975), ông còn viết những bài dịch thuật cho các báo: Sông Hương và Kiến Thức Ngày Nay (sau 1975). Hiện nay ông cộng tác với các tạp chí như: Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, Việt, Văn, Phố Văn và một vài tờ báo địa phương khác. Về tác phẩm, ông đã cho xuất bản "Vết Xước Đầu Đời" (tập truyện, nhà xuất bản Thanh Văn, 1995), hai năm sau đó là "Căn Phòng Thao Thức" (tập truyện, nxb Thanh Văn, 1997). Năm 1999, tạp chí Văn Học đã in một tập tiểu luận của ông với nhan đề "Viết và Đọc" (tiểu luận văn học). Cùng năm ấy nhà xuất bản Văn Mới đã in "Loanh quanh những nẻo đường" (ký). Và bây giờ, chúng ta lại được hân hạnh đọc truyện dài *Dặm Trường* (Văn Mới, 2001), tác phẩm mới nhất

của ông.

Thưa anh Nho, chỉ trong vòng trên dưới năm năm mà anh đã gửi tới người đọc 5 tác phẩm "nặng " ký như vậy thì quả thực, sự làm việc của anh dẻo dai quá.

TDN:Thưa anh Triều Hoa Đại, dẻo dai thì có, nhưng "nặng" ký thì chắc không. Cuốn nào cũng xoàng xoàng vậy thôi, gọi là cho có mặt với đời.

THĐ: William Faulkner cho rằng ấy chẳng qua vì người nghệ sĩ ma quỷ xúi giục mà viết, còn với nhà văn Võ Phiến thì "chẳng qua thấy người ta viết nên truyện hay,thơ hay, thì mình đọc rồi ham, rồi bị lôi cuốn mà liều lĩnh viết theo. Vớ vẩn vậy thôi". Với ông Võ Phiến thì là thế, còn riêng anh "cái vớ vẩn" nào "xúi giục" mà lại dính vào cây viết, lọ mực như vậy?

TDN: Hồi nhỏ, mười một mười hai tuổi, đọc truyện trinh thám "Bàn tay máu", "Chiếc áo cà sa nhuộm máu"...mê quá, tự nhủ lớn lên sẽ viết một cái truyện có cái tựa đề gì đó có chữ "máu". Nhưng đến mười bảy, mười tám tuổi, mê mấy cô học trò đi học ngang nhà, bèn tập tễnh làm thơ tình và viết thư tình tưởng tượng, viết riết một hồi đâm quen, sau này cứ thế...mà viết luôn. Chắc cũng vì dại mà ra cả.

THĐ: Tôi nghe đâu khi viết truyện dài Dặm Trường anh đã "cửa đóng then cài" một thời gian, điều đó thực hư thế nào.

TDN: Tôi bắt đầu viết những chương đầu của "Dặm trường" khi mới qua Hoa Kỳ, năm 1993. Sau đó, vì bận bịu công ăn việc làm, và cũng vì muốn có mặt trên văn đàn, nên viết truyện ngắn và ký rồi tiểu luận văn học, nên thỉnh thoảng mới viết một hai chương, để đó. Có khi một năm sau mới đem ra viết tiếp. Cứ thế nên mãi không xong. Năm kia (2000), sau tập ký "Loanh quanh, những nẻo đường" in xong, tôi thấy thế cũng đủ, nên ngưng hết mọi việc để viết cho xong truyện dài.

THĐ: Thế so với truyện ngắn thì viết truyện dài có khó không anh?

TDN: Không phải khó mà cũng chẳng phải dễ, thưa anh. Nhưng có lẽ viết truyện dài mệt hơn truyện ngắn, lý do là vì nó phải ...dài, nhiều diễn biến, rồi phải nhập vào nhiều vai khác nhau, rồi àsửa lui sửa tới, rồi

xé, rồi xóa, rồi nản chí. Như người leo núi, leo hoài leo mãi sao chẳng thấy đến, có lúc chán, dẹp, không muốn viết nữa, vứt bản thảo vào một góc, quên bẳng cả mấy tháng, có khi cả năm, rồi tình cờ, dọn dẹp, thấy những trang chữ của mình nằm lăn lóc ở đó, tội nghiệp, bỏ thì thương, sương (mang) thì nặng, lại cầm lên, viết. Đại loại là thế, thưa anh.

THĐ: Và (cũng nghe nói thôi) hình như trục trặc kỹ thuật sao đó để rồi anh phải viết lại đến gần 200 trang đã viết xong từ trước?

TDN: Vâng. Tôi thường không viết thẳng vào computer, mà viết trên giấy, khi thì viết trong sở làm, khi thì ở nhà, khi thì ở trên xe trong lúc đợi chờ vợ đi chợ hay đi shopping..., viết cho có, cho đầy trang. Cuối tuần rảnh mới bắt đầu "đánh" lại vào computer, nói "đánh" lại chứ thực ra chẳng khác gì viết lại. Hè năm kia (2000), viết như thế được gần 200 trang, computer bị "virus" sao đó, chúng biến mất sạch không còn một dấu vết. Nản quá, tôi định bỏ luôn dự tính...cho đến hai tháng sau, mới hoàn hồn, bắt đầu viết lại.

THĐ: Có độc giả nói với tôi như thế này "Hai nhân vật nữ trong Dặm Trường: Hạnh và Hồng (nhất là Hạnh) sao có vẻ lẳng lơ quá, thiếu chính chuyên. Rồi, người ta nghĩ ngay đến Loan trong Đoạn Tuyệt, Loan thì có vẻ "tây" quá, "tiểu thuyết" quá, còn Hạnh và Hồng sống buông thả và "nhuốm mùi tục lụy". Nhận xét ấy có quá đáng không?

TDN: Tôi cho rằng không nhận xét nào của độc giả (dĩ nhiên, với tư cách độc giả) là quá đáng cả. Trong trường hợp "Dặm Trường", nhận xét đó, với tôi, có thể hiểu là một lời khen, vì đề tài của DT là sự tha hóa của con người trong một xã hội tha hóa mà. DT viết về giai đoạn từ 1980-1985, đó là giai đoạn cao điểm của công cuộc đổi đời ở miền Nam Việt Nam. Có thể nói đó là giai đoạn của những tan vỡ, ngược ngạo, phản trắc, ly tan, đê hèn, tráo trởHầu như tất cả những nhân vật của DT đều là "hư hỏng", mỗi người hư hỏng một cách, nhất là Hạnh và Hồng, hay nói theo kiểu của anh, là lẳng lơ, thiếu chính chuyên. Thì đại loại cũng như Nguyễn Du viết về một gái điếm là nàng Kiều vậy. Hiểu theo một nghĩa nào đó, Hạnh là một loại "nàng Kiều" của giai đoạn lịch sử đó. Có điều, Kiều - dưới ngòi bút của Nguyễn Du - là một nhân vật chính diện, một gái điếm nhưng không tà dâm, một gái điếm bị ép buộc, một gái điếm có vẻ dàng hoàng. Thành thử đọc Kiều, ta thấy thương, thấy tội cho cô gái. Còn trong DT, không có nhân vật chính nào là "chính diện", mà đều là nhân vật

"phản diện" trong một xã hội đầy dẫy những "phản diện" hồi đó. Nhưng anh để ý, chung quanh Hạnh và Hồng cũng nhiều người chính chuyên dấy chứ, nhưng họ chỉ hiện lên như những bóng mờ. Thực ra, DT không có ý đề cập đến những người chính chuyên, vì những người chính chuyên đã được quá nhiều tác giả viết rồi, tôi có viết thì cũng chỉ sao chép lại thôi. Tôi chọn viết về những người "hư hỏng". Có điều, thay vì lên án họ, thay vì trình bày họ như những kẻ xấu xa, bất túc, tôi viết về họ như là những con người, con người trong cái thế chênh vênh muôn thuở của nó, chênh vênh giữa thiện và ác, giữa sự đoan chính và lòng tà dâm, giữa sự thánh thiện và ước muốn phạm tội, giữa lòng hướng thượng và xu hướng bản năng, giữa thái độ ý thức và những thôi thúc vô thức. Trong mỗi một người, có chứa đựng một con người khác. Có hai cô Hạnh trong Hạnh, có hai cô Hồng trong Hồng. Nếu anh gặp Hạnh và Hồng ngoài đời, anh có lẽ sẽ thấy họ như những người bình thường thôi, thậm chí cũng đoan chính như ai vậy. Đoan chính đôi khi chỉ là mặt nạ và hư hỏng biết đâu là lại không có ít nhiều nhân bản.

THĐ: Hai nhân vật Mười Giộc và Út Vực phải chăng là những nhân vật tiêu biểu cho lớp người sau bao năm "đốt đuốc soi rừng"?

TDN: Tôi không có ý định chọn nhân vật nào là tiêu biểu cho ai cả. Mỗi nhân vật tự đại diện cho chính nó.

THĐ: Người ta đã tìm thấy trong Dặm Trường tiếng kêu khắc khoải của một con chim xa bầy. Anh có hoài công không khi một xã hội băng rã, lớp trí thức hoặc là "lạc đạn" hoặc là trùm chăn thì chỉ một mình anh khản cổ kêu gào nơi đồng không mông quạnh?

TDN: Anh thấy như vậy à? Riêng tôi, khi viết ra, tôi nghĩ đến một điều khác.

THĐ: Nghĩ một điều khác? Điều khác ấy là điều gì vậy, thưa anh?

TDN: Nghĩ đến thân phận con người trong khi đối đầu với những tình thế cực đoan. Khi bình thường, khi đắc thời chẳng hạn, X. là giáo sư, Y là bộ trưởng, Z là thiếu tá, A là tiến sĩ, B. là một người đoan chính... - nghĩa là mỗi người được nhìn qua cái vỏ bên ngoài. Khi không bình thường, nghĩa là khi thất thời, tình thế (riêng hay chung) bị đẩy đến chỗ cực đoan, người ta trở thành những "thân phận", trần trụi, chới với, trôi

nổi, bơi lặn trong cuộc nhân sinh đa đoan, phiền trược. Lúc đó, Hạnh, hay Hồng, hay Lục hay X. hay Y. hay Z. hay B. hay...tôi đều không còn là Hạnh hay Hồng hay Lục hay X,Y,Z,B hay tôi nữa mà chỉ còn là những..."thân phận". Xét như một "thân phận", thì xấu-tốt, đê hèn-cao thượng, phải-trái...trở thành những khái niệm nhập nhằng, nếu không muốn nói đến chỗ đó, thì dường như ở một số người, chúng thoải mái ...sống chung với nhau.

THĐ: Phần kết thúc cho *Dặm Trường*, anh đã "cho" Hạnh và Lục gặp nhau bên một dòng suối. Và, chuyện gì tới nó sẽ phải tới...

TDN: Tôi đâu có "cho" họ gặp nhau? Họ "tự" gặp đấy chứ.

THĐ: Ừ, thì thế cũng được đi. Nhưng có điều người ta nói với tôi rằng: Chim quen tổ, vợ chồng quen hơi. Ấy vậy mà sau khi tình tự "đã đời" họ mới nhận ra nhau là chồng,vợ, cảnh này xem ra có vẻ gượng ép thế nào ấy, lại có vẻ xác thịt quá (nhất là người đàn bà) trái với tinh thần Đông Phương nhiều. Anh có cần "biện bác" gì không?

TDN: Không có gì phải biện bác anh ạ. Truyện thế nào thì nó ra thế đó thôi, tự bản thân truyện nó biện bác, chứ tác giả, một khi nó đã ra đời rồi, cũng đành chịu. Thông thường thì người ta thích mọi sự đều diễn ra hợp tình, hợp lý, và không quá xa sự thật. Kết thúc của DT, nếu có thể gọi đó là một "kết thúc", đều nằm ngoài cả ba cái đó. Để khỏi gượng ép, đâu có khó gì, phải không anh. Chỉ cần thêm một chương nữa hay thêm vài ba đoạn văn giải thích cho suông là ...xong ngay. Nhưng tôi muốn chọn (hay bịa - viết là bịa mà, tội gì tôi không bịa!) kiểu kết thúc này, một loại kết thúc tựa như giả thiết. Anh để ý mà xem, trong suốt truyện có biết bao điều vô lý, tưởng như không thể nào có trong cuộc sống, ấy thế mà chúng lại là sự thực, chẳng hạn như cả chuyến tàu đều bị tuôn hết hàng hoặc chuyện đổi tiền năm 1985, hay chuyện xây dựng cái gọi là "xã hội chủ nghĩa" hay gần đây hơn vụ 11/9. Thực mà như giả, giả lại như thực. Biên giới giữa thực và giả (hay ảo) không lúc nào mỏng manh như thời này. Có điều, nếu độc giả lưu ý cách đối thoại, khung cảnh, sẽ thấy cái cảnh cuối cùng chỉ là một cảnh giả, hay nói như nhà văn Phạm Xuân Đài, *"chương cuối là một chương mang không khí siêu thực. Sự việc diễn ra như một tượng trưng, một cô kết thoát khỏi mọi thực tế tàn nhẫn của cả một bi kịch dài (à). Ngay đối thoại của họ sau đó cũng như những lời vang vọng từ đâu đó của hoang dã"* (Phạm Xuân Đài, Đọc Dặm trường, *Thế kỷ 21* số

150, tháng 10/2001). Tất cả chỉ là do lòng "tơ tưởng" đi đến chỗ "hoang tưởng" của anh chàng tù nhân Lục vắng đàn bà lâu ngày mà ra. Khi viết chương này, tôi nghĩ đến cái thời hồng hoang, thời của Adam và Eva sau khi phạm tội. Tôi cũng nghĩ đến Hạnh như một bóng ma, có thể lúc đó đang bị chìm tàu trong một chuyến vượt biên nào đó ngoài khơi Thái Bình Dương, một loại thần giao cách cảm àtóm lại, là giả thiết. Thú thật, cho đến lúc đó và kể cả giờ này, tôi cũng chẳng biết Hạnh ở đâu và ra sao rồi nữa.

THĐ: Cô Hạnh vẫn bình yên chứ chẳng ra sao cả,theo tôi nghĩ . Và, thưa anh cô Hạnh của DT thì cũng giống như cô Quỳ của Bình Nguyên Lộc giờ này vẫn còn ở nơi quê nhà, ở với ruộng đồng thân thuộc, ở với câu hò điệu hát. Vậy thì bây giờ anh đã yên tâm chưa? Nhưng có điều này, có phải là anh đã áp dụng cái mà người ta vẫn gọi là "hiện thực hoang dường" không?

TDN: Thú thật, trong lúc viết DT, tôi đọc lại "Trăm năm cô đơn" của Garcia Marquez. Nhận thấy lối viết của ông phù hợp với "ý đồ" của mình, tôi thử bắt chước lối viết hư hư thực thực của ông, bắt chước tí chút thôi. Có lẽ, nếu anh để ý, tôi cũng sử dụng kỹ thuật này trong chương 36, phần mô tả chuyến đi chơi trong rừng của Hồng và Lục.

THĐ: Hẳn là vì vậy mà ngay ở lời mở của Dặm Trường anh đã cho rằng: "viết là bịa". Người đọc (tôi nghĩ vậy) chắc cũng mong cái số phận long dong, những "hoa trôi bèo giạt" của cô Hạnh cũng chỉ là cái "bịa" để cho cuộc đời nó tươi sáng hơn, nó tốt đẹp lên, anh có cùng ý nghĩ và chia xẻ như thế hay không?

TDN: Tôi không lạc quan như anh.

THĐ: Và, nếu vẫn theo anh : "Viết là bịa" thế thì những gì đã viết ra từ trước và trong Dặm Trường hoàn toàn là "bịa" cả sao? Tôi, không nghĩ như vậy thế thì phen này phải nhờ anh "giải thích" hộ hư thực thế nào?

TDN: Bịa, trước hết, tôi muốn nói, những địa danh, nhân danh trong truyện chỉ là những sản phẩm hoàn toàn hư cấu, không nhằm ám chỉ một ai ngoài đời cả. Bịa, sau đó, có nghĩa là...bịa thôi. Văn chương, nghĩ cho cùng, chỉ là cái thêm vào trong cuộc sống mà thôi, chẳng có gì ghê gớm lắm đâu. Cuộc đời vốn buồn, bịa thêm cho vui ấy mà.

THĐ: Đến phần cuối của truyện dài thì anh lại bảo: "Viết xong, đọc lại, muốn viết lại từ đầu .Nhưng quá muộn. Nó đã ra đời mất rồi" . Ủa, có chuyện đó nữa sao? Mà (chuyện này chỉ với riêng anh và tôi thôi đấy) anh nói thực hay là"bịa" đấy?

TDN: Có thể là thực. Cho đến giờ, sau khi DT in thành sách, tôi chưa hề can đảm đọc lại một giòng nào cả.

THĐ: Vì sao, thưa anh?

TDN: Vì thấy những gì mình viết ra, sao mà nó ...tệ thế! Hơn nữa, hình như "gia bị" hơi nhiều.

THĐ: Thôi thì cái thực và cái "bịa" chỉ có trời biết, đất biết và anh biết. Nhưng giả tỷ như anh có thể "thu hồi" lại được thì cái anh định viết lại nó sẽ như thế nào?

TDN: Tôi sẽ cố gắng viết cho nó đỡ tệ hơn.

THĐ: Trong số những nhân vật ở truyện dài Dặm Trường anh ưng ý và vừa lòng nhân vật nào nhất, nhân vật ấy có phải đã đại diện cho anh không? (ý tôi muốn nói là khi đọc xong người ta biết ngay là Trần Doãn Nho chứ không là ai khác?)

TDN: Đối với người viết, nhân vật nào cũng có vai trò của nó cả, thành thử không có chuyện ưng ý hay không ưng ý. Nhân vật nào cũng có một phần của Trần Doãn Nho trong ấy: có cái hư hỏng của Hạnh, có cái bệnh hoạn của Hồng, có cái bạc nhược của Lục, có cái gian manh của Mười Giộc, có cái du đãng của Thuận, có cái đứng đắn đầy nguỵ tín của Túya

THĐ: Trong *Dặm Trường* có nhiều đoạn, nhiều câu được anh viết lại nguyên văn từ truyện "Cái giá của mùa xuân" trong Vết Xước Đầu Đời, có phải chăng anh muốn cho người đọc hiểu rằng đó là một sự "nối dài", một sự kế tiếp những dang dở, dở dang mà trước đây anh chưa hoàn chỉnh?

TDN: "Cái giá của mùa xuân" là trích đoạn của DT. Một trích đoạn khác, chương cuối, cũng đã được in ở Hợp Lưu nhiều năm trước đây, tựa

đề "Rằng từ ngẫu nhĩ...".

THĐ: Về phần kỹ thuật khi viết truyện thì sao, anh có chú trọng nhiều lắm không?

TDN: Mỗi nhà văn khi viết đều chọn cho mình một cách viết, tạm gọi là phần kỹ thuật đi.

THĐ: Tôi nhận thấy, hình như DT toàn là sự kiện và sự kiện, đó là cách viết mà anh chọn để viết?

TDN: Tôi chọn lối viết theo kiểu cổ điển, có chương hồi, có phân đoạn, cốt chuyện theo diễn tiến thời gian, hầu như không có ẩn dụ. Tôi để cho sự kiện tự chúng nói những gì cần nói, tôi tránh tối đa sự can thiệp của tác giả, nhất là tránh những giải thích dài giòng và triết lý vụn vặt. Giai đoạn xã hội trong DT là một giai đoạn, như anh biết, không có triết lý, siêu hình, đó là một xã hội bị đánh vỡ ra từng mảnh vụn và được nhà cầm quyền ráp lại theo một kiểu khác. Con người, trước tình cảnh đó, hướng mới thì chưa thấy, mà nền tảng cũ hoàn toàn bị khước từ và phủ nhận. Ai cũng sống với hiện tại chung quanh, không ước mơ, không dự phóng, không quá khứ và cũng chẳng tương lai. Hạnh, Hồng hay Lục, Thuận như anh thấy chẳng khác gì những con người giả.

THĐ: Anh sống và thương yêu những nhân vật của anh như thế nào? Có bao giờ đang đêm anh tung chăn ngồi dậy chỉ để viết lại những gì đã viết lúc ban chiều mà nhân vật của anh nói rằng "tại sao ông viết tôi như thế này, tôi phải như thế kia mới đúng chứ?"

TDN: Có, thưa anh. Tôi đã nhiều lần gặp phải những tình huống như thế. Tạo ra hai nhân vật Hạnh và Hồng trong DT chẳng hạn, tôi trải qua bao nhiêu phen đau đáu, trăn trở. Tôi có viết bài "(Những) nhân vật của tôi và tôi" trên tạp chí Văn, số tân niên Nhâm Ngọ, bàn về những kinh nghiệm của mình trong việc "chế tạo" các nhân vật.

THĐ: Là một nhà văn đang sống nơi xứ người, tôi chắc rằng một đôi khi anh cũng bắt trước Hồ Dzếnh "Nhớ nhà châm điếu thuốc", để rồi thấy mình cô đơn và nghiệm ra một điều "chỉ đi xa, mới tìm lại quê nhà" ?

TDN: Vâng, kiểu như Camus trong "Lưu đày và quê nhà" (LõExile et le Royaume): quê nhà là cái gì đã mất đi.

THĐ: Nói cho cùng thì ở nơi đâu cũng có những nhầm lẫn, nhưng có lẽ ở quê hương chúng ta thì nhầm lẫn có đây. Một trong những nhầm lẫn to lớn nhất dưới mắt nhà văn Trần Doãn Nho là gì?

TDN: Người Cộng Sản muốn tạo ra một xã hội theo kiểu "tiền chế".

THĐ: Có thể sửa chữa được không và bằng cách nào?

TDN: Bỏ hết những mô hình tiền chế, áp đặt. Để cho xã hội phát triển tự nhiên theo trào lưu chung của thế giới bây giờ là dân chủ và tự do.

THĐ: Khi viết "Bánh xe đỏ" (dày 5000 trang) nhà văn Solzhenitsyn đã phải bỏ ra 12 tiếng đồng hồ cho một ngày và 13 năm mới hoàn thành tác phẩm ấy. Dặm Trường (dày 579 trang) đã trải qua gần 7 năm mới có được, anh có nghĩ là những nhà văn An Nam ta (nói chung) và với riêng anh chúng ta đã viết không được nhanh lắm hay không. Nếu thế thì vì lý do nào vậy?

TDN: Solzhenitsyn là một nhà văn chuyên nghiệp. Tôi chỉ là một người viết để giải trí. Vui thì viết mà buồn thì thôi.

THĐ: Trước đây nại cớ phải đồn mọi nỗ lực cho chiến tranh nhưng nay đất nước đã thanh bình, vậy mà chúng ta vẫn chưa có được một tác phẩm "lớn" ngoại trừ cuốn Kim vân Kiều. Theo anh vì sao lại có sự trễ nải ấy?

TDN: Đất nước ta chưa có người có chí lớn đủ về mặt văn chương.

THĐ: "Chưa có người có đủ chí lớn về mặt văn chương" ? Tôi nghĩ là ông vì ngay tình hoặc vì cao hứng mà nói chơi vậy thôi (tôi hy vọng là như thế). Bởi vì, trước đây có người vẫn tự "sắc phong" cho mình là một trong "bốn ngôi sao bắc đẩu" trên vòm trời văn học đấy ông ạ.

TDN: Vậy thì, xin được "bái phục" người đó.

THĐ: Ông cho phép tôi dông dài một tý nhé,trên đây ông đã đề cập đến văn chương,thế còn trên phương diện chính trị thì sao, ông có nghĩ là đất nước của chúng ta có người xứng đáng đối đầu với thế giới chưa. Nếu

như có thì người đó là ai vậy?

TDN: Tôi không có ý kiến về chuyện này.

THĐ: Người Cộng Sản VN sau khi chiếm được phần đất còn lại họ đã tự hào rằng: Thống nhất đất nước là cái công của họ. Vậy theo ông thì họ đã có công hay đã có tội với đất nước?

TDN: Người CS tự hào cả vạn chuyện chứ đâu có phải chuyện thống nhất không mà thôi, thậm chí họ còn tự hào với cả cái thất bại và sai lầm của họ nữa kìa. Còn chuyện "công" hay "tội" là chuyện của lịch sử. Vả lại, đó là vấn đề lớn của cả một dân tộc, đâu có đơn giản chỉ trả lời như kiểu đánh "chẳng, lẻ" được, vậy xin anh miễn cho.

THĐ: Nói đến lớn, nhỏ anh có một tia hy vọng nào không trong tương lai Việt Nam chúng ta rồi thì cũng sẽ có một hoặc hai Cao Hành Kiện?

TDN: Không. Hơn nữa, hà cớ gì phải là Cao Hành Kiện?

THĐ: Anh nghĩ thế nào về văn học và những người đang làm văn học như chúng ta hiện nay sống lìa xa tổ quốc?

TDN: Chúng ta yêu người Việt, yêu đất nước Việt và yêu tiếng Việt. Văn học hải ngoại là sản phẩm tất yếu của những cái "yêu" ấy.

THĐ: Như anh thấy, tình hình văn học ở hải ngoại không có gì đáng lạc quan. Vậy theo anh thì văn học của những người lưu vong chúng ta sẽ "thoi thóp" đến bao giờ?

TDN: Cho đến lúc nào không còn ai viết nữa.

THĐ: Thế còn độc giả thì sao?

TDN: Trước đây thì tôi có nghĩ đến độc giả. Nhưng giờ thì không. Chúng ta viết và chúng ta đọc nhau. Nếu không đọc nhau nữa thì tự đọc. Nói như ai đó, mình viết mình đọc. Riêng tôi, tôi cứ viết, đù không ai đọc. Được nhìn thấy những gì mình suy gẫm hiện lên thành chữ là một niềm hạnh phúc rồi, thưa anh.

THĐ: Arthur Schlesinger khi cho rằng "bất cứ điều gì khích thích người ta đọc tiểu thuyết và tranh luận về giá trị của tiểu thuyết đều được coi là một chiến thắng văn chương" anh có đồng ý vậy chăng?

TDN: Nói "chiến thắng văn chương" thì lớn quá. Văn chương là văn chương, đâu có cần gì đến chiến thắng với không chiến thắng, vì nếu văn chương có một đối thủ, thì đối thủ lại là chính nó.

THĐ: Và, như vậy một khi độc giả "tranh luận" về Dặm Trường thì theo anh có nên không (điều đó có phải là "Một chiến thắng văn chương") không?

TDN: Đó là quyền của độc giả, tôi không có ý kiến.

THĐ: Người ta thường hay nói "Văn chương có hai đề tài lớn: Tình yêu và cái chết". Xưa nay nếu tôi không lầm thì hình như là phần đông chúng ta "chuyên trị" về tình yêu hơn là về cái chết, anh thấy thế nào?

TDN: Vậy thì người ta nói không đúng rồi. Theo tôi, văn chương không có đề tài nào lớn cả.

THĐ: Trong năm (5) tác phẩm được chào đời. Bây giờ nhìn lại những "đứa con" tinh thần ấy anh thấy thế nào, yêu,ghét ra sao?

TDN: Tôi làm được một số việc, nhưng chẳng thấy hài lòng tí nào

THĐ: Thế còn tác phẩm của những người viết chung quanh anh có ý kiến gì không. Nếu có thể được xin anh phát biểu một vài nhận xét về văn phong của họ?

TDN: Không dám, thưa anh. Tầm mức của vấn đề lớn quá, không thể trả lời bâng quơ vài ba câu trả đư tửu hậu như thế này được.

THĐ: Có người đã hỏi : "Ông muốn hậu thế coi ông như thế nào", nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã trả lời rằng "Tôi muốn họ coi tôi như là một nông dân có học". Mượn câu hỏi ấy, giờ đây tôi cũng muốn được hỏi anh như vậy?

TDN: Nguyễn Huy Thiệp thì chắc còn có người nhớ. Riêng tôi, tôi đoán là chẳng có ai nhớ đến mình làm gì. Nhưng nếu có ai hỏi như thế, tôi xin được quên đi.

THĐ: Là nhà văn tôi biết anh có trái tim bồ tát, tôi còn biết anh ao ước mọi nơi chốn phải thanh bình, mọi trái tim phải được rộng mở để yêu thương. Vậy thì trong mùa xuân này nhà văn Trần Doãn Nho ước mơ những gì cho quê hương xứ sở của chúng ta, anh mơ ước chi cho kẻ còn người mất, cho kẻ ở lại, cho người đi xa?

TDN: Các nhà văn khác, tôi không rõ. Riêng tôi, trái tim tôi luôn luôn bất định, quỷ có, ma có, bồ tát có, cao thượng có mà đê hèn cũng có. Tôi khi nào cũng thấy mình lấp lửng, đong đưa, chênh vênh và không lúc nào hết sai lầm. Tôi có một ước mơ "sai lầm" này: có một ngày, tất cả những văn nghệ sĩ Việt Nam, trong và ngoài nước, gặp nhau ở một nơi nào đó trên xứ sở, Hà Nội hay Huế hay Sài Gòn, cùng nhau thảo luận những đề tài văn chương nóng bỏng rồi cùng nhậu, cùng say, cùng chưởi bới nhau thả giàn mà không sợ bị chụp mũ, không bị công an theo dõi, không bị bắt bỏ tù.. .Bây giờ, nói như Phạm Duy "biết bao giờ, biết bao giờ.." tôi mới thấy được ước mơ mình thành sự thật. Biết bao giờ, anh Triều Hoa Đại hè?

THĐ: Và, anh cầu mong chi cho những người cầm bút bên trong cũng như bên ngoài Tổ Quốc ?

TDN: Viết. Viết hay càng tốt, mà viết dở cũng không sao, miễn là tự do viết, viết những gì mình thích.

THĐ: Vì là thời gian không cho phép, biết rằng trong cuộc nói chuyện giữa hai ta đây tôi đã có "quá nhiều nhầm lẫn" và thiếu sót, rất mong độc giả và nhà văn Trần Doãn Nho tha thứ. Về phần tôi những nhầm lẫn xin sẽ lần hồi sửa chữa, riêng những thiếu sót rất mong được anh bổ túc cho.

TDN:Nhầm lẫn lớn nhất của anh là phỏng vấn tôi như là một nhà văn.
THĐ: Xin cám ơn nhà văn Trần Doãn Nho.

(*) "Viết truyện, từ chỗ chênh vênh", tiểu luận văn học, Trần Hữu Thục, Văn Học (Cali) số Xuân Tân Tỵ (2001)

Cuộc rượu ngày đi

Song Thao

Xỉa năm tờ giấy trăm ngàn cho bà hàng, Ngọc xách cổ chai Johnny Walker nhãn xanh, kéo tôi ra xe. Buổi sáng, nắng dịu, cặp gương mát trên mắt tôi loãng ra một màu nâu nhạt. Cô hàng bán gương nhỏ nhắn dễ thương trong một siêu thị đã dùng miệng lưỡi trói tôi phải mua cặp kính này sáng hôm qua. Chú coi, kính tốt, đổi màu theo nắng, hàng hiệu, mà chỉ có hai trăm sáu chục ngàn, chú không mua giùm cháu thì thôi! Tôi cố tình sửa lại gọng kính. Ngọc liếc nhìn, hỏi mát.

Kính mới à, mang vào coi cũng cải thiện được khuôn mặt chút đỉnh đấy chứ!"

Tôi tháo kính, đưa về phía Ngọc. Hắn chăm chú dọc hàng chữ li ti trên gọng kính.

"Dễ sợ chưa? Giorgio Armani đàng hoàng! Thật hay giả đây?"

Hắn cười. Nụ cười làm tôi bối rối. Tôi biết ẩn trong nụ cười là một niềm thương hại. Bố vào xiếc rồi chăng? Lọc lõi như Ngọc, gì mà hắn chẳng biết. Có điều hắn không biết là tôi cũng đã biết chẳng phải là hàng thật, dù trên gọng kính có ghi rõ ràng Made in Italy. Hôm qua, tôi đã vặn vẹo cô hàng. Thật hay giả đây cô? Mắt cô nhỏ xuội lơ nhưng giọng vẫn cứng cỏi. Không thật nhưng không phải là giả chú ạ! Cháu cam đoan là tốt. Chú mua giùm cháu đi, từ sáng tới giờ cháu chưa bán mở hàng chú ơi! Tôi nhẩm tính trong đầu. Chưa tới ba chục đồng Canada, chưa tới hai chục đồng cứng, đòi hỏi chi cho lắm! Tôi vờn cô hàng không biết có được bốn chục ký không. Mua thì được nhưng phải nói năng cho rõ ràng, chứ cứ cái giọng ấm ớ của cô mà mua thì tức cái bụng lắm. Cô hàng cười tươi, bằng cả miệng và mắt. Cháu dâu có nhập nhằng với chú! Kính này nhập từ Hongkong, đâu có phải giả. Tôi đếm đủ hai trăm sáu chục ngàn để nhận một niềm vui tỏa khắp khuôn mặt nhẹ nhõm của cô nhỏ bán hàng

khéo léo.

Ngọc trả lại kính cho tôi, dặn tôi bằng một giọng quan trọng.

"Sống ở đây ông phải cảnh giác!"

Tôi chỉ vào chiếc túi treo lủng lẳng trên tay lái.

"Còn thứ này, liệu có thật không?"

Ngọc cười khẩy.

"Nhà hàng quen, giả sao được?"

Tôi leo lên yên sau chiếc Honda. Chẳng biết loại gì. Xe cộ bên này cả vài chục loại, ngơ ngáo như tôi cứ cho qua luôn chẳng cần biết. Mà biết làm chi? Người ta chỉ ăn thua so kè nhau khi cùng tôn sùng một thang biểu giá trị. Tôi đứng ở ngoài, mù mờ chẳng biết cái nào hơn cái nào kém, chẳng ai mê muội đòi nhìn vào mắt tôi để khẳng định giá trị chiếc xe của mình. Ngọc lại càng không vậy. Xe hắn cũ. Tôi lại chẳng tin là bạn tôi phải dựa vào một thứ vật chất bên ngoài để mập mờ làm giá trị của mình.

Ngọc là một người có ý chí. Cứ nhìn vào cái dáng đi vững chãi của hắn khắc biết. Lúc voi, lúc chó, đời hắn là những ngày xông xáo hăm hở. Đời tôi chỉ có một lần nhìn được khuôn mặt của một người trúng số độc đắc. Nó như một trái bóng bay chỉ còn nối với mặt đất bằng một sợi giây mỏng manh. Ngọc gửi tiền vào ngân hàng, le lói một cuốn sổ băng trong túi, bắt ngay một chiếc xe hai ngựa bốn bánh rất lễ phép gật gù chào hỏi mọi chiếc xe khác trên đường phố. Chuyện đó xảy ra từ hồi Saigon còn chưa đổi chủ. Lúc này hắn lại đang cưỡi voi, dù chẳng trúng số gì cả, tiền thả ra như bươm bướm. Bắt toàn những thứ nặng ký.

Chai rượu trên bàn sa lông nhà Huỳnh đứng chờ vợ Huỳnh đi kiếm ba chiếc ly. Huỳnh nheo mắt hỏi.

"Thứ gì trông lạ vậy?"

"Ông già đi bộ xanh, già mười tám năm. Uống tạm được."

"Rượu mười tám năm, được quá đi chứ. Nhất rồi. Các toa chơi điệu với moa quá!"

Huỳnh bao giờ cũng điệu nghệ với bạn. Bạn hắn lúc nào cũng là nhất. Khi rượu đã thấm thì bạn là ông trời, hắn cũng là ông trời luôn. Đã có lần, sau một cuộc rượu, hắn đưa bạn về nhà ngủ qua đêm. Nhà có một chiếc giường đôi, hắn leo lên một bên, bắt bạn nằm phía bên kia, bắt vợ nằm giữa. Vợ ngúng nguẩy, bạn thoái thác, vậy mà chẳng ai làm trái ý được ông trời mặt đỏ!

"Moa chờ các toa suốt cả ngày hôm qua."

Giọng Huỳnh không trách móc nhưng tôi vẫn đỏ mặt. Tuần trước, chúng tôi hẹn đến uống rượu với Huỳnh, lại còn định ngày hẳn hoi. Ngày hôm qua, tôi nhớ nhưng những việc nhỉ nhằng của một ngày trước ngày

lên đường trở về Canada làm tôi không tới được. Ngọc cũng bề bộn công chuyện chẳng dứt ra được một vài tiếng rảnh rang. Cái hẹn lừng lững trôi đi. Sáng nay, Ngọc phôn tôi. Trễ một ngày chẳng đến nỗi nào. Nhưng Huỳnh đã chong mắt cả ngày. Tôi biết hắn chẳng trông cuộc rượu nhưng trông ngóng bạn bè. Bạn xưa như rượu lâu ngày, thấm lắm. Bó người trong nhà cả ngày, nỗi ngóng trông phải vời vợi. Bôn ba công chuyện như tôi với Ngọc, thời gian nhẹ lắm. Nhưng chỉ đau đáu chờ bạn, cái dai dẳng của thời gian nặng nề vô cùng. Tôi cảm thấy ngượng, ấp úng.

"Xin lỗi toa, hôm qua bận quá. Phải xin lỗi thêm một chút nữa, hôm qua đã không điện thoại lại toa, để toa chờ."

Sáng nay, chúng tôi cũng chẳng điện thoại. Lúc nào Huỳnh chẳng có nhà, cần chi điện thoại. Nên khi chúng tôi tới, Huỳnh mừng cuống quít. Bàn tay run run khoác vội tấm áo khi chúng tôi xộc vào tới phòng ngủ bên trong.

Ngọc giơ tay coi đồng hồ. Hắn và chiếc đồng hồ lúc nào cũng gầm gừ canh chừng nhau.

"Thôi, toa khui rượu đi!"

Ngọc nhoài người đưa chai rượu cho Huỳnh. Huỳnh lấp bấp ngượng ngịu.

" Toa mở đi. Tay moa mở không được."

Ngọc mở rượu, rót ra ba chiếc ly. Huỳnh run run nâng ly kê sát vào mũi. Rượu cũng thơm trên mũi tôi. Ba chiếc ly cụng nhau.

"Mừng gặp lại được các toa. Moa dâu ngờ có ngày chúng mình lại được cụng ly với nhau như thế này."

Mười sáu năm trước, tôi bỏ đi chẳng cho Huỳnh biết. Cuộc ra đi trầy trật khó khăn làm tôi phải dấu biệt bạn bè. Ngọc đi trước tôi, cực nhọc với báo bổ nơi xứ người chẳng ra làm sao, quay về nước làm ăn lại khấm khá, nhưng công việc giữ chân giữ cẳng, cả năm may mới tới Huỳnh được một hai lần. Tôi về chơi, tụ lại được ba tên sát cánh nhau ngày xưa.

Ngày xưa, Huỳnh lừng lững một cậu cả rong chơi. Cũng có làm đấy chứ, nhưng làm báo cũng khật khưỡng như rong chơi. Trông coi một tờ báo, vậy mà cứ lấp ló bóng bạn ngoài cửa là tung hê hết. Nhậu cái đã. Chầu nhậu này mồi cho chầu nhậu kia, thời gian còn có nghĩa gì! Làm báo, bạn bè kể số chi. Cứ hết tên này đến tên khác, bàn nhậu mỗi lúc một đông. Khi tên này trả, khi tên khác trả, bổn phận ở chiếc túi nào có vẻ căng phồng. Huỳnh như tên đầu đàn hào hoa, có tiền thì móc ví, không tiền thì ghi sổ, thiếu chút đỉnh thì rủ một tên bạn đi tiểu. Phòng vệ sinh trở thành nhà băng, đếm đếm trao tay.

Nhưng nhậu mà ngồi tiệm nhiều khi hỏng mất buổi nhậu. Bàn nhậu

có phong cách phải ở giữa trời, nằm ngang nhiên trên lề đường một cái ngã sáu ngã bảy nào đó. Trời đẹp thì cám ơn trời, trời mưa thì nhờ chiếc bạt. Nhiều bữa còn đội mưa mà nhậu. Chết ai đâu? Chỉ chết mấy cái ngõ hẻm gần bên. Tường rào lúc nào cũng hoa hòe hoa sói khi các bợm nhậu mở khóa quần kê sát vào. Kể cũng vất vả chút đỉnh. Nhưng khi Huỳnh bốc thì hắn chẳng phải vất vả một ly nào cả. Đường ria mép vênh lên theo nụ cười nhẹ kéo theo chiếc răng cửa sứt được phô bày rộn rã và câu nói cầu tài với tên ngồi trước mặt.

"Nhấc chân lên!"

Bạn nhậu với nhau lâu ngày biết ý nhau. Không co chân lên là lãnh đủ thứ la de phế thải. Bàn nhậu im phăng phắc. Tên nào cười mỉm cứ cười, tên nào liếc ngang liếc dọc thăm chừng cô chủ quán cứ liếc, Huỳnh nghiêm trang giải thủy. Trời không mưa mà nghe như mưa. Mưa bóng mây nhằm nhò gì! Chờ tới khi nụ cười trở lại với Huỳnh, mưa đã dứt, bàn nhậu lại nhộn nhạo trở lại.

Ngọc đưa ly lên.

"Mừng gặp lại nhau."

Rượu đắng trong miệng, tôi nhìn Huỳnh lệ muốn ứa ra. Huỳnh mắt đã mờ, chậm chạp đưa ly lên môi.

"Rượu thơm quá. Lâu lắm moa mới lại được uống thứ này."

"Moa định mang tới chai XO đấy chứ. Nhưng họ hết rồi."

"Thứ này là sang quá rồi. Giờ moa chỉ mỗi ngày lấy la de làm chuẩn."

Huỳnh nhấp nhấp môi. Rượu như một thứ hạnh phúc lỏng thấm vào đôi mắt lim dim của hắn. Ngọc uống như chiêm nghiệm, đón rượu như đón bạn. Để cho cái tình ngấm vào người. Chúng tôi nương nhẹ rượu. Nhất là rượu quý. Phũ phàng với rượu là một cái tội.

Mới tối hôm qua, sau bữa cơm dãi bạn phương xa về với đặc sản quê hương kín mít mặt bàn, chúng tôi lên sân thượng nhà Ngọc uống rượu dưới trăng. Tôi ngồi dưới bóng cây ngọc lan trồng trong chậu ngắn ngắt tỏa hương, hòn non bộ trước mặt róc rách dưới bóng cây, ngả người sảng khoái trong khi Ngọc khui chai XO. Bàn rượu có bốn người, tay đều từng đính mực nhà báo. Ngoài Ngọc và tôi ra còn một anh bạn nhà báo đã nghỉ hưu từ bên San Jose về, và một anh bạn xưa, nay vẫn còn đang báo bổ ở Saigon. Những đồng khí tụ nhau lại. Cảnh đẹp, rượu ngon, bạn khó gặp, tưởng phải là một đêm hội ngộ đẹp. Rượu nếm từng giọt, anh bạn bên Mỹ về mặt sáng lên thú vị. Tôi ngồi chết lặng, đời mấy khi có được những phút giây này. Anh bạn nhà báo Saigon, mặt bấm ra rượu, cầm ly rượu quý, nảy nảy thách thức từng người, đưa lên miệng ực một hơi, giơ chiếc ly không lên giục giã người khác uống. Anh bạn nghỉ hưu nhăn mặt trước

cung đàn lạc điệu. Tôi thầm tiếc, rượu có cái kiêu kỳ của rượu, mỗi thứ rượu có cách uống riêng, mỗi bạn rượu có cách tiếp rượu riêng, mỗi bàn rượu có những cách đối xử riêng, lỡ một cái là hỏng.

Ba đứa chúng tôi, thân thích từ bốn chục năm có dư, biết tính nhau như biết từng vị rượu, lặng người trầm ngâm. Thăng trầm cuộc đời như hiện ra trên màu hổ phách lóng lánh chất say. Rượu lỏng nhưng keo sơn, xa mặt nhưng lòng chúng tôi chẳng cách xa. Dòng đời đẩy đưa mỗi đứa dạt một nẻo. Tôi yên phận buồn nản với cuộc sống ở trọ. Ngọc vẫn say sưa bay nhảy những bước dọc ngang chinh phục. Còn Huỳnh bó gối trong gian phòng nhỏ lấy chuyện xưa làm chuyện nay. May mà Huỳnh còn có hai đầu gối để bó. Một bên còn lủng lẳng một khúc thừa chưa dày nửa gang tay dưới đầu gối, một bên sát sạt đầu gối vết sẹo cưa. Căn bệnh tiểu đường trầm kha đã nuốt của Huỳnh đôi chân, và lấy đi gần cạn sự sáng của đôi mắt.

Huỳnh có bao giờ đợi bạn tới rủ đi uống rượu, vậy mà nay ngồi ngong ngóng từng tiếng chân quen thuộc. Ngày xưa Huỳnh luôn luôn là người bày ra cuộc rượu. Chiếc vespa méo mó đưa anh đi gõ cửa hết nhà này đến nhà khác rủ đi nhậu. Huỳnh năng động. Rượu trong hắn còn năng động hơn. Nửa khuya, gần giờ giới nghiêm, chúng tôi mới vội tản ra, mỗi người một xe, phóng vèo vèo về nhà. Đường phố im phăng phắc, thỉnh thoảng những chiếc xe cảnh sát hay quân cảnh tuần đêm xẹt qua mặt. Lớ ngớ còn ở ngoài đường sau tiếng còi hụ là trăm sự phiền phức. Thường thì chúng tôi say mà vẫn biết sợ tiếng còi. Nhiều đêm lỡ trớn phải cần tới lá bùa thẻ ký giả mới khỏi ngủ với muỗi.

Có những đêm rượu hành sớm, giới nghiêm còn xa, mà tôi đã phải kè kè bên xe Huỳnh đưa hắn về nhà. Thường thì Huỳnh phản đối.

"Toa làm mất mặt moa quá vậy! Không sao đâu, moa về được mà."

Chiếc xe suốt đời đói đầu nhớt thả khói mịt mù. Huỳnh biến mất trong màn đêm. Chúng tôi chỉ còn biết cầu mong thần Lưu Linh cho Huỳnh được lấy say làm tỉnh. Hôm sau, gặp lại, Huỳnh cười tươi rói.

"Các toa biết không? Say rượu lái xe như đi thảm thần vậy. Không thèm giữ thăng bằng mà vẫn phom phom, không cần biết đi đâu mà xe vẫn vào tới nhà. Dựng xong chiếc xe đàng hoàng, ném người xuống giường, bấy giờ mới say thực sự."

Kinh nghiệm bợm nhậu này, chúng tôi đều có trải qua. Thần say quả có tính cẩn thận. Nhưng khi thần cũng quắc cần câu thì lôi thôi lắm. Tôi hỏi Huỳnh.

"Toa có nhớ bữa toa té xe gãy chiếc răng cửa không?"

Huỳnh gật đầu cười. Nghe ra vừa thú vị vừa ngượng ngập.

"Toa có biết hồi này Sáu Bính ở đâu không?"

Tôi biết cái té để đời vẫn nằm trong đầu óc mông muội của Huỳnh. Đầu óc mà Huỳnh mới than với tôi là lộn xộn khi nhớ khi quên, mà quên nhiều hơn nhớ.

"Hắn vẫn ở Úc. Trước có thư từ đều cho moa. Mấy năm nay bặt tin chẳng biết đi đâu."

Huỳnh nhắm mắt.

"Tội nghiệp hắn. Mà cũng tức cười."

Cái té không chỉ lấy của Huỳnh chiếc răng cửa mà còn bẻ gãy một bên xương bả vai. Tôi vội đưa hắn vào tìm Bính ở nhà thương Đô Thành. Bính một tay làm bác sĩ, một tay viết báo. Mê cầm viết hơn cầm kim chích. Chính hắn cũng chẳng biết tay nào là tay trái, tay nào là tay phải. May mà bữa đó nhằm đúng vào đêm Bính trực. Hắn khám bệnh, xoa xoa nắn nắn, chụp hình quang tuyến. Chúi mắt vào tấm phim đen trắng lớn bằng tờ báo hàng ngày gấp đôi lại, Bính chặc lưỡi.

"Nứt mẹ nó rồi còn đâu. Sao ông để hắn lái xe vậy?"

Ai mà để hắn lái xe đâu. Thấy rượu trong người hắn coi bộ nhiều hơn máu, anh em đã cản. Mỗi người một câu, câu nào cũng đậm mùi rượu. Vậy mà Huỳnh cứ lảo đảo đắt xe ra. Một tên giật xe lại đòi mang vào gửi cô chủ quán. Huỳnh làm dữ. Tôi vội theo sau vệt khói của xe hắn. Huỳnh làm xiếc với chiếc xe chẳng được mấy nả thì đã lăn ra đường. Xe một bên, người một bên. Tôi dựng xe nhào tới. Huỳnh cười ngây ngô.

"Toa đấy à? Sao toa ở đây?"

Bính bó bột khúc xương gãy. Hai ngày sau, Huỳnh tự cắt băng, đi thày tàu chữa theo thuốc gia truyền. Vết nứt lành lại sớm hơn thời gian bác sĩ Bính dự trù. Huỳnh cười ha hả. Mặt Bính xám ngoét. Giận thì có giận nhưng ai giận được lâu với Sáu Huỳnh. Hắn ở với bạn như bát nước đầy.

Bữa chúng tôi kéo nhau xuống xóm rẻ tiền, rẻ nhưng cũng khá nặng đối với chiếc túi đã chi tiền rượu còn lại rất mỏng của chúng tôi, các em xúm vào mời mọc khoe của. Cả bọn đi thì đông mà các em tàm tạm ôm được không đông lắm. Đành phải xa luân chiến. Huỳnh quắp một em vào phòng. Xong việc, hắn cúi đầu sát vào từng cái mặt ngồi chờ, dặn dừng tên nào léng phéng với em hắn vừa đi. Hắn say mà còn khá tỉnh. Hắn dính bệnh từ trước, sợ anh em dính theo.

Căn bệnh quái ác làm cho Huỳnh xanh máu mặt. Nó tới vào đúng thời gian vợ hắn dính bầu. Ngày vợ hắn sinh, hắn ngồi lì ở tòa soạn, đụng đâu đổ đấy, chẳng làm được việc gì ra hồn. Khi tôi tới tòa soạn thì vợ hắn đã sanh xong.

"Sao toa? Trai hay gái vậy? Mở rượu mừng đi chứ!"

Huỳnh ơ hờ: "Moa không dám tới nhà hộ sinh."

"Sao vậy?"

"Moa sợ."

Huỳnh mà sợ là chuyện hiếm có. Con người hấn lông ngông đâu biết sợ gì.

"Moa để cho con nhỏ người làm lên với bả. Con nhỏ về moa cũng không dám hỏi. Moa chờ xem nó có nói gì không mà nó cứ lặng câm. Túng quá, moa phải run run hỏi. Em bé có gì lạ không? Con nhỏ trả lời không. Moa đánh liều hỏi tiếp. Em bé có chân tay bình thường không? Mô hôi moa đổ hột ngóng câu trả lời. Dạ, bình thường. Moa thở ra. Mừng quá xá cỡ. Chưa bao giờ moa biết quí chữ ỏbình thườngõ bằng hôm nay!"

Lúc đó tôi mới biết hấn sợ mất hồn. Chỉ sợ bệnh tật của mình làm di hại tới đời con. Sau cái lông ngông là một tấm lòng. Với bạn, và với con.

Ngọc nhìn lên mấy tấm hình trưng trong tủ kiếng.

"Mấy đứa nhỏ không còn đứa nào ở với toa hả?"

"Chúng nó lớn ra ở riêng hết rồi."

Huỳnh gật gù. Hấn tiếp, giọng ngập ngừng.

"Chúng nó về thăm moa hoài. Chúng có tình. Chắc hơn ông già chúng!"

Huỳnh nhấc ly uống. Rượu là thuốc. Nó làm dịu đi được niềm ăn năn. Rượu là trí nhớ. Nó mời gọi lại được giữa ba chúng tôi mảnh đời hoang dàng dẹp dẽ xưa.

"Toa có nhớ chai rượu saké của ông này không?"

Huỳnh cười thích thú sau câu hỏi của Ngọc.

"Nhớ chứ! Vui dễ sợ!"

Tôi từ Nhật về ôm theo chai rượu bản xứ đãi anh em. Chai rượu bằng men trắng có những cánh hoa xanh được chuyền quanh bàn. Vào thời mà việc xuất ngoại cũng tương tự như trúng số độc đắc, chai rượu như gợi ra những ước vọng tang bồng. Rượu chưa khui, bàn rượu đã rộn tiếng tranh cãi.

"Rượu saké phải uống nóng mới đúng cách."

"Đúng rồi. Nhưng làm sao hâm nóng đây?"

"Thôi mấy bố ơi, đừng có dại! Bể mẹ nó chai thì hết rượu."

"Bể sao được! Đưa moa."

Huỳnh giật lấy chai rượu, kẹp vào nách. Rượu dĩ nhiên không nóng được nhưng những trận cười thoải mái đã hâm nóng bàn rượu.

Ngọc gật gù. "Rượu bữa đó ngon thiệt hả?"

Huỳnh cười khoe chiếc răng sứt.

"Ngon chứ! Nó mang cả khung trời ước mơ trong đó!"

Huỳnh thèm đi hơn ai hết. Nghề làm báo bắt hắn đọc nhiều. Càng đọc, trong đầu hắn càng hằn in những chân trời lạ. Hắn thèm những bước chân lang thang trong xóm Harlem, la cà trên các quán rượu Paris, ôm trong tay những nàng nghệ giả Phù Tang, những nơi mà tôi, chẳng biết có nhây mắt đồng lõa với ông thần may mắn nào không, đều đã đặt chân tới. Huỳnh chép miệng, giọng buồn.

"Toa sướng thật. Moa thèm chết được một lần đi mà chẳng bao giờ được làm va ly. Bây giờ, chân cẳng thế này. Chịu!"

Bàu không khí đặc lại buồn thiu. Huỳnh khuấy đặc thêm.

"Trông các toa, moa thèm quá. To lớn, khỏe mạnh!"

Tôi sợ phải nhìn thấy nước mắt trên mặt Huỳnh. Nhưng không, Huỳnh chỉ quay qua Ngọc.

"Toa bao nhiêu ký?"

"Khoảng tám chục."

Huỳnh quay sang tôi.

"Còn toa bao nhiêu ký?"

"Bảy chục."

"Hôi nãy ngồi ở trong giường, trông thấy các toa đi vào, người nào cũng đô con, vững chắc. Các toa còn cuộc sống!"

"Ngày xưa, toa to con nhất bọn!"

Tôi bảo Huỳnh. Chẳng phải là lời an ủi mà là sự thật. Ngày xưa, tôi gầy gò ốm nhách, Ngọc có da có thịt hơn, nhưng so thế nào được với Huỳnh. Hắn cao lớn, mập mạp, mặt mũi rôm rả, dáng đi vững chắc đĩnh dàng, lúc nào cũng làm đầu tầu các cuộc chơi.

Tôi bùi ngùi nhìn Huỳnh, chiếc mền mỏng che lấp nửa dưới thiếu hụt. Bốn chục năm có lẻ, chúng tôi người nào cũng có những mất mát, nhưng nỗi mất mát của Huỳnh thật tàn bạo. Những khiếm khuyết trên thân thể Huỳnh, chúng tôi còn nhìn thấy được, nhưng làm sao những con mắt dầm tình bạn của chúng tôi có thể nhìn thấy được những mất mát trong lòng người bạn lừng lững xưa. Tôi nhớ tới một câu trong một truyện ngắn của Tolstoi mà tôi đã dịch đăng trên tờ báo mà Huỳnh điều khiển xưa. Cuộc sống không còn là cuộc sống nếu người ta phải sống. Tôi nghĩ Huỳnh đã trầm mình trong cuộc sống và chỉ thực sự ngoi lên khi gặp lại những bạn cũ.

Chẳng biết ly rượu thứ mấy Huỳnh đã nhấp trên môi.

"Gặp lại các toa, moa mừng quá. Moa chỉ mơ ước được một lần đi ra những quán xưa ngồi nhậu với các toa."

Cái việc Huỳnh làm hà rầm trước kia, nay đã trở thành một ước mơ. Bốn mươi năm quả là một thời gian dài!

Tiếng điện thoại trong túi Ngọc dục dã. Ngọc rút điện thoại ra nghe. Chỉ ừ được một tiếng, hắn gấp điện thoại bỏ vào túi, nhấc ly rượu lên uống cạn.

"Xin lỗi! Moa phải đi gấp."

Mặt Huỳnh ngơ ngác. Tôi bảo Ngọc.

"Ừ, toa đi đi. Để moa ở lại chơi với Sáu Huỳnh chút nữa."

"Toa về lại bằng an nghe! Chừng nào về đây nữa, nhớ hú moa một tiếng."

Quay sang Huỳnh.

"Moa đi nghe. Tết moa sẽ tới thăm toa nữa."

Bàn tay Huỳnh như muốn níu kéo Ngọc.

"Nhớ tới nghe. Moa chờ. Moa giờ chẳng còn ai."

Ngọc quay vội ra cửa. Tôi nghiêng chai rượu.

"Uống nữa đi toa. Rượu còn nhiều. Mỗi ngày toa lai rai một chút nhớ tới tụi moa."

Huỳnh lắc đầu.

"Không! Moa để dành chờ tới Tết uống với Sáu Ngọc. Lúc đó, toa uống cho moa một ly ở bên đó nghe!"

Tôi chẳng biết nói sao. Rượu uống một mình như rượu phạt. Uống dùm một ly cho bạn ở xa còn hơn cả rượu phạt. Giọng Huỳnh chán chường.

"Chừng nào toa về?"

"Khuya nay."

"Thực sao? Toa về thật à? Ừ, mà trước sau gì toa cũng phải về!"

Tôi đã năm lần bảy lượt định nhấc người lên mà đứng không nổi. Huỳnh ngồi ngậm câm như viên đá tảng nặng nề dè tôi xuống ghế. Lòng tôi như lửa đốt. Việc của ngày chót trước khi lại rời xứ sở còn bề bề cả đống. Cuối cùng tôi cũng đành phải đứng lên nói lời chia tay với Huỳnh. Huỳnh vẫn một khối lặng câm trên ghế. Mãi hắn mới nói.

"Lần sau toa về, moa chắc có còn không?"

Tôi rút kính ra đeo một cách máy móc, chẳng nghĩ ngợi gì. Tôi có định dùng kính che chắn cái gì đâu. Ngoài khung cửa nắng còn gay gắt. Mắt kính quánh lại một màu nâu đậm. Bùi ngùi nhìn Huỳnh ngồi xuội lơ một đống buồn phiền, liếc mắt xuống đôi chân bất toàn của người bạn xưa, tôi chợt như nhìn thấy lại bốn mươi năm qua của tình bạn giữa chúng tôi. Trước mắt tôi sao vẫn là Huỳnh của ngày nào, một Huỳnh chắc nịch, ngạo nghễ trước những ly rượu vàng óng, một Huỳnh tươi tắn luôn luôn đối đãi với bạn bè bằng những nụ cười thoải mái, một Huỳnh hào hoa rong chơi không biết mệt mỏi. Tôi muốn hỏi như đã hỏi cô nhỏ bán kính. Giả hay thật?

tháng 2 / 2002

Thơ Vạn Giả

Một ngày tháng Tư

Vết thương neo chặt trong hồn
Dường xưa lối cũ ngại cồn bãi dau
Mà tình như ngọn mưa mau
Rớt nhanh tan vội trên đầu chiếu chăn
Ngày qua đối bóng nhọc nhằn
Đêm hoang nỗi nhớ còn trăn trở thầm
Quê nhà bật tiếng gọi câm
Tháng Tư về với chỗ nằm quạnh hiu...

Tháng ngày còn lại

Ý sầu
trắc ẩn hồn thơ
từ sông núi khuất
đôi bờ cách chia
Soi mình lặng lẽ đèn khuya
chờ hương lửa mọn
đoạn lìa bỗng dưng

.....

Còn sau
ngày tháng dã từng
bóng đời hiu quạnh
đồ rừng tịch liêu...

Thiếu phụ điên

Hoài Mỹ

- Có thư nước ngoài!

Con chó đang nằm ngái ngủ ở đầu hè chồm lên, sủa ầm ĩ. Người đưa thư vẫn ngồi trên xe đạp; chân trái chống xuống đất, tay phải vịn vào song sắt cánh cổng. Bác ta mở chiếc túi da nâu đã quá cũ kỹ, lấy ra một phong thư dầy cộm. Bỗng một bàn tay lấm láp đất cát giơ lên định đỡ lấy. Bà Liên từ trong nhà chạy vội ra, đập mạnh vào bàn tay bẩn thỉu đó, quát:

- Tao cấm mày! Lui ra đàng kia!

Rồi bà đổi liền sang giọng vui vẻ, đon đả:

- Bác vào nhà nghỉ cái đã! Nắng nôi thế này...

Người đưa thư lễ phép:

- Con còn nhiều lắm, bà ơi! Sợ đến chiều cũng chưa xong. Dạo này thư nước ngoài gửi về cứ như thể bươm bướm.

Bà Liên nhận phong thư đồng thời giúi một cuộn tròn tiền giấy vào tay người đưa thư:

- Bác cầm lấy uống nước vậy!

Người đưa thư đút ngay mớ bạc vào cái túi may bên trong áo:

- Lần nào bà cũng cho con... Con cũng như người nhà mà bà cứ bày vẽ.

Bà Liên không chú ý đến câu nói đãi bôi của người đưa thư, nhưng quay lại, giơ tay như định tát vào mặt một người đàn bà còn trẻ lắm đang ngồi lấm lét dưới gốc cây hoa giấy:

- Sao mỗi lần nhà có thư mày lại xồ ra, hả con dại kia? Từ rày tao cấm chỉ mày, nghe chưa!

Bác đưa thư cười cười:

- Tại con dâu của bà muốn đi nước ngoài đấy.

Bà Liên bĩu môi, nguýt dài:

- Điên khùng như thế có mà đi!

Như muốn phụ họa với chủ nhà, bác đưa thư hất cằm về phía người

đàn bà trẻ đó, nói bằng giọng chớt nhả:

- Này, đi ngoại quốc với chồng không?

Thiếu phụ cúi đầu xuống như muốn giấu vẻ e thẹn nhưng đồng thời nhe hàm răng trắng đều - hì hì hì - nụ cười ngây dại. Bà Liên cau mày, quắc mắt lườm nhưng người đàn bà trẻ vẫn không thôi cười hì hì hì! Bác đưa thư lắc đầu, chép miệng. Chiếc xe của bác lại lọc cọc trên mặt đường lởm chởm sỏi đá. Nắng giữa trưa như đổ lửa.

Mặc đầu nhà vắng tanh bà Liên cũng vẫn cẩn thận vào buồng trong, đóng cửa lại, vặn ngọn đèn điện trong góc rồi mới ngồi ở mép giường bóc lá thư. Bà bỏ ngay xuống mặt chiếu các tờ giấy có những dòng chữ viết tay hoặc chữ in. Đôi tay bà run run cầm tấm thiệp lớn khổ, mang hình chụp những ngọn núi đội tuyết trắng xóa. Bà không mảy may quan tâm đến cảnh thiên nhiên hùng vĩ trong ảnh, nhưng nhẹ nhàng tách hai lớp giấy dán dính nhau ở chung quanh mép tấm thiệp. Cặp mắt vốn dĩ kèm nhèm của bà bỗng rực lên, miệng bà loe ra đồng thời máu trong cơ thể bà chảy mạnh hơn khi hai tờ đô-la màu xanh hiện ra. Bà mân mê, soi vào ánh đèn, vuốt vuốt các góc hai tờ giấy bạc. Tai bà nghe ngóng như để đề phòng có ai bất chợt vào nhà hoặc có kẻ nào nấp ở đâu đó rình mò. Chung quanh hoàn toàn vẫn im lặng. Bà Liên đi tới trước một chiếc tủ đứng, rút từ trong cạp quần ra một xâu chìa khóa. Lựa chọn mãi bà mới tra được đúng chiếc chìa vào ổ khóa. Bất giác bà lại quay đầu nhìn khắp gian buồng. Tin tưởng tuyệt đối có sự an toàn rồi bà mới mở hai cánh cửa tủ. Bà moi ra một chiếc hộp gỗ từ dưới những lớp quần áo. Chiếc hộp rất cũ, thô kệch như thứ đựng cau trầu của những người nhà quê xưa. Nếu như chiếc hộp này nằm ở vệ đường chắc chẳng ai để ý mà nhặt lấy. Bà Liên mở nắp hộp, cẩn thận nhấc ra lớp giấy trắng đã ngả vàng phủ bên trên rồi mới lôi ra một bọc vải. Bên trong bọc, một xấp tiền đô la được cuốn tròn lại, buộc bằng sợi dây đỏ. Bà giở ra đếm từng tờ dù bà đã thuộc lòng tổng số. Sau đó bà cuộn thêm vào hai tờ đô la mới nhận được, giấu chiếc hộp vào lại chỗ cũ rồi khóa cửa tủ. Tất cả những động tác đều được bà làm một cách cẩn mật.

Bà Liên trở lại giường. Sau khi chỉ liếc qua những tờ giấy có những dòng chữ in, bà cầm đọc lá thư. Miệng lẩm nhẩm như thể bà đang đánh vần từng chữ. Khuôn mặt của bà bình thản. Chặp sau bà bỏ tất cả những tờ giấy này vào túi áo vốn đã căng nhiều thứ linh kinh trong đó. Miệng túi lúc nào cũng được cài bằng cái kim băng to gần bằng ngón tay trỏ. Bà chụp lên đầu chiếc nón lá rộng vành. Ra tới sân trước nhà, bà quay nhìn thiếu phụ - con dâu của bà - vẫn ngồi dưới gốc cây hoa giấy; giọng bà như

thể vừa dặn dò, vừa đe dọa:

- Tao đi đàng này có chút việc, mày với con Vện phải trông nhà đấy, không được ra ngoài ngõ, nghe chưa! Ba mày chắc cũng sắp về rồi.

Thiếu phụ lại nhe răng, hì hì hì! Bà Liên chửi đổng vài câu rồi mới lách mình ra khỏi cánh cổng sắt. Người bà nhỏ thó, loắt choắt. Bộ quần áo nâu với bốn năm miếng vá càng tạo cho bà nhân dáng của một kẻ nghèo khó vốn một đời lao động vất vả. Bà đi như chạy. Phần do thói quen, phần cũng bởi bà đang nóng ruột muốn giải quyết một công việc quan trọng. Một vài người đi ngược chiều nhận ra bà, đon đả chào nhưng bà Liên cũng chỉ đáp lại chiếu lệ. Tới đầu đường cái, bà rẽ vào một ngõ hẻm để đi tắt tới khu vực hành chánh xã. Bà không vào văn phòng như những người khác đến đây. Cặp mắt của bà đảo quanh. Nắng vẫn gắt. Không một cơn gió nhẹ. Lá cờ màu đỏ ủ rũ trên ngọn cột. Dưới một vài lùm cây có những tấm bạt giăng lên như các mái lều. Đó là nơi làm ăn của những người điền đơn thuê, viết thư mướn. Bà Liên tiến đến chiếc lều nằm xa và khuất nhất. Người đàn ông trong lều đang ngả mình trên chiếc ghế dựa thấy khách vào, vội nhổm dậy. Gã còn trẻ, khoảng trên hai chục tuổi. Mặc đâu dã kê sản hai ba thớt gỗ làm ghế nhưng bà Liên vẫn thích ngồi xổm dưới đất. Gã sốt sắng:

- Hôm nay bà có việc gì cho con thế?

Bà Liên cầm chiếc nón phe phẩy, duổi bớt cơn nóng hừng hực đưới tấm bạt. Những sợi tóc bạc dính mồ hôi ở trước trán và hai bên thái dương của bà. Bằng một giọng vui vẻ, thân mật, bà đưa đẩy câu chuyện:

- Có thì mới phải ra đây nhờ đến chú chứ.

Gã thư ký dạo cười nhẹ, đưa tay gãi đầu:

- Con đâu dám. Dù gì cũng là nghề của con. Được bà tín nhiệm con mang ơn bội phần.

Bà Liên tháo chiếc kim băng cài ở miệng túi áo, lấy ra một xấp giấy:

- Hôm nay không phải là viết đơn như mọi khi nhưng nhờ chú viết cho một lá thư... vợ gửi cho chồng. Nhưng có điều...

Gã tưởng đã đoán được ý thân chủ, vội cướp lời:

- Đó là nghề của con, bà khỏi lo.

Nhưng bà Liên lắc đầu, phẩy tay:

- Tôi biết chú khéo nhưng chú xem kiểu chữ ở tờ giấy này mà bắt chước viết cho giống trong lá thư.

Gã thư ký dạo cười lớn, để hở hàm răng vàng khè và lợi trên xám xịt:

- Tưởng gì, mạo chữ ký con còn làm được huống hồ chuyện cỏn con này. Nhưng con chỉ xin bà cho con thêm ít ngàn nữa so với những tờ đơn thường.

Bà Liên do dự giây lát, chép miệng:

- Lần nào tôi cũng đã hậu hĩ với chú, chứ có bao giờ để chú thiệt đâu. Thế thì tôi biếu chú hai ngàn nữa đấy. Chịu không nào?

Gã thư ký dạo lấy giấy bút đặt trên nắp một chiếc thùng gỗ thay thế bàn viết, giọng năn nỉ:

- Bà cho con ba ngàn, coi như của rơi của rớt của bà. Nếu như người khác con phải đòi gấp năm.

Bà Liên bĩu môi nhưng vẫn cố giữ điệu bộ thân thiện:

- Có trấu ấy! Chỗ quen biết tôi mới chịu giá này. Mấy ông ngồi kia kìa, trăm ngàn là dược bốn năm lá thư, lá nào lá nấy dài cả chục trang giấy.

Gã cười khẩy:

- Thư cũng năm bảy thứ bà à, viết kiểu i tờ thì đứa bé chưa ráo máu đầu cũng làm được! Bà tìm được ai văn hay chữ tốt bằng phần ba của con thôi, nói thật với bà chứ, con xin làm con chó nhà bà!

Bà Liên giẫy nẩy:

- Gớm, chú nói quá lời, tội chết! Thôi được thêm ba ngàn vậy. Đây, chú nhìn kỹ mà họa theo nhá.

Tuy vậy gã thư ký dạo cũng chỉ liếc vào tờ giấy mà thân chủ chìa ra trước mắt gã:

- Nào bà nói ý đi để con viết.

Những nếp nhăn trên trán bà Liên hoằn sâu hơn, cặp môi bà hơi mím lại. Bà suy nghĩ giây lát trước khi trả lời:

- Đại để... vợ...nó nhận được thư chồng... đáp là vẫn mạnh khỏe, cả nhà vẫn tốt đẹp êm ấm. Hồ sơ xin đoàn tụ đã... nộp cho văn phòng xã rồi... Nhưng thời buổi, chuyện gì cũng vậy, trà nước đi trước việc nước theo sau. Anh..., à quên, chồng nó phải... tiếp tế thêm nữa mới mong nhanh chóng được...

Gã thư ký vừa nghe vừa viết. Thỉnh thoảng gã lại nhìn vào tờ giấy có những chữ mẫu. Ngòi bút của gã chạy thoăn thoắt trên mặt giấy trắng. Lúc sau gã ngồi ngay ngắn lại trên ghế:

- Con đọc lại cho bà nghe nhá. Chỗ nào bà không vừa ý, con sửa lại ngay.

Gã đằng hắng, đọc. Giọng điệu lên xuống. Tha thiết như thể vợ đang than thở với chồng. Lời lẽ trong thư ngọt ngào. Mặc dầu đã biết đây chỉ là thứ giả tạo, bà Liên vẫn mủi lòng. Bà thầm nhận gã thư ký này viết khéo, hơn cả sự mong ước của bà. Chữ nghĩa thế này gã phải ngồi trong văn phòng kia mới xứng đáng. Bà Liên nghĩ vậy nhưng bên ngoài bà vẫn giữ vẻ kẻ cả:

- Giá chú thêm vài câu về đời sống khó khăn, tình trạng gạo châu củi quế thì nó... thật hơn. Mà thôi, giờ viết lại sợ cũng muộn mất. Thế chú nhái chữ ký Trương Thị Nghĩa vào cuối thư chưa?

- Đủ bộ cả rồi, bà ạ.

- Tiện tay chú viết cho cả địa chỉ hộ tôi. Đây này.

Gã lẩm nhẩm đọc những chữ ngoại quốc trên chiếc phong bì đã cũ:

- Nước Nô-uây hả bà?

- Phải, em nó vẫn ở đấy... Khổ, cái đất gì nghe nói rét mướt quanh năm suốt tháng, chỉ có mặt trời dâu chừng một hai tháng mùa hè.

Tay viết nắn nót, miệng gã góp chuyện:

- Nhưng xứ họ bình an, nhân dân được nhà nước lo cho hết, ai cũng giầu có. Xã hội chủ nghĩa của người ta là thứ chính danh, chứ dâu như ở đây, cái gì cũng giả hiệu, trong khi lại nắng vỡ đầu cả ngày mà kiếm không đủ ăn!

Bà Liên bĩu môi:

- Giầu khối ra đó! Em nó viết thư về than, làm đâu tắt mặt tối mà lương chưa lãnh ra đã bị dánh thuế sạch. Hàng hoá đắt đỏ, hiếm hoi chứ không được như ở Tây, ở Mỹ. Rau trái mà cũng đắt y thể vàng!

- Bà thông suốt quá, con vái bà đấy!

- Chuyện!

Gã thư ký gấp cẩn thận lá thư làm tư, cho vào phong bì trước khi trao cho khách hàng. Nhận được tiền công, gã chăm chú đếm lại xấp bạc trong khi bà Liên đã chụp nón lên đầu, bước vội ra khỏi lều.

Về đến nửa đường, bà Liên bỗng thấy một dám đông. Tiếng cười, tiếng reo hò ầm lên. Đoán được chuyện gì, bà Liên chạy vội tới. Đứa con dâu của bà đang ngồi trên một ụ đất, bất động như một tượng đá - trừ hàm răng nhe ra như đang cười vu vơ. Tóc tai rũ rượi, đầy cát. Mặt mũi nhem nhuốc. Cúc áo phía trên bật ra, để lộ một khoảng ngực trắng ngần. Lũ trẻ con và mấy thanh niên đứng bao quanh thiếu phụ điên, tranh nhau múa chân khua tay, trêu dùa sỗ sàng:

- Muốn đi Tây không?

- Ê, nghe này: Có hay chàng ở nơi đâu - Thiếp xin mượn cánh chấp bay theo chàng... Hát ka ra ô kê vậy đi!

Bà Liên xông tới. Cặp mắt bà đầy nộ khí. Tay đẩy người này, xô kẻ khác, miệng bà hét:

- Tiên sư bố nhà chúng mày! Về mà chọc ghẹo đâu lâu hoa cái nhà chúng mày! Thằng nào con nào có giỏi động vào bà đây này, chứ đừng thấy con bà bệnh tật mà ăn hiếp!

Bà nắm lấy tay người con dâu kéo đi xềnh xệch. Miệng bà vẫn không

ngừng chửi rủa. Thiếu phụ điên ngoái đầu lại đám đông, nhe răng hì hì hì! Trẻ con vài đứa vẫn reo hò, chạy theo một quãng đường rồi mới chịu bỏ cuộc.

Vừa vào đến nhà bà Liên giơ thẳng cánh vả túi bụi vào mặt đứa con dâu. Bà tru tréo:

- Mày bêu xấu bà thế hả! Con tao vô phúc mới lấy phải mày! Này thì điên này! Này thì khùng này!

Đồng thời với tiếng rít lên như vậy những cái tát, cú đấm lại như mưa rào dổ trên đầu, trên mình người con dâu.

Đúng lúc đó ông Sơn về tới. Nghe ồn ào trong nhà ông lật dật chạy vào. Thấy cảnh trạng, ông Sơn quát:

- Lại chuyện gì nữa đây? Bà muốn giết nó hả? Thả nó ra!

Lợi dụng lúc bà Liên giật mình nới lỏng tay, thiếu phụ vụt thoát, chạy biến ra ngoài nhà. Như mất con mồi, bà Liên chuyển cơn tam bành sang đối tượng mới:

- Còn ngoạc mồm ra bênh nó hả!

Mặt ông Sơn đỏ gay, không hiểu vì mới ở ngoài nắng vào hay vì cơn tức giận, nhưng giọng nói của ông đã phần nào giảm bớt cường độ:

- Đầu óc nó biết gì nữa mà đánh đập! Còn bảo bênh với không bênh!

Bà Liên ngồi sệt xuống sàn nhà, thở dốc nhưng miệng vẫn gầm lên:

- Ối giời ơi là giời! Nó bôi tro trát phấn vào mặt mà... người ta không cho dậy dỗ!

Đã rõ tính nết vợ, ông Sơn không nói gì nữa, ngán ngẩm thở dài, treo chiếc mũ nan lên móc. Nhưng bà Liên vẫn không buông tha:

- Sao ông giỏi, ông không ở nhà giữ nó! Việc gì cũng để con già này lo hết!

Rồi bà chì chiết về thân phận hẩm hiu, về những nỗi ngậm đắng nuốt cay của bà; giọng nhen nhúm nước mắt. Ông Sơn khó chịu, bực tức lắm nhưng cũng như bao nhiêu lần trước, ông không biết làm cách nào để có thể chấm dứt sự lải nhải của vợ, đành chịu trận. Bỗng bà kể lể về những lời bàn tán của hàng xóm, về nỗi oan ức mà bấy lâu nay bà phải gánh chịu. Bắt ngay cơ hội, ông Sơn dịu giọng đáp lại:

-Đã bao lần bảo bà lo cho nó sang với chồng, bà cứ... này nọ để đến bây giờ...

Bà Liên nhướng mắt lườm chồng, chát chúa:

- À, ông tính đổ riệt tội lên đầu tôi phải không?

Ông Sơn lúng túng, vội chữa lại:

- Không phải vậy, có điều...

-Thế tôi hỏi ông, không giữ nó lại, lấy gì mà tọng vào họng mấy

tháng nay? Có mà chết đói cả lũ! Ấy là chưa kể đến tiền ăn học của mấy đứa, không lẽ bắt chúng nó về đi gắp phân!

- Bà nói thế chứ, thằng Lâm không đến nỗi bạc. Tôi biết tính nết nó. Bao giờ nó cũng là đứa có đầu óc.

-Nay ông dám bạo mồm bạo miệng, chứ ngay sau vụ cưới hỏi, ông không lo trắng răng ra đấy hả. Ông nhớ thằng Lâm vẫn kể không, khi đón vợ qua, nào sẽ thuê cái nhà rộng rãi hơn, nào mua sắm đồ đạc, tậu xe mới... Như thế còn trấu dấy mà gửi về giúp nhà.

Ông Sơn kéo ghế ngồi xuống, với tay lấy bát điếu thuốc lào đặt trên mặt bàn lát kính. Ông không nói gì nữa, lẳng lặng vê tròn những sợi thuốc màu râu ngô, ấn vào lõ điếu, châm lửa. Ông hít hơi thật dài rồi ngửa cổ thả lên một luồng khói trắng. Bà Liên vẫn tiếp tục nói, như thể đang nói cho chính mình nghe:

-Thì tôi cũng chỉ tính giữ vợ nó lại... đôi ba năm, để dành thêm được chút ít vốn liếng. Ấy là tôi dè chừng khi vợ qua, nó không sẵn tiền gửi về giúp nữa. Ai ngờ mới dăm bữa nửa tháng, vợ nó đã... đổ đốn ra cớ sự này.

Ông Sơn trầm ngâm:

-Thôi thì trời đã bắt tội. Giờ bà gấng chạy chọt nộp đơn xin xuất cảnh cho nó sang đoàn tụ với chồng.

-Nhưng...

- Chẳng nhưng nhị gì nữa! Bà còn muốn tính gì nữa đây? Nhà cửa tuy không hơn ai nhưng cũng chẳng ai bằng mình. Của ăn của để cũng đã tạm đủ. Mấy đứa đã có chỗ học hành yên thân. Bà nghe tôi, lo nhanh cho nó.

- Liệu nó... dại người như vậy, nhà nước có cho đi không?

Cả hai ông bà bỗng im lặng. Câu nói của bà Liên dựng lại một thực tế phũ phàng. Dường như người nào cũng nén tiếng thở dài. Mãi sau ông Sơn mới lên tiếng lại:

-Hay là bà đánh thư cho thằng Lâm, cứ nói rõ hoàn cảnh, xem nó định liệu cho vợ nó thế nào.

Cặp môi bà Liên mím lại, đôi mắt sụp xuống. Đầu óc của bà lại quay cuồng với một vấn đề nan giải.

Bên ngoài nhà, dưới gốc cây hoa giấy thiếu phụ điên liếc mắt nhìn lên hai cánh cửa sổ mở rộng, chợt cười hì... hì... hì...! Một cơn gió nhẹ thoảng qua, lay động cành cây làm rơi một vài bông hoa tím nhạt.

*

Lâm sinh sống ở Na Uy như vậy tính ra đã gần mười lăm năm. Mới ngày nào nay nhìn lại Lâm nhiều lúc cảm thấy mình như không còn trai tráng nữa. Chẳng thế mà hầu hết bạn bè đồng lứa đã có con cái lớn khôn.

Lâm vẫn lẻ loi đơn độc. Lắm khi nhớ ra mình cũng cần một mái ấm gia đình, nhưng nghĩ đến thực trạng, Lâm ngại ngùng. Với số tuổi trên ba mươi mặc đầu người đời vẫn nói còn xuân nhưng Lâm đã muốn buông xuôi tình duyên. Vả lại Lâm cũng tự nhận mình không có những điều kiện khả dĩ thu hút phái nữ. Ngoài bản tính nhút nhát và một nhân dáng tầm thước, Lâm chỉ là một công nhân trong hãng làm bánh mì. Lương bổng hàng tháng phân nửa Lâm gửi về giúp gia đình, phần còn lại chỉ còn dư chút đỉnh sau khi đã thanh toán tiền thuê căn phòng độc thân và chi tiêu lặt vặt. Trong khi đó tại thành phố Lâm cư ngụ các cô gái vừa lớn thì cũng đã có những thanh niên xứng đôi vừa lứa săn đón. Họ đều là những người học hành đỗ đạt, xán lạn danh vọng trên các nấc thang xã hội Tây phương. Nhưng khi thấy một số đàn ông cũng rơi trong hoàn cảnh như Lâm đã về Việt Nam chọn được vợ, Lâm cũng thử viết thư cho cha mẹ nói bóng gió về ước muốn của mình. Bà Liên hiểu ý con. Bà hài lòng lắm nhưng không lộ ra bên ngoài. Bà tránh bàn bạc với chồng mà ngay cả với Lâm bà cũng chẳng hứa hẹn hay thông báo điều gì. Bà âm thầm chọn dâu tương lai. Bà Liên chê các thiếu nữ cùng địa phương, chỉ ưng ý người con gái của bà Cung ở thôn hạ. Cô Nghĩa. Thật tình thì trong những lần đi bán cá trước đây, bà đã để mắt tới Nghĩa dù khi đó Nghĩa mới chỉ là một con bé lanh chanh. Nhưng được cái trắng trẻo, nhanh nhẹn và ăn nói biết thưa gửi. Bà Liên chấm những ưu điểm này và tin tưởng rằng con mình sẽ được nhờ vợ. Ông Sơn chỉ được biết ý định của vợ khi bà Liên đã mua sẵn chục cam sành để sang dánh tiếng bên ba má của cô Nghĩa. Kết quả tốt đẹp ngay từ buổi đầu. Nhưng ở bên Na Uy, sau một thời gian trôi qua chẳng thấy cha mẹ đá động gì tới chuyện vợ con, Lâm đã nghĩ mộng không thành, đành thấm thía phận mình. Bỗng thư nhà gửi sang, nhắn Lâm sớm xin phép về làm đám cưới, mọi việc khác cần thiết đã được gia đình lo toan. Lâm chẳng thắc mắc gì thêm nhưng cũng vẫn chuẩn bị kỹ lưỡng cho chuyến về Việt Nam vào một dịp nghỉ hè. Tâm trạng Lâm vừa vui vui, vừa xôn xao, hồi hộp. Lâm không mường tượng nổi vợ tương lai của mình ra sao. Tuy tiếc rằng gia đình đã không gửi sang một tấm ảnh của cô ta, nhưng dù sao Lâm vẫn tin tưởng sự chọn lựa của cha mẹ.

Lâm về được ít ngày thì tiến hành đám hỏi rồi tuần lễ sau đám cưới. Nhà gái cảm thông chàng rể từ ngoại quốc về có quá ít thời gian nên miễn hầu hết nghi thức. Tuy nhiên hôn lễ vẫn được tổ chức rất sang trọng đối với thôn quê. Chẳng gì cũng mang danh Việt kiều lấy vợ. Gần chục chiếc thuyền trang trí lộng lẫy đón dâu từ nhà gái ra bến, sau đó ba chiếc xe đò chở quan viên hai họ theo cô dâu chú rể đến đàng trai. Cỗ bàn ê hề thịt

thà, thừa mứa rượu bia. Gần như cả xã được mời dự tiệc. Tứ thân phụ mẫu đều nở mày nở mặt. Tiền bạc chi dùng do Lâm đem về, vốn là những ngân khoản Lâm đã dành dụm được cộng với số tiền vay của ngân hàng. Lâm vung tay và không mảy may nghĩ ngợi.

Tuần lễ cuối cùng trước khi trở lại Na Uy, Lâm mới thực sự được gần gũi với vợ. Ngày đầu tiên theo cha mẹ đến xem mặt Nghĩa, Lâm chỉ là người khách lạ. Lúc ra về, mẹ hỏi mày thấy nó được không, Lâm gật đầu. Lâm giấu sự lo lắng của mình sau khi biết Nghĩa kém mình những mười hai tuổi và nhất là thấy Nghĩa đẹp, linh hoạt và duyên dáng quá trong từng cử chỉ và lời ăn tiếng nói. Cuộc hôn phối không bắt nguồn từ tình yêu. Chẳng biết Nghĩa nghĩ gì về người chồng tương lai. Chắc cũng như Lâm, cha mẹ đặt đâu thì ngồi đó. Rồi những ngày cưới hỏi bận rộn, vợ chồng tân hôn chỉ trao đổi những câu ngắn ngủi, đôi khi gượng gạo. Lần này Lâm đem Nghĩa lên Sàigòn. Như đi hưởng tuần trăng mật. Lâm kể Nghĩa nghe nhiều về Na Uy. Nào tuyết. Nào mưa gió. Nào rừng núi. Lạnh giá gần như quanh năm. Cuộc sống trầm lặng, không vui nhộn. Nghĩa trả lời chấp nhận hoàn cảnh, sẵn sàng bỏ lại tất cả, như thuyền theo lái, gái theo chồng. Tình nghĩa vợ chồng khởi sự nẩy mầm từ những giây phút này. Sự chênh lệch về tuổi tác đã không trở thành trở lực trong niềm mỳ giao cảm và hài hòa lứa đôi. Lâm nhận thức mình thật sự hạnh phúc đồng thời cũng tin tưởng Nghĩa cùng tâm trạng.

Trong bữa cơm trước ngày ra đi, Lâm nói với cha mẹ như một lời gửi gấm:

- Ở Na Uy đơn xin đoàn tụ gia đình thường được cứu xét nhanh. Như trường hợp của con bảo lãnh vợ chỉ khoảng sáu tháng là xong. Về bên đó con sẽ làm ngay các giấy tờ cần thiết rồi gửi về đây. Ba má nhận được hồ sơ, đem ra phường, quận để chính quyền Việt Nam cấp cho vợ con giấy xuất cảnh, còn tòa đại sứ Na Uy ngoài Hà Nội cấp phép nhập nội.

Bà Liên vừa múc thêm bát canh miến vừa tiếp lời:

- Úi dào, cứ lo phận mày. Giấy tờ về đây mau hay chậm cũng là... ở nơi mình.

Lâm ngừng nhai cơm, thoáng ngạc nhiên:

- Ủa, sao tùy mình? Ai lại chẳng muốn công việc nhanh chóng.

Ông Sơn nhấp chén rượu, cười hóm hỉnh:

- Má mày có bùa phép.

Thấy Lâm vẫn chưa hiểu, Nghĩa ghé vào tai chồng thì thầm. Hiểu ra, Lâm cười:

- Vậy con sẽ tiếp tế tối đa cho má để má... làm xiệc cho ngon lành, kẻo bị tổ trác.

Đứa em út của Lâm tỏ vẻ thành thạo:

- Anh Hai phải biết ở Việt Nam hiện đại mọi việc đều được giải quyết bằng tiền. Bây giờ ai cũng thuộc lòng câu thần chú: *"Tiền là tiên là phật, là sức bật của tuổi trẻ, là sức khỏe của tuổi già, là cái đà của danh vọng, là cái lọng để che thân, là cái cân của công lý. Đồng tiền hết ý!"*

Cả nhà cười rộ.

Nhưng rồi mọi chuyện đã không diễn tiến như Lâm mong ước dù Lâm đã nhanh chóng lo xong hồ sơ đồng thời gửi tiền về liên tục theo những lá thư thúc bách của gia đình. Một điều khiến Lâm lấy làm lạ, tuyệt nhiên không thấy vợ viết cho mình một lá thư nào. Chỉ toàn những chữ nguệch ngoạc như gà bới của mẹ. Thư nào thì cũng đại ý giống nhau. Cả nhà trời phật thương vẫn được bằng an mạnh khỏe. Đơn xin xuất cảnh cho Nghĩa đã nộp cho xã. Rồi những lời lẽ sau đó nhắc đến tiền bạc. Lâm thốn người khi chợt nghĩ có lẽ vợ mình mù chữ. Sau giải phóng không thiếu những người thất học kể cả các em nhỏ. Hàng ngày những đứa trẻ này cũng phải lăn lộn kiếm sống. Nghĩa sinh trưởng ở thôn quê càng gặp số phận hẩm hiu hơn. Chẳng thế mà mẹ Lâm đã từng khen Nghĩa giỏi giang chợ búa ngay từ thuở bé. Trong mấy ngày gần gũi vợ sau khi cưới, Lâm vô tình chẳng hỏi han gì về cuộc sống của Nghĩa trước đây. Thời gian ngắn ngủi vợ chồng dành trọn cho nhau những ân ái và những lời yêu đương ngọt ngào. Nay chạm phải những nghi vấn thực tế, Lâm chỉ biết ngỡ ngàng.

Trong khi đó ở nhà mọi việc đều do mẹ Lâm điều động và quyết định. Ông Sơn từ sau lần bị cảm mạo, tưởng chết, không còn sức lực xốc vác các công việc nặng nhọc, sống như chiếc bóng trong nhà, để mặc vợ quán xuyến chuyện trong việc ngoài. Bốn đứa em của Lâm, ba trai một gái, đều đã dọn lên thành phố, mướn phòng trọ học, chỉ thỉnh thoảng về nhà hoặc để vòi thêm tiền hoặc có việc gì thật nghiêm trọng. Nghĩa về làm dâu đã mang lại bầu khí sinh động cho căn nhà vốn đã từ lâu hiu quạnh. Tuy nhiên sự hiện diện của Nghĩa vẫn không thể triệt tiêu những nỗi lo lắng âm ỉ trong tâm tư của bà mẹ chồng. Bà Liên biết đứa con dâu này chỉ ở đây tạm thời rồi sẽ ra đi; mà một khi đã ra khỏi nhà là sẽ mang theo luôn nguồn sống của gia đình bà. Những hoạch định tương lai của Lâm như chất xúc tác giúp bà cảnh giác. Trí nhớ của bà minh mẫn lắm trong trường hợp này. Bởi vậy bà muốn níu kéo thời gian. Bà chận tất cả thư từ của Lâm gửi về. Hồ sơ Lâm xin bảo lãnh vợ bị nhét vào ngăn tủ quần áo. Các lá thư Lâm viết riêng cho vợ đều bị xé bỏ. Bà Liên che đậy rất khéo khiến không riêng mình Nghĩa mà ngay cả ông Sơn nữa cũng chỉ

được nghe đọc những lá thư Lâm viết chung cho cả nhà.

Nghĩa thương nhớ chồng. Dĩ nhiên. Nghĩa đã giãi bày những nhung nhớ, những cảm xúc thầm kín trong các dòng chữ, nhưng khi sực nhớ mình đã vô ý không lấy trước địa chỉ của chồng, Nghĩa đành xin bố chồng, thì:

- Hỏi má mày!

Tới mẹ chồng, cũng lại:

- Đưa tao gửi cho. Gửi một thể với thư của nhà cho đỡ tiền tem.

Những lá thư của Nghĩa gửi đi cho chồng cũng chịu cùng số phận như các phong thư của Lâm gửi về cho vợ. Cứ thế, Nghĩa rơi vào chán nản rồi tuyệt vọng. Và cũng từ thời gian đó Nghĩa mất dần tính người. Khởi đầu Nghĩa nói trước quên sau, làm đâu bỏ đấy, như chẳng còn tâm trí. Tiếp đến, Nghĩa thường thẫn thờ, mất hồn. Cả chỗ đông người lẫn nơi vắng vẻ Nghĩa hay lảm nhảm nói một mình, lúc lại hát nghêu ngao. Ông Sơn nhìn con dâu, lắc đầu. Bà Liên gắt gỏng, chửi bới. Hàng xóm bắt đầu xì xào. Có người mách bảo Nghĩa bị ma nhập. Bà Liên vội mời thầy pháp về yểm bùa, trừ tà. Vẫn không kết quả. Bà siêng lên chùa cúng dường. Nghĩa càng bị nặng hơn. Nếu không khóa cổng hoặc không ai coi chừng, Nghĩa lẻn ngay ra đường, đi lang thang. Trẻ con được những cuộc vui. Thanh niên lại hát chọc bằng những câu tình tứ nhảm nhí. Thường ngày có khi từ sáng sớm đến xẩm tối Nghĩa ngồi như một pho tượng dưới gốc cây hoa giấy trong sân trước nhà. Thỉnh thoảng Nghĩa lại cười. Hì... hì... hì...! Tiếng cười nhiều lúc nghe rờn rợn.

Ông Sơn hơn ai hết hiểu rõ căn nguyên bệnh tật của đứa con dâu. Đã nhiều lần ông giải thích cho vợ, nhưng bị bà Liên mắng át đi. Lý lẽ của ông không thắng nổi sự chua ngoa của bà. Cuối cùng ông Sơn dành buông xuôi. Nhưng lần này, không hiểu sao, ông lại bật nói. Lên tiếng xong, ông ân hận, nhận ra mình lỡ mồm dại miệng. Ông những tưởng vợ sẽ gầm lên như mọi khi, nhưng như vừa xảy ra một phép lạ, bà cũng tru tréo lúc đầu, sau dịu giọng. Ông được đà, dỗ dành:

- Đèn ai nấy rạng, bà hơi đâu mà bận tâm đến những kẻ ngồi lê đôi mách ấy. Con cái gặp chuyện chẳng may, mình phải lo cho chúng nó thôi.

Bà Liên ngập ngừng sau tiếng thở dài:

- Thế ông... viết thư cho thằng Lâm nhá?

Ông Sơn mừng thầm nhưng bên ngoài vẫn giữ vẻ trầm mặc:

- Xưa nay bà vẫn viết... À, mà thôi cũng được. Để tôi đi lấy giấy bút.

Bà Liên gọi với theo; tay lục trong túi áo:

- Này, có sẵn phong bì đề cả địa chỉ của nó đây.

Nhìn nét chữ lạ viết ngay ngắn trên chiếc phong bì màu xanh lơ, ông

Sơn khẽ cau mày, nhưng ông hiểu ngay xuất xứ. Bà Liên vẫn ngồi bệt dưới sàn nhà, mắt đỏ hoe. Một lúc sau ông Sơn từ trong phòng bước ra với dáng điệu vội vã:

- Chắc giờ này bưu điện còn làm việc, gửi cho nó sớm được chừng nào hay chừng nấy.

Bà Liên lấy tay quệt mũi, nhướng mắt nhìn chồng:

- Ông viết xong rồi cơ à?

- Chỉ cần mấy chữ thôi, báo cho nó biết là vợ nó... bệnh nặng, lo liệu mà về ngay.

Vừa nói, ông Sơn vừa chụp chiếc mũ nan lên đầu rồi đi nhanh ra cửa. Tay ông nắm chặt phong thư như sợ ai giật lấy hoặc mình lơ đãng đánh rơi.

Và chỉ mấy ngày sau lá thư đã qua tới Na Uy, theo đường hỏa tốc và bảo đảm. Ông Sơn bao giờ cũng cẩn thận, thường lo dịp may vuột khỏi tay. Lâm hồi hộp xé vội phong bì. Những dòng chữ khiến Lâm xây xẩm mặt mày.

Vợ con bấy lâu nay mang bệnh nặng. Nhà sợ con buồn rầu nên không báo. Không ngờ nay tình trạng trầm trọng nên ba má muốn con thu xếp về ngay để tìm cách mà giải quyết cho vợ con, nhân thể xem lại giấy tờ xin đoàn tụ của con. Chờ con về, sẽ nói chuyện nhiều hơn.

Đầu óc Lâm muốn bung. Lâm thả người xuống nệm giường. Hoang mang. Thì ra vậy, hoàn cảnh của Nghĩa xảy đến ngoài hẳn khả năng đoan quyết của Lâm. Nhưng Nghĩa bị bệnh gì đến nỗi bấy lâu nay không thể viết thư cho chồng? Lâm quặn đau, xót xa cho vợ. Nghĩ thêm, Lâm giận cha mẹ đã giấu giếm bệnh tình của Nghĩa. Lâm tức mấy thằng em, mải ăn chơi không đứa nào thèm viết cho anh một chữ. Lâm tự xỉ vả mình đã không nghĩ đến việc gắn máy điện thoại tại nhà để khi cấp bách có phương tiện liên lạc nhanh chóng... Cả đêm Lâm đã không chợp mắt nổi.

Quả thật Lâm đã phải hành động gấp. Như cha mẹ đã thúc giục. Gấp than oán với chủ để được nghỉ làm ba tuần lễ không hưởng lương. Gấp xin phép nhập cảnh vào đất nước mình. Gấp thu xếp đủ mọi thứ chuyện. Như thể con chuột đánh vòng. Chỉ khác, Lâm vừa quay cuồng vừa đớn đau... Để rồi cuối cùng khi về đến Việt Nam, mở cổng bước vào sân nhà, Lâm bỗng khựng lại, sửng sốt. Dưới gốc cây hoa giấy thiếu phụ điên cũng vừa chợt ngước mắt lên. Cổ họng Lâm tắc nghẹn. Lâm quăng chiếc xách tay xuống sân gạch, chạy lại ôm lấy vợ. Thiếu phụ nhe răng - hì hì hì - đồng thời nước mắt giàn giụa. Lâm lấy tay lau mặt cho vợ, làm nhem nhuốc thêm những vết đất cát ở hai bên má. Con chó từ sau nhà xồ ra, sủa

inh ỏi. Thuận chân, Lâm đá mạnh vào mõm nó. Con chó kêu ăng ẳng biến mất. Thiếu phụ điên cười hì hì hì. Ruột gan Lâm quặn lại.

Lâm dìu vợ vào nhà. Ông Sơn đang ngồi hút thuốc lào, bà Liên nghe tiếng chó kêu, tất tưởi chạy ra. Hai ông bà ngỡ ngàng khi bất chợt thấy Lâm như bỗng từ đâu hiện đến. Có lẽ ông bà nghĩ Lâm không thể về sớm được như vậy. Lâm phải gắng lắm để dằn lại những cơn sóng uất hận. Nhận thấy cha mẹ ngượng ngập, Lâm dành lên tiếng:

- Thưa ba má, con mới về!

Mọi khi thấy con cái ở xa về, bao giờ bà Liên cũng không giấu nổi nỗi mừng đến chảy nước mắt, nhưng lần này bà nói như lấy lệ:

- Sao mày không báo để các em chúng nó ra đón?

Lâm đáp xẵng:

- Không cần!

- Chúng nó ở trên thành phố cả, chạy ra phi trường cũng gần.

Lâm ngồi xuống chiếc ghế đối diện ông Sơn. Nghĩa đứng bên cạnh; tay vẫn để nằm trong tay chồng. Lâm thở dài:

- Thì ra vợ con bị... điên!

Im lặng. Ông Sơn bật que diêm rồi lại dụi ngọn lửa vào khe điếu thuốc lào. Bà Liên vân vê chiếc kim băng cài túi áo.

- Vợ con bị từ bao giờ? Tại sao gia đình không ai cho con hay? Ba má có tìm thầy chạy thuốc cho vợ con không?

Lâm hỏi dồn dập; giọng mỗi lúc một gay gắt. Bà Liên liếc nhìn chồng. Ông Sơn kê chiếc xe điếu vào môi, ngập ngừng trả lời:

- Nhà cũng... sợ mày... lo lắng. À, thì má mày... ai mách đâu cũng... chạy chữa cho nó chứ... Ngặt vì...

Lâm cười khẩy:

- Chữa gì mà để vợ con ngồi một mình ngoài kia, mặt mũi bẩn thỉu thế này, quần áo đầy đất cát!

Bàn tay Nghĩa chợt ấm lên trong tay chồng. Lâm nhìn sâu vào mắt vợ. Nghĩa vội ngẩng mặt lên như muốn tìm vật gì trên trần nhà, cười hì hì hì! Lâm lắc đầu đứng dậy, chán nản:

- Con không ngờ!

Bà Liên vào buồng lấy ra một bộ đồ mới, nói vừa may cho Nghĩa. Lâm cởi giầy, bỏ áo ngoài, xắn cao hai ống quần:

- Má để con... tắm cho nó.

Lâm dỗ lấy bộ quần áo từ tay bà Liên rồi kéo Nghĩa về phía nhà tắm. Nghĩa ngoan ngoãn theo chồng. Lâm vắt bộ đồ lên thanh gỗ bắc ngang hai vách tường, múc nước từ chiếc lu ra cái chậu nhôm lớn, đặt sẵn khăn tắm và xà phòng. Xong xuôi, Lâm kéo tay vợ vào. Bỗng Lâm bị đẩy mạnh

ra. Cửa nhà tắm đóng ập lại. Lâm ngơ ngác. Từ bên trong nhà tắm vọng ra tiếng cười. Hì! Hì! Hì!

Đêm hôm đó dường như không ai ngủ trọn giấc. ở buồng trong, thỉnh thoảng vẳng nghe những tiếng ho khan, tiếng thở dài và những câu đối thoại nặng nề, dứt quãng. Buồng ngoài, dội lên những âm thanh lịch kịch nhịp nhàng rồi bật nhẹ giọng nói đầy nước mắt, sau đến tiếng cười hì hì hì trầm đục.

Trong bữa ăn sáng Lâm thưa chuyện với cha mẹ:

- Lát nữa con sẽ ghé văn phòng xã rồi lên thẳng thành phố xin thẻ hộ chiếu cho vợ con. Xong trong này con sẽ ra Hà Nội, cố nán nỉ tòa đại sứ Na Uy cấp chiếu khán du lịch cho vợ con với tính cách một người em họ hay người bạn. Vợ con sang được bên đó rồi con sẽ nhờ luật sư lo liệu thủ tục xin định cư sau. Điều quan trọng nhất là vợ con được điều kiện thuận lợi để... chữa bệnh.

Bà Liên bóc chiếc bánh dày kẹp chả quế đưa cho con dâu. Nghĩa lắc đầu nhưng lại thò tay bốc xôi trong bát của chồng. Mãi sau ông Sơn mới lên tiếng:

- Mày hiểu biết thể lệ ở nước ngoài, liệu tính sao cho được việc.

Nhấp thêm hụm nước trà, Lâm chép miệng:

- Con vắng nhà cũng ít nhất khoảng ba, bốn ngày. Ba má... coi chừng giùm vợ con.

Cả nhà im lặng. Chỉ có tiếng nhai xôi tóp tép của Nghĩa. Lâm hạ giọng, nói tiếp:

- Nếu mọi chuyện xong xuôi, trước khi đi con sẽ ghé xuống thăm ba má vợ con. Cũng may họ ở tận vùng sâu vùng xa, không hay biết gì việc vợ con bị bệnh. Bằng không, chẳng biết ăn nói với dưới đó thế nào cho ổn.

Bầu khí nặng nề cho tới khi mọi người rời khỏi bàn ăn.

Xỏ giầy xong, Lâm đùng cả hai tay xoa đôi má Nghĩa:

- Ở nhà phải ngoan nhá. Anh đi lo công chuyện ít ngày sẽ về.

Nghĩa nhoẻn miệng, hì hì hì . Lâm bật cười:

- ừa thì... hì hì, nhưng không được ra ngoài ngõ, không được bôi đất cát lên mặt. Nhớ đấy!

- Hì! Hì Hì!

Lâm quay sang cha mẹ:

- Thưa ba má, con đi!

Ông Sơn nói với theo:

- Kiểm soát lại xem đã đầy đủ hồ sơ chưa kẻo đến nơi lại lỡ công lỡ việc.

- Rồi.

Trả lời vậy nhưng Lâm cũng vẫn mở nắp chiếc cặp da, nhẩm đếm những thứ bên trong. Không hiểu nghĩ sao Lâm lại lôi ra một tờ giấy, khoe:

- Ba má coi này, tối qua con phải tập mãi vợ con mới ký tên được vào đơn này. Khùng vậy mà chữ ký nhìn cũng vẫn... đẹp ra trò!

Nghĩa đứng gần đó, trợn mắt, chu môi:

- Hì! Hì! Hì!

Lâm ra khỏi nhà, lại lao đi như muốn bắt kịp thời gian. Khởi đầu từ các văn phòng xã, quận rồi thành phố. Trôi chảy như mong ước. Bởi Lâm biết áp dụng châm ngôn thời đại về sức mạnh của đồng tiền. Sáng sớm hôm sau Lâm đi máy bay ra Hà Nội. Vào tòa đại sứ Na Uy, Lâm được bà Siri, dệ nhất thư ký tiếp. Xem giấy tờ do các cơ quan địa phương Na Uy cấp cho Lâm, bà reo lên:

- Thì ra anh cũng là dân của Thành phố dù! Chúng ta đồng hương. Tôi ở đây nắng mãi, đã thấy nhớ mưa của Bergen lắm rồi!

Lâm cũng phấn khởi kể cho bà Siri nghe về những thay đổi ở quê nhà, về đội banh Brann của thành phố đoạt huy chương bạc trong mùa túc cầu vừa qua, sau đó Lâm hãnh diện khoe mình là người Việt Nam đầu tiên đã tham dự hai kỳ liên tiếp cuộc vượt bộ hàng năm bảy ngọn núi bao quanh cố đô Bergen. Lâm nhận ra những điều mình nhắc đến đã in dấu những cảm xúc trên khuôn mặt của người phụ nữ Na Uy này. Thì ra sống ở hải ngoại ai cũng bồi hồi mỗi khi có người hoặc sự việc nhắc nhớ đến quê hương mình. Chẳng thế mà Siri bà đã vui vẻ hứa giúp Lâm tận tình. Bà tỏ ý tiếc ông đại sứ đi họp, dành phải hẹn Lâm hôm sau trở lại.

Lâm lợi dụng cả một buổi chiều rảnh rang hầu làm quen với Hà Nội. Thành phố này đang nứt da nứt thịt để phát triển. Đường giao thông ngắn và hẹp như càng chật chội hơn khi những dãy nhà nhiều tầng mới xây chen chúc nhau vươn lên. Không còn cảnh phố xưa nhà cổ mái ngói thâm nâu (*) như Lâm đã nghe trong một nhạc phẩm. Tuy nhiên lần đầu tiên đi dưới những tàn cây sấu, những cây hoa sữa Lâm cảm thấy nao nao trong từng bước chân. Lâm thuê xe chở đến một vài thắng cảnh và di tích lịch sử. Hồ Hoàn kiếm, hồ Tây, chùa Một cột, Văn miếu... những nơi này không rộng lớn, không đồ sộ như Lâm vẫn tưởng và nay đã bị mang hình dạng nhem nhuốc, vì thế giảm mất sức quyến rũ cổ truyền. Lâm nghĩ mà tiếc.

Lâm lang thang cho tới quá khuya mới trở về khách sạn để rồi thao thức trong những nhung nhớ quay quắt. Khi tiếng xe cộ và tiếng rao hàng khởi sự nhộn nhịp ở bên ngoài, Lâm tìm xuống đường phố. Hà Nội đang

giữa mùa thu. Lâm hít đầy lồng ngực không khí lành lạnh và tưởng đến Na Uy. Ly cà phê sáng sớm ở quán cóc lề đường tuy kém chất lượng, nhưng Lâm vẫn cảm thấy tuyệt vời..

Gần trưa, Lâm trở lại tòa đại sứ. Đúng như lời hứa của bà Siri, đơn của Nghĩa xin du lịch Na Uy với sự bảo trợ của Lâm đã được chấp thuận. Niềm vui rộn lên ở từng tế bào trong cơ thể của Lâm. Bước chân của Lâm như ríu lại trên lối đi trải sỏi trắng trong khuôn viên tòa đại sứ. Lâm gọi xe ra ngay phi trường và bằng lòng trả thêm tiền để được lên chuyến đi sớm nhất trở ra Sàigòn. Ngồi trên máy bay Lâm vẫn có cảm tưởng tốc lực chậm rì.

Lâm không muốn rềnh ràng nên nhất quyết từ chối việc gia đình đôi bên dồi tiễn đưa tận phi trường. Từ giã nhau tại nhà vừa có ý nghiã lại thân tình. Mấy ngày nay Lâm luôn "kềm" vợ bên cạnh mình. Nhờ vậy Nghĩa dường như cảm thấy bình yên hơn. Ba má của Nghĩa cũng lên thăm con. Trước nỗi lo âu của cha mẹ vợ, Lâm trấn an :

- Sang tới Na Uy, con bảo dảm vợ con sẽ lành bệnh ngay.

Các em của Lâm cũng về đây đủ. Tới giờ chia tay Nghĩa rơm rớm nước mắt. Lâm ghé tai vợ, nói nhỏ: hì hì hì di em! Nghĩa cúi mặt; đôi má hồng lên.

Bên ngoài cổng đám đông bu quanh chiếc xe du lịch. Người ta đồn nhau: con điên theo chồng xuất ngoại. Thật la, chuyện trong nhà chưa tỏ, hàng xóm đã rõ. Thiên hạ kéo đến dĩ nhiên không phải để từ giã một người thân quen, nhưng hoặc vì tò mò muốn xem con điên đi đứng thế nào hoặc ganh tức niềm may mắn của một kẻ mà họ vẫn nghĩ đã bị sa thải khỏi kiếp người.

Em của Lâm xách hành lý xếp lên xe. Tài xế mở máy ngồi chờ. Lâm dắt tay vợ bước ra. Đi ngang sân trước nhà, Nghĩa quay nhìn bệ gạch dưới bóng cây bông giấy. Bao ánh mắt xoáy vào Nghĩa. Tiếng ồn ào cũng bỗng nhiên lắng xuống. Nghĩa duyên dáng trong bộ đồ đầm trắng ngà; cổ deo sợi dây chuyền vàng nét nhỏ thanh tú. Như cô dâu trong ngày vu qui. Lâm mở sẵn cửa xe. Nghĩa sựng lại, do dự rồi nhẹ buông tay chồng. Lâm thoáng ngạc nhiên. Thiếu phụ điên chợt quay mình lại, nhìn đám đông như muốn thầm nói giã biệt từng người, thu nhận từng khuôn mặt vào ký ức, rồi nàng... nhoẻn miệng cười - nhưng lần này không thành tiếng - chỉ khoe ra hàm răng trắng đều. Nụ cười thật hiền hậu .

Chiếc xe đã chạy xa. Phía sau người ta vẫn còn tụ năm túm ba xôn xao bàn tán.

(*) Trịnh Công Sơn: Nhớ mùa thu Hà Nội

Từ dòng thơ bảy chữ

NGUYỄN VIỆT THƯỜNG

Sinh bất phùng thời, sinh vị bất
Tử như vô hám, tử hà như
Trần Vĩnh Lợi (lưu - 1960)

Dưới giàn trăng thời sáu tuổi
Chiếu ngoại
tràn trề con gió chờ mưa
Nằm khoanh nghe thơ không ngại muỗi
Qua rồi mấy đợt mây đưa
Qua đi gợn sóng lúa đùa
Vẫn màu bảy chữ thời thừa
...Tất nhiên
Nhớ câu Kiến thiện
Ngoại nhắc bên thềm
Có mùi rêu ẩm thật mềm trong sương
Ngoại ơi chiếc võng bên tường,
Cái nghiên mực, tập thơ Đường...bút cong
Nét mày của mẹ...ngày không??
Ý hiên ngang
Ngọn suối dòng Minh Tâm
Kiến hiền như dạo rừng trầm
Nếp thơ cũ vẫn trăm năm hiện từ
Màu trăng trong của Kinh, thơ
Học vần ba chữ thương tờ Phấn tiên
Thơm sao mùi mực bình yên
Đêm choàng khăn nguyệt
Lên thiền viện Tâm
Vẫn là chiếc chiếu mùa trăng
Nồng hương Lục Vị, dịu làn Cao Sâm
Phơi sương cho thấm ngũ tầng
Tử như vô hám, hợp vần "Hà Như"
Hớp trong gió sớm Nhân từ
Ngoại ơi chết sống Ảo hư...cuộc đời
Từ đêm sáu tuổi ngoại ơi!

Vợ hiền

Tràm Cà Mau

(Viết theo lời kể của một người bạn)

Vợ tôi không phải là một người đàn bà có nhan sắc khuynh nước đổ thành. Bởi tôi, vốn tài mạo tầm thường và cũng không có nhiều may mắn bất ngờ để lọt mắt xanh những cô có nhan sắc chim sa cá lặn. Vả lại tôi cũng thường nghe bố tôi tuyên truyền nhồi nhét trong cái đầu từ nhỏ rằng, dẹp đến mấy rồi cũng trở thành méo mó xấu xí, và vợ dẹp là vợ người ta. Vợ tôi cũng không có tài ba xuất chúng, bởi tôi vốn nể sợ và có thành kiến với những người đàn bà tài giỏi, vì họ thường kiêu ngạo và hay thành độc tài vợ trị. Độc tài đảng trị thì có thể bỏ nước chạy ra biển chết, chứ độc tài vợ trị thì không chạy đâu cho thoát cả. Vợ tôi chỉ là một người đàn bà trung bình trên tất cả mọi mặt. Với một vóc dáng tầm thường bên ngoài, không vêu vao xấu xí khó nhìn. Bên trong nàng mang một tấm lòng hiền hậu, bao dung, biết hành xử khôn ngoan khéo léo, để đem lại cho gia đình hạnh phúc êm ấm lâu bền mà tôi vô cùng biết ơn mỗi khi nghĩ đến. Trong nhiều năm chung sống, chưa bao giờ nàng nặng lời với tôi, chưa bao giờ có cử chỉ hay ngôn ngữ thiếu lịch sự, cũng chưa lần khóc lóc giận hờn dỗi hỏi điều nầy điều kia, hoặc đặt điều kiện làm khó, hay so đo chuyện nhà với gia đình người khác. Ngoài tình cảm thắm thiết chia sẻ của vợ chồng, nàng âu yếm như một người tình, khoan dung rộng lượng như một người mẹ và hiểu biết như một người tri kỷ.

Năm tôi hai mươi tám tuổi, mẹ tôi nóng ruột thúc hối ép tôi lập gia đình. Bà đưa cái công thức cổ xưa của mấy ông Tàu bày ra là " tam thập nhi lập." Tôi cũng chưa đến ba mươi, mẹ tôi cứ gán đại thêm cho hai tuổi để dễ bề ép uổng. Tuổi đó, thích được quen nhiều bạn gái, bạn thôi thì được, nhưng nghe đến chuyện hôn nhân là xanh mặt. Vì qua kinh nghiệm bạn bè, kinh nghiệm giao tiếp trong sở, tôi thấy đa số mấy anh có vợ rồi

thì dường như bị khép chặt trong cái vòng chuyên chính của bà vợ nhà. Cái vòng tuy lỏng lẻo và êm ái, nhưng bằng sắt, rất chặt và siết cứng. Một anh bạn thân, lâu lâu giận vợ, đến nhà tôi ở lại, nằm rũ ra trên giường như đống mền rách rầu rĩ nói với tôi: "Tao chỉ mong có được một ngày an bình, sung sướng như mầy, một ngày thôi cũng đủ." Nghe thế thì không sợ sao được? Trong sở tôi, có mấy anh bạn bị vợ cào rách mặt và phải lấy cớ là dao cạo râu cắt. Ai cũng biết chuyện gì đã xảy ra, vì mặt mày các anh láng lẩy, trơn tru, có sợi râu nào dâu mà phải cạo cho dao cắt! Một ông lớn tuổi khác, vợ vào tận sở xé áo và kêu bằng mày tao, còn tố cáo ông mang bằng kỷ sư giả bên Pháp về. Nhan nhản những tấm gương gia đình u ám trước mắt như vậy, thì chỉ có ngu quá hoặc liều mạng mới không sợ mà thôi.

Tôi khất lần mãi không được, phải bẽn lẽn theo mẹ, đi ra mắt, và xem mặt nhiều cô con gái các gia đình mà bà quen biết. Tôi theo lời dạy của một anh quân sư quạt mo, cứ mang bộ mặt đưa ma đến nhà người ta và ăn nói nhát gừng cộc lốc, thì không ai muốn gả con gái cho, và các cô thấy vậy thì cũng ớn lạnh mà dạt ra. Thế mà cũng có nhiều nhà khen tôi hiền lành, ít át, muốn gả con gái cho. Tôi tìm đủ lý do nói riêng với mẹ để chê bai, từ khước. Cô thì chê mặt dài, cô thì chê mũi lớn, cô khác chê mắt có đuôi, cô thì mồm như có râu. Toàn cả những lý do vu vơ. Mẹ tôi phiền muộn thở dài, vì biết con trai bà cũng chẳng có sự nghiệp gì sáng giá, chẳng có một phong cách đặc biệt nào, mà đòi hỏi quá đáng chăng?

Không nỡ để mẹ buồn, tôi đem Lam, người bạn gái thân thiết nhất về giới thiệu với mẹ, bà vui vẻ chịu ngay. Bà khen Lam láu lỉnh, bặt thiệp và xinh đẹp. Mẹ tôi đến thăm xã giao nhà Lam hai lần để dò xét gia thế, và quyết liệt chống đối cuộc hôn nhân, lấy lý do là mẹ Lam dữ dằn và có cách cư xử thiếu lễ độ với chồng. Tôi nói: " Con cưới Lam chứ cưới bà ấy đâu mà mẹ sợ?". Mẹ tôi nhất quyết tin rằng, mẹ hổ thì khó sinh được con cừu. Vì cách đối xử của cha mẹ, ảnh hưởng đến tính tình con cái. Cha mẹ dữ dằn, con cái khó mà hiền lành được, vì ngày ngày học cách ăn nói, cách đối xử, tiêm nhiễm những thói quen của cha mẹ, và đem ra xử sự với đời, mà không biết đó là xấu. Tôi cố bào chữa cho Lam, nhưng mẹ tôi đã nhất quyết, không lay chuyển được. Bà nói: "Mẹ thương con, mẹ không muốn sau này con khổ vì đời sống gia đình thiếu hạnh phúc. Vì không có gì khổ bằng có vợ dữ dằn, hỗn láo, có thể làm người chồng buồn phiền sinh ra rượu chè, cờ bạc, trai gái hư hỏng. Mẹ thương con, lo cho tương lai con nên mẹ không chịu". Tôi định nói với mẹ rằng, con trai của mẹ cũng chẳng hiền lành chi, mà chê thiên hạ. Nhưng sợ mẹ buồn nên im lặng. Mẹ của Lam biết được ý kiến của mẹ tôi, nổi tự ái, nói nhiều lời tàn nhẫn, tổn

thương đến gia đình tôi, và tuyên bố không bao giờ gả Lam cho tôi.

Khi bị trắc trở, ngăn cấm thì tình yêu càng thêm tha thiết bốc lửa, và hai đứa tôi càng quyết vượt qua hàng rào ngăn cản của gia đình. Muốn sống cho nhau, và sống chết vì tình yêu.

Một lần chìu ý mẹ, tôi miễn cưỡng đi xem mặt một cô mà mẹ tôi gọi là gia đình phúc hậu đàng hoàng. Tôi chẳng tha thiết gì, chỉ giữ đủ lịch sự tối thiểu để cho mẹ khỏi mất mặt. Lần đó Lam biết được, nàng giận dữ sỉ vả tôi: "Anh là một thằng đểu cáng, xấu xa đê tiện, một kẻ hèn nhát núp váy mẹ, không dám làm gì cả. Anh không xứng đáng với tình yêu của tôi." Tôi nghe mà bàng hoàng, như bị sét đánh. Hai đứa giận nhau. Tôi chợt nhớ tới lời nhận xét của mẹ, và thấy bà cũng có lý phần nào. Nhưng tim tôi vẫn nát tan xót xa vì chuyện tình đổ vỡ. Ngay sau đó, Lam có người yêu mới là Tuân. Tuân cũng là trong đám bạn bè quen biết lâu dài với tôi, tính tình Tuân hiền lành, chịu đựng, và Tuân đã bền bỉ theo đuổi Lam từ lâu. Nửa năm sau, tôi đi dự đám cưới Tuân, Lam với trái tim vỡ nát, nhưng cũng vui mừng vì Lam lấy được chồng hiền lành và đàng hoàng, có thể bảo đảm đời sống tinh thần vật chất cho gia đình sau này. Tôi thật tình nghĩ rằng, tôi không bằng được Tuân về nhiều mặt. Lam bỏ tôi là phải.

Mẹ tôi làm như lấy vợ cho bà, cứ khóc lóc thúc giục mãi. Tôi tâm sự với một người bạn cũ. Anh cười và nói: " Hay là cậu thử tìm hiểu Mai, em gái tôi xem sao. Nó cũng sẵn có cảm tình với cậu đó. Mai hiền lành lắm". Được bạn khuyến khích, tôi bắt đầu tìm hiểu Mai. Nàng không đẹp, không xấu, chăm chỉ, hiền lành. Trước đây, đến nhà bạn chơi, tôi chỉ thấy Mai thấp thoáng đâu đó sau bàn học, hoặc lẳng lặng rút lui sau khi cúi đầu chào lễ phép. Dẫn Mai đi chơi, tôi không tìm hiểu được chi nhiều về Mai, vì nàng quá thụ động, khi nào cũng nhẹ nhàng chìu chuộng, ít đưa ý kiến riêng. Khi hỏi ý, nàng thường bảo: "Dạ, anh cho em đi đâu cũng thích cả, anh vui thì em cũng vui". Tôi đem nhận xét về cái hiền lành của Mai nói với một người bạn. Anh cười hô hố và nói: "Trời ơi, khi mới quen thì em nào mà không hiền lành như thánh mẫu, dịu dàng như tiên cô. Khi cưới về thì cái đuôi dài thòng mới lòi ra, và dữ như chằng tinh. Em nào cũng vậy cả." Tôi hỏi thẳng anh của Mai, anh trả lời: "Con nhỏ hiền lành, biết nhường nhịn và rất dịu dàng. Cậu có phước lắm mới gặp nó. Không phải vì nó là em gái mà tôi khen đâu."

Mẹ tôi đến thăm gia đình Mai nhiều lần, khen mẹ của Mai phúc hậu, hiền lành, cư xử lịch sự, phải phép với chồng. Bà nghĩ rằng, nhất định Mai cũng học được nề nếp gia đình của mẹ, không nhiều thì ít. Bà thúc tôi làm đám cưới ngay. Tôi xin hoãn một thời gian để tìm hiểu thêm, mẹ không

chịu, và bảo: " Lấy vợ thì lấy liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ dèm pha." Tôi nói rằng, nếu nghe được lời dèm pha đúng, thì cũng là điều tốt, mình khỏi phải xét đoán lầm người. Mẹ tôi lại giảng cho tôi rằng, chín mươi phần trăm cách cư xử của con cái là do ảnh hưởng sinh hoạt tốt xấu của cha mẹ. Cha mẹ gieo vào đầu con cái thứ tư tưởng nào, thì nó sẽ hành động theo lối đó. Thương mẹ, tôi tạm quên kinh nghiệm ghê gớm trong đời sống gia đình của bạn bè và đồng sự, liều thân lấy vợ cho mẹ vui lòng. Có một ông bạn bảo rằng, lại thêm một thằng đàn ông ngu muội đi vào vết xe đổ nghìn năm của nhân loại.

Tôi cưới Mai, nàng như cái bóng dịu hiền bên tôi. Tôi thấy mình tan loãng vào tình yêu êm đềm, và chợt nhận ra đời sống gia đình êm ái, thoải mái và hạnh phúc hơn nhiều lần đời sống độc thân. Không thấy gò bó tù túng trong dây ràng buộc của gia đình như nhiều người thường bảo. Mai lo lắng cho tôi những thứ cần thiết lặt vặt trong cuộc sống bình thường, bổ khuyết cho tôi những thiếu sót, dịu dàng an ủi tôi những khi lo buồn. Tôi nói với vợ: "Anh ngu quá, biết lấy vợ mà sung sướng hạnh phúc như thế nầy, thì đâu để độc thân đến gần ba mươi tuổi. Uổng thật." Những khi chúng tôi có ý kiến trái ngược, Mai dịu dàng phân tách thiệt hơn cho tôi nghe, rồi để cho tôi quyết định. Sau khi quyết định xong, dù có trái ý nàng, Mai cũng vui vẻ cố gắng giúp tôi hoàn thành công việc. Không như các bà khác, những lúc chồng làm trái ý, thì các bà mong cho ông chồng thất bại để chứng tỏ ý kiến của bà là đúng, là hay. Mai thường nói: "Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn. Nếu ai cũng khăng khăng giữ ý của mình, thì chẳng làm nên được việc gì cả." Cũng có khi quyết định của tôi sai lầm, đưa đến kết quả không tốt. Những lúc nầy, Mai thường hết lời dịu dàng an ủi tôi, và cho rằng tôi không có lỗi gì cả, vì ai cũng có thể sai lầm, và Mai cho rằng nàng cũng có một phần lỗi, vì chưa tận tình giúp tôi đầy đủ ý kiến để làm quyết định. Từ đó, tôi cảm thấy mình phải lắng nghe ý kiến của vợ nhiều hơn. Tôi nghĩ, nếu những lúc nầy mà Mai dằn vặt, nàng nặc buộc tội tôi, thì chưa chắc tôi đã thấy mình lầm lỗi. Mai không như một số đàn bà khác, đúng hay sai cũng đổ lỗi cho chồng, và những khi chồng thất bại trong đời, là cái dịp cho các bà chê bai, mai mỉa, nói những lời tàn nhẫn. Ngoài xã hội, có những lúc tôi vô tình hoặc thiếu may mắn, gây nên những sai lầm với người khác, Mai tự đứng ra, gánh vác hết trách nhiệm thay tôi. Từ ái đàn ông, đâu cho phép tôi để vợ gánh vác trách nhiệm thay mình. Tôi thấy thương và quý vợ nhiều hơn. Mai bảo: " Chuyện nhỏ, để em gánh vác giúp, anh để tâm trí làm những việc khác ích lợi hơn,". Tôi thầm nghĩ, tôi thì làm chi có việc lớn mà gánh vác.

Những năm mới lấy nhau, tài chánh gia đình khó khăn, đắp trước bù

sau hàng tháng. Áo quần đơn sơ, ăn uống dè xẻn. Thế mà Mai bao giờ cũng vui vẻ, chưa bao giờ nghe Mai thở than hoặc so sánh với các bạn bè khác. Nàng thường nói: "Chúng ta nghèo vật chất, nhưng giàu hạnh phúc, tinh thần thanh sạch, thế là đủ. Đời sống biết đủ là đủ."

Chính vì Mai không than thở, nên tôi thấy mình có trách nhiệm nhiều hơn về tài chánh gia đình. Buổi chiều về, tôi đi dạy thêm cho các lớp đêm. Ngày nghỉ, tôi mở lớp dạy kèm luyện thi cho từng nhóm nhỏ. Tài chánh gia đình nhờ đó mà đỡ đào hơn, có thêm tiền, nhưng Mai không vui, mà chỉ lo cho tôi thiếu sức khỏe sinh bệnh hoạn.

Năm đó, tôi không chịu theo bè cánh với nhóm tham nhũng, chúng đày tôi về một tỉnh nhỏ xa xôi. Tôi buồn phiền lắm. Không đi thì không được, đi thì bỏ hết công chuyện làm ăn riêng tư. Mai khuyên tôi nhẫn nhịn, và gắng tìm vui trong hoàn cảnh mới. Khi chúng tôi về tỉnh nhỏ, Mai thường an ủi và nâng đỡ tinh thần tôi, đặt mua các thứ sách báo tôi thích, để giải trí và quên đi phần nào nỗi buồn nơi tỉnh nhỏ. Mai xin được việc ở một nhà dạy trẻ, để phụ thêm kinh tế cho gia đình. Mỗi ngày, Mai thường đọc báo, và khoanh cho tôi các bài hay, các tin tức cần thiết. Nàng ghi danh cho tôi học ở đại học Luật khoa Sài gòn, mua bài gởi về tỉnh. Nàng đọc và làm tóm tắt từng bài học, ghi các ý chính của từng đoạn vào bên lề giấy. Nhiều đêm trước khi đi ngủ, Mai đọc bài cho tôi nghe, và nói lại đại cương của vấn đề. Ban đầu, tôi chìu vợ mà nghe những bài học khô khan đó. Nghe lơ là, không quan tâm lắm. Nhưng về sau, tôi thấy cũng hiểu được nhiều điều hay của luật pháp, kinh tế, các vấn đề xã hội khác. Tôi thành chăm chỉ. Nhờ vậy mà ngày tháng ở tỉnh lẻ thành bận rộn trong êm đềm. Sau bốn năm, hai vợ chồng đều tốt nghiệp cử nhân Luật khoa và tôi xin chuyển ngành. Tôi thường nói đùa với bạn bè rằng, vợ tôi là giáo sư duy nhất mà tôi theo học trong chương trình cử nhân Luật khoa. Tôi thật sự khâm phục vợ, vừa đi dạy trẻ kiếm thêm tiền, vừa chăm sóc con cái, nấu nướng, và học bài, ôn bài cho tôi mà khi nào cũng vui vẻ, dịu dàng, không than phiền, kêu ca.

Khi chạy vội về Sài Gòn vào năm 1975, chúng tôi mất tất cả, trở thành trắng tay. Tôi lo lắng và muộn phiền lắm, nhưng nhờ thái độ trầm tĩnh và chịu đựng của Mai mà tôi bớt bối rối. Trước ngày miền Nam sụp đổ, chúng tôi bàn nhau là nên ở hay đi. Ý Mai thì nên đi để bảo toàn tính mạng cho gia đình, khi yên ổn thì quay trở về cũng chẳng mất mát gì. Phần tôi thì vì yêu mến quê hương một cách lãng mạn, quyết ở lại, muốn cùng chia sẻ khổ đau, sống chết cùng quê hương. Chủ nghĩa đối với tôi không quan trọng, tôi nghĩ chính thể nào cũng thế thôi, cũng cùng là người Việt, cùng giòng giống tổ tiên, thì việc gì mà phải bỏ chạy? Tôi đã

lầm to. Thảm họa trùm xuống khắp miền Nam. Đau khổ, lao tù, đói lạnh, đè nén, áp bức. Tôi cũng ôm gói đi tù như mọi bạn bè. Trong tù, tôi vô cùng ân hận về quyết định sai lầm, để thân xác mình bị tù đày, để vợ con bơ vơ, đau khổ, đói rách, không vốn liếng không tài sản. Ba tháng sau khi tôi đi tù, Mai thấy chồng chưa được thả về, đã xoay xở rất mau. Nàng mua áo quần cũ, cắt ra may thành áo quần trẻ em đem bỏ mối bán tại các chợ trời hè phố. Đêm nào cũng may đến mười hai giờ khuya. Một mình nuôi chồng tù tội, nuôi con thơ dại, ngược xuôi trong cuộc đổi đời. Những năm tháng nằm tù, có nhiều thì giờ suy nghĩ, tôi mới sâu sắc nhận ra mình mang ơn vợ quá nhiều. Tình cảm nàng dành cho tôi tràn đầy dịu dàng, bao dung, âu yếm và hy sinh. Tôi biết mình là kẻ có phước được vợ hiền.

Bằng tiền bạc, Mai mua chuộc được tên cán bộ cai tù, cho nó một cái đồng hồ, hứa hẹn cho thêm cái đài (radio) và hứa thêm khi tôi được thả về, sẽ cho một chiếc xe đạp. Đó là ba niềm ước mơ cao sang của nhân dân anh hùng miền Bắc đạo đó: "Đạp, đông, đài", ai có ba thứ nầy thì được xem như tột đỉnh giàu có. Thanh niên có dủ đạp đông đài thì có thể cưới bất cứ cô gái nào trong xứ. Tên cai tù đã tiếp tế cho tôi thuốc men, mì gói và các thức cần thiết, và phục vụ tôi như một tên đầy tớ trung thành. Nhờ thuốc từ gia đình, tôi thoát chết qua hai lần bệnh nặng không hy vọng sống sót. Sau nầy, gã cai tù tội nghiệp đã trở thành kẻ chịu sự sai khiến của tôi trong trại cải tạo. Tôi đã sai nó mua cho anh em nhiều thứ cần thiết, bí mật đưa tin tức về cho gia đình. Trong thời gian tôi đi tù, một người bạn cũ của ông anh Mai, trước kia có theo đuổi nàng, sau vào bưng biền theo cộng sản, hắn đã đến viếng thăm và nói xa gần, rằng muốn giúp đỡ nếu Mai chịu hắn. Hắn sẽ xin việc làm cho Mai và sẽ tìm cách bảo lãnh cho tôi. Mai đã khéo léo nói cho nó bỏ đi và về sau tránh tiếp xúc.

Khi tôi được ra tù, thể xác tiều tụy, tinh thần suy nhược, đời sống bất ổn, bị đe dọa thường trực. Hàng tuần bị tên công an khu vực đến thúc giục đuổi đi về vùng kinh tế mới, và nói lời hăm dọa. Tôi nản lòng bàn với Mai để dọn về vùng kinh tế mới cho yên thân. Nàng đã khôn ngoan giải thích rằng, bằng mọi giá phải bám vào thành phố, để sống còn và để bớt bị độc tài áp bức, bớt khốn khổ vì cái u mê của chế độ hành hạ. Nàng thường khuyên tôi:"Mình hãy xem cuộc đời nầy như một trò chơi không vui, đừng quá quan tâm đến những gì xảy ra cho mình, cho thiên hạ chung quanh. Những đau khổ mà mình đang chịu đựng cũng là một thứ thử thách, làm cho mình lớn thêm lên, trưởng thành hơn, và cứ vui với những gì nhỏ nhoi nhất có thể có trong thời gian nầy. Không xấu xa nào có thể tồn tại mãi mãi được, ánh sáng tương lai sẽ có ngày chiếu rọi trên quê hương." Mai đã an ủi, khuyên nhủ và dịu dàng dắt tôi đi qua quãng đời

đau khổ trong chế độ lạ lùng vô nhân kỳ quái nầy. Chúng tôi bữa đói bữa no dắt nhau đi trong đời sống mịt mù của xã hội chủ nghĩa trá hình. Khi tôi ngỏ ý tham gia một tổ chức phục quốc chống lại chính quyền cộng sản trong thành phố, thì Mai đồng ý ngay. Nàng nói: " Chúng ta đã vất súng đầu hàng, chỉ mong được bình yên sống và góp phần dựng xây lại quê hương. Nhưng kẻ chiến thắng dọa dày nhân dân xuống vực thẳm. Không cho ai yên sống. Chính họ đã buộc chúng ta đứng dậy, cầm lại súng. Việc đáng làm thì phải làm. Nếu ai cũng trốn tránh cả, thì đau khổ nầy biết bao giờ dứt được ?. Nhưng phải thận trọng để khỏi phí thân làm việc đã tràng."

Cùng với bạn bè cũ mới, chúng tôi tổ chức mua súng, liên lạc với các nhóm kháng chiến khác. Ra một tờ báo bí mật chuyền tay. Mai đã ngược xuôi giúp đỡ chúng tôi, mang tin tức, chuyển vận hàng hóa. Chúng tôi mơ mộng một ngày ánh sáng tự do chiếu rọi trên quê hương, trở lại đời sống không áp bức kẹp kềm.

Một vài người trong nhóm bất cẩn, tổ chức bị đổ bể, đa số anh em bị bắt. Tôi chạy thoát được với cái áo có nhiều lỗ đạn bắn thủng bên hông. Mai nhờ người nhắn tôi bình tĩnh chờ nàng sắp đặt.

Nàng vay mượn và bán hết đồ đạc trong nhà, đóng tiền cho tôi bí mật vượt biên. Ngày chia tay, Mai rất bình tĩnh, mà tôi thì trong lòng nhũn ra vì yếu mềm, cố cầm dòng nước mắt cho khỏi tuôn trào. Mai dặn dò: "Anh phải giữ gìn sức khỏe. Em đủ sức lo cho các con và bản thân. Đừng bao giờ quên cả dân tộc đang khổ đau, đợi chờ! Thôi anh đi". Tôi ôm vợ vào lòng, nước mắt chảy tràn đầy gò má. Tôi cố cầm tiếng nấc cho Mai đừng biết tối đang khóc. Lời dặn dò của vợ làm tôi cứ ngỡ mình đang ôm cả khối hào quang sáng rực, ôm cả mặt trời chói lọi trong vòng tay. Tôi tự hứa sẽ không phụ lòng kỳ vọng của vợ trong phút chia ly. Tôi tự hứa, ra đi không phải chỉ để tìm tự do riêng cho bản thân mình thôi.

Chuyến đi không thành, phải dời lại một tháng sau. Nhiều người bỏ cuộc nên thuyền trống. Phút cuối chủ thuyền cho vợ con tôi cùng đi với lời hứa trả tiền sau. Tôi cám ơn Trời Phật đã xui khiến cho chúng tôi còn có bên nhau trong đời.

Trên biển đói khát Mai nhường phần ăn uống cho con, cho chồng, với lý do là tôi cần sống hơn nàng, tôi có thể làm được nhiều việc ích lợi hơn. Nhưng theo ý tôi, thì chính Mai mới xứng đáng để sống sót vì đời sống nàng có nhiều ý nghĩa, tốt đẹp hơn.

Những ngày khó khăn nắng cháy cực khổ tại trại tỵ nạn, nàng dành lấy hết tất cả việc vặt vãnh như lãnh thức ăn, xách nước, nấu nướng, chăm sóc con cái, để cho tôi có thì giờ tham gia tiếp tay phụ giúp các công tác chung trong trại. Mai dặn tôi tránh xa những nơi có tranh giành, có chút

quyền lợi, chỉ kê vai gánh vác những việc có ích chung mà không ai làm. Với khuyến khích và an ủi của vợ, tôi làm được nhiều việc hữu ích cho cộng đồng. Trong lúc đó, một vài anh bạn tôi, tham gia việc cộng đồng mà như làm việc quốc cấm, bị vợ cằn nhằn, ngăn cản, mỉa mai rằng việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng. Nhiều người than vãn về những thiếu thốn, khó khăn cực khổ trong trại tị nạn. Mai thì khi nào cũng vui vẻ, lạc quan, và cho rằng tương lai được sống đời tự do đang rõ ràng trước mắt. Những thiếu thốn, khó khăn trong trại tị nạn là đương nhiên. Ở đây cũng còn sung sướng hơn những ngày tháng sống với chế độ cộng sản u ám, bất trắc, chèn ép, sợ hãi. Những khi con tôi chê cơm, Mai nhắc nhở cho chúng những ngày khoai sắn qua bữa, những ngày đói khát trên biển khơi, thì chúng vội vàng ăn ngon lành những chén cơm trong trại tị nạn.

Chúng tôi đến Mỹ vào mùa đông, tuyết phủ ngút ngàn, trắng xóa cả đất trời. Chưa biết có thể làm gì để nuôi sống gia đình trong miền đất mới, nhưng nhờ trợ cấp xã hội trong thời gian đầu, đắp đổi tạm sống qua ngày. Dù không dư giả, tiền trợ cấp xã hội được Mai chia ra làm ba phần, hai phần ba nuôi sống gia đình với chi tiêu dè xẻn tiện tặn, một phần ba gởi về nuôi những bạn bè đang đói khó khắc khoải trong lao tù, trong các vùng kinh tế mới. Trong vòng ba tháng, chúng tôi đi xin việc cả trăm nơi khác nhau, đâu cũng gõ cửa, đâu cũng xin việc. Hai vợ chồng lội bộ dắt nhau đi tìm việc, và không nản lòng. Tôi tìm được một chân rửa chén bát tại khách sạn Holiday Inn. Mai tìm được một chân làm bánh ngọt Donut. Chúng tôi tự túc được rồi, và từ đó mà tiến lên, tôi tìm được công việc khác trong hãng tiện có đồng lương khá hơn. Chúng tôi bắt liên lạc với bạn bè xa gần, và ao ước được đóng góp phần nào vào nỗ lực làm vơi khổ trên quê nhà. Thư của bạn bè hồi âm với lời lẽ bi quan, nhiều người khuyên tạm quên chuyện quê hương đi, mà lo cho đời sống bản thân và gia đình trước đã. Khi bỏ nước ra đi, hầu như ai cũng mang trong lòng một hứa hẹn, một trách nhiệm âm thầm, không nói ra nhưng vô cùng tha thiết.

Nhiều đêm Mai thì thầm: "Chúng ta có yên lòng hưởng hạnh phúc, tự do khi cả quê hương đang chìm đắm trong khổ đau? Chúng ta có quên được bao nhiêu người đang kỳ vọng chúng ta nơi quê nhà? Liệu chúng ta có làm được gì không hay chỉ mải mê lo cho đời sống riêng tư?". Một hôm, Mai đưa tất cả tiền dành dụm cho tôi làm lộ phí, để đi một vòng quanh nước Mỹ đò xét tình hình, xem việc kháng chiến phục quốc có cơ may nào không. Tôi đi một vòng từ Boston về New York, Washington DC, Philadelphia, New Orleans, Florida, Houston, San Diego, Los Angeles, San Jose, Seattle và về lại. Chuyến đi mất gần hai tháng. Tôi trở về với khuôn mặt sầu muộn không giấu được, Mai không hỏi han nhiều, chỉ an

ủi: "Thôi, mình rán làm ăn, rồi làm được những gì nhỏ nhất có lợi cho quê hương thì làm. Em tin tưởng sẽ có một ngày nào đó, chúng ta sẽ có cơ hội đóng góp cho quê hương nhiều hơn."

Chúng tôi đi làm việc toàn thời gian, và làm thêm những việc sửa chữa lặt vặt cho các gia đình trong nhà thờ họ đạo. Các bà cụ dành việc làm cho tôi với tinh thần giúp đỡ, trả cho tôi những thù lao nhiều hơn trị giá thực sự. Chúng tôi chỉ để dành một số tiền nhỏ phòng khi bất trắc và ăn tiêu hết sức tiện tận. Hàng tháng, Mai gởi tiền giúp đỡ các gia đình bà con, bạn bè đang đói khó, gia đình những người đau khổ trong tù đày, các bạn đang quay quắt ở các vùng kinh tế mới. Giúp nhiều nhất cho những người tù không có thân nhân bới xách, thiếu thốn thuốc men, thiếu thốn chất bổ dưỡng. Vợ tôi thường bảo, dù cho những giúp đỡ nầy như muối bỏ biển trong một quê hương đầy đói rách, nhưng có còn hơn không. Mai vui sướng trong việc xẻ chia chút dư thừa vật chất cho những người cùng khổ.

Chưa bao giờ tôi nghe Mai phàn nàn, sanh nạnh với tôi về công việc trong nhà. Chưa bao giờ nàng lên giọng sai bảo tôi hút bụi, quét nhà, rửa chén bát. Nếu rảnh, thì tôi làm, nếu tôi bận xem những trận thể thao hấp dẫn, thì thôi. Nhiều lúc Mai không cho tôi rửa chén bát, giành lấy mà làm, vì những lúc đó nàng rảnh rang. Chúng tôi cùng làm việc nhà trong tinh thần chia sẻ, không phải trong trách nhiệm phân chia việc nào chồng làm, việc nào vợ làm. Mai chưa bao giờ tranh hơn thua với chồng. Nàng quan niệm rằng, vợ chồng không cần tranh hơn thua nhau, hơn chồng cũng không được gì mà chỉ tổ tình yêu bị thương tổn. Chưa bao giờ Mai lớn tiếng hay khăng khăng quyết đoán việc gì. Khi nào cũng dịu dàng thảo luận và sẵn sàng chờ lúc thuận tiện để thuyết phục thêm. Tôi đã nghe thấy vợ nhiều người bạn, sẵn sàng xẵng tiếng với chồng, mở miệng ra là nói nặng lời, nói điều chua chát khó nghe, và tôi biết mình may mắn có vợ hiền. Tôi đem nhận xét nầy nói với Mai, nàng cho rằng những người đàn bà đó, chỉ đáng thương, vì không ai dạy cho họ điều khôn ngoan phải đạo mà có lợi cho họ hơn là có hại.

Những lúc tôi gặp khó khăn ngoài xã hội, mang bực bội và cái không vui về nhà, Mai thường khuyên tôi rằng: "Mục tiêu tối thượng của đời người là đi tìm hạnh phúc. Đi làm kiếm tiền cũng chỉ để mua hạnh phúc. Hạnh phúc đích thực của cuộc sống là gia đình vui vẻ, ấm êm và dễ chịu. Không tội chi đem cái khó khăn bực bội của bên ngoài về nhà cho mất vui, mà phí phạm ngày tháng yên ấm của gia đình. Dù giàu sang danh vọng đến mấy, mà gia đình thiếu hạnh phúc thì đời không còn ý nghĩa gì." Thế là tôi tìm được nguồn vui và yên tĩnh tâm hồn.

Khi tôi bị thất nghiệp, Mai càng an ủi vỗ về tôi nhiều hơn, để tôi không có cái mặc cảm mình vô tích sự, sống nhờ vào người khác. Nàng nói, cứ từ từ rồi tìm việc khác, đừng nóng lòng, không gấp chi, vì một người đi làm, nếu ăn tiêu tiện tặn lại, thì cũng không thiếu thốn. Vả lại công việc, thì cửa nầy đóng, sẽ có cửa khác mở. Mai khuyên tôi ở nhà nghỉ ngơi một thời gian cho khỏe. Bởi vậy nên tôi không hốt hoảng lo âu như vài người bạn khác. Một anh nói chuyện trong lúc trà dư tửu hậu, đùa rằng: "Phải đi tìm việc gấp chứ, không thì, ăn được của vợ một miếng cơm, phải mửa ra ba miếng máu". Tôi không tin và không vui khi nghe câu đùa cợt đó.

Nhiều khi nằm bên nhau, tôi hỏi Mai: "Sao hơn mười mấy năm sống bên nhau, chưa bao giờ em làm cho anh buồn lòng, chưa bao giờ em làm cho anh phải nổi giận. Em có khi nào buồn giận anh không?". Nàng nói: "Sách dạy cho em biết rằng, người cho thì được nhiều hạnh phúc hơn người nhận. Không cầu thì sẽ được, không đòi thì sẽ có. Biết vui với cái tương đối mà mình đang có, thì trở thành kẻ sung sướng nhất trong đời. Cho đi tình thương chân thành, thì được nhận lại bằng tình thương. Nhiều người đàn bà đòi hỏi ở chồng quá đáng, ngoài khả năng của chồng. Bao nhiêu cũng không thỏa mãn cả. Họ không nhìn thấy sự hy sinh của người khác, mà chỉ cố bươi móc lỗi lầm cỏn con của chồng để mà trách móc, giận hờn. Làm thế không có lợi gì cả, mà chỉ là cách phá hoại hạnh phúc gia đình hữu hiệu nhất."

Tôi thành thực mà nói rằng đã học rất nhiều điều tốt của vợi tôi. Nàng càng dịu dàng, càng thu mình nhỏ lại, thì tôi càng thương yêu trang trải bù đắp cho vợ nhiều hơn. Mỗi khi đi làm về, thấy nét mặt tươi vui hân hoan của vợ, thì bao nhiêu mệt nhọc bực bội trong ngày đều tiêu tan.

Khi tôi phạm phải lỗi lầm, hành động sai quấy, vợ tôi thường an ủi rằng, mình là con người chứ đâu phải là thần thánh chi, mà không có sai lầm. Đừng buồn, cái thiệt hại nầy cũng là bài học tốt về sau. Những an ủi, khuyến khích tinh thần của vợ, làm cho đời sống tôi nhẹ nhàng, êm ái, thư dãn, không bị đồn ép, không bị áp lực cuộc sống, không có căng thẳng gia đình như nhiều bạn bè khác.

Trên bước đường tha hương, một lần vợ chồng Tuân-Lam ghé thăm chúng tôi. Tuân là bạn cũ, Lam là người xưa. Vợ tôi biết rõ mối tình cũ giữa tôi và Lam, nhưng nàng tin chồng, và rất lịch sự, vồn vã đón tiếp họ hết lòng. Có lẽ Mai cũng biết chuyện xưa của chúng tôi đã nguội lạnh từ lâu, chẳng ai còn tiếc thương chi. Tuân vẫn hiền lành phúc hậu như xưa, nét mặt chịu đựng. Đêm khuya tôi vẳng nghe tiếng Lam day nghiến dằn vặt chồng ở phòng bên cạnh, nói những lời thiếu lễ độ. Về sau, mỗi lần

nghĩ đến Lam, lòng tôi phơi phới, vì may mắn, cuộc đời không phải gắn liền với một người đàn bà như Lam. Tôi biết ơn mẹ nhiều hơn. Kinh nghiệm sống của mẹ đã giúp cho cuộc đời tôi có hạnh phúc hơn. Và tôi biết thương yêu, nể trọng vợ hơn nhiều.

Một chị bạn gia đình không được hạnh phúc, hỏi vợ tôi bí quyết để được chồng thương yêu nể nang. Mai cười mà nói: "Không có bí quyết nào cả. Chỉ có câu chuyện sau đây, tôi thuộc nằm lòng từ thời còn đi học. Chuyện ở trong sách tập đọc của Pháp. Rằng, có một anh nông dân đem bò ra chợ tỉnh bán. Suốt ngày không bán được dẫn bò về. Đường xa mệt nhọc, con bò trở chứng không chịu đi. Có người gạ đổi con bò lấy con ngựa hồng tung tăng. Anh tưởng được ngựa sẽ thong thả đong cương ra về, nhưng con ngựa lạ chủ không chịu cho anh cưỡi và cũng trì kéo dằng dai. Một người khác dẫn con heo nái ngoan ngoãn đi qua, gạ đổi heo lấy ngựa, anh đổi liền. Đường xa mệt nhọc, con heo cũng nằm ì không chịu đi, bí quá, anh đổi heo lấy một con dê nái. Con dê càng cứng đầu khủng khiếp, anh vật lộn với dê phờ phạc. Đêm đã tối mịt mù, một hành khách đề nghị đổi dê lấy một con gà trống lớn. Vừa đói, vừa khát, vừa mệt, anh ôm con gà vào quán đổi lấy một bữa cơm. Thế là một bữa ăn trả giá bằng một con bò. Ăn xong, anh nông phu thong thả ra về, vừa đi vừa ca hát khỏe khoắn. Khi về đầu làng, có bạn quen hỏi đi đâu, mà về khuya thế. Anh kể chuyện đi bán bò, và đổi con gà lấy bữa cơm. Người bạn hết hồn, khuyên anh khoan về nhà, mà bà vợ nổi cơn tam bành lên, không khéo vợ chồng xô xát gây ra án mạng. Anh nông dân bảo rằng, chắc vợ anh cũng thấy việc làm của anh là có lý. Người bạn ức quá, đánh cá một con bò, nếu chị vợ mà không gây gổ, thì anh nông dân sẽ được một con bò, còn ngược lại, thì phải mất lại một con bò khác. Người bạn đi theo núp bên ngoài nghe cuộc đối thoại của vợ chồng anh nông dân. Chị vợ hỏi anh, đã ăn gì chưa, đi đường có mệt lắm không, bò bán có được giá không? Anh đáp rằng đã ăn rồi, con bò không bán được mà trên đường về nó không chịu đi nên đã đổi con bò lấy con ngựa rồi. Chị vợ nói rằng, có con ngựa cũng tốt, nó sẽ kéo xe, giúp mình đi chuyển mau chóng hơn. Anh chồng cho biết con ngựa không chịu cho anh cưỡi nên đã đổi lấy con heo nái. Chị vợ cũng tán thành ngay và còn dự trù con heo mùa sau sẽ sinh ra một bầy heo khác, rất có lợi. Anh chồng cho biết thêm, con heo cũng trở chứng không chịu đi nên đổi lấy một con dê cái. Chị vợ tiếp liền, là con dê cũng rất có lợi, từ nay mỗi sáng gia đình sẽ có sữa dê mà uống. Anh chồng lắc đầu và cho biết đã đổi con dê ương ngạnh lấy con gà trống lớn. Chị vợ anh nông phu tiếp rằng, có con gà cũng tốt, mỗi sáng nó nghe gáy cũng vui tai. Anh chồng bảo là buổi sáng ra đi không đem tiền theo, đói quá, đã vào quán

Đoản khúc Sương Mai

Tìm

Trái tim ai cắt làm đôi
Nửa đây ta giữ, nửa người giấu đâu?
Bày chi cái chuyện cơ cầu
Để ta nửa kiếp dãi dầu...tìm ta.

Mộng

Một trăm giấc mộng gối đầu
Mà đêm nay mộng về đâu mất rồi?
Tôi nằm trằn trọc với tôi
Với tay tìm giấc mộng đời để quên...

đổi con gà lấy bữa cơm.

Nghe xong, chị vợ anh nông phu đến quàng hai tay, ôm vai chồng và nói rằng, anh làm như thế là phải. Lấy của che thân, chứ đừng lấy thân che của. Đi cả ngày mệt nhọc đói khát, không ăn chịu sao nổi. Em đã để sẵn khăn, múc sẵn nước, anh đi tắm cho khỏe."

Mai kết luận rằng; " Muốn được chồng thương cũng rất dễ, đừng bao giờ tranh hơn thua với chồng, việc gì đã lỡ, thì cho qua luôn, vui vẻ chấp nhận, và dịu dàng, nhường nhịn chồng là yếu tố căn bản để được chồng thương."

Ngoài song thân ra, người tôi biết ơn nhiều nhất là vợ tôi. Đời sống tôi có ý nghĩa hơn, sung sướng hơn, hạnh phúc hơn nhờ vợ khôn ngoan dịu dàng. Nhiều đêm thức giấc tôi nhẹ hôn lên mắt vợ, thầm so sánh tấm lòng hiền chân của vợ với trái tim của một vị nữ thánh. Phần nàng, thì luôn luôn: "Em chỉ muốn làm cái bóng nhỏ và âm thầm bên đời anh thôi". Mai chưa hề đọc thánh kinh, nhưng nàng đã biết chọn chỗ ngồi thấp nhất để được nâng lên cao nhất trong lòng chồng con.

Tràm Cà Mau

Về

Y Chi

Tôi trở về ngồi trước bàn máy. Không biết mình rời nơi này đã bao lâu? vài ba tuần? vài ba tháng? Tôi mang cảm giác của Từ Thức, về lại căn nhà tôi. Chẳng có gì thay đổi mà vẫn như rơi vào một khoảng không gian thời gian nào, hoàn toàn khác.

Hai hành trình, một về Đông, một về Tây, chở tôi về hai quảng đường, một ấu thơ, một niên thiếu. Những con đường dù gì cũng vĩnh viễn đã bỏ lại sau lưng. Một tối, một sáng. Nơi nào rồi cũng bụi như nhau. Tôi đứng ở nơi khác.

Việt Nam là như thế nào? Tối? Hay sáng? Tôi leo lên chiếc taxi, từ phi trường về lại thành phố tuổi thơ, thấy nơi đây, bây giờ, đã quá già. Thành phố xổi lên bao nhiêu là tiếng động. Và khói xe. Tôi không nhận ra chút gì của con hẻm nhà tôi. Mới vài năm trước thôi, tôi hãy còn nhìn ra bức tường xi măng thấp đâu ngõ. Đã mấy lần về, có gì thay đổi đâu. Vậy mà bẵng đi ít năm, đã thành quá lạ. Nhà cao, tường cũng cao. Hai bên nguy nga vòi vọi, chỉ lòng hẻm là như hẹp lại, sâu hút. Nắng cuối buổi chiều, cùng với ánh đèn từ bao nhiêu khung cửa sổ, rọi xuống từ mãi cao. Tôi chùng xuống trong lòng hẻm. Ngẩn ngơ chưa hết, xe đến khúc quanh, chợt hiện trước mắt một căn nhà tường vôi cũ kỹ với hai bên hai giàn ti-gôn và bông giấy mát rượi. Vẫn căn nhà tuổi thơ rêu phong, với không gian ngát xanh, rợp sáng. Tôi bước xuống xe. Giàn hoa ti-gôn, bây giờ, bé tí như một giọt thời gian rớt đọng giữa đám bụi nguy nga hỗn nhiên cuộn nổi. Mái ngói cũ rêu mòn không còn được cả màu nâu, lọt thỏm giữa lâu cao gác thượng, thành một nỗi gì quá dỗi vô lý. Tôi xuống xe, bước vào mảnh sân già hơn thế kỷ nay vẫn vậy. Nơi này thời gian quên trôi. Còn ngoài kia, biết bao là biển dâu. Ngoài kia, hiện giờ, thật không biết là đang đâu, hay đang biển. Người ta nói cô Bống đang về làm hàng xóm

nhà tôi. Nơi căn nhà mới toanh theo điệu cổ kính đang xây phía trước mặt. Cô Bống huyền thoại của nhạc Trịnh Công Sơn. Tôi lẩn thẩn tự hỏi không biết cô Bống có thấy màu áo của anh Sơn những năm về trước, đứng ở ngay góc hẻm này? Và anh Sơn, có thấy dáng cô Bống những năm về sau, in trên khung kính mờ của mấy lần cửa sổ, đôi khi đổ dạt xuống, cũng cùng một góc hẻm? Tôi từ vuông sân nhà già, nhìn thế kỷ đi qua, chắp tay sau lưng và ngước mắt nhìn hàng cau mới trồng bên vườn cô Bống. Xơ xác phía dưới chưa bắt rễ, phía trên chưa xanh lá, đôi lên bên trên màu ti-gôn và hoa giấy rậm rạp. Bống thấy tôi thấy tôi bềnh bồng giữa một dòng thời gian chảy loạn không thứ tự trước sau.

Cảm giác ngày đầu về lại thành phố tuổi thơ là vậy. Suốt 2 tuần sau đó, tôi nằm trong căn nhà này. Đôi khi cũng có nghe chút ít về quá khứ mình, nhưng nghe rõ hơn hết là tiếng xe ngoài phố. Hơn thế kỷ rồi, có lẽ chỉ bây giờ, nằm ở đây, mới nghe tiếng xe rõ như vậy. Con hẻm này nổi tiếng thanh vắng. Trước đây chỉ có tiếng dế. Đã bao lời đồn tiếng đưa về hồn ma bóng quế nơi này. Tôi của tuổi thơ thường nằm nghe những tàu lá chuối đong đưa sau vườn nói biết bao nhiêu lời than thở. Mùa trăng rằm lần này, như mọi lần trước trở về, tôi thắp nén hương. Vì là mùa Vu lan, nên tôi có đọc thêm văn thí thực. *Nguyện ngày cát tường, đêm cũng cát tường, ngày đêm sáu buổi, thường được cát tường*... Nhưng lần này, khác những lần trước, tôi nghe khí âm cùng khí dương đồng thời tan loãng. Thành phố bây giờ đêm cũng như ngày, tuyền 1 màu nóng bụi. Đêm Vu Lan ngồi dưới gốc cây bông giấy, thân cây cuộn nổi lộ cả một sức sống quá tải, tôi thấy mình cũng như một bóng quế nào đang phất phơ, giữa một nơi chốn vốn đã không còn.

Còn lại của thành phố này, tôi không rõ là gì. Có khi là quán, là phố, là áo quần, giày dép, nữ trang. Cũng có khi là sách vở, là nồi niêu. Nói chung là ăn tiêu mua sắm. Mà tôi thì quá ngại việc mua sắm. Cả Sài Gòn, đối với tôi, ngoài căn nhà tuổi thơ ra, chỉ còn một mái chùa. Tôi thích ngồi trong sân chùa, thả tay vào hồ cá tai tượng. Nơi đây, cho dù đục cho dù trong, tôi vẫn không nghe mình vướng bận. Tôi không biết lên chánh điện lễ Phật, chỉ biết ngồi nhìn màu lá quanh cửa thầy tôi. Chờ qua giờ nghỉ trưa, trong nắng, trong gió. Tôi ngồi như vậy đã gần 10 năm. Ngồi từ khi nghe lòng thật già, cho mãi đến lúc nghe mình đã thành trẻ thơ. Gần mười năm một chỗ ngồi, trên ba mươi năm một căn nhà. Làm điểm kết thúc, làm điểm khởi hành. Thầy tôi gọi tôi vào, nói thôi con ngồi bấy nhiêu đã đủ. Tôi đưa tay buông mấy miếng chuối cau cuối cùng vào hồ cá. Mấy con cá đầu thật to, hớn hở trồi lên nhón miệng tớp. Còn tôi, phủi tay, phủi áo, tôi đi/về.

Tiếng Việt có hai chữ đi và về thật là rắc rối. Tôi không phân biệt được. Với tôi, có nơi nào không phải chốn về? Tôi đi đâu cũng là tôi đang về. Tôi từ nhà tôi đang ở, về thăm căn nhà tuổi thơ, từ căn nhà tuổi thơ về thăm sân chùa, rồi từ sân chùa về lại nhà tôi. Hành trình chỉ về không đi, có lẽ, là hành trình hạnh phúc. Tôi về lại nhà tôi, với màu nắng, màu hoa, màu cỏ, vầng trán của chồng và nụ cười của con. Rồi tôi lại thêm một lần lên máy bay, về lại thành phố của tôi, thời niên thiếu.

Giấc ngủ tôi trong những lần đi xa hay trộn lẫn những khoảng không gian bên này, bên kia, không chia ranh giới. Tôi qui nạp tất cả thành cõi riêng mình. Paris là như thế nào? Sáng? Hay tối? Chuyện Paris lại càng không có gì để nói. Nơi đây không như Sài gòn. Nơi đây bụi không phả rát mặt. Nơi đây bụi phủ mịn tinh vi, thành một không gian xám da diết tuyệt vời. Xám mây phủ con đường từ phi trường về thành phố. Xám lớp khói mong manh đuổi theo sau những lớp xe chi chít trên con đường buổi sáng. Kẹt xe hơn hai tiếng, xám ở khoảng giữa hai hàng lông mày, trên trán người, trong mắt người. Đường chân mây che phủ, chỉ còn một khoảng trời bé nhỏ. Cho nên con người ở đây khả năng ước mơ rất rộng cao. Màu xám Paris không giống màu xám ở bất cứ nơi đâu. Nếu có ai nói với tôi màu xám Paris là màu căn bản của ngũ sắc cầu vồng, tôi cũng tin. Lúc ánh ngày chưa lên, đèn đường chưa xuống, Paris dịu ngọt phủ mịn màu xám ánh cam. Sách du lịch hay gọi đây là lớp phấn hồng của Paris. Trời đêm không đen, chỉ hồng. Màu hồng cam sáng rực một cõi ô nhiễm lãng mạn. Tôi có cả thời tuổi trẻ, bơi lội trong chất khói rất hồng đó. Chân đi không có nơi đến, nên chẳng bao giờ lạc. Nhất là những đêm mùa đông, vào cái thuở trời hãy còn cho tuyết, ánh sáng tuy hồng cam mà lại gợi một cảm xúc rất xanh, rộn vui tươi sáng. Có những con phố mãi về đêm mới bắt đầu kẹt xe. Nhất là những khúc sông về đêm thả bộ dọc theo bờ. Rồi vui chân mà bước vào một cánh cửa nhà thờ, màu xám mịn màng từ ánh toả hồng cam, xanh biếc, lại chuyển thành ánh nến vàng long lanh trầm lặng. Mịn màng. Da diết. Chỉ toàn những màu xám dịu ngọt tinh nguyên. Đó là nói về đêm. Còn ngày, ngày của Paris trời cao không rộng. Xám ngày nắng trong suốt thủy tinh. Xám ngày mưa xám đục như chì. Xám ngày tuyết tỏa rộng không gian. Xám ngày gió mịt mờ lay động. Không phải màu xám phủ lấp che mờ mọi màu sắc khác. Màu xám vốn là màu căn bản, ánh lên rực rỡ những ánh tỏa muôn màu. Paris thời trung cổ, không có màu xám như thế này.

Tôi trở lại, không ngờ mình chở Paris từ trong máu. Paris của riêng tôi. Từng góc phố, từng con đường, từng ngọn đèn, từng khúc sông. Mỗi

không gian một màu sắc và mỗi màu sắc một chuyện kể. Tôi thấy tôi mười sáu ngồi ở trên bờ đá kia. Tôi thấy tôi mười tám đứng ở góc phố này. Mỗi góc phố mỗi con đường lại mỗi hình bóng tôi của một thời khát nào đó. Bỗng dưng mà thấy mình đầy hết không gian Paris. Kỷ niệm là những gì rất khả ái. Nó cho mình thấy mọi sự vui hay buồn to lớn hay bé nhỏ gì, cũng trôi đi như nhau, đông một vận tốc. Vướng kẹt chăng, chỉ trong óc mình, không ở khoảng không gian thời gian ngoài kia.

Ngoài kia, chỉ màu xám là bền bỉ. Ánh hồng, ánh xanh, ánh tím, ánh vàng. Bền bỉ từ lúc tôi đặt chân đến Paris cho đến khi tôi xoay lưng rời Paris. Bền bỉ cho đến bây giờ, đã vào thế kỷ sau...

Hành trình về Paris, như cây viết hạ xuống, điểm đấu chấm cuối dòng. Tôi vẫn tưởng con người càng sống càng già đi. Tôi không ngờ hành trình của mình lại là hành trình đi từ già về trẻ, từ khéo về vụng, từ khôn về khờ.

Hôm rời Paris, tôi có một cảm giác rất lạ. Nơi nào cũng gọi là về, mà có nơi nào là chốn của tôi đâu? Té ra mọi sự đều vớ vẩn như thế cả. Toàn những cảm giác giả tạm. Cả màu xám của Paris sáng trên suốt tuổi thanh xuân tôi, cũng chỉ là màu xám của Paris riêng tôi thôi, có ai nhìn Paris như thế đâu? Có ai khác nhìn khúc sông Seine cạnh Nhà thờ Đức Bà mà thấy giấy tờ vở học trò bay phất phới, nếu không đã là tôi, ngồi học thi bên sông, lỡ gió bay hết tập vở xuống sông? Có ai ngang bờ đá bên bức tượng phun nước Saint Michel mà nghe ra tiếng cười, nếu không đã làm tôi, theo người bạn tưởng sẽ trăm năm rãi tiếng cười vào trong nước chảy... Nếu không đã làm tôi, đâu thể thấy cùng một cảnh giới, dù vẫn sông Seine cho mọi người, vòi nước cho mọi người. Tôi đứng ngừng bên Quartier Latin như thế. Nghe gió qua. Nghe nắng qua. Nghe hết chuyện tôi rồi, lại nghe hình như có ai không từng là tôi mà vẫn thấy sông hiền, thấy nước vui. Nghe trong tôi hình như đang rung lên những nhịp đập xa lạ, cảm xúc của ai, chuyện đời của ai, không phải tôi. Tôi đứng như thế rất lâu. Lần đầu tiên tôi thấy Paris chở về đầy ắp cảm xúc, đầy ắp chuyện kể, đầy ắp tên gọi. Bên ngoài cõi tôi.

Rồi bây giờ tôi về. Từ Paris, từ Sài gòn, từ những khoảng không gian thời gian lạ lẫm. Ngồi lại trước máy. Vẫn bàn máy này, khung ảnh này, nhưng phần ruột đã khác. Ngồi lại trước tôi. Con bé tôi hai mươi năm lẩn thẩn nhìn mãi khuôn mặt mình. Thời gian có nói điều gì rất vui. Hai mươi năm trước, tôi nghĩ tôi mang rất nhiều mặt nạ. Hai mươi năm sau, lần lượt những tấm mặt nạ rớt cả đi, tôi thấy mình không khác hơn màu xám của Paris, màu bụi của Sài gòn, màu nắng của Sydney. Nghĩa là chỉ rặc điều

vớ vẩn. Cho con toán không hợp lẽ, thì giải đáp thế nào cũng đúng, cũng sai. Vẽ một nhân vật không thật, thì có vẽ thế nào cũng giống, cũng không giống. Sao cũng được, cũng không được. Chỉ một bước ra ngoài, đã là tự do. Có gì ràng buộc được, nếu mình không tự buộc lấy mình, bằng những điều giả tạm?

Tôi tắt máy. Thôi hôm nay không viết, không vẽ, không có gì đáng nói.

Có nói, chắc cũng không người kiên nhẫn nghe.

Revesby, 11. 2001
YChi

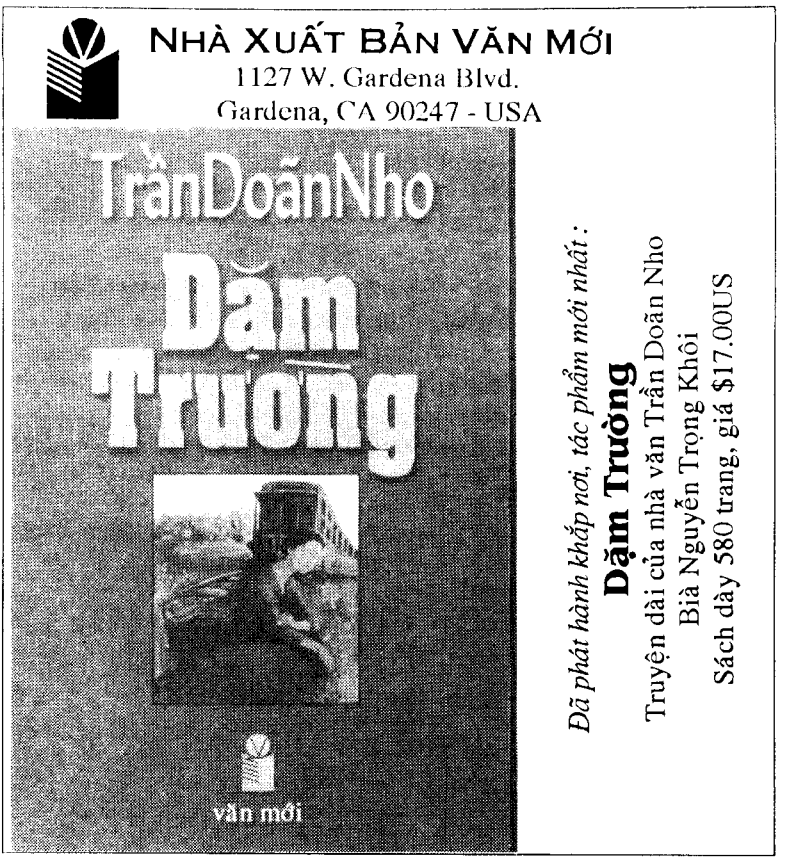

Người mẫu (1)

truyện thật ngắn của

Bernard Malamud

bản dịch từ Anh ngữ của Võ Đình,2002

Sáng sớm ngày nọ, Ephraim Elihu bấm số điện thoại của ASL (2) rồi hỏi nhờ người đàn bà ở văn phòng giúp ông tìm một người mẫu để vẽ tranh khỏa thân. Ông nói ông muốn mướn một cô người mẫu chừng ba mươi.

"Tôi không nhớ đã có thấy tên ông," người đàn bà ở ASL nói. "Xưa nay ông đã từng có quan hệ nghề nghiệp gì với chúng tôi không? Có sinh viên ở đây sẵn sàng làm người mẫu, nhưng chỉ cho những họa sĩ chúng tôi quen biết thôi." Ông Elihu nói không, ông chưa từng có quan hệ nghề nghiệp gì với trường cả. Ông chỉ muốn nói rõ rằng ông là một họa sĩ tài tử, lâu về trước có theo học một thời gian ngắn ở ASL.

"Ông có xưởng vẽ không?"

"Tôi có cái phòng khách khá rộng rãi và nhiều ánh sáng. Tôi không còn trẻ nhỏ gì đâu," ông Elihu phân trần, "nhưng sau nhiều năm không vẽ, tôi đã bắt đầu vẽ lại và tôi tin rằng vẽ một vài bức khỏa thân sẽ giúp tôi làm quen lại với hình tượng. Tôi không phải là một họa sĩ chuyên nghiệp nhưng tôi đến với hội họa một cách khá nghiêm chỉnh. Nếu bà muốn có người viết thư chứng nhận cho tư cách cá nhân của tôi, xin sẵn sàng cung cấp."

Ông Elihu hỏi chuyện giá cả. Người đàn bà ngập ngừng một tích tắc, rồi cho ông biết: "Sáu đô-la một giờ."

Ông Elihu bảo vậy tốt quá. Ông định nói chuyện lâu hơn, nhưng người đàn bà không có vẻ khuyến khích. Bà ghi tên và địa chỉ ông xong rồi nói bà có thể cho một người mẫu đến nhà ông ngày mốt. Ông Elihu cám ơn bà ta.

Đó là ngày thứ tư. Sáng thứ sáu, người mẫu đến như đã hẹn. Cô ta gọi điện thoại hôm trước, và họ quyết định giờ giấc với nhau. Cô người mẫu bấm chuông mấy phút sau chín giờ và chủ nhân ra mở cửa ngay. Elihu là một ông già bảy mươi tuổi, tóc bạc xám, nhà là ngôi "brownstone" (3) ở gần đại lộ Thứ Chín. Ông cảm thấy hứng khởi sắp được vẽ cô gái.

Cô người mẫu là một thiếu phụ trẻ, khoảng hăm sáu, hăm bảy, trông vầy vậy, không đẹp, không xấu. Nhìn cô, người họa sĩ già thấy ngay rằng cái nét hay nhất của cô là ở đôi mắt. Cô mặc chiếc áo mưa màu xanh mặc dù hôm ấy là một sáng mùa xuân tạnh ráo. Ông Elihu thấy có cảm tình với cô gái nhưng ông không nói ra. Còn cô người mẫu thì sau một cái liếc nhanh qua ông, bước vào nhà với những bước mạnh bạo, dứt khoát.

Ông nói, "Chào cô.", và cô trả lời, "Chào ông."

"Có vẻ như xuân đã trở về," ông già nói tiếp. " Chồi non, lá mới bung ra rồi cả đấy."

"Ông muốn tôi thay đồ ở đâu?" cô người mẫu hỏi.

Ông Elihu hỏi tên cô là gì, và cô nói, "Ms. Perry." (4)

"Cô có thể thay trong phòng tắm, Miss Perry (4) ạ, hay nếu cô thích thì cô có thể thay trong phòng tôi hiện đang để trống đằng cuối hành lang kia kìa, ấm hơn phòng tắm đấy."

Cô người mẫu nói đâu cũng được, chẳng quan trọng, nhưng cô nghĩ thay đồ trong phòng tắm thì hơn.

"Tùy cô," ông già nói.

Cô người mẫu liếc vào phòng trong, rồi hỏi: "Bà nhà đâu rồi ông, tôi không thấy?"

"Bà xã tôi mất rồi. Tôi ở một mình."

Ông nói tiếp rằng ông có một người con gái nhưng nó cũng chết rồi, trong một tai nạn.

Cô người mẫu nói, "Tội nghiệp chưa!" rồi tiếp: "Tôi thay đồ rồi ra ngay."

Ông Elihu nói: "Không có gì vội cả," và thấy hân hoan sắp được vẽ cô gái.

Cô Perry bước vào phòng tắm, cởi bỏ áo váy trong đó, rồi bước ra. Cô tụt cái áo choàng ngoài khỏi người. Đầu, cổ và vai cô thanh cảnh, cân đối. Cô hỏi ông già muốn cô đứng ngồi ra sao. Ông Elihu đứng cạnh cái bàn mặt tráng men, thứ bàn thường thấy trong bếp, cạnh cửa sổ lớn. Trên mặt bàn, ông đã bóp ra hai ống sơn nhỏ và đang trộn chúng với nhau. Có ba ống sơn nữa nhưng ông không mó đến. Cô người mẫu rít một hơi dài rồi dụi mẩu thuốc lá lên cái nắp thiếc hộp cà phê.

"Tôi mong rằng ông không lấy làm phiền nếu thỉnh thoảng tôi rít vài

hơi."

"Không, không có gì phiền cả. Cô cứ tự nhiên hút thuốc khi mình nghỉ tay."

"Ý tôi muốn nói vậy đó."

Cô người mẫu lặng lẽ quan sát ông già trộn màu.

Ông Elihu không nhìn ngay cô người mẫu lõa thể; ông chỉ nói ông muốn cô ngồi ở cái ghế cạnh cửa sổ. Ngoài kia là sân sau, có cây ailanthus vừa mới đâm chồi non.

"Ông muốn tôi ngồi sao? Vắt chân hay duỗi thẳng?"

"Tùy cô, sao cũng được. Cô cứ ngồi sao cho thoải mái là được."

Trong một thoáng, cô người mẫu có vẻ ngạc nhiên, nhưng rồi cô cũng ngồi xuống cái ghế vàng cạnh cửa sổ, và vắt một đùi lên đùi kia. Toàn thân cô trông gọn ghẽ cân đối.

"Thế này được không, ông?"

Ông Elihu gật đầu: "Được," "được quá."

Ông nhúng đầu cọ vào đống sơn ông đã trộn trên bàn, nhìn qua thân thể trần truồng của cô người mẫu một cái, rồi bắt đầu vẽ. Thỉnh thoảng, ông nhìn cô, nhưng cái nhìn của ông không đọng lại lâu, ông nhìn qua nơi khác ngay, như thể ông ngại thất thố với cô. Nét mặt ông có cái vẻ bình thản của người đang chú tâm vào đối tượng một cách khách quan. Điệu bộ ông đứng vẽ trông thành thạo, quen thuộc. Lâu lâu, ông đưa mắt nhìn cô người mẫu. Lâu lâu thôi, ông không nhìn cô nhiều. Còn cô gái thì có vẻ như không còn biết đến sự có mặt của ông nữa. Một lần, cô gái ngoái đầu ngắm cây ailanthus sau vườn, và ông Elihu nhìn cô một lúc lâu xem thử cô thấy được gì ở cái cây ấy.

Nhưng rồi cô người mẫu xoay qua quan sát người vẽ kỹ lưỡng hơn. Cô chăm chú nhìn mắt ông, tay ông. Ông già tự nhủ không biết mình có đang làm cái gì sai trái không. Một giờ đồng hồ trôi qua. Bỗng nhiên, cô người mẫu hấp tấp đứng dậy như thể không thể nào chịu đựng được lâu hơn nữa.

"Cô mệt há?" ông già hỏi.

"Không, không mệt," cô nói, "nhưng Trời Đất ơi, tôi muốn biết ông đang làm cái trò gì đó. Nói thật với ông, tôi thấy ông chẳng biết cái quái gì về hội họa cả!"

Ông già ngạc nhiên đến hoảng hốt. Ông tóm vội một cái khăn bông lớn, trùm kín lấy tấm bố ông đang vẽ.

Sau một lúc thật lâu, ông Elihu mới lên tiếng. Hơi thở ông ngắn, vội. Thè lưỡi liếm đôi môi khô, ông nói rằng ông có nhân danh nhân diếc một họa sĩ gì đâu. Ông bảo khi điện thoại đến trường ASL và nói chuyện với

bà nào đó ở văn phòng ông đã nói rõ như vậy.

Rồi ông nói, "Có lẽ tôi đã lầm to khi tôi mời cô đến hôm nay. Tôi nghĩ, đáng ra tôi phải tự thử thách một thời gian lâu hơn nữa, để đừng làm mất thì giờ người khác. Có lẽ tôi chưa chuẩn bị đầy đủ để làm những gì tôi muốn làm."

"Tôi không sá gì chuyện ông chuẩn bị hay không chuẩn bị," cô Perry nói. "Tôi thấy ông đâu có vẽ gì tôi. Nói trắng ra, ông đâu thật tâm có ý vẽ tôi. Tôi nghĩ rằng ông chỉ muốn để cho đôi mắt ông chạy lướt trên thân thể tôi vì những lý do riêng của ông. Tôi không biết ông muốn cái gì, ông cần cái gì, nhưng tôi chắc chắn rằng phần nhiều những cái ấy chẳng ăn nhằm gì với hội họa cả."

"Có lẽ tôi đã lầm to."

"Đúng vậy. Ông lầm to." Cô đã mặc áo choàng vào lại, và buộc chặt thắt lưng.

"Tôi là một họa sĩ," cô nói tiếp, "tôi làm người mẫu vì tôi không còn một xu dính túi, nhưng khi trông thấy đồ giả, tôi biết ngay."

Ông Elihu nói: "Bậy. Thật quá bậy. Đáng ra khi nói chuyện với cái bà ở ASL tôi phải cố hết sức trình bày mọi sự thật cặn kẽ. Thì đâu có chuyện đáng tiếc như hôm nay."

"Xin lỗi cô," ông Elihu nói, giọng khàn đặc. "Đáng ra, tôi phải suy tính thấu đáo hơn. Tôi năm nay đã bảy chục rồi. Cả đời, tôi yêu mến phái nữ, nhưng mấy năm sau này tôi đặc biệt thấm đau một mất mát lớn, trong khoảng đời này tôi không có được một người bạn nữ bên cạnh. Đó cũng là một trong những lý do tôi cầm cọ vẽ lại, mặc dù biết rằng mình chẳng có tài cán gì đáng kể. Chẳng những thế, tôi cũng đâu có ngờ rằng tôi đã quên đi biết bao nhiêu về cái vẽ. Và thân thể người đàn bà, tôi cũng đâu có ngờ tôi đã quên đi nhiều đến thế. Tôi không ngờ rằng nhìn cô, tôi đã xúc động như vậy, và nghĩ lại, tôi cũng bàng hoàng là cả một cuộc đời trôi qua cái vèo. Tôi đã mong rằng cầm cọ vẽ sẽ đem lại cho tôi một sức sống mới, một cái nhìn tươi mát hơn về cuộc đời. Thật đáng tiếc tôi đã làm phiền cô..."

"Phiền, cái đó khỏi lo. Tôi sẽ được trả tiền cho sự phiền hà ấy," cô người mẫu nói, "nhưng cái mà ông không đem tiền đền bù được là nỗi xúc phạm tôi phải chịu đựng ở đây, để cho mắt ông, cái nhìn của ông rờ rẫm bò khắp thân thể tôi."

"Tôi không có ý sỉ nhục cô."

"Tôi cảm thấy vậy đó, ông ơi."

Rồi cô Perry bảo ông Elihu cởi quần áo ra.

"Tôi? Cởi quần áo?" Ông hỏi, vô cùng ngạc nhiên. "Để làm gì?"

"Tôi muốn vẽ ông. Cởi quần, cởi áo ra, mau lên!"

Ông Elihu nói rằng thấy xuân về, ấm áp hơn, hôm nay ông mới rời bỏ bộ đồ lót mùa đông đấy, nhưng cô gái không nhếch được môi mà cười một cái.

Ông già cởi quần áo, trong lòng hổ thẹn vì phải phơi bày thân thể trần truồng trước mặt một người nữ trẻ măng, tuổi tác chưa bằng phần nửa đời ông.

Với những nét nhanh, gọn, cô Perry phác họa ông già. Thật ra, ông Elihu chỉ thấy tồi tệ trong lòng, chứ trông ông không đến nỗi như ông lo ngại.

Khi cô Perry vẽ xong phác họa, cô thọc cây cọ vào đống sơn đen cô bóp ra từ một ống màu, rồi quẹt bậy quẹt bạ lên mặt người trong tranh.

Đứng nhìn, Elihu đủ thấy cô người mẫu thù ghét ông đến mức nào, nhưng ông chỉ im lặng.

Cô Perry vất cây cọ vào sọt rác rồi đi vào phòng tắm để mặc áo quần.

Ông già viết cái chi phiếu, ghi số tiền họ đã đồng ý. Ông cảm thấy xấu hổ phải ký tên ông vào, nhưng ông vẫn ký. Cô Perry nhận lấy chi phiếu, dúi nó vào cái xắc lớn, rồi quay đi.

Ông Elihu nghĩ rằng, thật ra, cô người mẫu không phải là một người đàn bà không có nhan sắc. Cô chỉ thiếu cái duyên, cái dáng đó thôi. Rồi ông già tự hỏi: "Cuộc đời mình đến đây rồi không còn gì nữa à? Thế là hết đấy à?"

Câu trả lời có vẻ như là "đúng thế", và Elihu khóc thầm trong lòng vì trong giây phút đó, bỗng nhiên ông cảm thấy mình già khọm đi.

Sau đó, ông kéo cái khăn bông trùm kín bức vải, và thử vẽ lại khuôn mặt cô gái, nhưng chỉ mới đấy mà ông đã quên nó mất tiêu rồi.

Bernard Malamud
bản Việt dịch từ Anh ngữ của Võ Đình, 2002

Chú thích

(1) The Model ,truyện thật ngắn của Bernard Malamud, từ *Sudden Fiction*, International edited by Robert Shapard & James Thomas. Introduction by Charles Baxter. W.W. Norton & Co., Inc., New York, 1989.

Bernard Malamud sinh năm 1914, một trong những nhà văn hiện đại có uy tín của Mỹ quốc, bắt đầu viết những năm 40. Truyện của ông, dài cũng như ngắn, thường lấy đề tài từ cuộc sống và tâm tư người di dân Do thái ở Tân thế giới, đặc

biệt ở thành phố New York. Trên bình diện đó, ông gần với I.B. Singer, nhưng ông có phong cách đặc thù của riêng mình. Truyện ông viết xuất hiện trên những tạp chí như *Harper's Bazaar, Partisan Review, Commentary*. Malamud dạy học tại Bennington College trong hơn hai mươi năm. Năm 1959, ông đoạt giải National Book Award với tập truyện *The Magic Barrel*, và năm 1967, đoạt cả hai giải National Book Award và Pulitzer Prize với cuốn tiểu thuyết *The Fixer*. Trong số tiểu thuyết của ông, phải kể *The Natural* và *Dubin's Lives*. Các tuyển tập khác gồm có *Idiots First, Rembrandt's Hat*, và *The Stories of Bernard Malamud*. Ông mất năm 1986 ở New York City.

(2) ASL: Art Students League. Không phải là một "liên minh" như tên gọi mà là một trường tư dạy mỹ thuật ở New York City, được thành lập từ tiền bán th. kỷ 19, có uy tín khắp nước. Nhiều danh họa từng dạy ở đó: Thomas Hart Benton, George Grosz, Yasuo Kuniyoshi,William Zorach...

(3) Một thứ đá cứng, màu nâu đỏ, thường để xây nhà ở những thành phố lớn Hoa kỳ đầu thế kỷ 20.

(4) Thập niên 60, phong trào nữ quyền tăng cường dữ dội ở Hoa kỳ và Âu châu. Ở Mỹ, người ta không gọi một người nữ là Miss hay Mrs. nữa vì lý do người đó có chồng hay chưa là chuyện riêng, không mắc mớ tới ai cả. Và từ Ms. (đọc là Mi.z) ra đời. Khi cô người mẫu nói tôi là Ms. Perry, cô không cho biết mình là một Miss hay một Mrs. Ông Elihu lại gọi cô là Miss Perry vì thấy cô còn trẻ và có vẻ độc thân. Chưa gì đã có mầm xung đột!

Phân Ưu

Nhận được tin buồn **Bà Văn Thưởng**

Nhũ danh Đặng Thị Hảo

Thân mẫu của các Anh Chị Văn Hùng, Văn thị Như Khuê, Văn Cường, Văn thị Xuân Thùy, Văn Dũng, Văn thị Tố Loan, Văn Thắng.

Vừa thất lộc tại Sài Gòn ngày 9 tháng Ba năm 2002, hưởng thọ 87 tuổi.

Xin chia buồn cùng các Anh Chị, và cầu chúc cho hương hồn Thím Ba, Mợ Ba sớm phiêu diêu Miền Cực Lạc.

Vợ chồng Văn Công Định, Vợ chồng Nguyễn Mộng Giác, Vợ chồng Phan Minh Lượng, Vợ chồng Nguyễn văn Ngà, Vợ chồng Nguyễn văn Sơn-Nguyễn thị Sương, Vợ chồng Nguyễn văn Thịnh

Đôi ngày lãng quên

Lê Hữu

Phố chiều gió vọng bàn tay
Ru anh về với đôi ngày lãng quên
Trần Dạ Từ

N. hỏi tôi nghĩ sao về câu chuyện phim nàng vừa kể. Tôi nói tôi chẳng nghĩ gì cả.

"Anh không thấy xúc động chút nào sao?"

"Không," tôi thành thật trả lời.

"Tại sao không?" nàng lại hỏi.

Câu hỏi này mới thật là kỳ cục. Tại sao nàng lại cứ muốn tôi phải cảm động vì câu chuyện ấy chứ? Tại sao nàng lại cứ muốn tôi phải trả lời "tại vì" cho những "tại sao" của nàng? Không chỉ có nghĩa là không. Tôi vẫn lười biếng trong việc đi tìm những lời giải đáp.

"Tại em kể chuyện vô duyên chắc?" N. nói và quay mặt đi.

Đàn bà vẫn hay có những giận hờn vô cớ, những mưa nắng bất thường, và cũng không tỏ ra yêu thích lắm những lời thành thật. Những thảm kịch trong tình yêu, trong đời sống vợ chồng, có khi chỉ bắt nguồn từ những duyên cớ hết sức nhỏ nhặt, tầm thường. Đó chỉ là một vài điều nho nhỏ và lỉnh kỉnh về sinh vật kỳ lạ mà đáng yêu ấy tôi học được sau những lần gắng công gắng sức tìm hiểu. Và còn bao nhiêu điều khác nữa, có trời mới biết được...

"Đâu có phải vậy," tôi cố đưa ra một lời giải thích. "Chuyện khá hấp dẫn, nhưng tại vì chuyện phim thì vẫn là chuyện phim. Và cũng tại vì anh không có được mối tình nào giống giống như vậy."

Thực ra cuốn phim ấy tôi đã có xem qua từ thuở nào xa lơ xa lắc, hồi còn ở Saigon, rạp Eden thì phải, còn N. thì chỉ mới xem đây qua băng video. Cuốn phim tình cảm Tây, lâu quá tôi cũng chẳng nhớ tên (N. nói là

"Mối Tình Đầu"), và những tên tuổi diễn viên màn bạc. Tôi lại không có thói quen xem đi xem lại một cuốn phim, cho dù có hay đến mấy cũng vậy. Những cảm xúc chỉ đến có một lần.

Câu chuyện phim đó chỉ để lại trong lòng người khán giả là tôi dạo ấy nỗi buồn man mác, nhẹ nhàng, chứ không cảm động đến rơi nước mắt. Chuyện kể về cặp tình nhân yêu nhau tha thiết, yêu say đắm yêu mặn nồng, yêu đến mức không lấy được nhau thì chỉ có chết chứ không sống nổi. Rồi vì gia đình đôi bên ngăn cấm, vì nàng con nhà giàu chàng con nhà nghèo, hay vì lý do sao sao đó tôi quên mất, hai đứa đành xa nhau. Tất nhiên cô nàng rất là đau khổ, khóc hết nước mắt, chết đi sống lại nhiề phen, tưởng không bao giờ quên được hình bóng cũ và mối tình đầu nhiều ngang trái lắm thương đau. Tôi chỉ nhớ đại khái phần kết thúc: ít năm sau đó, vết thương lòng đã tạm lắng xuống, cô gái đôi lần tham dự vào những chuyến đi chơi xa cùng bạn bè để tìm quên và khuây khỏa, nguôi ngoai nỗi buồn phiền. Vào một ngày hè, trong chuyến đi về miền quê xa, xe dừng trước một nông trại xinh xắn ven đường để ngắm cảnh, hái hoa bắt bướm, chụp hình chụp ảnh... Khi đến gần một chàng trai cởi trần đang hùng hục cuốc đất hay tưới rau, làm vườn gì đó để hỏi thăm đường xá, cô gái sững sờ nhận ra trước mắt mình là người tình cũ, là mối tình đầu đã làm nàng mất ăn mất ngủ, chết lên chết xuống, và chàng cũng vừa nhận ra đôi mắt người xưa. Sau giây phút ngỡ ngàng (chắc nàng phải xúc động ghê gớm lắm), chàng tạm dừng tay cuốc, lịch sự và ân cần mời nàng và các bạn vào nhà ngồi chơi xơi nước. Sau dăm ba câu chào hỏi xã giao, hỏi thăm sức khỏe, vợ chàng xuất hiện. Chìa tay về phía cô gái, chàng giới thiệu, "Cô bạn cũ của anh." Vợ chàng là gái quê, dáng vẻ hiền lành, mộc mạc, lại có vẻ lớn tuổi hơn chàng (nhan sắc phải kém nàng), tỏ ra niềm nở, vồn vã với bạn bè của chồng mình. Đứa bé con chàng trong nôi thật mũm mĩm, dễ thương. Điệu bộ, cử chỉ chào đón khách của chàng cũng tự nhiên, thoải mái, trong lúc người vợ cúi xuống chiếc nôi nhỏ âu yếm nựng nịu đứa con.... Cô gái đứng lặng, quan sát, thấy rõ trước mắt mình là một mái ấm gia đình. Hạnh phúc bình dị quá, yên ổn quá! Hạt bụi nhỏ nào làm cay mắt nàng... Đến lúc khách chào từ biệt, vợ chồng người chủ trại lại ân cần đưa tiễn, những cánh tay vẫy vẫy. Và cảnh cuối trong phim, xe lại tiếp tục lên đường, lại chạy băng băng trên những dặm trường trong tiếng cười đùa của các bạn nàng còn vẳng lại trong gió, xa dần, mờ dần, để lại làn khói mỏng, để lại mối tình đầu của nàng nơi miền thôn dã ấy...

N. không phải là bồ bịch gì của tôi nên nàng có giận hờn chút chút thì cũng chỉ là chuyện nhỏ, chẳng thiệt hại gì cho lắm, tuy rằng cũng kém vui. Nàng chỉ là em gái thôi, và quả đúng là "người em sầu mộng của

muôn đời" như ngày xưa tôi và mấy tên bạn vẫn gọi đùa vì cái tính lãng mạn, đa sầu đa cảm, "chợt mưa chợt nắng chẳng vì đâu" như vậy. N. là cô em kế của H. (nàng còn cậu em nữa), tên bạn khá thân trong số rất ít những bạn bè "mày mày tao tao" của tôi. Cả ba chúng tôi thân nhau tới mức giá như tôi không xem N. là em gái thì nàng đã phải là vợ tôi bây giờ. Sở dĩ tôi dám nghĩ như vậy là bởi vì ngày xưa H. cũng đã từng bằng lòng gả em gái hắn cho tôi, đã từng nói trong những lúc đi chơi với nhau: "Hay là mày cứ lấy quách em tao cho xong chuyện, cứ lông bông mãi, bày đặt kén chọn. N. cũng có vẻ chịu mày đấy." Có khi hắn còn nói khơi khơi trước mặt N. nữa, và nàng cũng chỉ cười cười mà không có ý kiến vì biết tính ông anh trời đánh của mình. Lời đề nghị nghe khá hấp dẫn, thế nhưng dạo ấy tôi thấy hơi kỳ kỳ, vì khi không lại đi lấy em gái một thằng bạn, khi không lại chịu đóng vai em tên bạn cà chớn của mình. Hắn còn nói, "Mày mà không lanh tay lẹ mắt mai mốt thằng nào cuỗm mất là kể như thua luôn." Công bằng mà nói, N. cũng xinh xắn, cũng dễ thương và cũng có lắm tay theo đuổi. Nhớ có lần nàng còn hỏi ý kiến tôi về chuyện có nên đáp lại tình yêu của anh chàng nào đó đeo bám nàng rất kỹ, khá bảnh trai, con nhà tử tế, lại có vẻ đứng đắn thành thật, chỉ mỗi cái tội là ăn nói có hơi vô duyên, ví dụ như có lần hỏi tôi là gì của nàng. (Không biết thì phải hỏi thôi, có sao đâu, tôi nghĩ). Tôi không chắc là liệu tôi có ăn nói khá hơn anh chàng đó không nhưng giá như hồi ấy tôi bạo miệng nói "thôi bỏ tay đó đi, đi theo anh", nàng dám nghe lời tôi lắm. Tôi nhớ là khi ấy tôi có trả lời đại khái, chuyện yêu đương chỉ là *yes* hoặc *no* thôi, làm gì có chuyện nên hay không nên, cần hay không cần, và đối tượng mà nàng cần hỏi là trái tim nàng chứ đâu có phải là tôi hoặc kẻ nào khác. Bây giờ nghĩ lại, câu trả lời ấy chẳng có chút gì hay ho, và chắc cũng chẳng đáp ứng được chút nào điều nàng mong đợi. Thực tình, tôi cũng không chắc lắm là N. có yêu tôi, mặc dù hai đứa có nhiều điểm khá gọi là hợp tánh hợp ý nhau. Muốn biết chắc thì chỉ có thử bằng cách phải ngỏ lời trước, xem nàng có OK không, mà tôi thì chưa bao giờ dám thử cách đó (vì tán tỉnh em gái bạn mình là điều tôi cảm thấy... quê quê thế nào). Một phần nữa là ngày ấy tôi còn tham lam "thả mồi bắt bóng", còn mải mê đuổi bắt những ảo ảnh cuộc đời... Dù sao, đó là chuyện ngày xưa, còn bây giờ, như bộ trường thiên tiểu thuyết vừa sang một chương khác, chúng tôi gặp lại nhau ở xứ người, N. đã lấy chồng và đã ở ly dị chồng, còn tôi thì cũng đã yên bề gia thất.

"Thì mối tình nào khác cũng được vậy," N. nói. "Anh kể thử em nghe."

"Những chuyện tình đẹp nhất là những chuyện tình chỉ có trong tiểu

thuyết và phim ảnh," tôi nói. "Anh không phải là nhà viết chuyện phim nên không chế ra nổi chuyện tình éo le ngang trái nào để kể em nghe cho vui. Anh lại cũng không tin tưởng lắm vào cái điều mà người ta gọi là tình yêu, mặc dù có dạo đã phải tốn nhiều công sức và thì giờ để mà đi tìm kiếm nó. Một cái gì đó mơ mơ hồ hồ, chẳng ai thấy rõ được hình dạng ra sao, nhưng lại cứ hay nói tới nói lui, bàn ra tán vào, làm mọi người tưởng dâu là có thiệt, giống như là ởđộc lập, tự do, hạnh phúcõ vậy."

Những lời thuyết giảng lòng vòng về tình yêu của tôi chắc không làm N. hứng thú cho lắm, có khi nàng lại cho tôi là tay gàn dở, hỏi một đằng trả lời một nẻo, nên nàng chuyển đề tài câu chuyện sang hướng khác.

"Anh đi có một mình thôi sao? Để vợ con ở nhà à?"

"Anh có rủ, nhưng bà ấy lắc đầu."

Đúng là B., vợ tôi, chẳng có hứng thú gì trong việc xuống đây dự cái đám cưới lần thứ hai của người bạn tôi. Nàng vẫn tỏ ra không mấy có thiện cảm với những anh dàn ông nghỉ vợ này lấy vợ khác, và nhất định không chịu tán thành việc ông bạn của chồng mình tự ý đổi câu thơ tiền chiến thành ra "hôn nhân chỉ đẹp khi còn đang dở", cũng như không chịu hiểu cho rằng kể từ thời ông Adam tới nay, đàn ông làm sao có thể sống mà thiếu đàn bà được.

"Đi một mình thì chán chết," N. nói.

"Một mình, nhưng đến đây thì lại có mấy mình."

"Em không hiểu."

"Anh có người bạn khá thân ở Toronto, lâu lắm không gặp. Hè nào hắn cũng chịu khó đưa vợ con sang đây. Nói chuyện trên phone mãi cũng chán, bèn hẹn nhau làm một chuyến gặp gỡ mùa hè tại đây."

N. không hỏi han gì thêm chuyện vợ con tôi vì nàng biết cuộc hôn nhân của chúng tôi chẳng lấy gì làm tốt đẹp. Chuyện tôi và B. chia tay nhau chỉ là vấn đề thời gian. Nếu ngày trước đã có một thời kỳ chúng tôi tưởng là không thể nào sống mà thiếu nhau được thì bây giờ lại là... khó mà sống với nhau được. Phải mất khá nhiều năm chung sống chúng tôi mới nhận ra được một điều khá rõ ràng là lâu nay chúng tôi chỉ làm phiền hà lẫn nhau thôi chứ chẳng có người nào thực sự có khả năng mang lại hạnh phúc cho người nào. Chúng tôi giống như hai kẻ bất hòa, chẳng có ưa thích gì nhau, nhưng lại cứ phải trông thấy nhau hàng ngày, lại cứ phải chịu đựng lẫn nhau. Sự cố gắng quá sức để gây những mệt mỏi, buồn bực. Cuộc hôn nhân tốt đào tạo nên những anh chồng tốt, tôi vẫn muốn được vậy nhưng lại không có cái may mắn ấy nên đã có khuynh hướng ngược lại để trở thành anh chồng xấu tính, xấu nết. Đôi lúc tôi cũng thấy tội

nghiệp cho nàng, và cho tôi nữa. Sống mãi trong tình trạng như vậy thì chuyện gì đến sẽ phải đến thôi, và tôi vẫn luôn dành cho B. khởi xướng cái chuyện đó trước, rồi sau đấy tôi làm như sẵn sàng chiều theo ý nàng, sẵn sàng làm việc ấy vì nàng vậy. Chúng tôi chỉ còn chờ đứa con lớn thêm một chút...

"Ông bạn quý của anh đâu rồi?" N. lại hỏi.

"Gặp nhau, nhậu một đêm say gần chết. Rồi đến sáng hết chuyện nói, đường ai nấy đi, mỗi người mỗi việc."

"Vậy cũng như không," N. nói. "Cũng bày đặt hẹn hò. Đàn ông mấy anh là vậy."

Tôi không hiểu rõ nàng nói câu ấy nghĩa là sao, có giống như "đàn bà là vậy" không(?). Cứ theo lối nói ấy thì đàn ông cũng lắm kẻ bạc tình bạc nghĩa và không đáng tin cậy chút nào. Không rõ khi nói vậy nàng có ngụ ý gom chung tôi và người bạn tôi, và cả ông anh của nàng nữa vào cùng mẫu số chung với người chồng tội lỗi đã khiến nàng vì "hận kẻ bạc tình" mà phải đi tới quyết định chia tay chỉ sau ít năm chung sống.

Riêng đối với tôi thì H., ông anh nàng, phải kể là tay bạn khá tốt, chẳng có gì để phàn nàn. Hắn ra đón tôi ở phi trường hôm đầu tiên, nói tôi về ở nhà vợ chồng hắn, nhưng tôi từ chối, nói cám ơn. Tôi không thích những chuyện gây phiền hà cho mình và người khác. Hắn nhún vai, nói tùy, rồi dánh xe đưa tôi đến một cái motel nhỏ ở đường Brookhurst. Mấy hôm đầu hắn còn chịu khó tới lui, đưa tôi đi ăn đi nhậu, đi giải trí chỗ này chỗ kia, sau thấy tôi không tỏ ra hứng thú gì mấy nên chắc hắn cũng đâm nản, giao cái xe cho tôi, mặc tôi muốn làm gì thì làm, đi đâu thì đi, chỉ nói cần chuyện gì cứ gọi cho hắn.

"Mấy hôm nay anh làm gì? Đi những đâu, gặp những ai?" N. hỏi và chậm rãi ngồi xuống chiếc ghế thấp đặt trước dãy phím đàn keyboard của con gái nàng.

Câu hỏi này có vẻ dễ trả lời hơn.

"Thì cũng đi loanh quanh vậy, cho biết Saigon lớn Saigon nhỏ. Cũng gặp gỡ đồng hương đồng bào vậy, hầu hết là những bạn bè cũ, lâu lắm mới gặp lại."

"Đàn ông hay đàn bà?"

"Đàn bà ở đâu ra. Mấy cô bạn cũ thì cô nào cũng đã tay bế tay bồng cả rồi, làm sao dám mò tới."

"Có gì đâu, chỉ là bạn."

"Không đơn giản. Thật khó mà làm bạn với những phụ nữ đã lập gia đình rồi mà không gặp những rắc rối. Thiếu gì những nơi giải trí lành mạnh."

N. nhắc đến tên vài người mà nàng biết là tôi từng có mối quan hệ ngày trước, trong số có một hai người đàn bà, hỏi tôi có gặp lại. Tôi lắc lắc đầu. Những người ấy nay đều sống dưới những mái gia đình, đều có những đời riêng, hạnh phúc hay không hạnh phúc, còn nhớ hay không còn nhớ những kẻ từng gặp gỡ đâu đó trong đời họ, từng đi chung với họ một đoạn đường, ngắn hay dài. Trên những đường phố của thành phố đông đảo người Việt này, tôi không nhận ra được khuôn mặt nào thân quen. Có hôm tôi đi vào những khu phố, khu chợ chen chúc những người Việt đi mua sắm, bán buôn tấp nập, rồi vào những quán nước, quán ăn, ngồi đó suốt buổi, nhìn ngó quanh quất nhưng chỉ thấy những bộ mặt xa lạ, những cái nhìn dửng dưng. Chỉ một lần duy nhất gặp lại bất ngờ người bạn cùng đơn vị cũ trong một tiệm phở, đúng hơn là hắn nhận ra tôi chứ tôi thì chịu, chẳng tài nào nhận ra hắn, vì không thấy nét gì quen thuộc. Chắc là hắn không lầm vì gọi đúng tên tôi và nói đúng tên đơn vị. Ngồi nói chuyện hồi lâu tôi cố moi óc mà vẫn không nhớ ra nổi tên hắn, nhưng không tiện hỏi vì thấy hắn vồn vã quá, đến lúc hắn đi rồi tôi mới thở ra nhẹ nhõm, cất vào túi mảnh giấy ghi số phone mà chẳng có tên tuổi... Nhiều người vẫn nói thành phố này giống như là Saigon vậy, nhưng sao tôi vẫn không nhìn ra được chỗ nào gọi là giống nhau, hoặc có giống mà không giống, từ lối kiến trúc, phố xá, nhà cửa, cho đến cả cái cung cách mọi người đối xử với nhau. Chẳng thà nó Mỹ hẳn (như thành phố nơi tôi đang sống), hoặc Việt nam hẳn, đằng này cứ nửa Mỹ nửa Việt mới là kỳ kỳ, cứ như là những tấm phông giả núi non sông suối làm nền trên sân khấu vậy. Sự thay đổi lối sống, lối suy nghĩ chắc có làm thay đổi con người. Người Việt sống trên đất Mỹ quả có khác người Việt sống trên đất Việt.

Tôi giấu không kể với N. việc tôi đến tìm V. nhưng không gặp được nàng. V. đã về Việt nam tuần trước để xúc tiến thủ tục bảo lãnh, hiện ở vào giai đoạn chót, cho gia đình đứa em gái của nàng còn ở bên đó. V. có nói với tôi chuyện ấy nhưng cho biết là đến cuối tháng sau nàng mới thu xếp chuyến đi được. Tôi không báo sẽ xuống thăm nàng vì muốn tạo bất ngờ, thế nhưng việc nàng không có mặt ở thành phố này lại... bất ngờ hơn.

"Thật thú vị khi gặp lại những người bạn cũ sau nhiều năm xa cách," N. nói sau những phút yên lặng.

Quả là N. nói đúng. Nhìn thấy những đổi thay ở người bạn mình sau nhiều năm không gặp, cái cảm giác ấy thật lạ và thú vị. Những đổi thay lắm khi gây ngỡ ngàng, đến không còn nhận ra người bạn cũ, tựa như người về thăm lại những đường xưa lối cũ sau nhiều năm biền biệt xa quê, tưởng còn được trông thấy lại những cây đa bến cũ, con đò năm xưa, thế nhưng sau bao mùa tang thương dâu bể, bao nhiêu vật đổi sao dời, tất cả

đều đã đổi thay, đã hoàn toàn biến mất, không còn lại đấu vết gì...

Câu nói của N. làm tôi bỗng nhớ đến M., người bạn gái cũ, trong lần hội ngộ mới đây, vừa vui vui lại vừa buồn buồn. Tôi hỏi N. có muốn nghe câu chuyện ấy, và nói trước đấy không phải là vở tuồng love story loại "mười năm, hai mươi năm tình cũ" nên không lấy gì làm hấp dẫn mà chỉ là câu chuyện giữa hai người bạn. N. nói OK nhưng tỏ ý không mấy tin tưởng rằng quả có một tình bạn "vĩ đại và cảm động" (nàng nói với ngụ ý chế nhạo) trên đời này giữa hai kẻ khác phái.

"Thì anh cứ kể đi," N. nói. "Chuyện gì vui vui là được. Ở đâu, khi nào?"

"Ngay thành phố này, cuối tuần rồi."

Hôm ấy tôi có buổi họp mặt những người bạn cũ, những người bạn có chung những năm đèn sách dưới cùng mái trường ở một thị trấn miền cao nguyên, nơi tôi đã sống những tháng năm tươi đẹp nhất của một thời tuổi trẻ. Tôi thật không ngờ lại gặp M. ở đấy. Vừa mới bắt tay bắt chân, chào hỏi qua loa mấy bộ mặt quen quen thì bất ngờ tôi chạm mặt M. Tôi nhận ra nàng ngay, và cũng nhận ra những đổi thay nơi vóc dáng, nơi khuôn mặt. M. vẫn còn nét đẹp, đấu có chút tàn phai. Trông nàng có vẻ mệt mỏi chứ không được tươi mát như ngày nào, và nụ cười cũng chẳng còn tươi tắn nữa. "Những dấu chân chim" ẩn hiện nơi đuôi mắt khiến lòng tôi se lại trong phút giây. Đó là những dấu chân lạnh lùng của thời gian, của những tháng năm chồng chất. Đã có một khoảng thời gian thật là dài ở trong nước tôi như mất hẳn liên lạc với nàng. Chúng tôi lạc mất nhau, và có một lúc nào đó, tôi tưởng như đã quên hẳn nàng trong những năm tháng nổi trôi, trôi nổi giữa dòng đời ngược xuôi, xuôi ngược. Chỉ có lần, qua lời một người bạn, tôi biết tin nàng đã lập gia đình với người dân ông theo đuổi nàng khá lâu, và rồi sau năm bảy mươi lăm nàng đã cùng chồng con vượt biển đến được miền đất tự do này.

M. có dắt theo đứa con trai trạc tuổi con tôi, có nét giống mẹ. Khi ấy nơi phòng khách có nhiều người nên chúng tôi chỉ trao đổi ít câu thăm hỏi phất phơ. Giọng M. vẫn cứ dịu dàng, ngọt ngào như ngày nào. Lát sau, khi mọi người bắt đầu ngồi vào bàn ăn, M. lấy hai đĩa thức ăn cho tôi và nàng, rồi nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh tôi trong dáng vẻ tự nhiên. Tôi tự cho phép mình được hưởng cử chỉ săn sóc nho nhỏ ấy. Trong một thoáng, tôi như gặp lại những giây phút êm đềm của ngày xưa. Chúng tôi có quá nhiều chuyện để nói hay chẳng biết nói chuyện gì, nên phút đầu chỉ là khoảng yên lặng, có vẻ như người này dợi người kia lên tiếng trước. Nhưng rồi chỉ câu trước câu sau, mặc dù tôi chẳng hề dả động gì tới chuyện chồng con, M. đã hạ thấp giọng thổ lộ với tôi rằng cuộc hôn nhân nàng

thật kém may mắn, cuộc sống gia đình nàng là một thảm kịch và nàng đã thật khổ sở trong nỗi chịu đựng triền miên. M. nói nàng bị sup sụp tinh thần đến mức có những phút nàng đã muốn tìm đến cái chết.

Thực tình, tôi có hơi bị bất ngờ. Tôi tưởng rằng nàng sẽ kể tôi nghe chuyện gì vui vui, hoặc là gợi lại một hai kỷ niệm vui buồn gì đó gọi là "để nhớ để quên" chẳng hạn, xong rồi lại thả cho gió cuốn mây trôi, lại chia tay ai về nhà nấy, chẳng còn chút gì vấn vương vương vấn. Có đã ngờ ràng... Nàng kể với tôi chuyện ấy để làm gì? Tại sao nàng lại muốn tôi phải nghe nàng? Giữa tôi và nàng đã có gì, trước sau chúng tôi vẫn chỉ là những người bạn, dẫu từng có những khi thân mật. Liệu nàng có trông đ ở tôi điều gì hay chỉ muốn được tôi chia sẻ. Trước giờ tôi vẫn chỉ là anh cố vấn tồi trong tình yêu và hôn nhân (cuộc hôn nhân tôi cũng bết bát đâu kém gì).

Mặc dù luôn luôn đề cao cảnh giác trước những lời tỉ tê của phụ nữ, tôi tin điều M. nói là có thực. Chẳng lẽ nàng lại dựng lên câu chuyện ấy chỉ để khiến tôi phải mủi lòng, phải xót thương cho số phận nàng(?). Tội nghiệp M., giá như lúc ấy mà không có ai, tôi có thể nắm lấy bàn tay hoặc ôm lấy đôi vai nàng mà nói một lời an ủi, cho dù có đóng kịch một chút, chắc cũng làm nàng vơi bớt nỗi khổ. Tôi không thể làm gì hơn, và nàng có lẽ cũng chỉ cần một lời an ủi. Tội nghiệp M., giá như lúc ấy mà không có ai, nàng dám khóc trước mặt tôi lắm. Tôi sợ phải nhìn thấy những giọt nước mắt ấy. M. có đôi mắt đẹp và buồn mà bấy giờ tôi mới để ý (mặc dù ngày trước mấy tên bạn tôi vẫn hay mượn câu thơ Quang Dũng để tả về đôi mắt "dìu dịu buồn tây phương" ấy). Tôi hơi bối rối, chỉ biết lắng nghe mà không có ý kiến. Làm sao có ý kiến gì được khi nàng đã tự nguyện bước vào cuộc hôn nhân đó, và việc xen vào những chuyện riêng tư thuộc nội bộ gia đình người khác là điều trước giờ tôi vẫn tối kỵ... Sau cùng, tôi chỉ có thể nói được một cách hết sức đè dặt là trước sau tôi vẫn quý nàng (chữ "quý" này trong một vài trường hợp xem ra có vẻ an toàn), và đối với những người mà tôi thật lòng quý mến, tôi luôn luôn muốn được trông thấy họ sống hạnh phúc. M. im lặng. Và rồi thấy nói vậy cũng chẳng hay ho gì lắm, lại có vẻ chung chung quá, không biểu lộ chút tình cảm đặc biệt nào cả, tôi lại phải thêm rằng, dẫu bặt tin nàng khá lâu, và dẫu cuộc sống có lênh đênh ba chìm bảy nổi tận nơi đâu, tôi vẫn có những phút giây nghĩ tới nàng, vẫn tự hỏi nàng đã sống như thế nào trong suốt những năm dài đầy biến động ấy. Những lời này tôi cho là có vẻ thành thật. Tôi cũng định nói với M. rằng ở cái xứ mà tôi và nàng đang sống đây, không ai buộc phải chịu đựng, phải sống một cách miễn cưỡng và khổ sở với người chỉ mang đến cho mình những thiệt thòi và tổn hại về vật chất hoặc tinh

thần. (Khi ấy tôi thoáng nghĩ đến N., đến quyết định dứt khoát của nàng). Nhưng rồi tôi lại nghĩ có nói gì cũng vô ích thôi, M. biết rõ điều ấy hơn tôi nữa, nhưng vì bản chất yếu đuối, hoặc lý do gì đấy khiến nàng cứ phải cam chịu mà không thể nào thoát ra được sự trói buộc ấy.

M. tiếp tục nói, tôi tiếp tục nghe với vẻ lơ đãng trong lúc đưa mắt nhìn đứa con trai nàng ngồi lặng lẽ ở một góc nhà, vẻ mặt rầu rĩ vì thiếu bạn, và tự dưng trong một phút tôi bỗng thấy lòng sao thật dửng dưng, như thể những chuyện ấy chẳng có chút gì liên hệ đến tôi. Cũng trong phút ấy, tôi có cảm giác rất lạ là hồ như tất cả những tình cảm ấm áp nhất tôi dành cho M. trong thoáng chốc bỗng trở thành nguội lạnh như một nắm tro than, đến mức tôi nghĩ rằng giá như nàng không còn có mặt trên cõi đời này nữa, có lẽ tôi cũng chỉ buồn đâu chừng đâm phút... Có phải là M., hay một người nào khác đang ở bên tôi? Nàng vẫn còn đấy hay đã biến đâu mất rồi? M. ngồi đó, thật khác xa với hình ảnh cô gái xinh tươi thuở nào của những lần đến thăm chàng sinh viên trọ học Saigon là tôi. Cũng ngồi bên tôi như phút này đây, cũng nói với nhau đủ thứ chuyện trên đời hay chẳng chuyện gì ra chuyện gì (chỉ riêng có một chuyện cần nói hơn cả, và kẻ phải nói trước là tôi thì tôi lại không nói...). Nhớ căn phòng nhỏ mà ấm cúng ấy, nơi từng có những họp mặt thân tình, những bữa cơm thân mật giữa những bạn bè của hai đứa. Nhớ lúc M. ra về, ngồi trên yên chiếc PC mảnh mai màu xanh da trời, những ngón tay chậm rãi giắt vạt áo dài vào sau yên xe, chậm rãi xỏ vào đôi găng tay mỏng, chậm rãi gắn cặp kính tròn che lấp đôi mắt bồ câu đen nhánh, như muốn kéo dài thêm những phút chia tay, quay nhìn tôi mỉm cười rồi cho xe chạy vụt đi, những lọn tóc bay trong gió... Tôi đứng nhìn theo, nhìn theo mãi cánh chim nhỏ nhắn ấy.

Thấy cần phải đổi câu chuyện không vui sang hướng khác, tôi nhắc cho M. nhớ câu hát ngày xưa nàng vẫn thích trong một bài hát không tên không tuổi nào đó. *Đời con gái cũng cần dĩ vãng mà em tôi chỉ còn tương lai*... "Câu ấy bây giờ còn đúng không?" tôi hỏi đùa vậy, biết rằng M. sẽ cảm động vì qua câu hỏi ấy nàng hiểu là tôi vẫn còn nhớ đến nàng. M. cúi mặt, nói nhỏ cám ơn tôi. Tôi không rõ nàng cám ơn điều gì, vì tôi đã gợi cho nàng nhớ, hay tỏ ý đáp nhận chút tình cảm tôi còn dành cho nàng. Dù sao câu hát lẩm cẩm ấy chắc cũng làm thức dậy không ít những kỷ niệm nằm ở một góc khuất nào đấy trong tâm trí nàng...

M. không hỏi tôi có hạnh phúc hay không nên tôi cũng không phải trả lời rằng tôi cũng đâu có hơn gì nàng. Sau cùng, chúng tôi đều là những kẻ thua cuộc. Chúng tôi đã tự làm hỏng đời mình. Khi chẳng còn biết nói gì thêm nữa, tôi đứng dậy, tránh không nhìn vào mắt M., thốt ra một câu

thật tầm thường (bất cứ người đàn bà nào cũng dễ dàng đồng ý) để chấm dứt câu chuyện: "Thật chẳng biết thế nào, mỗi người một số phận." Tôi nói mà như nói với chính mình vậy. Mọi chuyện đã thực sự kết thúc, tôi và M. giờ đây mỗi kẻ một đời riêng... Khi chia tay, tôi làm ra vẻ tự nhiên, lần lượt bắt tay và nói lời chào mọi người, đến lúc xiết nhẹ bàn tay mềm mại của nàng, tôi khẽ nói bên tai M. lời chúc nàng tìm được sự an bình và rồi mọi chuyện sẽ tốt đẹp hơn. M. có vẻ cảm động, ngước mắt nhìn tôi, nói nhỏ một chữ mà nàng biết chỉ mình tôi hiểu được: "Stronger?!" Tôi gật gật đầu, cố nở một nụ cười. Tôi có cảm giác trốn chạy khi ván cờ tàn vẫn còn nguyên đó. Khi M. và đứa con nàng đã ngồi vào trong xe, và nàng quay nhìn tôi trước khi xe lăn bánh, tôi khẽ đưa bàn tay lên ngoắc ngoắc ra dấu từ biệt nàng, theo cách người Mỹ vẫn làm, tựa như ta ngoắc ngoắc một đứa trẻ. Khi ấy đúng là tự dưng tôi có ý nghĩ ngộ nghĩnh xem nàng như là một đứa trẻ vậy. Rồi nàng biến mất thật, và tôi nghĩ chắc tôi thật khó lòng mà gặp lại nàng thêm một lần nào nữa trong đời này, vì chúng tôi chẳng có hẹn ngày tái ngộ...

"Hết chuyện rồi chứ?" Im lặng một lúc, rồi N. ngước lên hỏi.

"Chắc là vậy."

"Rồi lại chia tay 'đôi ngả đôi ta'...?" N. nói. "Thế cũng như không!"

"Chứ em bảo anh phải làm sao bây giờ! Không lẽ lại rủ rê cô ấy ra ngoài uống café để... tâm sự tiếp. Em có sáng kiến gì khác hơn?"

Thế cũng như không. Có vậy thôi sao?... N. vẫn hay có lối nói như vậy, vẫn muốn mọi chuyện phải diễn biến cách nào đó hoặc lý thú hơn, hoặc theo như ý nàng muốn, mà không chịu hiểu rằng không thể đòi hỏi gì thêm vì đời chỉ cho ta có chừng đó.

"Chuyện của anh có vẻ *classic* quá," N. đưa ra nhận xét. "Anh lại không chịu giải thích cái chỗ... 'ngày xưa sao anh không nói' thì ai mà hiểu được."

"Quên chỗ này. Lý do cũng đơn giản thôi nhưng mà có hơi vô duyên, lại kỳ cục nữa. Một ông bạn ở đâu khi không lại nhảy vô giữa. Ông bạn này lại khá thân, giống như là anh với anh H. vậy, lại nặng tình với cô bạn này hơn cả anh nữa, đã vậy lại còn đeo bám lấy anh để mà tâm sự đầy vơi, than vắn thở dài, vì cô nàng cứ dãy dụa không chịu đáp ứng yêu cầu tình cảm, khiến anh cũng... chán đời, còn hứng thú chỗ nào mà nói năng gì nữa bây giờ... Hai người thì OK, chứ ba người thì làm sao mà ra cái love story được."

"Tội nghiệp anh," N. cười, gật gật đầu. "Ông bạn vàng ấy rồi về sau thế nào?"

"Chẳng thế nào cả. Cũng vợ con đàng hoàng, gia đình yên vui, ấm

no hạnh phúc hơn cả anh và em nữa. Cũng ở nước ngoài nhưng không phải Mỹ. Thỉnh thoảng vẫn có liên lạc."

"Em biết ông đó rồi," N. nói, gật gù.

"Anh cũng biết."

"Tại sao anh kể câu chuyện ấy? Em thấy cũng đâu có gì lạ."

"Tại vì em muốn biết. Tại vì anh và em đang nói đến những đổi thay."

"Tại sao chuyện gì cũng phải đổi thay?"

"Tại vì không thể... không đổi thay. Tại vì đấy là chuyện ngàn năm mây bay. Những đổi thay, đó là cuộc sống. Không có những đổi thay, không phải là cuộc sống."

N. không nói thêm gì nữa, chắc là lối giải thích lòng vòng về những chuyện đổi thay thay đổi, ngược xuôi xuôi ngược đó có làm nàng nhức đầu...

"Anh cũng đổi thay chứ?" lát sau N. lại hỏi, nhìn thẳng vào mắt tôi.

"Bắt buộc. Chuyện ngày xưa phải khác chuyện bây giờ. Nước đi đi mãi không về... Chẳng ai tắm lại được hai lần một dòng sông."

N. liếc xéo tôi bằng đuôi mắt, vẫn là cái đuôi mắt sắc như dao ấy, rồi im lặng một lúc, vẻ suy nghĩ. Tôi không thể đọc được những gì đang ở trong đầu nàng.

"Em hỏi câu này, anh phải trả lời thực lòng, không có được nói quanh co nhé..." N. nói khẽ trong lúc mắt vẫn nhìn xuống, bàn tay nhẹ nhàng vuốt ve những phím keyboard. Những ngón tay N. vẫn đẹp, dài, thon mảnh.

"*Sure*. Sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc."

Tôi chờ đợi câu hỏi của N., có chút lúng túng và hồi hộp như cậu học trò nhỏ không thuộc bài đứng trước mặt cô giáo nghiêm nghị là nàng. Nhưng rồi N. lại im lặng, những ngón tay lơ đãng dạo lướt trên các phím đàn phát ra những thanh âm rời rạc...

"Hát bài gì nghe đi anh. Bài gì mà ngày xưa anh vẫn hát đó..."

"Cả trăm bài, biết bài nào là bài nào."

Dạo ấy tôi nhớ chỉ có mình N. là chịu khen tôi hát hay.

"Bài gì cũng được," N. nói.

"Về đây ngơ ngác chim bay tìm đàn..."

"Sao nữa?"

"Nhớ câu đó thôi."

"Nghe nói thành phố của anh buồn lắm," N. nói sang chuyện khác, "mưa sụt sùi. Em muốn đến thử một lần cho biết."

"Nên lắm. Để chia sẻ cái buồn, nỗi cô đơn và lạnh lẽo của người

thành phố."

"Sáng nay anh đi đâu vậy?" N. bỗng hỏi như chợt nhớ ra chuyện gì.

"Chẳng đi đâu cả. Đi nhiều quá rồi, đến lúc cần phải nghỉ ngơi thôi."

"Có. Khoảng 11 giờ. Có người gọi đến đây hỏi anh, nói gọi đến *motel* nhưng không có anh ở đấy."

Tôi hỏi tên, N. nói không rõ, chỉ nghe H. nói vậy. Tôi không đoán được ai, chỉ nhớ là có ghi thêm số *phone* của H. cho vài người để tiện liên lạc, nhắn gửi gì đó trường hợp tôi không có ở *motel*. N. nói H. nói chuyện khá lâu với người ấy, và sau đấy hắn cũng muốn rủ tôi đi ăn trưa với mấy người bạn nhưng không biết tôi ở đâu.

Tôi ở đâu khi ấy? Sau một lúc nghĩ ngợi tôi mới nhớ ra là lúc trưa nay tôi đang ngồi ở nhà một ông nhà văn kiêm chủ báo mới gặp cuối tuần rồi ở khu hội chợ sách, hôm cùng với T., tên bạn ở Toronto qua, đi lòng vòng nơi ấy. T. có vẻ quen biết nhiều giới nghệ sĩ nghệ nhân, làng văn làng báo ở đây, gặp ai hắn cũng tay bắt mặt mừng, bá vai quàng cổ được. (Hỏi ra thì hắn cũng là nhạc sĩ có chút tên tuổi, kiêm thi sĩ, kiêm gì gì nữa thì tôi không rõ). Sau cái bắt tay ông, hắn chỉ vào tôi, nói tên tôi. Ông nhìn sững tôi, nói "L.H. đây sao?", giọng niềm nở có lẫn chút ngạc nhiên (chút thất vọng nữa không chừng, như khi ta tưởng sẽ gặp người này thì lại ra một người khác). Ông và tôi chỉ biết nhau qua cái tên thôi vì thỉnh thoảng tôi có viết loanh quanh một đôi bài cho báo ông (cùng tên với tờ báo tôi vẫn đọc dạo trước năm bảy mươi lam), nhưng chỉ sau một vài câu trao đổi đã thấy gần gũi và thân mật như đã từng quen nhau trước đó. Chúng tôi hẹn gặp lại một lúc khác vì không có nhiều thì giờ nói chuyện khi ấy.

Câu chuyện bên những tách trà khá thú vị. Tôi thích vẻ thành thực, những nhận xét đôi lúc sắc bén của ông về con người và sự việc. Ông cũng có vẻ là người cẩn trọng và khá nguyên tắc trong công việc. Tôi thấy ông có nuôi chim, không rõ đấy là cái thú của ông hay của bà vợ, hay của cả hai người. Ngôi nhà rộng, những lồng chim thật lớn và những giống chim quý, tôi chắc vậy, trông lạ mắt, đủ màu sắc. Trong lúc chuyện trò, đưa mắt nhìn ra vườn cây xanh ngoài cửa, nghe tiếng chim ríu rít bên tai giữa buổi trưa hè êm ả, tôi có cảm giác thật là dễ chịu. Ông bảo tôi viết *có vẻ thực*. Tôi nói tôi cũng thấy những chuyện ấy *có vẻ thực*. Chúng tôi nói về những cái *có vẻ*. Hóa ra chẳng có chuyện gì gọi là thực cả trên đời này hay sao. Có thực là lâu nay chúng tôi vẫn đang sống trong một thế giới ảo? Có thực là ông, hay tôi, hay một người nào khác đang sống đó, ngồi đó, nghĩ ngợi, nói năng, cử động? Có một lúc tôi nghe loáng thoáng ông nói đến điều gì đó có vẻ giả tạo, thoáng ẩn thoáng hiện chập chờn, dễ gây nên những lầm lạc trong nhận thức mà ông gọi là "ảo giác của trí tuệ", khi đề

cập đến những lời nhạc viết bằng thứ ngôn ngữ mờ mờ ảo ảo (của người nhạc sĩ quen tên mới qua đời ở trong nước) từng có lúc mê hoặc được nhiều người, mặc dầu ít có ai hiểu thấu được những lời lẽ ấy thực sự có ý nghĩa gì... Trong lúc ông nói, tôi ngồi ngẫm nghĩ về cái tên ông. Giữa cái tên ấy và những điều ông đang nói chắc cũng có chút liên hệ. Những cái tên có chở theo những định mệnh, hay chỉ là những cái tên, có nghĩa hoặc vô nghĩa, hữu danh vô thực, chắc có chắc không (như cái tên tôi vậy). Tôi nghĩ lan man chuyện này sang chuyện nọ trong lúc câu chuyện tiếp tục, đôi lúc nhuốm vẻ khôi hài vì những điều thật giả, giả thật.

Ngồi trước những chồng bản thảo đồ sộ của hai pho sách ông viết trong những năm tháng còn kẹt lại trong nước, tôi thực tình không hiểu nổi bằng cách nào bà vợ yêu quý của ông lại có thể mang chúng sang đây được, sau ngày ông rời khỏi nước. Ông hỏi tôi đã đọc chưa. Tôi nói chưa đọc trọn bộ, như thế cũng kể như là chưa đọc, nhưng nếu đấy quả là những pho truyện lý thú và giá trị như vẫn được truyền tụng thì thế nào tôi cũng phải đọc cho hết và đọc kỹ, mặc dầu ngoài tiểu thuyết kiếm hiệp, thực tình tôi chưa bao giờ đọc nổi một pho sách tràng giang đại hải như vậy. Tôi vuốt ve những trang giấy đã ngả màu, lật giở từng tờ, đọc lướt qua một vài đoạn và những dòng chữ ghi ngày tháng khởi đầu, kết thúc ở trang đầu, trang cuối. Những trang viết hầu như không có hay rất ít có những chỗ sửa chữa. Chắc hẳn đấy phải là những dòng tâm huyết của ông, tôi nghĩ, và chắc hẳn là ông đã có thể yên lòng nhắm mắt xuôi tay sau khi hoàn tất công trình ấy, như khi ta đạt được điều sở nguyện bấy lâu vẫn hằng ấp ủ. Ít ra thì ông cũng có được cái hạnh phúc ấy hơn tôi. "Đây quả là một kỳ tích võ lâm," tôi nói, và cũng nói thêm rằng cần được đưa vào một viện bảo tàng văn học để mọi người đều có cơ hội thưởng lãm, xem xét tường tận, hơn là ông cứ phải khuân ra khuân vào lỉnh kỉnh mỗi khi có người đòi xem. Tôi nói thực tình chứ không phải để lấy lòng ông, nhưng rồi tôi lại nghĩ chắc gì ông đã muốn như vậy. Đấy hẳn là vật mà ông hằng yêu quý, ông chẳng muốn rời xa nó, và ông phải sống với nó mỗi ngày...

Lúc ông và tôi bước ra cửa, nắng đã lên cao phía ngoài. Màu nắng vàng dịu dễ gây cảm giác ấm áp, thật khác hẳn bầu trời ảm đạm và lạnh lẽo nơi thành phố tôi sắp trở về. Tôi muốn thả bộ một vòng qua các đường phố nhưng ông ngỏ ý đưa tôi về lại. Dọc đường tôi nói tôi muốn thay đổi chỗ ở vì nơi đấy không phải là chỗ tốt, nhưng còn đang lưỡng lự. Ông bảo sống nơi ấy có khi mà lại hay. Tôi không rõ ý ông lắm, nhưng lại nhớ hôm nào H. nói, "Rồi ngày nào đó mày cũng phải về đây thôi. Dù hay dù dở, không có sự lựa chọn nào khác. Tao đã sống nhiều nơi, đã thử nhiều rồi,

không thể tách rời được đâu, phải rán mà sống với, rán mà yêu lấy thôi." Tôi thật phân vân, chẳng biết đâu là chỗ của mình... Khi xuống xe trước cửa motel, và khi ngoắc ngoắc tay từ biệt ông, tôi lại nghĩ đến M... Nàng cũng ngồi trong xe, cũng quay nhìn tôi như vậy, và tôi cũng cố nở nụ cười, cũng ngoắc ngoắc tay từ biệt nàng như vậy, khi xe từ từ lăn bánh...

"Anh cười chuyện gì vậy?" N. hỏi.

Chắc là tôi có nở nụ cười thật nên N. mới hỏi vậy. Tôi chẳng biết giải thích sao dành nói là chuyện cấm dàn bà nên không kể được. Sau đó tôi nói tôi có việc phải đi, không thể chờ H. thêm được nữa, chỉ nhờ nàng nhắn lại hắn là tôi mang trả cái xe, trưa mai tôi về lại, và tôi biết cách ra phi trường, khỏi cần đón đưa lỉnh kỉnh... Hắn có muốn tìm tôi thì chịu khó ra cái chỗ gọi là Mênh Mang hay Mênh Mông Studio gì đó, nơi tôi có hẹn với T. tối nay, để xem hắn biểu diễn một màn ra mắt thơ, ra mắt nhạc gì ở đấy, tôi chắc vậy. Thực tình tôi cũng chẳng hứng thú gì lắm mấy cái vụ này, nhưng nghe nói hắn là khách mời đặc biệt và cũng là diễn viên chính nữa nên phải làm ra vẻ hăng hái, tích cực tham gia cho hắn vui lòng, vui bụng.

Phòng nhỏ, đủ chỗ cho vài chục người, ấm cúng, bài trí khá mỹ thuật. Chút bừa bộn cố ý cho ra vẻ phong cách nghệ sĩ. Những tranh, tượng, hoa lá bày biện rải rác. Vài tấm poster treo dán trên vách giới thiệu các cuộc triển lãm hội họa, trình diễn âm nhạc... Bàn ghế kiểu cọ, lỉnh kỉnh những ly tách café, một hai chai rượu uống dở. Khách ngồi tụm lại từng nhóm nhỏ, một vài tà áo xanh áo dỏ. Một cái bục nhỏ đặt giữa phòng. Ít lời giới thiệu danh tính các tao nhân mặc khách tham dự, rồi thì bắt đầu chương trình hát hỏng đàn địch, ngâm vịnh thơ phú, giới thiệu sáng tác mới sáng tác cũ... Một hai người lên nói lăng quăng một hai đề tài văn nghệ, không được chú ý lắm. Phần trình diễn của T. là chính, những ca khúc mới sáng tác. T. ôm chiếc đàn thùng, giọng khàn khàn, nhắm mắt nhắm mũi hát thoải mái. Nhạc dân ca, tình ca quê hương. Nhiều tiếng vỗ tay, yêu cầu hát thêm, hát thêm. *Bài hát được phổ từ thơ..., riêng tặng..., riêng tặng....* Không thấy hắn quà cáp cho tôi bài nào. Sau đấy là văn nghệ tùy hứng, một hai kẻ được giới thiệu, đẩy lên, dãy dụa qua loa rồi cũng ngâm, cũng hát. Tôi nghe đại khái quê hương ơi, Saigon ơi, ta sẽ về sẽ về..., buồn viễn xứ, kiếp tha hương..., khi tôi chết xin đem lên núi xuống biển hay đem đi đâu đó... Nhiều chỗ tôi không hiểu rõ lắm. Tiếng vỗ tay tán thưởng sau mỗi bài thơ, bài hát. Cô gái giới thiệu chương trình trông khá xinh, mái tóc nhuộm óng ả, giọng nói uốn éo trầm bổng. Có một lúc tôi thấy T. ghé tai cô nói nhỏ cái gì đó, cô liếc nhìn về phía tôi. Rồi giọng cô, tôi nghe

loáng thoáng "... góp mặt của một vị khách đặc biệt đến từ phương xa, cũng là người bạn thiết của nhạc sĩ P.T... Xin mời thi sĩ L.H." Nhiều cái đầu quay lại, nhiều cặp mắt hướng về phía tôi, chờ đợi... "Vừa thôi cha nội," tôi nói khi T. lại gần, "tính chụp mũ sao đây?" "Thì cứ nhận bừa đi," T. nói, đẩy nhẹ vai tôi, "chết chóc gì đâu. Ở đây ai cũng nhạc sĩ, thi sĩ... ráo. Lên ngâm đại ít câu gì đó." Những mắt nhìn vẫn kiên nhẫn chờ đợi. "Thưa quý vị văn nghệ sĩ," tôi xốc lại cổ áo, trịnh trọng. "Rất hân hạnh có mặt đêm nay. Xin đóng góp một đôi câu trong bài thơ nổi tiếng của nữ sĩ T.T.KH.... Những câu thơ cũng thể hiện phần nào tâm sự tôi." Tiếng vỗ tay lộp độp. Im lặng, rồi tiếng sáo vi vút và tiếng đàn tranh réo rắt. Chắc phải tạo gương mặt thoáng buồn, tôi nghĩ vậy. *"Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời, ái ân lạt lẽo của... vợ tôi."* Những tiếng cười khúc khích... Tiếng sáo và đàn tranh khựng lại một chút rồi lại tiếp tục vi vút, réo rắt. *"Vợ tôi vẫn biết tôi thương nhớ. Người ấy cho nên vẫn... hững hờ..."* Những tràng cười lại rộ lên. Ngó mặt cha này đau khổ thiệt. "Vâng, đại khái là vậy. Xin cám ơn quí vị."

Tôi nói với T. chắc tôi phải về trước, hôm nay đi cả ngày, mệt quá. Từ đây về *motel* chỉ ít phút, tôi muốn đi bộ cho tỉnh táo. T. nói sáng mai hắn ghé tôi uống café trước khi chia tay, cùng tạm biệt chốn này, mỗi thằng lại mỗi ngả, hai đứa lại hai nơi. Tôi nói OK, hỏi hắn còn thuốc. Hắn đưa cả gói cho tôi, hơi ngạc nhiên vì chẳng thấy tôi hút thuốc từ hôm gặp lại nhau. Tôi bắt tay chào hắn, nói mấy bài hát nghe hay lắm. Đi được mấy bước, tôi nghe hắn gọi giựt lại, quăng cho tôi chiếc bật lửa. Tôi bắt lấy. Đứng giữa khoảng parking rộng, đốt một điếu thuốc, tôi ngước mặt nhìn trời. Thật bất ngờ, trên đầu tôi là vòm trời chi chít sao, và cả một vầng trăng vằng vặc nữa. Trăng còn khuyết, nhưng cũng gần tròn, và thật sáng. Tôi có cảm giác tựa hồ đã lâu lắm, có khi là từ ngày đến Mỹ, lần đầu tiên tôi mới nhìn thấy lại bầu trời nhiều trăng sao đến vậy. Bầu trời ấy vẫn có hằng đêm, vầng trăng ấy còn theo tôi mãi, vậy mà bấy lâu nào tôi có để ý, cứ tưởng rằng phải đi về một nơi chốn nào xa xôi lắm mới mong tìm gặp được. Cũng giây phút ấy, trong đầu tôi chợt hiện ra những mảng tối sáng lúc đậm lúc nhạt, những dáng dấp, những khuôn mặt, những cử động chờn vờn, không rõ nét, như hình ảnh trong những thước phim cũ kỹ... Nhưng rồi trong một thoáng tôi cố định thần, cố xua đuổi, và rồi tất cả lại biến mất.

Ném mẩu thuốc, tôi bước qua khoảng sân rộng, cạnh con đường lớn, nơi mới sáng hôm kia H. và tôi chạy xe chầm chậm ngang qua đó trông thấy một đám đông người Việt đang tụ tập biểu tình, tay cầm cờ xí, miệng hô khẩu hiệu, trương cao các biểu ngữ yêu cầu, phản đối chuyện gì đó,

trong lúc một chiếc truck chạy vòng vòng kéo lê một hình nộm dưới đất. "Ở đây mà lâu lâu không có biểu tình thì người Việt buồn lắm," H. nói vậy.

N. có gọi *phone* cho tôi ít ngày sau vụ khủng bố ở New York. "Vụ khủng bố tệ hại nhất ở nước Mỹ," nàng nói, lập lại câu tôi vẫn nghe, vẫn được nhiều người lập lại. Tôi nói tôi không thích cách nói ấy chút nào. Sao gọi là tệ hại? Cái chữ ấy nghe thật... tệ hại khi dùng để bày tỏ cảm xúc, phê phán hành động ấy. Chỉ như cái lắc đầu nhè nhẹ, cái chép miệng thở dài, cái nhún vai chán nản tỏ dấu thất vọng, hoặc như một lời phàn nàn, trách cứ nhẹ nhàng việc làm "bê bối" của kẻ nào đó. Tôi chắc người ta không định nói với cái nghĩa ấy, vậy phải là những chữ gì khác hơn. Việc kéo lê, thiêu đốt hoặc treo cổ cái hình nộm tôi nhìn thấy tháng trước ở thành phố của N. ít ra cũng đã biểu lộ một thái độ, một phản ứng quyết liệt, cứng rắn và mạnh bạo hơn nhiều.

Hàng ngàn người đồng loạt biến mất khỏi mặt đất chỉ sau một tiếng nổ, chỉ trong một chớp mắt, chẳng còn xương còn thịt, chẳng còn chút dấu vết, hoặc chỉ còn những hạt bụi nhỏ. Những hạt bụi nhỏ tản mác, vật vờ "cũng theo hư không mà đi". Một nỗi bất an rộng lớn như những đám mây mầu chì khổng lồ, đè nặng, phủ trùm lên cả bầu trời nước Mỹ, cả thành phố tôi đang sống, khiến mọi người như bị nhận chìm trong cảm giác ngột ngạt, nặng nề, trong nỗi lo âu bàng bạc và chờ đợi khắc khoải điều gì đó chẳng lành sắp sửa xảy đến.

N. có vẻ xúc động mạnh và bị ám ảnh vì biến cố ấy. Nàng nói là mỗi khi trông thấy chiếc máy bay nào xuất hiện trên bầu trời, nàng cứ tưởng như chiếc máy bay ấy đang bay về phía một tòa *building* nào đó. Tôi nói nàng cứ việc tưởng tượng, nhưng xin vui lòng đừng có cho tên tôi vào danh sách hành khách có mặt trên chuyến bay ấy, vì tôi còn mấy việc chưa làm xong... Thực ra, đâu có phải riêng nàng mà cả nước Mỹ đã ngơ ngẩn, bàng hoàng đến tê dại. Tôi nói để N. yên tâm rằng, đòn khủng bố tuy có làm người Mỹ choáng váng thật, có làm trái tim nước Mỹ bị chấn thương thật, nhưng không phải vì vậy mà trật tự thế giới bị đảo lộn. Nước Mỹ rồi sẽ phục hồi công lực, sẽ gượng dứng đậy được sau cú điểm huyệt hiểm hóc ấy, sẽ tỉnh táo, khỏe khoắn hơn bất cứ lúc nào, và cũng sẽ biết phải làm gì. N. hỏi liệu có chiến tranh, tôi nói chắc có chắc không, và khuyên nàng chẳng nên lo nghĩ thái quá mà tổn hại sức khỏe, buổi sáng nào mặt trời vẫn còn mọc ở phương đông thì vẫn chưa phải là tận thế, vậy nàng đang có những chương trình dở dang nào thì cứ việc tiếp tục...

Tôi không rõ là nước Mỹ có "không bao giờ còn như cũ", hoặc người

Mỹ có "sống những ngày như chưa bao giờ", như là những câu tôi vẫn đọc thấy trên những trang báo (không rõ ai là người đầu tiên đã viết những câu văn vẻ ấy), nghe thật là mạnh mẽ, quả quyết, khi mà vụ khủng bố mới chỉ xảy ra được ít hôm, khi mà mọi người vẫn còn chưa hoàn hồn và cũng chưa quyết đoán được chính xác chuyện gì là chuyện gì. Người Mỹ treo cờ treo quạt nhiều hơn, chịu khó đến nhà thờ nhà nguyện nhiều hơn, các biện pháp an ninh được thi hành gắt gao hơn ở phi trường, các hành khách trên những chuyến bay từ nay sẽ phải canh chừng lẫn nhau..., có lẽ đấy là những cái "không còn như cũ". Còn ngoài ra, những nơi khác thế nào thì không rõ, riêng thành phố tôi đang sống, có rất nhiều cái cho thấy là nước Mỹ, và người Mỹ, vẫn "còn như cũ". Những người chết đã chết, những người sống vẫn tiếp tục sống, vẫn bận rộn trong những chương trình giải trí và làm việc để kiếm tiền. Những cửa hàng shopping vẫn cứ dập dìu khách mua sắm, vẫn những dãy người lũ lượt kéo đến thật sớm và kiên nhẫn nối đuôi nhau xếp hàng dài ngoằng trước những cửa tiệm giảm giá đặc biệt chỉ trong một ngày, vài giờ. Người Mỹ nơi tôi làm việc trong giờ *lunch* vẫn cứ hăng hái bàn bạc về những trận bóng, và chuyền tay nhau những trang *sports* của tờ báo hàng ngày hơn là chịu liếc mắt qua những hình ảnh và tin tức mới nhất trên trang nhất liên quan đến việc tìm kiếm những nạn nhân mất tích trong vụ khủng bố, và việc nước Mỹ đang chuẩn bị bước vào trận chiến mới... Chuyện ấy cũng chẳng phải lạ, cũng từng thấy sau những tai ương trước đó, như trận động đất ở thành phố này mới đây chẳng hạn. Cái bất hạnh của người này là cái may mắn của kẻ khác. Chuyện gì đã qua, cho qua luôn; chuyện gì sắp tới, sẽ phải tới. Người Mỹ thực tế hơn tôi tưởng: bình thản, mau quên, và biết enjoy cuộc sống. Những biến cố ấy nếu có được nhớ lại, sau những phôi pha cùng năm tháng, có chăng chỉ là công việc của những nhà làm phim, và những giọt nước mắt của khán giả nếu có nhỏ xuống cũng không phải vì nỗi xúc động và thương tâm trước thảm họa kinh khiếp được tái hiện, mà chỉ vì xót thương cho cái chết của một vai diễn trong câu chuyện tình éo le và cảm động được lồng vào trong phim.

Thực ra, tôi cũng không lấy gì làm chắc chắn lắm về những điều tôi nói với N., gọi là để trấn an nàng, và tôi cũng chẳng biết gì nhiều hơn nàng, ngoài một điều là mọi chuyện rồi sẽ phải kết thúc, cách nào đó. Những xáo trộn rồi sẽ lắng xuống, nhịp sống rồi sẽ trở lại bình thường. Mỗi người rồi lại tiếp tục sống nốt phần đời còn lại của mình, như N., sống để tìm kiếm hay chờ đợi những đổi thay, như H., sống là thỏa hiệp với cuộc sống quanh mình, như M., sống vẫn là chịu đựng cuộc sống đó, như T., sống để tìm vui trong phút giây, và như tôi, sống để lãng quên

từng ngày... Chẳng ai giống ai, mỗi người một kiểu cách sống. Liệu có ai trong chúng tôi vẫn còn đang sống vì những ảo giác như là ông nhà văn có lần nào đó nói với tôi như vậy.

N. nói sang chuyện khác, nàng nhắc đến M., hỏi tôi có liên lạc gì với M. từ khi về lại đây. Tôi nói không, tôi không có ý định ấy. Tôi đã cầu chúc nàng tìm được sự bình an và mọi chuyện sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Đó là những lời thành thật, và tôi thực tâm mong muốn như vậy. Tôi đã chẳng làm gì được cho nàng ngoài những lời chia sẻ ấy, vậy thì ít ra cũng vì tôn trọng những nỗi riêng tư mà nên trả nàng về với dòng đời lặng lẽ và những phút giây yên tĩnh. Khuấy động thêm mặt nước phẳng lặng ấy rồi cũng chẳng được gì, nếu không phải chỉ để soi tìm lại những dời người đã cũ. Tôi thực tình chẳng còn muốn nhớ, chẳng còn muốn nghĩ ngợi gì thêm. Hơn thế nữa, sau thảm họa khủng khiếp vừa rồi, và những thảm họa nào còn chực chờ, đe dọa, như lưỡi gươm treo trên đầu trên cổ bao kẻ xấu số khác, những gì còn lại, kể cả số phận của mỗi con người, cũng đều chỉ là những điều vặt vãnh, hèn mọn, tầm thường, nếu không phải là vô nghĩa.

Vết thương nào cũng cần được hàn gắn, nỗi đau nào cũng cần được xoa dịu. Tôi không nhớ chúng tôi nói chuyện gì tiếp theo, nhưng sau hết tôi đã nói với N. câu ấy. Đấy cũng chính là câu tôi đọc thấy trong một giấy mời đến tham dự thánh lễ đặc biệt để dâng lời cầu nguyện cho nạn nhân vụ khủng bố vừa rồi, tại ngôi thánh đường lớn nhất ở thành phố này. Thánh đường St. James nằm trên ngọn đồi nhỏ. Tôi đã đến đấy, một mình, đã thấy có rất nhiều hoa và nến, trên các bàn thờ, dọc theo các lối đi. Những em bé mặc đồng phục trắng, xếp hàng dài, thắp chuyền những mẩu nến nhỏ lung linh. Vị linh mục chủ tế nói về ngày phán xét, khuyên làm điều lành tránh điều dữ để chuẩn bị cái chết đến bất kỳ lúc nào, trích một hai đoạn phúc âm, "xin Cha thứ tha cho những kẻ không biết việc mình làm"..., "kẻ nào tát ngươi má trái, hãy đưa má phải cho hắn tát thêm". Chắc tôi khó mà làm được như vậy. Quanh tôi vẫn còn lắm kẻ ở hiền gặp dữ, giúp người trời hại. Tôi không thể nào yêu điều thiện mà không ghét điều ác, yêu sự thành thật mà không ghét sự giả dối... Gần cuối lễ, tôi để ý một phụ nữ Á đông dắt theo đứa con nhỏ đến quỳ dưới chân tượng Đức Mẹ, giữa những hàng nến trắng rưng rưng. Người thiếu phụ quỳ ở đấy lâu lắm, đầu gục xuống, bất động như một pho tượng. Đứa bé gái chừng mười tuổi đứng bên cạnh, hai tay chắp trước ngực, cũng bất động. Mãi đến lúc tan lễ, nhiều người qua lại, thiếu phụ mới chịu đứng dậy, dắt tay con lặng lẽ bước ra. Khuôn mặt cúi xuống nhưng tôi vẫn nhìn được dòng nước mắt trên má. Không phải là người Việt, tôi nghĩ vậy.

Dòng người lục tục đi ra phía *parking*, tôi cũng đi theo, nhưng nhớ ra

là đã đón một chiếc bus đến đây, vì không dễ tìm được chỗ đậu xe. Một chuyến bus đầy nghẹt người chạy ngang qua không dừng lại, tài xế quơ quơ tay ra dấu hết chỗ. Tôi thả bộ lòng vòng quanh đấy, đón được chiếc taxi vừa thả khách xuống. Khi ngồi trên xe bỗng nhiên tôi quên mất nơi mình định tới, nghĩ ngợi ít phút không ra. Người tài xế Ấn độ hỏi có phải tôi định đi xem cái Puyallup Fair, chỗ ấy đông lắm, từ sáng tới giờ ông đã đưa nhiều người tới đấy. Tôi gật đầu bừa. Xe chạy ngang Space Needle, ngọn tháp nhọn cao nghệu, biểu tượng độc đáo của thành phố từ nhiều năm, có tin đồn là một trong những mục tiêu khủng bố sắp tới. Chập sau tôi nói tôi đổi ý, muốn quay về lại. Người tài xế hỏi đi đâu, tôi nói cứ chạy đi, tôi sẽ chỉ đường. Tôi nhìn ra ngoài cửa kính. Mưa. Tôi nhìn chiếc gạt nước quay chầm chậm. "Nghe nói thành phố của anh buồn lắm, mưa sụt sùi. Em muốn đến thử một lần cho biết," tôi nhớ lời N. nói lần tôi đến tìm nàng. Chắc phải còn lâu lắm nàng mới thực hiện được chuyến đi. Mọi người đều hạn chế những di chuyển không cần thiết trong lúc này. Tôi cũng nhớ V., nhớ chuyến đi không gặp được nàng. Nhớ nàng gọi lên cho tôi sau đó, nói "lỗi tại anh chứ, anh không chịu *phone* em hay trước, làm sao em biết được. Chuyện gì cũng phải plan trước, xứ này là vậy". Chuyện gì cũng phải plan trước, giá mà tôi biết được điều này sớm hơn, chắc là tôi không phải có đôi lần tự hỏi đã làm chi đời mình(?). Liệu tôi còn có được cái plan nào trong những ngày còn lại ở thế gian này. Đâu có phải chỉ với V. không thôi, trước giờ tôi vẫn luôn luôn bắt hụt những chuyến tầu, luôn luôn để vuột mất những cánh chim.

"Về đây ngơ ngác chim bay tìm đàn..."

"Sorry, what did you say?" Người tài xế *taxi* quay lại hỏi. Ông ta có bộ râu quai nón thật rậm, và trông cũng dẹp nữa.

"No, I'm singing."

Ông ta không nói gì, im lặng chạy tiếp. Xe chạy ngang ngọn tháp nhọn Space Needle một lần nữa. Mưa lớn hơn, ông ta vặn cái núm nhỏ bên phải tay lái lên một nấc, chiếc gạt nước quay nhanh hơn. Vẫn im lặng chờ tôi chỉ đường...

Lê Hữu

Tìm mua tác phẩm mới của nhà văn **Thảo Trường**

Mây trôi

Dày trên 100 trang. Giá 10 Mỹ kim. Văn Nghệ phát hành

Tình khúc

truyện dài đăng nhiều kỳ

Hoàng Chính

(tiếp theo kỳ trước)

24

Những cơn nhức đầu thoảng qua như làn gió cuồng quay trong cơn lốc làm anh bần gắt suốt một ngày. Đã vậy hãng lại bắt làm thêm giờ để kiểm hàng cuối tháng. Anh gây gổ với con nhỏ thư ký, rồi gây luôn tới anh chàng phó giám đốc. Và giận lây cả tới cô, chỉ vì cô hứa sẽ điện thoại cho anh lúc mười giờ mà không thấy tăm hơi.

Vậy mà cũng hứa!

Rồi anh gọi đại cho cô. Nhà không ai trả lời điện thoại. Đến lần thứ tư thì nghe được giọng nói ngọt mềm của cô. Cô bảo cô mắc coi phim tập Hồng Kông, thành ra quên. Anh buồn tê cả người. Cô chẳng quan tâm đến anh gì cả. Anh ốm đau, bệnh tật; anh sắp chết đến nơi rồi, mà cô vẫn mải mê coi phim Tầu.

"Phim gì vậy?" Giọng anh lạnh căm.

"*Xóm Vắng*."

"Hay không?"

"Cũng hay."

"Tình cảm hay kiếm hiệp?"

"Tình cảm."

Lòng anh chùng xuống. Cơn đau váng vất trong đầu. Nỗi buồn cào cấu trong tim. Anh mân mê sợi dây điện thoại. Rồi anh viết lăng nhăng

trên trang giấy trắng. Những tên cô và tên anh chồng chập lên nhau, hạnh phúc. Hạnh phúc nào gần, hạnh phúc nào xa? Hạnh phúc nào ảo tưởng? Hạnh phúc nào có thật? Em thương anh hay anh tưởng rằng em thương anh?

"*Say something!*" Lần này tới phiên anh nhắc cô.

"Hôi nãy mới bị mẹ la..."

"Sao vậy?"

"..."

"Tại anh điện thoại nhiều quá phải không?"

"..."

"Hở Quyên?"

"Thôi, nói chuyện khác đi!"

"Đồng ý."

"Anh vẫn khỏe?"

"*Ya!*"

"Hết nhức đầu chưa?"

"Gần hết rồi..." Anh nói dối bằng giọng lạnh tanh.

"Nhớ uống thuốc..." Cô vẫn dịu dàng.

Khi không anh nghĩ ngay tới tên cuốn phim mà cô coi một cách thích thú đến độ quên cả lời hứa điện thoại cho anh. Và lòng anh gai gai chút giận hờn trẻ con.

"Chẳng sao!"

"Nhức đầu... ghê thấy mồ!"

"*Who cares!*"

"Nhớ đi khám lại xem..."

"Anh mà chết chắc mẹ mừng lắm nhỉ."

"Hả?"

"Ô, xin lỗi... Anh giỡn chơi..."

"..."

"Quyên ơi!"

"..."

"Anh giỡn chơi thôi mà..."

"..."

"Anh xin lỗi. Quyên! *Say something!*"

25

"*Hello*, phải Thục Quyên không vậy?" Anh hỏi khi nghe giọng nói mềm ngọt của em.

"*Ya.*"

"Khỏe không?" Câu hỏi thừa thãi.

"*Ya.* Còn anh?" Em cũng đáp lại bằng một câu xã giao quen thuộc.

"Khỏe."

"Anh hết nhức đầu chưa?"

"Hết... lâu rồi."

"Anh đang ở đâu vậy? Em nghe tiếng nói chuyện ồn ào..."

"Anh đang ở chợ *Farmers*."

"Thật không?"

"Thật. Cách nhà em một cái ngã tư."

"Anh làm gì ở đó giờ này?"

"Anh đi... lang thang."

"Ô."

"Hôm nay Quyên đi làm không?"

"Đi."

"Chủ nhật, thứ hai chắc nghỉ?" Anh cuốn sợi dây điện thoại vào những ngón tay, băn khoăn chờ đợi một tin vui.

"*Ya,* Lễ Tạ ơn." Giọng em xôn xao.

"Tối thứ hai đi coi phim với anh không?" Anh hỏi và lo lắng chờ câu trả lời.

"Phim gì vậy?"

"Phim Nhật bản, *Tokyo Sa Đọa.* Ở chỗ mọi khi."

"Mấy giờ?"

Anh ngần ngừ, "Bắt đầu lúc chín giờ tối..."

"Sao muộn quá vậy? Đi giờ đó hơi khó..."

Anh lặng thinh.

"Ban ngày đi được không?"

"Không có xuất ban ngày."

"Ô!"

Bỗng dưng anh buồn nhão cả người. Và phần đối thoại sau đó còn toàn những câu xã giao, chẳng có gì để ghi lại.

Chắc cô còn giận câu nói hôm trước của anh. Anh lỡ lời mà Quyên. Bỏ qua cho anh không được sao?

26

Phòng cấp cứu của bệnh viện lúc nào cũng bận rộn. Đó là đêm dài nhất trong đời anh. Cơn nhức nhối nứt bung hai thái dương. Cơn đau trào nước mắt, mịt mờ không gian, xám tối cõi lòng. Anh đã cố không khóc

(lâu lắm rồi anh không còn khóc được,) nhưng nước mắt cứ trào ra đàn dụa. Cơn đau trộn lẫn với mùi hương lạ lẫm tẩm đẫm giác quan. Những đốm sáng lập loè vùng thị giác màu sữa đục. Bóng dáng em lẩn khuất trong vùng ảo giác tạo ra bởi những liều thuốc an thần bơm vào đường dây nước biển cắm đầy mu bàn tay. Người nữ y tá lau nước mắt cho anh. Người nữ y tá có đôi môi trề xuống những nụ cười tươi tắn của em. Anh thầm thĩ tên em, như đọc thần chú. Anh nhớ cô y tá đã hỏi anh mấy lần là ông nói gì. Và anh đã lúng túng trả lời rằng không nói gì cả. Tôi chỉ gọi tên một người quen thôi. Chắc là tên một cô gái phải không? Cô ta lại hỏi. Sau khi anh gật đầu, cô ta đã hăng hái hỏi anh có muốn điện thoại cho cô bạn gái đó không. Anh toan gật đầu nhưng nghĩ đến mẹ, lại thôi. Rồi anh thiếp đi trong phòng cấp cứu. Lúc anh tỉnh dậy thì cái đồng hồ trên tường chỉ tám giờ rưỡi. Một ngày mới đã qua. Người ta buộc cánh tay cứng vào thành giường. Bọc nước biển vẫn nhỏ xuống mạch máu anh những giọt nước trong vắt.

Bây giờ ngồi viết những dòng này, đầu óc anh vẫn còn mụ mẫm vì thuốc an thần. Phải chi có em ở đây, em sẽ pha sữa cho anh uống, sẽ bóp trán cho anh bớt nhức nhối, sẽ kể chuyện vui buồn ở hãng cho anh nghe, Quyên nhỉ.

27

Cơn mưa dài hơi, rỉ rả như những lời cằn nhằn ỉ ôi của một người đàn bà lắm chuyện, cứ xoáy vào lòng anh cái cảm giác nôn xao của một cậu học trò chờ người yêu lần đầu tiên trong đời. Gió ném đám bụi nước mỏng dạt lên khung kính cửa sổ. Anh ngồi trước bàn viết, lơ đãng với trang giấy trắng và cây bút ơ hờ trước mặt. Lâu lắm anh không có dịp viết thư tình. Phải yêu ai ghê gớm lắm mới viết ra được những lời chôn chặt trong đáy lòng. Anh vẫn nghĩ vậy, thành ra anh chả bao giờ viết cho ai những lời yêu đương trên giấy. Nhưng hôm nay, anh sẽ viết cho em. Anh sẽ viết thật dài nếu không bị những cơn nhức đầu quấy phá. Em mong manh sương khói sẽ không bao giờ hiểu được anh thương em đến mức nào. Nhưng anh không cho phép mình làm khổ thêm một người con gái, nên anh sẽ kiếm chuyện; anh sẽ "quậy" cho em buồn, em khóc, em hờn giận. Rồi em sẽ bỏ anh. Em sẽ bỏ anh cái một!

Nhỏ. Thời gian thử thách đã qua. Bây giờ anh thấy rõ lòng mình. Tất cả chỉ là ảo tưởng. Anh chỉ thương nhỏ như một cô em gái nhỏ dại. Lâu nay, anh ân cần chăm sóc nhỏ như một người anh xa nhà chăm sóc con bé em lưu lạc. Chỉ có thế thôi. Đừng quá giàu tưởng tượng. Nhỏ còn nhi đồng

thấy mồ, làm gì dã biết yêu với đương. tất cả chỉ là tưởng tượng hết. Mai mốt gặp một người nào đó, nhỏ sẽ quên anh cái rụp. Tin anh đi.

Anh ký tên thật bay bướm cuối trang giấy, vừa lúc cơn đau bất đâu dấy lên, lan tỏa trong não bộ. Anh buông rơi cây bút xuống bàn, khuấy lên một tiếng "cạch" khô khan. Hai tay ôm cứng lấy đầu. Chai thuốc, trời ơi! Chai thuốc đâu mất tiêu nữa rồi. Bên ngoài mưa vẫn miên man tô nhòe cảnh vật trên khung kính. Trong này, anh vật vã như linh hồn kẻ tội đồ trong cơn tra tấn dưới một tầng sâu nào đó của địa ngục. Quyên ơi, Quyên ơi!

28

Chiếc đồng hồ thả vào không gian trong vắt những tiếng chuông ống ả màu vàng của thứ mật ong đất tiền. Anh ngồi ở hàng ghế cuối cùng. Dễ chừng cả chục năm nay anh không đến nhà thờ. Thành ra khung cảnh trở nên lạ lẫm đối với anh. Chiếc ghế có bục quỳ và chỗ chống tay. Thuở nhỏ, anh đi nhà thờ từ lúc đứng chưa với tới thanh gỗ dựa tay của người lớn. Nhưng lâu lắm rồi, anh bỏ những lời kinh ngân nga trầm bổng. Lâu lắm, anh không nguyện cầu. Hôm nay anh cần sự chỉ giáo của thần linh. Tờ thư viết xong chưa kịp gửi. Tờ thư thông báo đoạn cuối một tình yêu. Tờ thư dành đoạn ấy chẳng biết có nên gửi cho em không.

Chỉ có Thượng Đế mới tìm được cho anh lối thoát lúc này. Em đã là của anh. Phải không Quyên? Nói rằng *anh chỉ coi em như con bé em lưu lạc* thì nghe làm sao được. Em đã trọn vẹn là của riêng anh một buổi tối giao mùa nào đó. Biết đâu lúc này em đang mang hình hài anh trong thân thể mềm mại, ấm áp, và trong em đang nồng nàn thêm một dòng máu luân lưu.

Vậy nên anh tìm đến giáo đường, lắng nghe lời chỉ dạy của Chúa. Nhưng chờ mãi, chẳng ai nói với anh một lời nào. Chúa u sầu trên thánh giá. Đức Mẹ trầm mặc trên ngai. Những tượng thánh ân cần, những thiên thần dang rộng đôi cánh chở che. Chẳng ai nói gì với anh, dẫu chỉ là một lời thăm hỏi.

Có lẽ rồi cô cũng phải quên anh. Anh bệnh hoạn thế này, vướng vào anh cũng như đeo nặng trĩu trên vai một hành trang khổ lụy. Anh cầu trời cho cô đừng bị... gì hết. Để cô còn tự do mà bay nhảy...

Sau một thời gian không gặp anh, cô sẽ tự ái; cô sẽ "thôi" anh, mà không biết là anh vẫn còn yêu cô. Anh vẫn không hề bỏ cuộc thi, (Quyên còn nhớ cuộc thi mà em đề nghị bữa hôm ở trong rừng phong không?) Chỉ cần mình anh yêu cô là đủ rồi.

Chiếc đồng hồ lại thong thả buông vào thinh không những tiếng

chuông thánh thót. Dường như anh ngửi được mùi trầm hương phảng phất trong không gian. Ngôi giáo đường vắng tanh vắng ngắt, hắn mùi hương trầm tỏa ra từ trí nhớ. Chiều rồi. Anh lặng lẽ ra về, mang theo trong đầu óc ngổn ngang những câu hỏi không lời giải đáp.

29

Nét mặt người y tá nghiêm trọng như nét mặt một pho tượng Chàm trong viện bảo tàng.

"Ông ngồi chờ đây một chút, bác sĩ sẽ nói chuyện với ông."

Anh cám ơn, rồi nhẹ nhàng ngồi xuống chiếc ghế nệm bằng da bóng loáng, mát tê đa thịt. Cái đầu choáng váng quay quay như lúc ngà ngà hơi men. ừ nhỉ, lâu lắm rồi anh không say. Lâu lắm rồi anh không có được cái cảm giác lâng lâng của đầu óc, cái cảm giác da mặt dày lên thêm vài ly, thô cứng, tê tê như bị kim chích; cái nhìn đổ hào quang rực rỡ không gian. Và bước đi lảo đảo của người say chất men sóng sánh vàng quanh vành ly pha lê trong vắt.

Lâu lắm rồi anh không cụng ly với ai. Anh cữ rượu. Anh để dành một ngày nào đó, sẽ uống với cô. Một ly thôi. Trong một thành phố xa lạ nào đó, ở một tháng ngày xa xăm nào đó. Tất cả cho một hẹn hò bão giông.

Người bác sĩ đẩy cửa bước vào, êm ru như chiếc bóng. Mái tóc vàng óng rũ xuống trán. Khuôn mặt dài và đầy những đường gẫy ở cằm, ở khoảng chữ nhật của chiếc trán cao, ở góc hàm, ở góc mũi. Lâu lắm anh mới gặp một người đàn ông có nét đẹp mạnh mẽ trên những khuôn mặt của giống người Viking thuở trước.

"Chào ông," người bác sĩ bắt tay anh một cách nhiệt tình. "Tôi là bác sĩ d'Avernas. Chuyên khoa thần kinh."

Anh gật đầu chào lại, rồi hồi hộp ngồi dính cứng vào lòng ghế. Hai mắt dõi theo từng bước chân của người bác sĩ chuyên khoa. Ông ta lật thật nhanh xấp hồ sơ bệnh lý của anh đặt sẵn trên bàn, rút ra những tấm phim quang tuyến lờ mờ những chiếc xương sọ tròn tròn. Những ngón tay thuôn dài gài từng tấm phim lên ô kính mờ treo trên tường. Đèn được bật sáng. Anh tò mò nhìn vào từng tấm hình một.

Người bác sĩ nhìn lướt qua từng tấm phim. Anh cũng dán mắt vào những khoảng sương mù mờ đục tròn trĩnh, những vệt đen nám dọc ngang. Tất cả mờ ảo như bầu trời tăm tối một đêm trời quang mây tạnh, của thời thơ ấu, lúc nhìn lên không gian, tìm một vì sao trong dải ngân hà.

"Xương sọ của ông đấy." Người bác sĩ chợt nói.

Anh hăm hở gật đầu. Xương sọ của anh đấy. Chỗ nào là chỗ của trí

nhớ, chỗ nào là nơi trú ngụ của người anh yêu nhỉ.

"Ông có thấy cái vệt trắng đục này không?" Người bác sĩ đặt ngón tay trỏ vào một mảng vằn vện chất mầu xám tối.

Anh háo hức gật đầu.

Người bác sĩ chợt ngừng nói, thong thả bước về phía bàn giấy. Chiếc ống nghe choàng trên cổ, qua vai, lúc lắc phía trước ngực.

Ông ta kéo ghế, ngồi xuống, lơ đãng xếp lại những tờ giấy trong xấp hồ sơ đầy cộm.

"Ông có gia đình chưa nhỉ?"

"Dạ chưa. *What about it?*" Thì sao ạ? Anh hỏi, băn khoăn khôn tả. Tôi cũng định sẽ có gia đình đấy chứ. Sớm muộn gì tôi cũng có gia đình. Hiện giờ, có một người mà tôi đã mơ, đã tưởng, một người con gái mới hai mươi mốt tuổi. Vâng tôi sẽ có gia đình. Mà sao thế? Có hay không có gia đình thì liên-hệ gì đến những tấm phim quang tuyến mờ căm kia chứ.

Người bác sĩ nghiêm trang. "Bởi vì tôi sẽ phải nói chuyện với người thừa kế của ông nữa."

"Ô."

"Nghĩa là?" Anh hỏi, giọng bất đầu run run.

"Vâng. Thưa ông, tôi thành thật chia buồn với ông."

"*What? Tumor, isn't it?*" Anh cay cú hỏi. Phải bướu không; phải ung thư không? Nói thẳng ra đi.

"*I am sorry!*"

Anh choáng váng mặt mày. Căn phòng khám quay cuồng như giông, như gió, như bão tố, như cuồng phong. Khuôn mặt Bắc Âu của người bác sĩ chuyên khoa tóc vàng đài thườn thượt như trong bức tranh những tên cướp biển Viking tàn bạo. Đêm tối sụp xuống trước mắt anh. Không gian, thời gian trộn lẫn vào nhau, nhào nháo, hỗn độn. Chỉ có hình ảnh của em. Với môi cười hé nụ là rực rỡ trong tăm tối hỗn mang.

"*Are you Ok?*"

Trong cơn mụ mẫm, anh vẫn rán gật đầu thật chững chạc, thật thảnh thơi. "*Yes, I'm...*"

30

"Ông cho tôi xem bằng lái!" Người cảnh sát lạnh lùng nói. Anh tắt máy xe, run run thọc tay ra sau túi quần rút cái bóp mỏng teo, lôi ra cái bằng lái xe có tấm hình ốm o gầy mòn chụp vài năm về trước, đưa cho ông ta.

"Tôi có làm gì đâu..." Anh bối rối phân trần.

"Ông chạy quá vận tốc quy định," người cảnh sát trả lời ngay khi anh chưa nói hết câu. "Ông chạy bảy chục cây số trong thành phố."

"Ồ. Tôi không hiểu..."

"Ông bị phạt tiền, đồng thời bị trừ ba điểm."

Người cảnh sát vừa nói vừa loay hoay ghi chép vào cuốn sổ dầy cộm như cuốn biên lai thâu tiền của tiệm cầm đồ.

Anh lặng thinh nhìn ngu ngơ phía trước. Khung cảnh tàn tạ của mùa thu rải vào lòng anh những chiếc lá khô mục, vàng úa. Vài cây phong trụi lá bên lề đường vươn lên nền trời xám đục những cánh tay khẳng khiu tuyệt vọng. Giờ này em đang làm gì nhỉ. Anh tự hỏi, và mỉm cười một mình. Một nỗi niềm ấm áp thổi vào lòng anh như chút hơi hám còn sót lại của mùa hè đã qua, đã mất.

Rồi em sẽ ở lại một mình, trên thế gian này; trên xứ sở có đủ cả bốn mùa; xứ sở của những cây đường phong có chiếc lá được dùng làm biểu tượng quốc gia, vẽ trên lá cờ với hai mầu trắng, đỏ. Em sẽ ở lại với thành phố nhỏ; ở đó có một con đường ta vẫn thường đi qua, có quán cà phê mở toàn nhạc cổ điển tây phương. Thư viện thành phố, nơi có một cuốn thơ mà một lần anh đã chỉ cho em một câu trong bài lục bát, "Yêu tôi, xin cứ bỏ mười điều răn." Em sẽ ở lại, một mình, trên thế gian. Anh phải về cõi khác (nếu như cõi khác có thật), và anh sẽ chờ em ở một nơi nào đó, êm đềm, thơ mộng...

"Ông có sao không?" Người cảnh sát vừa đưa tấm bằng lái và tờ giấy phạt cho anh, vừa hỏi. Anh lúng túng, cố vạch một nụ cười vuông vắn trên khóe môi, và lặng lẽ lắc đầu.

"Sao ông khóc? Ông bị phạt là đúng lắm rồi. Chạy quá tốc độ rất nguy hiểm ông biết không."

Anh quơ tay, phác một cử chỉ vu vơ của ý tưởng bất cần. Người cảnh sát vẫn lạnh lùng, "Tôi chỉ làm bổn phận. Chào ông. Chúc ông một ngày tươi đẹp!"

Anh xếp tờ giấy phạt lại làm tư, cặp chung với tấm bằng lái, và nhét vào túi quần. Rồi lặng lẽ đề máy xe. Xe cộ qua mặt anh vù vù, để lại những vệt khói trắng đục như sương mù buổi sáng. Anh đưa tay nhìn đồng hồ. Đã hai giờ chiều. Văn phòng công ty bảo hiểm đóng cửa lúc bốn giờ rưỡi. Anh còn hơn hai tiếng nữa để là tìm hiểu và bổ túc những chi tiết liên-hệ đến bảo hiểm đời sống, rồi điền những giấy tờ cần thiết. Chắc cũng chỉ cần sửa phần tên người thừa kế là đủ. Ngày mai, còn biết bao nhiêu việc phải làm. Cũng may người cảnh sát không bắt anh về trạm. Anh chả còn bao nhiêu thời gian.

31

Lại bài hát quen tên. Nhớ có lần anh dịch cho em nghe trên đường từ khu công viên phía đông thành phố về hãng em. (Khu rừng của hai đứa mình; em nhớ không? Nhớ quá chiếc áo sơ mi hở một nút cổ không cài hôm nào đó đã vạch trong trí anh dậm đà một câu trong bài thơ lục bát: *Mở he hé cái đong đưa*. ơi, những *cái đong đưa* ngọt ngào của đời sống!) Bài hát không hiểu vì sao đã gắn liền với vóc dáng em, với nụ cười, với mùi thơm gây gây của tóc, với cái mềm mại, cái đong đưa gọi mời của thịt da. Bài hát đổ xuống quanh anh một trời hương ngợp nồng hạnh phúc. Em nhớ bài gì không Quyên. Cái bài có câu tỏ tình ở cuối ấy mà. Cái bài mà khi anh kể cho em nghe rằng mỗi khi muốn tìm em, anh chỉ cần bỏ cuốn băng vào cát-sét. Là có em ngay bên cạnh.

Nhớ khi nghe anh nói thế, em đã cho anh một nụ cười nghi hoặc, "Có thật vậy không?"

Bài hát ám ảnh anh, gợi trong anh những nhớ thương quay quắt. *I wonder what you do. Are you somewhere feeling lonely, or is someone loving you?* Giờ này em đang nói cười với ai, chắc chỉ là những người làm cùng một khu trong hãng thôi Quyên nhỉ...

À, mà em nhớ tên bài hát chưa? Bài *Hello* đấy mà. Bài có câu tỏ tình dễ thương ở đoạn cuối...

32

Bây giờ viết trở nên một cực hình đối với anh. Nhưng nếu không viết ra được, anh sẽ còn khốn khổ gấp trăm lần. Những ý tưởng đóng cứng trong đầu anh như những thạch nhũ cứ mọc lên đầy trong các hang động tiền sử. Và trong những hang động quanh co đó bao giờ cũng thấp thoáng bóng em, hiền hòa, thanh thoát như một hẹn hò không tưởng. Em lẩn khuất giữa những thạch nhũ lởm chởm trong hang sâu thăm thẳm. Rồi những thạch nhũ đó cứ lớn dần lên, đầy ứ não cân anh. Thành ra anh cứ phải ngồi xuống trước trang giấy viết dở dang những câu kệ, những lời kêu than não lòng. Để rồi lại ôm đầu vật vã với cơn đau hỏa hoạn.

Bây giờ anh chỉ viết được vài dòng, rồi ngồi thờ ra đó mà ngậm ngùi. Những trang giấy, những dòng chữ viết này rồi sẽ cho ai đọc đây. Bao giờ anh cũng chỉ có mình em là độc giả cận kề, chia xẻ. Nhưng những trang giấy ngày xưa thay cho những lá thư tình da diết. Bây giờ, anh đang viết điếu văn cho mình. Điếu văn, nỡ lòng nào bắt em đọc.

"Bây giờ nếu như có một trăm ngàn, em sẽ làm gì?" Anh hỏi, một

buổi sáng nói chuyện đông dài trên điện thoại.

"Bao nhiêu?" Em hỏi lại, giọng trong veo như đang cười đùa, xôn xao.

"Một trăm ngàn."

"Tưởng tượng hả?"

"Thật chứ! Một trăm ngàn thật. Em sẽ làm gì?"

"Em sẽ cho anh hết."

Ngực anh thắt lại, làm giọng anh lạc đi. "Cho anh làm gì?"

"In thơ, in truyện..." Em trả lời gọn hơ.

Anh cảm động không nói được câu nào.

Em vẫn sôi nổi như thể đang cầm trên tay cuốn sổ ngân hàng có con số một và năm số không đứng cạnh, in ở trang cuối cùng. "Em sẽ mua cho anh chiếc xe mới, để anh khỏi mất công gọi xe kéo vào mùa đông..."

"Sao em biết anh phải gọi xe kéo vào mùa đông?" Anh ngạc nhiên thật tình.

"Anh kể em nghe hoài, quên rồi sao?"

Bây giờ thì anh nhớ. Thì ra anh đã kể cho em nghe không biết bao nhiêu chuyện về anh, về công việc èo uột ở hãng, về chiếc xe ốm o sét rỉ anh vẫn thường đón em đi "vòng vòng" (chiếc xe mà có người đã bảo là giống như cái chuồng gà ấy!) Anh đã kể cho em về đủ mọi thứ. Vậy mà anh quên mất tiêu. Rõ thật cái trí nhớ tồi tệ này!

"Còn anh? Nếu có một trăm ngàn, anh sẽ làm gì?"

"Cũng cho em hết."

"Xạo!"

"Thật chứ. Anh sẽ cho em hết. Một trăm ngàn trọn vẹn... À không... để anh tính nhẩm xem sao đã..."

Anh nhẩm tính trong đầu. Sau khi thanh toán những chi phí cần thiết, còn lại đâu cũng khoảng hơn chín chục ngàn. Có lẽ anh sẽ chọn thứ nào ít tốn kém nhất. Gỗ thường là được rồi. Ván ép cũng được nữa. Đàng nào cũng vùi sâu dưới đất đen, gỗ quý mà làm gì. Như vậy tốn khoảng vài ngàn là cùng. Thêm những chi phí lặt vặt khác. Khoảng trên dưới chục ngàn.

"Anh chỉ giữ khoảng mười ngàn, còn lại cho em hết."

"Anh giầu tưởng tượng."

"Thật mà!" Anh loay hoay tìm cách đổi đề tài mãi không được. Cuối cùng, anh làm bộ thản nhiên, "Sinh nhật của em vào tháng mấy nhỉ?"

"Mùa thu..."

"Tháng chín hay tháng mười?"

"Tháng mười."

"Ngày mấy?"

"Anh hỏi chi vậy?"

Anh tiếc là khi dẫn em lên sở Di trú lúc em mới qua, anh đã quên không đọc cho kỹ ngày tháng năm sinh của em. Bây giờ mất công tra hỏi. Bây giờ mất công đặt điều, nói xạo.

"Hỏi để biết lúc nào mình phải hát *Happy Birthday*"

Và em trúng kế thật dễ dàng. Em đọc ngày sinh cho anh nghe. Vậy là anh lỡ mất sinh nhật vừa qua của em. Mới cách đây hai tháng, chứ có lâu lắc gì. Nhưng anh sẽ chẳng bao giờ còn dịp mừng sinh nhật em nữa. Không bao giờ nữa.

Vậy là anh có được ngày tháng, năm sinh của người thừa kế. Sau khi nói chuyện với em, anh sẽ điện thoại cho công ty bảo hiểm. Họ chỉ cần tên tuổi người thừa kế để điền vào hồ sơ nữa là xong.

"Lâu nay anh bận lắm phải không?" Em chợt hỏi.

Anh ngần ngừ một chút, rồi trả lời đại. "Ừ..."

"Chắc anh mắc làm thêm giờ?"

"Đâu có."

"Thế anh còn nhức đầu không?"

"Đỡ nhiều lắm."

"Thật không?"

"Thật chứ. Vì vậy anh ít dám đi ra ngoài lúc trời lạnh. Bây giờ trời lạnh ghê đi, Quyên không thấy sao?"

"Thấy chứ," giọng em trở nên tư lự. "Mùa đông ở đây buồn thấy mồ!"

Anh không biết nói gì cho thích hợp. Thường, anh hay lựa lời thuyết phục em rằng rồi sẽ quen đi; rằng cố để ý vào việc học; rán học dùm anh mỗi ngày một chữ mới. Nhưng bây giờ những lời nhắn nhủ ấy có còn ý nghĩa gì đâu. Em có học thêm dùm anh một ngày mười chữ thì cũng thế thôi.

"Lâu quá không được đọc truyện..." Em kể lể.

Anh cố đổi giọng khôi hài, "Em còn nhớ đường vào thư viện không?"

"*Ya*."

"Lại đó coi có sách gì mới không."

"Lâu quá, cũng dám quên đường lại thư viện luôn..." Anh hiểu những lời trách móc ngụp sâu dưới những câu nói hững hờ của em. Nhưng làm sao được. Anh cũng nhớ những kệ sách Việt Nam trong thư viện lắm chứ, và dĩ nhiên anh cũng chẳng bao giờ quên được những ly cà phê uống chung ở mọi ngõ ngách của thành phố, những nụ hôn vời vợi, xa xăm; những nụ hôn thầm trên vành ly sứ trắng. Nhưng còn cơn đau cứ chừng

mười lăm phút lại đổ xuống não cân anh một lần, làm sao mà dấu được. Thành ra anh lặng thinh níu chặt lấy cái ống nghe điện thoại, như níu lấy cổ tay thon tròn, mát lạnh của người con gái anh thầm yêu, trộm nhớ.

Giọng em vẫn ơ hờ qua đường dây, "Bây giờ gặp lại anh chắc em không nhận ra!"

Câu nói chơi của em ngắt đi của anh một nhịp tim thảng thốt. Phải rồi, anh quên mất một điều buồn thảm. Rằng anh bây giờ gầy gò như thân xác biết đi của một người Do Thái trong bức hình chụp được lúc quân Đồng minh vào giải phóng Âu châu. Bất giác anh đưa tay phải vuốt lên gò má mình. Cái gò má xương xẩu nhô cao như đốc đôi trọc. Hai hốc má lõm sâu, xuôi xuống chiếc cằm nhọn như lưỡi cày. Những sợi râu tua tủa cứa vào bàn tay gầy guộc. Em sẽ chẳng bao giờ nhận được ra anh nữa đâu.

"Phải không?" Em hỏi gặng.

"Làm gì có chuyện đó."

"Thật chứ."

"Hồi này anh mập hay ốm?"

"Cũng vừa vừa."

"Nghĩa là vẫn hơi gầy?"

"Ừ. Còn em?"

"Mập thù lù."

"Anh không tin."

"*Đức tin chở được núi!*"

"Em vẫn khỏe?"

"*Ya.*"

"Anh vẫn đi làm thường?"

Anh ngập ngừng, ừ hử cho qua.

"Sao giờ này chưa đi làm?"

"Bữa nay ít hàng, làm muộn."

"Ô!"

"Cái truyện tới đâu rồi?"

"Truyện gì?"

"Cái truyện anh đang viết dở dang đó?"

"À..."

"Dạo này anh lừng khừng thấy mồ!"

"Đâu có."

Cơn đau bắt đầu bằng một cái ngắt nhẹ, như cái ngắt nhéo của những ngón tay ghen tương của một người đàn bà dễ cảm xúc. Anh nín thở nghe ngóng. Bắt đầu rồi đây. Chân tay anh rời rã lo âu. Cực hình sắp tới. Giờ tra khảo địa ngục bắt đầu.

"Lát nữa anh gọi lại cho em được không?"

"Chắc không được đâu." Giọng em pha đầy giận dỗi.

"Vậy chừng nào rảnh gọi cho anh."

"*Maybe*..."

"Nhớ nghe."

"*Ya*."

Vừa buông điện thoại xuống, anh ôm chầm lấy đầu, gục xuống bàn, vật vã. Và anh thèm được chết ngay lúc này vô cùng. Bởi vì cơn đau bất đầu gương ra những móng vuốt bén ngót, gài vào những nếp cuộn của não cân anh. Trời ơi, anh thèm đập phá; thèm được giết bất cứ một sinh vật nào ở bên cạnh anh. Anh, như gã đàn ông đang đổi đần thành lốt sói trong một đêm trăng tròn vành vạnh, thường thấy trong những phim ảnh chiếu trên truyền hình.

(xin xem tiếp kỳ sau)

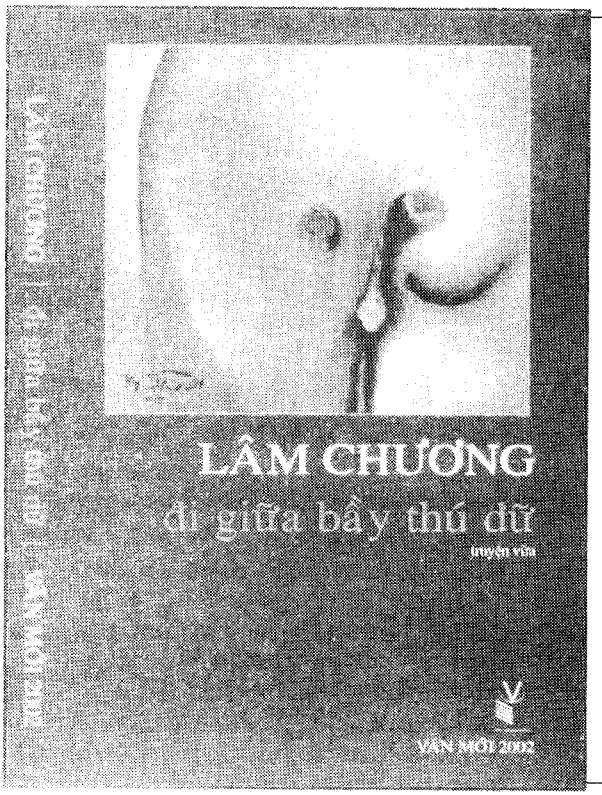

Xin giới thiệu cùng quý độc giả tác phẩm mới của nhà văn Lâm Chương

đi giữa bầy thú dữ

Tin Văn

Thế Quân

Victor Hugo và công chúng Mỹ

Tháng 2 năm nay là kỷ niệm 200 năm ngày sinh của văn hào Pháp Victor Hugo (1802-1885). Nhiều nước trên thế giới, kể cả Nga và Trung Cộng, đều có những lễ hội cũng như những hoạt động tưởng niệm nhà đại văn hào này. Tất nhiên, rầm rộ nhất là ở nước Pháp, quê hương của ông, với nhiều cuộc triển lãm, thuyết trình ...Riêng Hoa Kỳ, cũng như ở một số nước nói tiếng Anh khác, chẳng có hoạt động nào đáng kể, trừ một số bài viết đăng rải rác trên một vài tạp chí văn chương. Nhưng theo nhận định của một số các nhà nghiên cứu văn học, Hugo đang được sự quan tâm càng ngày càng tăng của công chúng Hoa Kỳ.

Trước đây, Hugo chỉ được biết đến như một nhà văn với hai tiểu thuyết được quay thành phim là "Les misérables" và "The Hunchback of Notre Dame". Bây giờ thì nhiều người Hoa Kỳ đã biết đến Hugo không những chỉ là một nhà văn mà còn là nhà thơ, chính trị gia, một nhà biên khảo, kịch tác gia. Ngoài tiểu thuyết, Hugo đã viết tổng cộng 12 vở kịch, 18 tuyển tập thơ, và rất nhiều bài viết về lịch sử cũng như phê bình đủ loại. "Hugo là một trong những tác giả được biết đến nhiều nhất trên thế giới ngay trong lúc đang sinh thời. Đám tang của ông (tổ chức ở Paris) lớn đến nỗi số người tham dự tang lễ nhiều hơn dân số của chính thành phố Paris".

Tuy thế, khác với công chúng Pháp và các nước châu Âu nơi người ta ngưỡng mộ Hugo như một đại văn hào thì ở Hoa Kỳ, Hugo lại được ngưỡng mộ như là một nhà hoạt động chính trị xuất sắc, nổi tiếng là một người bảo vệ tích cực cho quyền tự do cá nhân. Ông có một quan điểm chính trị dứt khoát và dám sống hết mình cho quan điểm mà ông đã chọn lựa. Khi Napoleon đệ tam lên cầm quyền ở Pháp năm 1851, ông không những chỉ

trích Napoleon trên báo chí mà còn xuống đường tham gia tranh đấu. Hậu quả là ông bị đày ra đảo Channel trong 20 năm trời. John Newmark, người vừa lập một website trên mạng lưới điện toán dành riêng cho Hugo có tên là *"www.gavroche.org"* (Gavroche = tên của một nhân vật trong Les misérables) cho biết "Những tác phẩm mang màu sắc chính trị của ông vẫn còn là phát ngôn viên cho những người bị áp bức của mọi nơi và mọi thời. Xã hội luôn luôn cần những mẫu người tiêu biểu để làm gương và Hugo là một trong những người đó". Ông cho hay, điều mà mọi người ít biết là tình cảm của người Hoa Kỳ đối với các tác phẩm của Hugo có một truyền thống lâu dài, kể từ khi "Les misérables" được xuất bản đồng thời bằng tiếng Anh và tiếng Pháp vào năm 1860. Vào thời gian đó, rất nhiều người lính của quân đội miền Nam (Confederate Army) đều có ấn bản của "Les misérables" mà họ đặt cho biệt danh là "Lee' s Miserables" (ghép tên của đại tướng Lee, tổng chỉ huy quân đội miền Nam và tên của tác phẩm). Một trong những ảnh hưởng khác là sự chống đối của Hugo đối với án tử hình và bảo vệ quyền của tù nhân. Có lần, bản án nặng nề dành cho nhân vật Jean Valjean trong "Les misérables" đã được trưng dẫn trong một vụ xử án tại một phiên tòa thời đó ở California.

Tuy nhiên, theo nhà thơ Brooks Haxton ở New York, người vừa dịch tuyển tập thơ "Selected poems" của Hugo sang Anh ngữ cho nhà xuất bản Penguin Classics năm rồi, thật là đáng tiếc khi tài năng thơ ca của Hugo chưa được công chúng Mỹ biết đến hoặc nếu có biết, cũng đang còn đánh giá chưa tương xứng. Thơ của Hugo vẫn còn ảnh hưởng rất lớn tới thi ca Pháp và cả thi ca thế giới, do ở chỗ thơ của ông chất chứa đầy những kinh nghiệm nhân sinh hơn bất kỳ một nhà thơ nào khác của Pháp. "Hugo mở rộng ý nghĩa thi ca Pháp, làm nhiều bài thơ rất tinh tế về mặt ngôn ngữ và chuẩn bị nền móng cho sự nở hoa của thi ca Pháp sau này", Haxton viết. Ấy thế mà "chỉ trừ những sinh viên học tiếng Pháp, rất ít người có cơ hội đọc được thơ của Hugo". Chính vì thế mà ông hy vọng, với tuyển tập thơ Hugo được dịch sang tiếng Anh, công chúng Hoa Kỳ sẽ lần lượt biết đến thi ca Victor Hugo và thưởng thức được những áng thơ tài hoa và sâu sắc của ông, nhân dịp nước Pháp và thế giới kỷ niệm 200 năm ngày ra đời của nhà đại văn hào này,

Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Langston Hughes

Ngoài John Steinbeck, tháng 2/2002 cũng là tháng người ta kỷ niệm 100 năm ngày sinh của một cây bút Hoa Kỳ khác: nhà thơ Langston Hughes. Nhất định là không rầm rộ và cũng không diễn ra nhiều nơi trên

toàn quốc như kỷ niệm sinh nhật của Steinbeck. Lễ kỷ niệm diễn ra tương đối "thầm lặng" ở tại trường đại học Kansas, thành phố Lawrence, bang Kansas. Thầm lặng nhưng đầy vinh dự với sự tham dự của hơn 500 học giả và nhà nghiên cứu cùng nhiều người ái mộ khác đến từ khắp Hoa Kỳ và trên thế giới. Chương trình gồm có nhiều bài phát biểu, tham luận, chiếu phim, hòa nhạc, trình diễn văn nghệ và đọc thơ. Khác với John Steinbeck và Hemingway, Hughes được giới nghiên cứu lưu tâm trở lại trên cả hai bình diện: văn chương và xã hội.

Lúc sinh thời, ông có một giấc mơ lớn: được công nhận là khuôn mặt quan trọng hàng đầu của nền văn học Hoa Kỳ thế kỷ 20. Lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông lần này cho thấy dường như giấc mơ đó của ông sắp thành sự thực. Dù chưa hoàn toàn nhất trí về việc định giá, nhưng qua hầu hết các bài tham luận, các học giả Hoa Kỳ và quốc tế tuyên xưng Hughes là một người thấu thị mà giọng thơ hào sảng của ông bao trùm cả văn chương thế kỷ 20, từ Harlem Renaisance cho đến phong trào dân quyền. Gunter Lenz, giáo sư nghiên cứu về Hoa Kỳ tại đại học Humboldt, Đức nhận xét :"Hughes là bậc thầy của chủ nghĩa hiện đại của người Mỹ da đen. Các tác phẩm của ông sẽ có thể là nền tảng cho một nghệ thuật da đen đích thực trong tương lai".

Tất cả các đánh giá, trước hết, dựa trên tài năng đặc biệt của ông. Ông không những là một nhà thơ, mà còn là một nhà văn (viết truyện dài, truyện ngắn, tự truyện, sách thiếu nhi) một kịch tác gia (viết kịch), một học giả (viết tiểu luận), một nhà báo (viết báo), ngoài ra, ông còn viết nhạc kịch opera và dịch thơ của nhiều tác giả quốc tế từ Léopold Senghor đến Federico García Lorca. Ông là người Mỹ da đen đầu tiên kiếm sống bằng ngòi bút sáng tác và là người da đen đầu tiên có một hiệp hội văn học dành riêng để nghiên cứu về đời sống và tác phẩm của ông gọi là "Langston Hughes Society". Hội phát hành một tập san định kỳ riêng. Nhà xuất bản "The University of Missouri Press" sắp hoàn thành bộ "Hughes toàn tập" và tháng 2/2002, sở Bưu Chính Hoa Kỳ phát hành con tem có in hình ông.

Nhà văn Ishmail Reed phát biểu: "các nhà thơ trên thế giới đều chịu ảnh hưởng của ông. Ông có thể đặt bút viết về mọi sự trên đời, dù đó là hoàn cảnh khó khăn của những người lao công tại gia hay tháng tư ở Paris. Chúng ta vinh danh ông vì tài năng của ông trong việc nói lên những điều chất chứa trong tâm tư của hàng triệu con người".

Hughes sinh ngày 1/2/1902 ở Joplin, bang Montana, nhưng dời về ở Lawrence khi còn nhỏ. Vì thế mà Lawrence tìm cách nhận ông là đứa con của thành phố, xem đó như là một vinh dự. Tượng đồng của ông được

dựng lên ở đó. Tên ông được dùng để đặt cho một trường học và cho một học vị tại trường đại học Kansas. Ông bắt đầu nổi tiếng toàn quốc vào năm 1926 khi in một bài tiểu luận viết về nghệ thuật da đen tựa đề "The Negro Artist and the Racial Mountain", trong đó, có đoạn viết "Những người nghệ sĩ trẻ da đen chúng tôi sáng tác bây giờ có ý định phơi bày màu da đen riêng biệt của chúng tôi mà chẳng có gì phải sợ hãi hay hổ thẹn. Nếu những người da trắng hài lòng, chúng tôi lấy làm hãnh diện. Nếu họ không hài lòng thì cũng chẳng sao. Chúng tôi biết chúng tôi đẹp. Và cũng xấu nữa". Hầu hết thời gian lúc sinh thời, ông sống ở khu Harlem (khu da đen nổi tiếng ở Hoa Kỳ). Mặc dù ông dành cả cuộc đời cho cuộc đấu tranh bình đẳng chủng tộc, ông vẫn tự xem mình vẫn là người ghi lại những kinh nghiệm cho toàn thể dân tộc Hoa Kỳ, chứ không chỉ riêng cho người da đen. "Những người chúng tôi tham gia trong cuộc đấu tranh chủng tộc ở Mỹ giống như những hiệp sĩ trên lưng ngựa, người da đen cưỡi ngựa trắng và người da trắng cưỡi ngựa đen. Thỉnh thoảng cuộc đua thật khủng khiếp. Nhưng cảm giác gió thổi qua tóc bạn khi bạn phi về hướng dân chủ thật sự mới là điều đáng kể".

Trong những năm tháng cuối đời, tên tuổi ông bị lu mờ vì một số các khuôn mặt văn chương da đen nổi lên như Richard Wright, Ralph White Ellison và James Baldwin. Những tác giả này thường phê phán Hughes quá ưu ái đối với người da trắng.

So sánh thơ ông với những nhà thơ lớn Hoa Kỳ khác như Pound và Eliot, Helen Vendler cho biết "Ông không phải là nhà thơ vĩ đại, nhưng là một nhà thơ quyến rũ, sáng tạo và nhiều sự". Học giả Onwuchekwa Jemie, người Nigeria, lại xem thường Pound và Eliot, gọi thơ họ là sang cả (elitist) "một thứ mật mã cần được giải mã", còn thơ của Hughes thì "mộc mạc, dân dã và vô sản".

Langston Hughes mất năm 1967.

Thử đọc một trong những bài thơ nổi tiếng của Hughes: "Dream deferred" (Giấc mơ bị trì hoãn):

Dream Deferred
What happens to a dream deferred?
Does it dry up
Like a raisin in the sun?
Or fester like a sore–
And then run?
Does it stink like rotten meat?
Or crust and sugar over–

like a syrupy sweet?
Maybe it just sags
like a heavy load.
Or does it explode?

Giải Văn Bút Hoa Kỳ2001

Vào ngày 12/3/2002, hai nhà văn Justin Cronin và Elizabeth McCracken đã được loan báo trúng giải Văn Bút Hoa Kỳ (American PEN Award) năm 2001.

- Cronin đoạt giải Hemingway Foundation/PEN Award với tập truyện ngắn đầu tay "Mary and OõNeil". Năm nay 39 tuổi, Cronin tốt nghiệp cử nhân trường đại học Harvard và đã từng tham dự Hội Luận dành cho những nhà văn Đại Học Iowa. Ông hiện là giáo sư Anh văn tại đại học La Salle, Philadelphia, nơi ông đang sống. "Mary and OõNeil" làmột tuyển tập truyện ngắn gồm 8 truyện có liên hệ với nhau, mô tả những giáo sư trung học đã gặp nhau, quen nhau rồi lấy nhau và sống với nhau như thế nào. Amanda Heller, trong mục điểm sách trên tờ Boston Globe nhận xét Cronin có một cái nhìn "thấu suốt" (mature insight) và "nắm rất vững kỹ thuật" (beautifully controlled technique)

- McCracken đoạt giải Winship/PEN New England Award với truyện dài "Niagara Falls All Over Again". Năm nay 35 tuổi, McCracken hiện sống ở Somerville. Bà theo học các trường đại học Brown và Drexel. Ngoài truyện dài trúng giải nói trên, bà đã xuất bản một truyện dài "Giantõs House" (được lọt vào chung kết giải National Book Award năm 1996) và tuyển tập truyện ngắn "Hereõs Your Hat Whatõs Your Hurry". Bà được xếp trong danh sách 20 nhà văn hay nhất Hoa Kỳ tuổi dưới 40 và nhận được học bổng từ quỹ "Guggenheim and Michener foundations" và "Fine Arts Work Center" ở Provincetown. Truyện của bà được Gail Caldwell (Boston Globe) mô tả là "vừa vui nhộn lại vừa cay đắng và cẩn trọng"

Cũng cần nhắc lại, giải Hemingway Foundation/PEN Award trị giá 7.500 đô-la do quỹ Hemingway Foundation tại Thư Viện Kennedy (Boston) tài trợ và giải Winship/PEN New England Award trị giá 3.000 đô-la do nhật báo Boston Globe tài trợ. Những giải trên đều do PEN vùng New England, một chi nhánh của tổ chức văn bút quốc tế, điều hành. Lễ phát giải sẽ được tổ chức tại Thư Viện Kennedy (Boston) vào ngày 7/4/2002.

Đấu tranh văn hóa ở Nga: đổi sách

Người Nga vừa có một sáng kiến chống lại sự xâm nhập của nền văn hóa phương Tây một cách khá lý thú: đổi sách.

"Dân chủ không có nghĩa là cho phép mang ra bán tùm lum những loại sách tục tĩu, những sách có tư tưởng sai lạc về một xứ sở và sách khiêu dâm. Dân chủ thực sự nghĩa là khi người ta có thể mang một cuốn sách xấu ra đổi lấy một cuốn sách tốt mà không phải trả một đồng nào. Đó là việc mà chúng tôi đang làm". Đó là lời phát biểu của Vasily Yakimenko, người sáng lập ra một nhóm hoạt động có tên là "Moving Together" năm rồi. Moving Together quy tụ những người Nga tự nhận là có tinh thần "ái quốc", tình nguyện hoạt động trên đường phố, với mục đích phát động một cuộc tranh đấu chống lại cái được gọi là những hậu quả độc hại của nền văn chương hiện đại đến từ phương Tây. Yakimenko cho biết nhóm hiện có khoảng 50 ngàn đoàn viên hoạt động tại 12 thành phố lớn. Cuộc vận động đổi sách được chính thức phát động vào đầu tháng 3/2002 nhằm thuyết phục mọi người, nhất là giới thanh niên, mang tác phẩm của một số tác giả "xấu" đến đổi lấy tác phẩm của những nhà văn được xem là có tinh thần "yêu nước" Nga. Cho đến nay, theo nhóm, đã có hàng ngàn người mang sách tới đổi.

Để giúp người ta dễ chọn lựa, nhóm liệt kê một danh sách gồm những tác giả và tác phẩm được cho là "xấu". Trong số đó, có Viktor Pelevin, người đoạt giải Booker Prize của Nga mà tác phẩm trứ danhợ "Generation P" là một thăm dò tâm lý vào cõi tối tăm của tâm hồn Nga thời kỳ hậu-Xô Viết; có Viktor Yerofeyev mà những tác phẩm tâm lý kinh dị của ông được dịch ra 30 thứ tiếng, Yerofeyev bị Yakimenko chỉ trích là một tác giả khiêu dâm vì văn ông thường hay được "gia vị" bằng những câu tục tĩu; có Polina Dashkova, người được xem như là một cây bút xuất sắc của Nga về truyện trinh thám... Đặc biệt, trong số sách bị lên án, có các tác phẩm của Karl Marx, ông tổ của chủ nghĩa Cộng Sản nhưng lại không có tên Lenin, vì Lenin vẫn được ca ngợi là một người Nga yêu nước.

Trong số những tác giả được đánh giá "tốt" có Anton Chekov và nhà văn thời Xô Viết Boris Vasilyev. Các tác phẩm "tốt" được Moving Together in ra khoảng 10 ngàn ấn bản, sẵn sàng để đổi. Theo phát ngôn viên của nhóm, những sách thu gom được do việc đổi sẽ gửi trả lại cho tác giả. Chẳng hạn như khoảng 100 cuốn của Karl Marx mới thu gom được vào cuối tháng 2 rồi sẽ được gửi về thành phố Chemnitz của Đức, nơi trước đây Marx cư ngụ. "Hãy để cho những người đã viết nên những cuốn sách này tự hỏi tại sao có người muốn gửi trả những cuốn sách về lại. Chúng tôi hy vọng rằng điều này sẽ từ từ có một ảnh hưởng tốt trên giòng văn học Nga", Yakimenko nói. Cuộc đổi sách, theo ông, chỉ là một hoạt động

có tính giáo dục, nhằm giúp cho thanh thiếu niên suy nghĩ về các tác dụng độc hại của thứ văn chương bi quan, tình dục, chủ nghĩa Mác và các truyện trinh thám.

Yakimenko là ai vậy?

Ông là cựu thành viên trong bộ tham mưu tranh cử của của tổng thống đương nhiệm Nga Vladimir Putin. Tuy điện Kremlin nhiều lần nhấn mạnh là họ không có bất kỳ một sự liên hệ nào với nhóm, trong thực tế, Moving Together được điện Kremlin tài trợ hoàn toàn và đứng đàng sau. Ngay trước khi phát động cuộc đấu tranh phục hồi văn hóa Nga, Moving Together đã tổ chức một đại hội rất lớn ủng hộ Putin tại Hồng Trường và sau đó, gửi hàng trăm thanh niên đi làm sạch đường phố. Một trong những mục đích của nhóm (ngoài chuyện đốt sách) là xây dựng sự hỗ trợ chính trị cho Putin trong giới thanh niên hiện đang rất thờ ơ với chính trị. Như ta biết, tổng thống Putin vốn là cựu giám đốc sở tình báo KGB của thời kỳ Xô Viết. Khi mới lên cầm quyền 2 năm trước đây, ông đã không ngần ngại tuyên bố là sẽ xóa bỏ các hình thức tự do bằng những biện pháp độc đoán, nếu cần. "Chúng tôi rất lo ngại về tình hình của xứ sở chúng ta và sự lành mạnh xã hội. Chúng tôi chọn lựa các hành động này là để nói lên những vấn đề mà chúng tôi đang nhìn thấy. Nhân dân đã đáp ứng lời kêu gọi của chúng tôi rất nhiệt tình và vui vẻ", Konstantin Lebedev, phát ngôn viên của nhóm, đã phát biểu.

Những người chống đối Moving Together không hoàn toàn tin vào những lời phát biểu công khai đó. Theo họ, thực ra những lời tuyên bố đẹp đẽ bên ngoài đó chỉ để che dấu ý đồ khác bên trong. Người ta lo ngại rằng, một ngày nào đó, nhóm này sẽ phát động một phong trào đốt sách, chứ không phải gửi trả về tác giả như họ nói. Một trong những nhà văn theo xu hướng hiện đại, Viktor Yerofeyev, tác giả bị quy vào thành phần "xấu", cho biết "Tôi nghĩ rằng họ là những người tốt, có thiện chí muốn làm một việc gì giúp ích cho xứ sở, nhưng ai cho họ có quyền áp đặt những tiêu chuẩn văn hóa? Tôi thực sự lo lắng về những gì họ sẽ làm sau này". Thực sự, các hoạt động của Moving Together khiến mọi người cảm thấy bóng ma của Liên Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Xô Viết đang trở về đâu đây và một ngày nào đó, có thể họ sẽ dùng nóÔ để dập tắt trào lưu tự do hóa trong xã hội Nga hiện tại. Một phong trào chống trí thức có thể sẽ là bước tiếp theo, người ta đoán thế.

Nadezhda Shapiro, giáo sư văn chương tại một trường trung học ở Mạc Tư Khoa, nhận xét: "Khi tôi quan sát cái lối vận động ngu ngốc này đang diễn ra hàng ngày, tôi không biết nên cười hay nên khóc. Tôi hy vọng cái đó không phản ảnh trạng thái tinh thần của các nhà lãnh đạo hiện

nay. Tuy thế, toàn cảnh của công việc họ đang thực hiện khiến tôi sợ hãi"

Cứu sách

Trong lúc đó, ở Hoa Kỳ, lại diễn ra một sự kiện khác, cũng dính líu đến nước Nga, nhưng tình huống khác hẳn: người ta đang lo cứu sách.

Tại thành phố Rockville, bang Maryland, hai ngày cuối tuần 9 và 10/3/2002 là hai ngày "không như mọi ngày". Tamara Woolf, 44 tuổi, cô giáo dạy tiếng Nga tại trường St. Albans, không thể chịu nổi ý nghĩ các tác phẩm của Dostoyevski bị mang ra đốt, nên ngày 9/3, bà thức dậy sớm, vội vàng dẫn một trong những học sinh cưng của mình đến tiệm sách Victor Kamkin mua đầy một xe sách, toàn bằng tiếng Nga. "Nghĩ đến những cuốn sách bị đốt khiến tôi nhớ lại chuyện đốt sách thời Đức Quốc Xã. Thật không thể tưởng tượng chuyện đốt sách lại xảy ra ở đây, tại xứ sở tự do này. Tôi bị "sốc" thật sự", Woolf nói.

Không phải chỉ một mình cô giáo Woolf tiếc sách. Rất nhiều người địa phương đã bày tỏ sự xúc động trước sự việc bất ngờ này. Tin tức về việc đốt sách được loan báo trên trang đầu của tờ Washington Post những ngày trước đó khiến cho nhịp sống ở quận Montgomery sôi nổi hẳn lên. Người ta dùng đùng kéo nhau đi mua sách. Chủ tiệm sách Victor Kamki Inc., ông Igor Kalagerorgi, vừa mới ra viện sau khi được chữa trị về bệnh loét bao tử, cho hay khi tin về việc đốt sách được loan báo rộng rãi, hàng ngày ông nhận quá nhiều cú điện thoại hỏi về số phận của sách đến nỗi ông phải cắt điện thoại để lo cho khách hàng. Chỉ riêng ngày thứ bảy, ông đã bán được đến 20.000 đồng tiền sách, 5 lần nhiều hơn ngày thường. "Tôi chưa hề thấy một khung cảnh lạ lùng như thế này", ông Alexander Markovych, tổng quản lý tiệm sách cho hay. Khách sắp thành hàng dài từ trong ra ngoài đợi trả tiền ở quầy. Ở phía sau nhà kho, các bậc cha mẹ cùng với trẻ em lục tìm mua sách trẻ con, nhất là các sách của Alexander Pushkin. Các công chức liên bang hưu trí thì tìm sách về quân sự . Những học giả Nga tìm tự điển và những bộ sách dày cộm viết về chính sách kinh tế của nhà nước Xô Viết và quan hệ ngoại giao những năm thập niên 1920. Có cả nhiều người không biết đọc tiếng Nga cũng đến sắp hàng để mua với ý nghĩ họ muốn góp phần của mình vào việc cứu sách và ít nhất cũng mang về nhà một thứ gì đó có ý nghĩa.

Một khách hàng, Dan Edwards, 58 tuổi, cư dân Rockville, người thường mua sách ở tiệm này cả 8 năm nay, cho biết "Tôi chẳng biết đọc tiếng Nga, nhưng tôi biết tôi đã tìm được một thứ gì đó có giá trị". Ông đứng đợi cả gần 2 tiếng đồng hồ để trả tiền cho một chồng sách đầy, trong

đó có cả một cuốn sách bìa cứng về Phật Giáo Tây Tạng in ở Nga năm 1977. "Biết đâu chừng 20 năm sau, nó sẽ trở thành một cuốn sách quý. Người ta bảo tất cả những gì ở đây trông giống như một nước Nga cũ trước khi nó sụp đổ", ông nói tiếp.

Một khách hàng khác, Pat Onufrak, 42 tuổi, mua các tạp chí và đĩa nhạc, một cây đờn guitar và một cuốn truyện của Konstantinov Simonov "The Living and the Dead". "Chỗ này trước đây chẳng khác gì thánh địa của những sinh viên chọn học về Nga văn. Giờ thì ta có cảm tưởng như đi dự đám tang của một người bạn cũ", chị phát biểu.

"Victor Kamkin Inc." được Victor Kamkin, ông bác của Kalageorgi, khai trương 50 năm trước, là một tiệm sách lớn với hàng triệu đầu sách, chuyên môn bán các sách liên hệ đến đời sống và lịch sử của Liên Xô. Đây là tiệm sách duy nhất ở Hoa Kỳ có đầy đủ sách báo cũng như những sản phẩm văn hóa khác từ Liên Xô đến. Chính vì thế mà, ngoài những người yêu sách, những nhà nghiên cứu văn học, lịch sử, kinh tế, chính trị, những nhà Xô-Viết-học, đó còn là nơi lui tới thường xuyên của những gián điệp quốc tế, nhân viên FBI và CIA. Nhưng kể từ năm 1991, khi Liên Xô sụp đổ, người ta có thể ra vào nước Nga dễ dàng, nhu cầu tiêu thụ sách càng ngày càng giảm. Cho đến năm rồi, Kalageorgi không thể nào trả nổi tiền thuê nhà 15.000 đô la/tháng. Và hiện nay, tiền nợ của ông lên đến 200.000 đô la. Chủ nhân tòa nhà, Allen Kronstadt, bắt đầu tiến hành các thủ tục pháp lý để trục xuất Kalageorgi từ tháng 12/2001.

Thường thì khi thi hành việc trục xuất, tất cả mọi vật chứa trong nhà phải được mang ra chất đống ngoài lề đường. Nhưng đây không phải là chuyện dễ dàng. Di chuyển hai triệu cuốn sách còn tồn đọng ra ngoài đường là một công việc dài ngày và hao tổn công sức, chưa kể đến chuyện liệu có đủ chỗ ngoài đường để chứa hay không. Người ta nghĩ đến chuyện nhờ một thư viện hay một nhà xuất bản nào đó chứa đùm trong lúc tìm kiếm một giải pháp thỏa đáng. Nhưng chẳng có thư viện hay nhà xuất bản nào chịu nhận. Tình hình đi đến chỗ hoàn toàn bế tắc. Quyết định cuối cùng là: đốt. Theo dự tính, toàn bộ số sách được mang đến lò thiêu Montgomery County vào ngày 11/3/2002.

...Và vào ngày 11/3/2002

Trước sự hồi hộp của một đám đông những người yêu sách tụ tập trước cửa tiệm từ sáng sớm ngày 11/3, chỉ 10 phút cuối cùng trước khi sách được ném vào hai chiếc xe chở rác 10 tấn mang ra lò đốt, thì chủ tiệm sách Kalageorgi và chủ nhân tòa nhà Kronstadt đứng ở bãi đậu xe loan

báo thỏa thuận đạt được: đình hoãn việc đốt sách 3 tuần. Việc trục xuất tạm đình chỉ cho đến khi những viên chức từ Thư Viện Quốc Hội (Library of Congress) đến xem xét để lựa ra khoảng 1 triệu cuốn cần được cứu. Theo thỏa thuận, Kalageorgi trích ra từ số tiền bán sách được trong ngày thứ bảy 10 ngàn đồng trả cho Kronstadt để được tạm thời duy trì nguyên trạng. Kalageorgi phát biểu: "Chuyện vốn chẳng có gì phức tạp. Cả hai chúng tôi đều muốn cùng một điều: không muốn thấy sách bị biến thành tro. Tất nhiên là có đôi điều tự ái dính vào, nhưng chúng tôi đã dẹp sang một bên".

Thực ra, thỏa thuận giữa hai người là kết quả của một nỗ lực phối hợp của dân biểu liên bang Constance A. Morella (bang Maryland), cảnh sát trưởng quận Raymond Kight, quản trị viên hành chánh quận Douglas Duncan, và thư viện trưởng Thư Viện Quốc Hội James Billington, một học giả gốc Nga. Vào chiều chúa nhật (10/3), ông Billington đã đến tham quan tiệm sách và quyết định cử một số nhân viên đến lựa sách để mang về nhập vào Thư Viện Quốc Hội. "Những số sách này phải được bảo tồn. Chúng tôi rất vui mừng thấy Thư Viện Quốc Gia có thêm những cuốn sách quý này và chúng tôi cũng vui mừng vì chúng ta đã đi đến một kết thúc tốt đẹp: cứu được sách", Billington phát biểu. Ngoài một triệu cuốn sung vào thư viện, số còn lại, Kronstadt nhận và chịu trách nhiệm tìm nơi để biếu dần dần. Mặt khác, ông tuyên bố tha luôn số nợ 200.000 đô la cho Kalageorgi.

Trong lúc đó thì ở Nga, tin về việc đốt sách được loan báo rộng rãi trên báo chí và truyền thanh, truyền hình. Người ta khá xôn xao, nhất là những chủ tiệm sách, những người đã cung cấp sách cho Victor Kamkin từ bao nhiêu năm nay. Họ chịu phần thua thiệt nhất không chỉ vì mất đi một khách hàng quan trọng mà còn mất luôn số tiền nợ còn tồn đọng lâu nay. Vladimir Gribov, giám đốc công ty phân phối sách và các tạp chí định kỳ Nga, buồn rầu nói: "Tiệm còn nợ chúng tôi đến 90.000 đô la, hầu hết là từ năm rồi. Họ yêu cầu tôi thông cảm cho họ. Không thông cảm thì biết làm sao bây giờ!".

Riêng Igor Kalageorgi, ông ta bảo là ông dự tính sẽ mở một tiệm sách khác, nhưng không nói rõ là sẽ mở lúc nào và ở đâu.

Biến cố 9/11 và ngôn ngữ

Ngôn ngữ là dụng cụ năng động nhất trực tiếp liên quan đến mọi sinh hoạt hàng ngày của con người. Bởi thế mà chúng luôn luôn được tăng cường thêm từ (word) mới để đáp ứng với nhu cầu thông tin và các nhu

cầu khác. Theo thời gian, một số từ đi vào bóng tối, bị quên lãng và có thể biến mất. Một số từ khác có thể vẫn còn, nhưng biến nghĩa. Trong lúc đó, nhiều từ mới được khai sinh. Có những từ do con người (nhà văn, nhà khoa học, nhà báo...) chủ động sáng tạo nhằm diễn tả những khái niệm, sự kiện hay những ý tưởng mới. Nhưng cũng có nhiều từ tự động khai sinh, đôi khi đột ngột khai sinh do những biến cố lớn gây chấn động và làm xáo trộn đời sống mọi người. Năm 2000 chẳng hạn, "chad" là từ nổi bật hàng đầu, kéo theo nhiều từ khác được khai sinh do việc đếm phiếu ở bang Florida trong cuộc bầu cử tổng thống gây ra: *hanging chad* (chéc treo), *bulging chad* (chéc lồi), *dimpled chad* (chéc lõm), *pregnant chad* (chéc có bầu) hay hand recount, *butterfly ballot* (phiếu bướm)...

Năm 2001, biến cố 11/9 khai sinh một loạt từ, từ những từ cũ được thêm nghĩa cho đến những từ hoàn toàn mới. Chúng được trui rèn trong biến cố và những hậu quả tất yếu của nó để từ trong bóng tối, chúng bấn vọt vào sinh hoạt hàng ngày. Và giờ đây, chúng đang từng bước trở thành ngôn ngữ chính thức được ghi vào tự điển. Đến đây thì công việc của những nhà biên soạn tự điển (lexicographers) bắt đầu.

Đầu năm, Hiệp Hội Phương Ngữ Hoa Kỳ (American Dialect Society) gồm những học giả chuyên nghiên cứu Mỹ văn (American English) tổ chức cuộc bầu chọn hàng năm những từ mới hàng đầu của năm 2001. "Từ" 9/11 được bầu chọn là từ nổi bật nhất, tồn tại dài nhất và phát sinh ra nhiều từ mới nhất. Trong số những từ liên hệ đến biến cố thuộc nhiều loại khác nhau được đề cử, ta thấy có: *weaponize* (biến thành vũ khí), *ground zero* (chỉ khoảng đất trống sau khi hai tòa nhà WTC sập), *theoterrorism, daisy cutter* (bom 15.000 pounds thả ở Afghanistan), và *debris surge* (sự ngập tràn các mảnh vụn).

Trong lúc đó, tại Houghton Mifflin, Boston, những nhà biên soạn từ điển "American Heritage College Dictionary", ấn bản mới dự tính ra mắt vào đầu tháng 4/2002, đã cho đình hoãn việc phát hành lại để có thì giờ thêm vào mục từ mới (entry): *9/11*. Họ xem những con số này như một *từ*, đọc là *nine-eleven* và khi sắp theo mẫu tự la tinh, sẽ nằm giữa *nine* và *ninepine*. Xuất phát từ mục từ này, các từ liên hệ mới phát sinh sau đây sẽ được đưa vào: *burka* (mạng che mặt của phụ nữ Hồi giáo), *weaponize*, *hawala* (hệ thống chuyển tiền không chính thức ở các xứ Ả Rập), *madrassah* (hay *madrasa* = một trường Hồi Giáo) và *wahhabism* (một hình thức nghiêm khắc trong Hồi giáo).

Wayne Glowka, giáo sư Anh văn tại đại học Georgia, có sáng kiến lập ra một mục mới trên tập san "American Speech" để thu thập những *từ* mới phát sinh sau biến cố 9/11 do độc giả và các cộng tác viên từ khắp nơi

trên toàn quốc cung cấp. Hộp thư của ông đầy ắp hàng ngày với thông tin về những *từ* mới. Danh sách hiện đang kéo dài. Trong số những *từ* ông nhận được, ngoài một số điển hình như trên, ông còn có thêm: *evildoer, Al Qaeda, Taliban, Post-Taliban, non-Taliban, Osamaniacs* (chứng cuồng Osama), *Osamaphiles* (chứng si mê Osama), *bin* (bin Laden = xấu xa)...

David Bartnhart, giám đốc nhà xuất bản tự điển "Barnhart Dictionary Companion" ở New York cũng lập danh mục những *từ* mới năm 2001. Trong số những *từ* được đề cử (word nominees), có *anthrax anxiety, Goliath syndrom, religio-terror, shoe bomb, Talibanize, World Trade Center cough* (chứng ho của những người lính cứu hỏa tại WTC). Ngoài ra, nhà xuất bản của ông còn chọn những từ "vòng quanh" (euphemistic) như *daisy cutter* (nghĩa đen = cắt hoa cúc, thực ra là một loại bom khổng lồ) hay *women of cover* (người đàn bà che mạng Hồi giáo).

Theo nhận định của các nhà biên soạn từ điển, những từ mới hoàn toàn hay từ cũ thêm nghĩa mới trở thành ngôn ngữ sử dụng và trở nên nổi bật khi có điều gì mới cần diễn tả. Thường thì chúng vẫn nằm quanh quẩn đâu đó, nếu người ta còn cần đến nó. Nhiều từ chỉ xuất hiện vội vàng trong một thời gian ngắn rồi biến mất (và rơi hẳn vào quên lãng). Nhưng nhiều từ thì đọng lại, trở thành phổ biến và có tác dụng mạnh trong các sinh hoạt. "Tuổi thọ" của một từ mới, trước hết, tỉ lệ với độ lâu bền của biến cố hay hiện tượng liên hệ đã phát sinh ra nó, và sau đó, tùy thuộc vào sự dễ nhớ. Càng dễ nhớ, nó càng tồn tại lâu. Có những từ không dễ phổ biến, vì khó phát âm hay không gây nên ấn tượng nào rõ nét. Nhưng có những từ, vừa xuất hiện là lập tức trở thành "từ sống" như *shoe bomber* (hay *shoeicide bomber*) chẳng hạn. *Từ* này ám chỉ người hành khách tên Richard Reid đã đấu chất nổ trong giày với ý định cho nổ chuyến bay 63 từ Paris của hãng American Airlines vào ngày 22/12/2001.

Một trong những từ gây ấn tượng nhiều nhất liên quan đến biến cố 9/11 được Hội Phương Ngữ Hoa Kỳ bầu chọn là cụm từ *"Let's roll"* (tạm dịch cho rõ nghĩa là = hãy chiến đấu). Cụm từ này là một câu nói của Todd Beamer, một hành khách trên chuyến bay 93, hô hào hành khách hãy đứng lên chống bọn không tặc, nhờ đó mà bọn không tặc đã bị khống chế, không lái máy bay tông vào tòa Bạch ốc như dự tính mà bị rớt ở Philadelphia. Câu nói này được nhân viên FBI thâu băng khi Todd dùng điện thoại trên máy bay gọi báo cho FBI biết chuyến bay bị không tặc. Tổng thống Bush đã chính thức thừa nhận cụm từ này và lập một quỹ đặt tên là quỹ Beamer để giúp các con cái của những nạn nhân ngày 11/9.

Tóm lại, với một biến cố quá to lớn như biến cố 9/11, các từ phát sinh ra rất nhiều. Nhưng đối với các nhà biên soạn tự điển, không phải là có từ

nào là đưa vào *từ* nấy, mà phải chọn lựa. Theo ông Kleinedler, giám đốc của American Heritage, bổn phận của "chúng tôi là phải xét thật kỹ xem *từ* nào vẫn còn năng động" (in power) mới chọn đưa vào tự điển. Chẳng hạn như *Taliban*. Đó là một *từ* rất năng động, vì chắc chắn nó có một ảnh hưởng quan trọng và lâu dài trong lịch sử Hoa Kỳ. Có người không muốn đưa *11/9* vào tự điển vì đó là một con số, nếu đưa vào, sợ người ta lầm với số điện thoại cấp cứu 911. Một số người khác lại muốn tạm hoãn việc đưa thêm nghĩa mới vào từ *"ground zero"* năm nay mà đợi sự thử thách của thời gian trước. Hơn nữa hiện nay, từ này vốn đã có một nghĩa khác dùng trong việc sử dụng bom nguyên tử.

Jesse Sheidlower, giám đốc ban biên soạn tự điển "Oxford English Dictionary" cho rằng "biến cố 11/9 và các hậu quả của nó có lẽ sẽ kéo dài ảnh hưởng của nó trên ngôn ngữ. Tuy nhiên điều đó lệ thuộc vào những gì sẽ xảy ra vào những năm kế tiếp"

Nhà cầm quyền Hoa lục thay đổi thái độ đối với văn hào Pearl Buck

Sau hàng chục năm trời bài xích Pearl Buck và các tác phẩm của bà, nhà cầm quyền Trung Quốc đột nhiên thay đổi thái độ: công nhận văn tài của Pearl Buck và thừa nhận sự đóng góp của người nữ văn sĩ Hoa Kỳ này vào nền văn hóa Trung Quốc nói riêng và văn hóa thế giới nói chung. Để cụ thể hóa thái độ này, năm nay, nhà cầm quyền cho phép tổ chức thật rầm rộ lễ kỷ niệm sinh nhật lần thứ 110 của Pearl Buck ngay tại nơi mà bà đã sinh sống nhiều năm trời khi còn thơ ấu, tức là thành phố Trấn Giang, tỉnh Giang Tô. Lễ kỷ niệm sẽ kéo dài 3 ngày, từ 18 đến 20 tháng 10/2002 bao gồm một hội nghị chuyên đề về sự nghiệp văn chương của Pearl Buck, trao đổi tài liệu về tác giả và tác phẩm, đọc văn Pearl Buck, phát hành tem kỷ niệm và một chuyến du hành về thăm trường đại học Nam Kinh, nơi bà dạy học một thời gian đồng thời cũng là nơi bà bắt đầu viết "The Good Earth", tác phẩm quan trọng nhất của bà đã khiến cho bà đoạt giải Pulitzer năm 1935 và sau này giải Nobel vào năm 1938. Thực ra, sự thay đổi thái độ này xảy ra từ lâu, từ hồi năm 1992, khi chính quyền địa phương âm thầm cho tu sửa lại căn nhà mà bà ở tại Trấn Giang gần một thế kỷ trước.

Cuối tháng 2/2002 rồi, một phái đoàn gồm 7 người do Xu Xiao Xia, nữ chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trấn Giang, cầm đầu đã chính thức đến viếng thăm trang trại Hilltown - nơi Pearl Buck sống những tháng ngày cuối cùng của cuộc đời và cũng là nơi hiện nay đặt bộ tham mưu của "Pearl Buck International", một tổ chức nhân đạo quốc tế do bà

sáng lập lúc sinh thời - đồng thời đưa ra lời mời thân nhân cũng như những đại diện của tổ chức "Pearl Buck International" tham dự ngày lễ kỷ niệm nói trên. Phái đoàn đã viếng mộ của bà, thành kính cúi đầu tưởng niệm người nữ văn hào mà gần hết sự nghiệp được thực hiện ở Trung Quốc và về Trung Quốc, trước khi tham dự một tiệc chiêu đãi tại trang trại.

"Nhân kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Pearl Buck, chúng tôi xin bày tỏ lòng kính phục của nhân dân chúng tôi đối với nhà văn và cũng để tăng cường sự hiểu biết giữa hai xứ sở chúng ta", bà Xu phát biểu như thế trong phòng hội trước các đại diện của tổ chức nhân đạo Pearl Buck. Xu không đưa ra bất cứ lời giải thích nào liên quan đến sự thay đổi thái độ của Trung Quốc đối với Pearl Buck. Bà chỉ nói giản dị "Kiến thức của chúng ta về thế giới, về con người chung quanh luôn luôn thay đổi. Nhân dân Hoa Kỳ và nhân dân Trung Quốc không có bất kỳ một ngộ nhận nào, bởi vì sự thành công trong việc kết nghĩa của chúng tôi với thành phố Tempe, bang Arizona, khiến chúng tôi tin tưởng rằng điều đó dẫn đến sự hiểu biết và tình thân hữu giữa hai dân tộc chúng ta"

Sau cuộc họp, phái đoàn Trung Quốc tặng cho trang trại một số vật kỷ niệm, trong đó có 4 mẫu hình con tem sẽ phát hành vào dịp lễ kỷ niệm sinh nhật nhà văn tại Trấn Giang, 4 bưu ảnh có hình của Pearl Buck và ảnh chụp hai nơi mà nhà văn thường lui tới lúc ấu thời. Đại diện của trang trại tặng lại phái đoàn bản chép tay tác phẩm "Living Legacy: The Welcome House Story" của Pearl Buck viết về thời gian khởi đầu công việc tiếp nhận con nuôi cũng như sáng lập tổ chức quốc tế nhận con nuôi của bà. Ngoài ra, phái đoàn còn được mời đi tham quan trang trại. Phái đoàn được tận mắt nhìn thấy cách kiến trúc cũng như các đồ trang trí cũ của Hoa Kỳ các thế kỷ trước và đặc biệt, nhìn thấy rất nhiều đồ trang trí kiểu Trung Hoa được trưng bày tại đây như các đồ dùng, 5 hộp sơn mài mà nguyên tổng thống Nixon mang về sau chuyến viếng thăm lịch sử tại Trung Quốc năm 1972, những bức trướng treo tường và đặc biệt nhất là một bức hình Đức Khổng Tử được khắc trên kim loại. "Những gì nhìn thấy ở đây gây cho chúng tôi ấn tượng rất mạnh. Căn nhà của Pearl Buck đã được chính quyền và nhân dân ở đây bảo quản thật tốt".

Pearl Buck tên thật là Pearl Comfort Sydenstricker sinh năm 1892 tại West Virginia. Khi được 3 tháng, bà theo cha mẹ là hai nhà truyền giáo sang sống tại Trung Quốc. Tổng cộng bà đã sống ở Trung Quốc gần 40 năm, cả trước và sau. Lúc đầu, bà sống ở Trấn Giang, sau đó đời về Nam Kinh năm 1920. Sau khi lấy chồng, John Lossing Buck, bà đổi tên thành Pearl Buck và dùng tên đó như một bút hiệu cho đến khi mất, dù rằng bà

đã ly dị với Buck và tái giá với một người đàn ông khác. Bà viết tất cả hơn 70 tác phẩm đủ loại: truyện dài, truyện ngắn, thơ, hồi ký, dịch thuật, sách về trẻ con và sách dạy nấu ăn. Nhà cầm quyền Cộng Sản không thích bà. Từ khi nắm được chính quyền tại hoa lục, họ cấm lưu hành các tác phẩm của bà và cũng không cấp chiếu khán cho bà về thăm Trung Quốc. Một trong những lý do chính là vì bà đã từng công khai lên tiếng cho rằng cả Mao Trạch Đông lẫn Tưởng Giới Thạch đều không đủ tư cách lãnh đạo nhân dân Trung Hoa. Thái độ đó, theo họ, là "xuyên tạc, sỉ nhục và vu khống nhân dân của nước Trung Hoa mới và các lãnh tụ của họ". Riêng "The Good Earth" thì bị chỉ trích là đã vẽ nên một bức tranh xấu xa về đời sống của người nông dân Trung Quốc.

Pearl Buck mất vào năm 1973. Các tác phẩm quan trọng của bà là: *The Good Earth, East Wind West Wind, Sons, A House Divided, The First Wife & Other Stories...*

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Tôn Thất Tuân (Sudbury Ontario Canada, gia hạn hai năm), Lê Hữu (Seattle WA), Minh Van Bookstore (Falla Church VA, thanh toán tiền báo năm 2001), Nguyễn Huy Thu (Las Vegas, đổi địa chỉ), Huỳnh thị Ngọc Hường (Irvine CA), Howard Hao Nguyen (Dallas TX), Phạm Xuân Thảo (Ontario CA, đổi địa chỉ), Lan Le (Metairie LA, mua báo cũ năm 2001), Lê Quỳnh Mai (Montreal Canada), Nhi Ho & Hao Nguyen (Sugarland TX), Peter Nguyen (Quí Vũ- Austin TX), William Joiner Center (UMAS, Boston MA), Đặng Hiền (Fountain Valley CA, gia hạn và đổi địa chỉ), Dương Vọng Các (San Jose CA), Nguyễn Tấn Tài (Na Uy)

Sách báo nhận được trong tháng Ba 2002:

Mây bay, truyện dài của Thảo Trường
Phòng triển lãm mùa đông, tập truyện ngắn của Thơ Thơ
Bể dâu trong dòng họ Nguyễn Du của Đặng Cao Ruyên
Bách Hợp, số 6 (1-2002) tập san của Hội Chuyên gia Việt Nam
Trịnh Công Sơn: Cuộc đời, Âm nhạc, Thơ, Hội họa và Suy tưởng

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA/ MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

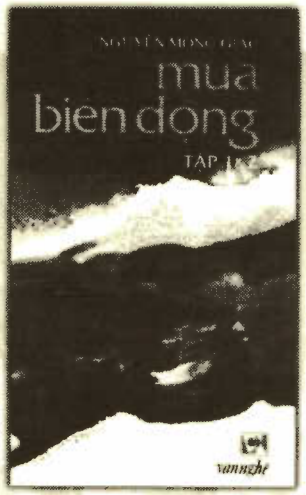

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

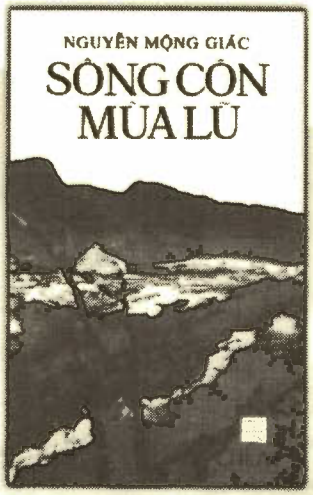

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

SÁCH MỚI, SÁCH MỚI!

- NHAN SẮC — 10MK
  truyện dài (tái bản) *Dương Nghiễm Mậu*
- GIAI THOẠI THIỀN SƯ — 10MK
  Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch
- BÔNG HỒNG VÀNG — 15MK
  Konstantin Paustowsky, Vũ Thư Hiên dịch
- CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG 3 — 13MK
  Cuộc chiến Miên Việt, Hoa Việt 1997
  Biên khảo *Hoàng Dung*
- NHẬN DIỆN CHÂN DUNG NHÀ VĂN — 16MK
  Xuân Sách "vẽ" bằng thơ, *Lý Hồng Xuân* luận bình
- TRẦM TƯ — 7MK
  danh ngôn *Võ Hồng*
- KHUNG RÊU, *Nguyễn Thị Thụy Vũ* — 15MK
  truyện dài giải thưởng văn chương toàn quốc 1970
  (tái bản để giúp tác giả còn ở Việt Nam trên rừng Lộc Ninh)
- THE LOVER'S GIFT - Tặng Vật Của Tình Nhân — 8MK
  Rabindranath Tagore, bản Việt ngữ *Bùi Bảo Trúc*
- VĂN HỌC VÀ THỜI GIAN, *Nguyễn Vy Khanh* — 15MK
- BINH BIẾN 11-11-60 — 18MK
  hồi ký *Vương Văn Đông*
- CỬU LONG CẠN DÒNG, BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG — 25MK
  tiểu thuyết *Ngô Thế Vinh*
- VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(ậu h)IỆN ĐẠI — 17MK
  phê bình, tiểu luận *Nguyễn Hưng Quốc*
- ĐỔI MỚI, NIỀM VUI CHƯA TRỌN — 14MK
  hồi ký *Trần Độ*
- BÈ BẠN GẦN XA — 22MK
  bút ký *Phan Lạc Phúc* (ký giả Lô Răng)
- SUỐI NHỎ ÊM DỊU — 8MK
  kịch *Nguyễn Huy Thiệp*
- ĐỐI THOẠI, 13 VĂN THI SĨ NÓI VỀ MÌNH VÀ VĂN HỌC — 13MK
  Vĩnh Phúc

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 934-8574
Email: **vannghe@pacbell.net**

Giá 5 Mỹ kim